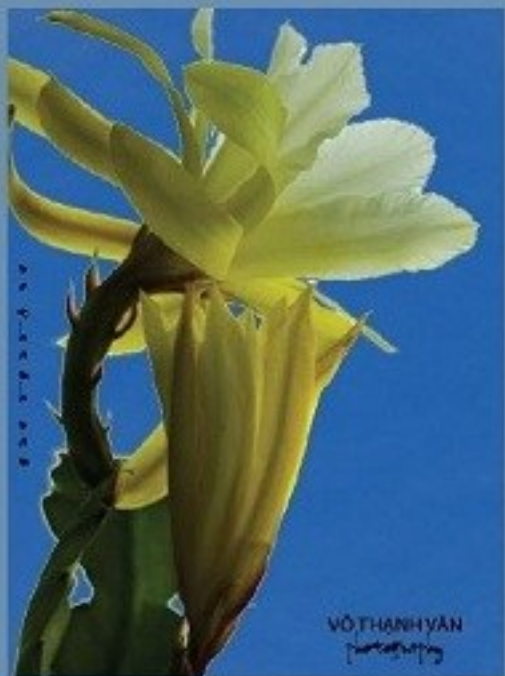


Trâm Hương

tạp chí văn học nghệ thuật



Trâm Hương 6 – Bộ Mới – 2012

Tạp Chí Trần Hương 6

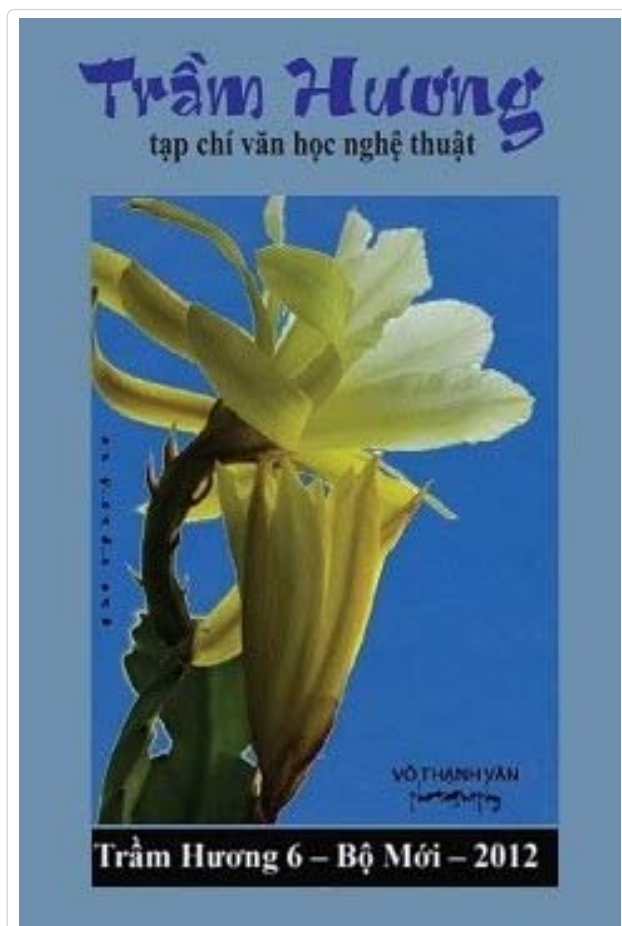
≡ Parent Category:

≡ Category: **Tạp Chí Trần Hương**

🕒 Last Updated: Saturday, 10 October 2015 17:25

🕒 Published: Tuesday, 02 April 2013 16:33

✍ Tác giả



TRẦN HƯƠNG

Tạp chí văn học nghệ thuật

Năm Thứ 7 . Bộ Mới . Số 6

Chủ nhiệm: **Nguyễn Đức Nhơn**

Chủ bút: **Túy Hà**

Thông Tin Liên Lạc

Tuyha81@yahoo.com

doanthachngoc@yayoo.com

Website: <http://hoiquantramhuong.net>

Tranh bìa : **Họa Sĩ Hồ Hữu Thủ**

Phụ bản và minh họa: **Tranh Hồ Hữu Thủ và Thư Họa Vũ Hối**

Trình bày và layout: Nghi Hà

In tại

Mr.Print Ân Quán

DIỄN ĐÀN VĂN HỌC TRÂM HƯƠNG THỰC HIỆN

MỤC LỤC

Lời vào (4)

Sinh Hoạt Trâm hương (tường trình-6) Nguyễn Đình Toàn (văn 13) Hà Ly Mạc (thơ 26) Nguyễn Mạnh An Dân (thơ 27) Đàm Trung Pháp (văn học 29) Như Ly (thơ 35) Nguyễn Đức Nhơn (văn 36) Hoàng Xuân Sơn (thơ 44) Nguyễn Lương Vỹ (thơ 45) Dạ Dung Vũ (thơ 46) Phan Tấn Hải (thơ 47) Phan Bá Thụy Dương (ký ức văn nghệ 48) Trần Văn Lệ (thơ 56) Lan Cao (thơ 57) Nguyễn Minh Triết (biên khảo 58) Như Phong (thơ 65) Lâm Thúy (thơ 66) Nguyễn Xuân Thiệp (văn 67) Diễm Nghi (thơ chuyên ngữ 72) Đặng Tiên (sưu khảo 74) Song An Châu (thơ 79) Trần Bang Thạch (văn 80) Lưu Nguyễn Từ Thúc (thơ 87) Dương Quân (thơ 88) Trần Hoài Thư (văn 89) Trần Văn Lương (thơ 95) Phạm Ngọc (thơ 97) Song Thy (thơ 98) Xuân Du (thơ 99) Phan Các Chiêu Hằng (văn 100) Cái Trọng Ty (thơ 116) Yên Sơn (văn 117) Du Miên Đà Lạt (thơ 127) Trương Thy (văn 128) Xuân Bích (thơ 132) Lê Thương (văn học 133) Tường Linh (thơ 140) Trần Thiện Hiệp (thơ 141) Tiểu Tử (văn 142) Kim Oanh (thơ 148) Nguyễn Thị Thanh Dương (văn 149) Nguyễn Mạnh Trinh (tạp ghi văn nghệ 161) Hoài Khanh (thơ 172) Tuấn Đình (thơ 173) Trần Thị Dã Quỳ (thơ 174) Đoàn Thy Vân (văn 176) Thái Bạch vân (thơ 185) Phạm Tương Như (thơ 186) Luân Tâm (thơ 188) Khai Nguyên (thơ 189) Phạm Thị Cúc Vàng (thơ 190) Nguyễn Đức Nhơn (thơ 191) Dương Thượng Trúc (thơ 192) Vĩnh Định (thơ 193) Trần Yên Thảo (biên khảo 194) Lan Đàm (thơ 197) Cù Hòa Phong (Biên khảo 198) Mây Ngàn (thơ 207) Vô Tình (thơ 208) Hà Túy Mộng (thơ 209) Sử Mạc (thơ 210) Nhật Hạnh (nhạc 211) Chúc Mừng (212)

LỜI VÀO

Những cây sầu đông lã ngọn của một thời Đông chí quê nhà chỉ còn trong ký ức xa xăm, nhất là đối với những đời lưu vong đã lìa xa cố quốc.

Vào thời điểm này ở Hải ngoại nói chung và miền Nam Hoa Kỳ nói riêng dường như tất cả đang co lại giữa những ngày Đông đến sớm, hoa Cúc vàng rực rỡ của mùa Thu chưa kịp mãn khai cũng đã phải âm thầm xếp cánh, rũ rượi dưới ngọn bắc phong xanh xao lạnh giá. Nhiều hoạt đông hầu như tê liệt. Trong văn giới cũng bị giới hạn phần nào vì điều ấy. Lạnh giá làm cóng tay người viết, tê liệt sáng tạo. Không khí như đặc lại, bao trùm khắp nơi, bầu trời xám xịt mây thấp quần tụ nặng như chì. Tình trạng ấy chỉ là một hiện tượng của thiên nhiên, nhưng buồn thay lại ứng vào hoàn cảnh của người cầm bút lưu vong. Tâm trạng phản ánh sinh hoạt của người đã được thiên nhiên hóa. Nhìn cảnh là biết người.

Những tường Trâm Hương 6 khó lòng đến hẹn lại lên. Nhưng, vẫn là chữ nhưng thường

biển ảo khôn lường có thể làm thay đổi cục diện nào đó. Nhưng ở đây là những thông tin, những lời thăm hỏi gần như thúc dục, những động viên nhiệt tình và những đóng góp thiết thực của bạn đọc, bạn viết và bạn văn trong cũng như ngoài Diễn Đàn Trầm Hương, đã lay tỉnh, truyền nhiệt cho anh em chúng tôi đứng dậy tiếp tục nhật tu từng trang bản thảo cho Trầm Hương 6.

Chúng tôi lại lên đường bất chấp thời tiết, bất chấp những vấn đề cấp rập của thời sự gần xa, bất chấp những lo toan cơm áo, vì nợ văn chương từ người đọc vẫn gọi về.

Niềm vui lại đến những ánh mắt sáng ngời ngăm trao cho nhau như những nụ cười làm hành trang cùng chữ nghĩa. Từng con chữ với những bước nhảy linh hoạt từ khắp nơi tụ lại. Và Trầm Hương từng trang, từng trang lần giở, hơi ẩm lan tỏa trong căn phòng trailer nhỏ xíu được gọi là Tòa Soạn lửa của mùa Hạ và Tòa soạn băng giá của mùa Đông. Cứ sinh hoạt trong tình trạng như thế.

Ấy vậy mà đã mười năm Diễn Đàn Trầm Hương tụ hội và đã là năm thứ 7 của Tạp Chí Trầm Hương góp ý đời.

Những con số dẫn thượng chưa là gì cả so với những dặm dài văn học Việt Nam Lưu Vong. Nhưng với Anh em Trầm Hương thì đó lại là một khích lệ không nhỏ là một niềm vui khá lớn, vui thay “nước lã đã vã nên hồ”. Vui thay chúng tôi lên đường không đơn lẻ mà càng ngày lại càng đông vui. Trên chặn đường qua, có người đã dừng lại, có người đã về cõi vô cùng, nhưng lại cũng có thêm những người điển khuyết, tay vẫn nắm tay, chân nối bàn chân tiếp tục hành trình buồn vui cùng chữ nghĩa. Điều quan trọng nhất mà chúng tôi nhìn thấy được là vẫn còn, còn nhiều lắm những người yêu quý tiếng nước tôi, yêu mùi giấy mà mực in chưa ráo, yêu từng trang đầy chữ ân tình. Có nghĩa là ngoài những phương tiện thông tin đại chúng hiện đại, thì tập sách dù là đại diện cho một khuynh hướng gì cũng vẫn là một dấu chỉ không thể thiếu của bất kỳ một nền văn hóa nào. Mà văn học là một phần của văn hóa, văn hóa còn thì đất nước còn. Cái lẽ tưởng chừng đơn giản ấy không ai là không biết ai cũng muốn gìn giữ nhưng giữ được hay không lại còn tùy thuộc vào tâm thức của mỗi người.

Ở khắp mọi miền xa lạ, người Việt chúng ta đã, đang và sẽ không ngừng tìm cách hội nhập vào văn hóa sở tại, nhưng hội nhập không có nghĩa là đồng hóa. Hội nhập để thích ứng với cuộc sống, nhưng hội nhập cũng là cơ hội để chúng ta thu nạp thêm những tinh hoa hầu bổ sung làm phong phú thêm văn hóa nước nhà. Điều ấy là một trong những cách để nói lên lòng yêu nước của mỗi chúng ta.

Chúng tôi thực hiện, bạn đọc gần xa góp sức không phải là đang cùng một lộ trình hay sao. Xin tri ân chân tình những tấm lòng đã đến với Trầm Hương.

Trần Trọng

Ban Biên tập

Mai Trang

Tường thuật

Đại Hội Diễn Đàn Văn Học

Trầm Hương ở Houston

Vào một chiều Thu nắng đẹp tại nhà hàng Sài Gòn Maxim ở Houston đã diễn ra một buổi sinh hoạt Văn học nhằm kỷ niệm 10 năm thành lập Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương và ra mắt Tạp chí Văn Học Trầm Hương số 5 (Bộ mới). Buổi sinh hoạt được đặt dưới sự bảo trợ của Văn Bút Nam Hoa Kỳ và Hội quán Văn nghệ Bụi Vàng Houston với 2 MC, Nhà thơ Túy Hà và Nhà văn Lê Thị Hoài Niệm điều hợp chương trình. Buổi sinh hoạt quy tụ khoảng 200 quan khách tham dự bao gồm những vị đại diện các Hội Đoàn, Các Tổ chức Văn học, và các Cơ sở Truyền thông báo chí tại Houston như:

- Về giới cầm bút, chúng tôi thấy có Giáo sư nhà văn Đặng Phùng Quân, Nhà văn Hàn Song Tường Chủ nhiệm tạp chí Gió Văn, Nhà thơ Vũ Tiến Lập, Nhà thơ Nguyễn Bá Thận, Nhà thơ Vô Tình,

Minh Triết Trần Thiện Đạt, Nhà văn Trần Bang Thạch, Nhà thơ Mây Ngàn, Nhà thơ Cù Hòa Phong, Nhà thơ Lê Hữu Liệu, Ngô Hùng. Nhạc Sĩ Phan văn Truồi đến từ Louisiana, Nhạc sĩ Nguyễn Tuấn Chương, Nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân (Chủ tịch Văn Bút Nam Hoa Kỳ), Nhà thơ Yên Sơn (Tổng thư ký Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại), Nhà thơ Lan Cao (Chủ nhiệm Câu Lạc Bộ Văn nghệ Bụi Vàng), Nhà thơ Túy Hà (Tổng thư ký Văn Bút Nam Hoa Kỳ), Nhà thơ Phạm Tương Như (Thủ quỹ Văn Bút Nam Hoa Kỳ), Nhà văn Lê Thị Hoài Niệm, Nhà thơ Vĩnh Tuấn (Phó chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại).

- Về văn nghệ giúp vui, chúng tôi thấy có Ca sĩ Như Ly đến từ Hòa Lan, Ca sĩ Quỳnh Như đến từ Chicago, Như Phong đến từ Dallas, Ca sĩ Bác sĩ Kim Khánh, Ca nhạc sĩ Nhật Hạnh, Thư Hiền, Kim Sa, Thế Linh và Như Sương đến từ California.

- Về các Hội Đoàn: chúng tôi thấy có Ông Lê Văn Sanh (Hội Trưởng Hội Pháo Binh Houston). Ông Bùi Đạt (Chủ nhiệm Câu Lạc Bộ Lính Houston), Ông Hồ Sắc (Hội Trưởng Hội Thiếu Sinh Quân Houston), Ông Nguyễn Thực (Hội Thủ Đức), Đại Diện Hội

Phụ Nữ Houston , Đại Diện Hội Vĩnh Long Sa Đéc, Ông Nguyễn Xuân Cương, Đại Diện thân hữu South Houston.

- Về Truyền thông: có Đài truyền hình BYN (Tuổi trẻ hải ngoại), Đài phát thanh Saigon Houston 900am, Đài tuyến hình Saigon network.

Buổi sinh hoạt được mở đầu với nghi thức chào Quốc kỳ do Ban hợp ca Houston đảm nhiệm. Tiếp theo là một bản hùng ca làm rung chuyển hội trường do nam Ca sĩ Đặng Minh Hùng trình bày. Sau một vài phút im lặng, sân khấu lại một lần nữa bốc lên khí thế hào hùng qua bài phát biểu của Nhà thơ Lan Cao, người đứng ra tổ chức buổi sinh hoạt. Xuyên suốt buổi sinh hoạt là phần phụ diễn Văn nghệ với các bài thơ của Nguyễn Đức Nhơn, Phạm Tương Như, Như Phong v.v... được các nghệ sĩ diễn ngâm Hoàng Hoa, Vĩnh Tuấn, Nguyễn Phụng thể hiện rất xuất sắc. Về phần âm nhạc do các

Ca sĩ được mến mộ nhất tại Houston trình bày, được khán giả nhiệt liệt tán thưởng và đặt biệt có sự góp mặt của 3 Ca sĩ Như Ly đến từ Hòa Lan, Quỳnh Như đến từ Chicago và Như Thương đến từ California càng làm cho sân khấu thêm phần hào hứng. Trở lại với chương trình,

Nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân, Chủ tịch đương nhiệm Văn Bút Nam Hoa Kỳ lên sân khấu giới thiệu về quá trình hoạt động của Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương từ ngày thành lập đến nay. Văn hữu Nguyễn Mạnh An Dân đào sâu về các khía cạnh như động cơ nào thúc đẩy nhóm chủ trương quyết tâm thành lập Diễn đàn Văn học Trầm Hương, thực hiện Tạp chí Văn học Trầm Hương và website www.hoiquantramhuong.net cũng như những khó khăn mà Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương phải đối mặt. Và sau một vài tiết mục Văn nghệ, Nhà Văn Nguyễn Đức Nhơn, Chủ nhiệm Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương lên sân khấu. Ông trình bày khá ngắn gọn một vài điểm then chốt mà Diễn Đàn sẽ tiếp tục thực hiện trong tương lai và chủ yếu là ông ngỏ lời cảm ơn Văn bút Nam Hoa Kỳ, Hội quán Văn nghệ Bụi Vàng, Ban tổ chức cùng toàn thể quan khách hiện diện trong buổi sinh hoạt.

Tiết Mục Phỏng Vấn

Trong dịp này tôi có phỏng vấn Nhà văn Nguyễn Đức Nhơn, Chủ nhiệm Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương để hiểu rõ hơn về mục đích tổ chức buổi sinh hoạt cũng như hướng đi trong tương lai của Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương:

-Mai Trang:

Xin ông vui lòng cho biết lý do nào khiến ông quyết định chọn Houston để tổ chức buổi sinh hoạt này, thưa ông?

- Nguyễn Đức Nhơn:

Thưa cô Mai Trang, sở dĩ tôi chọn thành phố Houston để tổ chức buổi sinh hoạt cho Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương vì Houston là thành phố đông đảo người Việt cư ngụ và cũng là thành phố được coi là Trung tâm sinh hoạt Văn học của Tiểu bang Texas. Hơn thế nữa, tôi có giao tình với Hội quán Văn nghệ Bụi Vàng và Văn Bút Nam Hoa Kỳ mà tôi đang là Phó chủ tịch Ngoại vụ đương nhiệm nên sự phối hợp tổ chức có nhiều thuận lợi hơn.

- Mai Trang:

Thưa ông, với cương vị Chủ nhiệm, ông có thể cho biết sơ qua về quá trình sinh hoạt và kế hoạch hoạt động trong tương lai như thế nào không ạ?

- Nguyễn Đức Nhơn:

Thưa cô Mai Trang, quá trình sinh hoạt của Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương đã được Văn hữu Nguyễn Mạnh An Dân trình bày rất đầy đủ và chính xác. Tôi chỉ xin trình bày một vài dự định mà Ban điều hành và Ban biên tập Tạp chí Trầm Hương sẽ thực hiện trong tương lai, đó là việc mở rộng địa bàn hoạt động, tiếp tục đón nhận sự cộng tác của các Văn thi hữu khắp mọi nơi và củng cố phần nội dung cho Tạp chí Văn học Trầm

Hương với việc tăng cường thêm một số chủ đề như phỏng vấn, tường thuật những buổi sinh hoạt của các tổ chức Văn học và cá nhân, giới thiệu các tác phẩm mới v.v... và tăng cường bài vở cho trang nhà hoiquantramhuong.net.

- *Mai Trang:*

Thưa ông, ông nhận xét thế nào về buổi sinh hoạt này, thưa ông?

- Nguyễn Đức Nhơn

Thưa cô Mai Trang, vì là Chủ nhiệm Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương nên tôi có thể không đủ yếu tố khách quan để nhận xét về sự thành công hay thất bại trong buổi sinh hoạt này, vì vậy tôi chỉ có thể trả lời tổng quát về mặt tổ chức và những gì đã diễn ra trong buổi sinh hoạt mà tất cả mọi người hiện diện đều nhận thấy được. Về mặt tổ chức, tôi vô cùng biết ơn quý anh chị em trong Văn bút Nam Hoa Kỳ và Hội quán văn nghệ Bụi Vàng đã bỏ nhiều công sức để thực hiện thành công buổi sinh hoạt, cụ thể là quý anh chị em trong ban tổ chức đã cố gắng thực hiện những buổi nói chuyện và thông báo trên các Đài truyền hình, truyền thanh, báo chí để vận động quan khách đến tham dự buổi sinh hoạt. Thứ hai là tại nhà hàng, quan khách đã ưu ái dành cho Trầm Hương sự nghiêm túc, cởi mở và thiện cảm cho từng tiết mục trong suốt quá trình diễn ra buổi sinh hoạt. Nói chung, tôi nhận thấy buổi sinh hoạt này khá thành công.

- *Mai Trang:*

Cảm ơn ông đã dành cho tôi cuộc phỏng vấn ngắn gọn này.

(Xin trích một vài đoạn trong bài phát biểu của Nhà văn Nguyễn Đức Nhơn, Chủ nhiệm Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương)

..... Trước tiên tôi xin thay mặt nhóm chủ trương DIỄN ĐÀN VĂN HỌC TRẦM HƯƠNG chân thành cảm ơn toàn thể quý vị đã bỏ nhiều thì giờ quý báu đến tham dự buổi họp mặt ra mắt Tạp Chí Trầm Hương 5 và kỷ niệm 10 năm thành lập Thi Văn Đàn Trầm Hương mà nay được cải danh là DIỄN ĐÀN VĂN HỌC TRẦM HƯƠNG.

.....
Làm văn học nghệ thuật ở Hải Ngoại là một việc làm xuất phát từ mối ưu tư trăn trở của những người cầm bút muốn quảng bá, phát huy và bảo tồn nét đẹp văn chương chữ Việt nơi xứ người, và đó cũng là lý do, mà chúng tôi, những người trong nhóm chủ trương Tạp Chí Văn Học Trầm Hương và Diễn Đàn Văn Học www.hoiquantramhuong.net, không ngần ngại bỏ công sức, tiền bạc để thực hiện và duy trì những việc làm đầy ý nghĩa này.

.....
Với công việc mà DIỄN ĐÀN VĂN HỌC TRẦM HƯƠNG đã và đang làm, mới nghe qua thấy không có gì đáng kể, nhưng thực tế nó đầy dẫy những khó khăn mà chúng tôi phải đối mặt, nhưng tại sao với những khó khăn như vậy mà DIỄN ĐÀN VĂN HỌC TRẦM HƯƠNG vẫn tồn tại trong 10 năm qua và hiện nay vẫn còn tiếp tục hoạt động với những thành tựu mỗi ngày một thêm khởi sắc? Thưa quý vị đó là nhờ vào tấm lòng

yêu chuộng văn chương chữ nghĩa của quý Độc Giả, Quý Mạnh Thường Quân và quý Văn Thi hữu trong và ngoài Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương đã tích cực đóng góp ý kiến, bài vở, tài chánh và đây cũng là những khích lệ lớn lao để chúng tôi mạnh dạn tiếp tục bước đi trên con đường đầy khó khăn này.

Cũng như các tổ chức Văn học tiền lập, tôn chỉ mục đích của Diễn đàn Văn học Trầm Hương là muốn chia sẻ với độc giả xa gần những ưu tư trăn trở về thân phận con người trước những đổi thay vô thường trong cuộc sống. Cái có cái không, cái mất cái còn luôn được thể hiện sâu sắc trong những tác phẩm đượm màu triết lý nhân sinh. Trầm Hương luôn chủ trương mở rộng phần nội dung để tạo nên một Diễn Đàn Văn Học phong phú và đa dạng.

Chúng tôi vừa gởi đến quý vị một vài nét chính trong sinh hoạt của Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương trải qua 10 năm với những niềm vui nỗi buồn của nó. Giờ đây Diễn Đàn Văn học Trầm Hương bắt đầu cho một cuộc hành trình mới với những khó khăn trùng trùng trước mắt. Nhưng chúng tôi, những người cầm bút luôn đặt niềm tin và hy vọng vào sự ủng hộ nhiệt tình của quý vị để củng cố lòng can đảm tiếp tục bước đi trên con đường đầy chông gai nhưng cũng đầy hương thơm cỏ lạ này.

Trước khi dứt lời, một lần nữa tôi xin thay mặt nhóm chủ trương Trầm Hương xin chân thành cảm ơn lòng ưu ái của quý vị đã dành cho Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương trong 10 năm qua, mà cụ thể là sự hiện diện đông đảo của quý vị trong ngày hôm nay.

Mai Trang

Tường thuật từ Houston

Nguyễn Đình Toàn

Ngày tháng

Nhà văn Nguyễn Đình Toàn sinh năm 1936 tại Hà Nội, ông được trao giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc (VNCH) bộ môn truyện, với tác phẩm Áo Mơ Phai. Ông và gia đình hiện cư ngụ tại thành phố Westminster, California.

Tôi bước xuống lối đi, và mặc cho mưa hắt vào mặt rất và lạnh. Ông khách nhìn theo tôi trong mái hiên tối. Trời mưa tầm tã. Dưới những tàn cây cao và quăng trống hai bên đường gió thổi bạt hơi và mây đen dày đặc. Sự rét mướt hắt hủi quán lấy tôi. Đường vắng ngắt, chỉ còn những ngọn đèn đường tỏa ánh sáng xuống các vũng nước trên mặt nhựa, gió thổi làm lướt đi từng loạt. Tôi bỏ mũ cho mưa dội trên đầu và khi về đến nhà thì ướt hết cả người. Bà bạn chưa về. Tôi thấp đèn, tắm rửa thay quần áo, nhớ đến tiếng nước dội của bà bạn hôm qua tôi không khỏi rung mình, những dòng nước lấp lánh sáng và trong tuôn chảy trên người. Đó là hạnh phúc hay sự nhớ nhớt, bất hạnh?

Thêm một lần nữa tôi cảm thấy mình mất mát một cái gì. Một cái gì đó không phải nó

đã lọt khỏi tay gìn giữ của tôi mà như tự nó đã tách rời, đã lìa xa mình, một sự tự băng rã. Mấy ngày liền tôi sống trong tình trạng vừa ngẩn ngơ vừa nóng nảy. Bà bạn có vẻ nghi ngờ nhưng bà không hỏi gì tôi cho mãi tới hôm đi chơi chùa. Lúc chúng tôi lễ xong và ra ngoài sân chùa ngồi chơi trên ghế đá dưới gốc cây điệp lớn, bà mới nói bóng nói gió hỏi. Trời hôm đó rất đẹp. Nắng trong, sân chùa lơ thơ những ngọn cỏ non mọc ở những khe gạch, hơi mát tỏa từ những vòm lá xanh lẫn mùi thơm của hoa dại. Ở phía sau chùa là những ngôi nhà do các Phật tử cất, và các em nhỏ đang tập hát một bài hát đạo trước thềm sau giọng cao của một huynh trưởng.

Bà bạn nói:

- Chúng ta tiếp tục cuộc rong chơi tay ba này cho đến khi ông không còn ở đây nữa.

Ông khách nhìn bà bạn bảo:

- Tôi sắp phải về Saigon rồi.

Tôi nghe tiếng hát của bầy trẻ, nói:

- Bản nhạc này tôi thuộc từ hồi còn bé.

Bà bạn ngửa cao mặt lên nhìn trời. Tôi cũng nhìn theo bà. Ở sau ngọn cây cao nhất, là những cành khô, trụi lá của những cây chung quanh, mặt trời chiếu những tia vàng chói và linh động. Ánh sáng bay múa bằng những vòng, hạt và những tia nhọn.

Bà bạn bảo:

- Cứ nhìn một lúc chắc hoa mắt. Mọi người sống đều kỳ cục, lúc nào và ở đâu cũng tìm cách che dấu, trong nhà cửa, trong quần áo, bộ dạng.

Ông khách nói:

- Khi già thì người ta không dấu gì được nữa. Tóc trắng và da nhăn. Như tôi đang bắt đầu đây.

Tôi nhìn ông khách và bà bạn thấy họ sống thật dễ dàng: muốn ăn, ngủ, đi chơi, nói gì thì nói. Khuôn mặt ông khách không xấu quả thật ông bắt đầu già. Tôi nghĩ giá đừng có gì trở ngại tôi có thể ở gần ông và tôi sẽ truyền hết cái tươi trẻ của tôi cho ông. Chúng ta sẽ san bằng hạnh phúc phải không anh? Bằng đủ mọi cách.

Bà bạn hỏi tôi:

- Cô không nói gì sao?

Tôi cười với họ, bảo:

- Tôi nghe bà và tôi sung sướng lắm.

Bà bạn lắc đầu, nhắm mắt làm một bộ điệu thật là dễ thương. Nắng chiều qua kẽ lá làm thành những vòng tròn nhỏ và đa dạng xao động trên sân, bám trên người bà bạn. Bà ngồi vắt chân lên nhau và hơi nghiêng về một bên, đùi bà tròn, dài, trông lớn, trông đẹp và khoẻ mạnh. Tôi tự hỏi sao trông bà như thế mà bà không có con?

Bà nói với ông khách:

- Nếu Tết này ông dự được kịch thì chúng tôi sẽ về Sài-gòn xem.

Ông khách cười bảo:

- Ôi cả đời tôi chỉ có mỗi một việc tôi làm được trọn vẹn đó là việc tôi chẳng làm trọn được việc gì cả.

Bà bạn bắt chước tiếng kêu của ông nói:

- Ôi vậy mà đến bây giờ ông vẫn còn chua chát được như thế sao?

Ông khách cười nhìn mọi người. Bà bạn đứng dậy đi xuống chỗ lũ trẻ đang tập hát bên dưới, bà nói phải đi một tí ngồi mãi bị tê chân.

Còn lại ông khách trên ghế. Tôi mở to mắt nhìn ông.

Ông hỏi:

- Hôm nọ em về có ướm không?

Tôi gật đầu không nói gì. Tự nhiên tôi thấy sự bỏ đi của bà bạn thật đúng lúc. Bà biết để lại sự lố bịch cho người khác. Tôi thấy mọi cử chỉ của tôi đều có vẻ thừa thãi, không cần thiết, không biểu tỏ được gì, ngoài sự ngớ ngẩn. Về bình tĩnh, đến lạnh nhạt của ông khách làm tôi choáng váng hết cả người. Tôi cảm thấy khốn khổ, nhục nhã, những gì nặng nề nhất trong giây phút chụp lấy mình. Và rất nhanh nước mắt tôi đột ngột chảy ra.

Ông khách nhìn tôi yên lặng giây phút rồi bảo:

- Em nhìn việc gì cũng nặng nề cả.

Tôi thấy lao đao lần thứ hai, không phải vì sự đổi thay trong giọng nói của ông khách mà chính vì tôi vừa chợt nhận ra không có gì lạ đã rơi vào giữa chúng tôi. Nghĩ thế tôi lại sợ. Tôi sợ cái khoảng không đó. Bởi đằng sau nó đã có một cái gì xảy ra rồi. Tôi bị bao vây bởi sự khốn khó nào đây? Em không dám nói lời yêu anh nữa, dù chỉ với một mình em, ngấm ngấm như một lời an ủi. Em muốn dấu mặt mình cho cả mình không ngó thấy. Chân tay long ngóng, em phơi bày ra đây sự đàn độn của mình.

Ông khách lấy bàn tay vuốt ve, cử chỉ vừa thân mật vừa pha lẫn chút thất vọng. Tôi biết ông thất vọng. Vì cách cư xử quá trẻ con của tôi.

Ông nói:

- Tâm hồn em đuối, em lại thích tạo những xúc động mạnh, em không chịu nổi những xúc động đó, rồi em nhìn gì cũng qua làn nước mắt tủi thân và tự bó mình như thế có ích lợi gì?

Tôi nói:

- Em sợ anh khinh em.

Ông bảo:

- Em liều lĩnh lại hay sợ hãi. Phải can đảm sống lấy một mình chứ. Không cho ai quyền về mình cả.

Tiếng nói của ông cho tôi một niềm tin tưởng vu vơ. Như bóng nắng bên ngoài có đó, tôi nhìn thấy, nhưng chẳng nắm giữ, nương tựa được gì. Giữa nó và tôi có một sự chia lìa rõ rệt. Khi anh không còn ngồi đấy, khi em chỉ còn lại một mình nó sẽ đổ vỡ, sẽ tan biến, sẽ đem tôi. Khi em bằng lòng nhận anh vào tận thân thể có thể nào em nghĩ anh

không có quyền gì về em không? Chính nghĩ như thế, anh đã đẩy em vào chỗ sa ngã. Đó không phải là một cái quyền người ta có thể cho hay không cho. Mà là một tự nguyện. Em có thể nghĩ đến anh như một niềm an ủi, một nơi nương tựa cái đầu sợ hãi của em khi biết rằng anh không từ chối. Anh có đẩy nhưng anh không nhận điều em nghĩ đến anh, thì em nhận gì nơi anh?

Tôi nín khóc và ngồi lại ngay ngắn. Tôi cố lấy lại bình tĩnh để cho mắt khỏi đỏ, ngộ nhớ bà bạn trở lại nhìn thấy.

Ông khách nói:

- Có lẽ tôi phải cho em biết điều này; bằng tuổi tôi khi người ta nói yêu một người, câu nói ấy không còn có cái nghĩa như khi người ta còn trẻ nói nữa. Nó không phải câu nói vô vấp, gìn giữ, hòa mình, mà nó chỉ biểu tỏ một chút cảm tình thành thật nào đó trong giây phút. Thế thôi. Người ta không để ý đến sự đắm thắm hay phai nhạt nữa.

Tôi nói tôi phải cảm ơn sự thành thật của ông. Thực ra thì vì tôi không được yêu, chúng ta không ở trong tình yêu, nên tiếng nói của chúng ta mới mang vẻ lạnh nhạt của những kẻ đứng bên ngoài. Và chúng ta chỉ hiểu nhau qua sự lạnh nhạt đó. Ông khách bảo, đó là sự tham lam nhằm lẫn của tuổi trẻ. Mỗi người cần có đủ sự lạnh nhạt để có một đời sống riêng: đó là của cải của chúng ta.

Bà bạn trở lại với vẻ mặt của người bạn ân huệ. Bà đã cho chúng tôi tự do. Điều đó làm tôi lộn ruột. Lúc nào bà cũng tỏ ra mình ở trên kẻ khách. Sự tức giận xâm chiếm tôi một cách mau lẹ.

Và tôi muốn tỏ cho bà biết như thế. Nhưng bà cười nói tự nhiên, bảo:

- Thôi đi về chứ, trưa rồi, còn ăn cơm không đói.

Tôi tự thấy mình thật là hàm hồ và không thể nào bằng bà được. Một lần nữa tôi lại thấy ghen với bà. Họ xứng đáng với nhau hơn tôi.

Tâm trạng tôi cứ luôn thay đổi không lường như thế. Nên tôi thường khổ một mình. Tôi như kẻ tay này làm tay kia phá đổ.

Ông khách bảo:

- Bà hãy ngồi cho đỡ mệt, mồ hôi ướt cả lưng áo kia kìa.

Bà ngồi xuống bên cạnh tôi, giọng vui đùa:

- Đạo này cô hay sâu dũ. Phải vui lên. Rình mò mình mãi có ích gì đâu.

Tôi có cảm tưởng bà đã trải qua hết những gì tôi sống nên bà đoán và nói đúng. Tôi đã sống như một kẻ rình mò mình. Vết tàn tật kia là cái chết ám ảnh từng giây từng phút. Tôi tức giận đột ngột, yêu thương đột ngột và nguội quên đột ngột. Tất cả những thứ ấy thành một nỗi nhớ không hình ảnh nguyên cớ, là quãng đường tôi đi qua, là đứa trẻ không cha mẹ, là một gia đình đầy sự ghen ghét trẻ con, là tuổi thơ đã mất, không ngừng dày vò không tên.

Chúng tôi trở về quán ăn. Trong lòng tôi vẫn còn ám ức với bà bạn. Tôi lại nghĩ giá đừng có bà, đừng có những sự ngăn trở vắn vơ này, có lẽ tôi đã được sống những giây

phút hạnh phúc với ông khách.

Bà bạn bảo:

- Có những người viết văn, vẽ tranh, soạn nhạc, và chúng ta hưởng cái hay ho của họ. Đừng tham dự vào đời họ làm gì.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Sao tự nhiên bà lại nói thế?

Bà bạn nhìn ông khách và tôi tùm tùm cười. Môi bà ướm bóng, hai mắt long lanh, trời nắng làm cho má bà đỏ hồng, trông bà đẹp và duyên dáng. Bà nói:

- Tôi nghĩ vậy. Em ưa đọc sách và gặp ông ấy tất hai người sẽ nói với nhau truyện sách vở. Và là dịp ông gieo sự khó khăn cho em.

Nói xong bà cười lớn tiếng và nhìn thẳng vào mặt tôi. Tôi chột dạ, và không hiểu thực ra, bà định nói gì. Phản ứng tự nhiên khiến tôi nghĩ nếu quả thật bà định ám chỉ gì tôi, thì tôi sẽ nói thẳng với bà, như đã có lần bà nói với tôi: “tôi đã ngủ với ông khách”. Nhưng nghĩ lại tôi lại thôi. Cũng câu nói ấy bà nói với tôi nó chỉ có nghĩa là một sự thật. Đến lần tôi nói ra nó lại có vẻ tục tĩu. Tại sao vậy? Hình như tại khi nói ra điều ấy lòng bà ngay thẳng còn tôi gian lận.

Tôi nói, và phải vừa nói vừa cười cho lời nói bớt vẻ gay gắt:

- Tôi nghe bà và sẽ giải quyết mọi sự khó khăn một mình, nếu có, và theo đúng ý mình.

Bà lấy khăn chùi miệng, ngược mắt nhìn thẳng vào mặt tôi, dịu dàng:

- Tôi cũng chỉ muốn chúng ta vừa lòng như thế!

Ông khách nói:

- Tôi không ăn tráng miệng nhưng sẽ dùng cà phê. Bà và cô uống gì?

Chúng tôi đồng ý không ăn tráng miệng và dùng cà phê, bà bạn lấy có trưa bà sẽ không ngủ, còn phải thức đánh bài, tôi nói dù uống cà-phê muốn ngủ tôi vẫn ngủ được.

Buổi trưa nắng nhưng gió từ trên núi thổi xuống nên ớn ớn lạnh. Quán hàng vắng chỉ còn ba chúng tôi. Tôi nhìn bóng ba người sâu trong tấm kính cửa và bên ngoài phố người đi lại cùng với xe cộ. Tôi nhìn xuống bao diêm của ông khách để trên góc bàn. Mày sẽ thua thiệt nếu lúc nào mày cũng nhìn mọi sự qua làn nước mắt. Em không muốn nhìn thấy anh qua làn nước mắt của em nữa. Thôi tỉnh dậy đi con nhỏ, đừng nói lắm cảm một mình như thế.

Bà bạn hút thuốc cùng với ông khách. Bà mời ông đến nhà ăn một bữa cơm từ biệt trước hôm ông về Sài-gòn, và bà muốn tôi có đồng ý không? Tôi cười bảo tôi sẽ làm một món ăn đặc biệt đó là bún chả và tự khoe là tôi pha nước mắm rất ngon.

Ông khách cười bảo với tôi:

- Rồi tôi biết trả ơn cô bằng gì?

Bà bạn xen vào:

- Ông chịu khó sống lâu viết kịch cho cô ấy đọc.

Ông khách tiếp:

- Thế còn bà?

Bà bạn cười đứng dậy bảo:

- Thôi mình về chứ. Còn tôi ấy à ? Được, nếu muốn gì tôi sẽ điều đình với ông.

Lời nói của bà trao nghiêng hẳn người tôi đi. Tôi không chịu nổi mẫu đối thoại của họ mà đằng sau là cái hình ảnh tôi đã nhìn thấy. Tôi có nghĩ oan cho họ chăng? Tôi không biết. Chỉ biết nghe bà nói như vậy tôi bỗng thấy choáng váng như có người đẩy hẳn đi một cái.

Ra đến cửa bà bạn chia tay tôi và ông khách đi đến nhà bạn bà. Bà mở ví soi qua lại mặt và xem có quên thuốc lá và diêm không, xong bà băng ngang đường đi về phía vườn hoa.

Ông khách hỏi tôi có buồn ngủ thì ông đưa tôi về nhà tôi trước rồi ông về sau. Tôi nói không buồn ngủ và chúng tôi đi chơi với nhau. Một lát mỗi chân chúng tôi gọi xe về nhà ông khách. Ông bắc ghế ra ngoài hiên sau và chúng tôi ngồi nói chuyện. Vườn sau nhà ông ăn liền với khu rừng. nắng soi vàng các lá cây và chiếu những luồng ánh sáng trong xuống các nền cỏ. Rừng càng sâu trông càng mát, tôi nghe tiếng chim hót nhưng không nhìn thấy một con nào. Ông khách nhường cho tôi chiếc ghế xích-đu nên tôi có thể ngã mình rất dễ chịu. Tôi nhớ đến bà bạn và tự nghĩ trong hai người tôi là kẻ gian lận. Không phải tôi gian lận với bà vì nghĩ cho cùng ra, tôi cũng chẳng có bổn phận gì với bà.

Tôi gian lận với linh hồn vô tội của tôi. Tôi đã bịp bợm nó để sống. Ông khách ngồi trong một cái ghế bành mây có nệm và tựa bằng bông bọc vải vàng. Ông kéo ghế sát vào chỗ tôi và ông hôn tôi dưới chiếc ống sắt của tay ghế. Cuộc đi chơi kéo dài đã cho tôi cảm giác nhàm chán, mệt mỏi nhưng tôi không từ chối cái hôn của ông. Tôi nằm yên lặng trên chiếc ghế vải nhìn ông.

Mùi khói thuốc lẫn trong hơi thở của ông. Gió mát từ khu vườn ủa ra mơn man trên da mặt và chân tay. Khi ông khách hôn tôi lần thứ hai thì tôi phản đối. Tôi xây mặt đi. Tôi không còn gì để giữ gìn đối với ông, nhưng tôi tự thấy thật là tội nghiệp cả ông lẫn tôi, nếu chúng tôi cứ để lời kéo vào trong chuyện đó một sự trượt chân.

Tôi giữ ông lại bảo:

- Không thể như thế được. Trước đây chúng ta là người lạ. Nhưng bây giờ chúng ta đã biết nhau. Xin cho em được sống với anh, không phải sự sa ngã.

Tôi nói và chợt nghe tiếng mình. Tiếng nói xa lạ như một sự vỗ về của cơn sóng vào bãi bể. Tôi không nói với ông khách. Tôi đã nói với một người khuất mặt nào. Hình như đó là một lời tạ lỗi với ba tôi, một lời cầu xin phù hộ, một sự kêu gọi dẫn dắt nào. Hình ảnh người chết hiện đến mơ hồ lúc ấy làm tôi tủi cực. Bóng dáng mẹ tôi còn xa hơn người chết. Nhưng tất cả các thứ đó có lẽ chỉ là sự liên tưởng. Tôi thấy tôi bị đứt rời khỏi mọi liên lạc, tôi nằm đấy với linh hồn vô tội xa lạ với mọi cảm giác, mọi sự việc, đó là đứa trẻ đi lạc không có ai kêu gọi. Trong một cơn mê hoặc tôi đã nói lại với ông khách hết

cả những điều tôi nghĩ này. Tôi nói và tôi khóc lúc nào không hay. Mãi tới lúc tôi thấy ông lắc mạnh vai tôi và gọi rất lớn tôi mới choàng tỉnh, lúc ấy sự thỗn thức dâng nghẹn ngực, và tôi khóc nức nở. Ông vuốt ve tôi và bảo tôi nín đi, nín đi. Sau đó ông dắt tôi vào chơi trong rừng. Khi tôi lấy lại được bình tĩnh hoàn toàn tôi bảo với ông đừng nhớ gì những lời tôi nói. Ông đặt tôi ngồi trên một thân cây khô để trên một bãi cỏ, và ngồi xuống bên cạnh bảo, năm nay ông đã ngoài bốn mươi, ông cũng chẳng có gia đình của cái gì, ông không nghĩ đến chuyện lấy vợ nữa, nhưng nếu tôi muốn thì chúng tôi có thể lấy nhau. Tôi nói, tất cả những gì tôi nói với ông vừa rồi để dẫn đến việc muốn ông hỏi lấy tôi. Tôi cũng nói rằng, ông không thể lấy một người vợ như tôi được, bởi với cái dấu vết tàn tật tôi mang trên mặt có thể là điều trở ngại cho ông sau này. Tôi cũng hỏi ông là sự quyết định vừa rồi của ông có phải vì ông thương hại tôi hay vì muốn nhận lãnh một trách nhiệm gì? Ông bảo mọi sự không rõ ràng như cách tôi đặt câu hỏi, ông không biết trả lời thế nào, nhưng nếu tôi muốn ông sẽ xin cưới tôi. Tôi hỏi thế ông có nghĩ về mặt xấu xí của tôi ông có thể chịu đựng được mãi không, rồi còn bạn bè ông nữa, họ sẽ nghĩ thế nào về ông? Ông bảo ông không định tôn tất cả cái xấu của tôi thành cái đẹp, ông có ít bạn bè, nhưng tất nhiên về mặt của tôi cũng tránh được một vài điều bàn tán gì đó, nhưng điều ấy không có nghĩa gì với ông. Tôi nói, như thế ông đâu có được lấy vợ, ông phải chịu đựng tôi suốt đời sao? Ông bảo, mặc cảm tự ti của em là kẻ thù nguy hiểm nhất. Ông cũng nói, ông không cho việc lấy tôi là một hạnh phúc của đời ông, nhưng ông cũng không cho đó là một tai nạn. Tôi bảo, như thế tôi sẽ trở thành người vợ dửng dưng của ông sao? Ông nói tôi có nhiều vẻ đáng yêu, nhưng từ lâu rồi, đời sống ông ít còn ồn ào. Tôi nói, vậy tôi cũng từ chối làm hòn đá thử chiều sâu của cái giếng yên lặng đó. Ông cầm lấy tay tôi bóp mạnh và nói như tự nói với mình, ông sợ ông không còn đủ nhanh nhẹn để vượt qua cái hàng rào tôi tự rào quanh mình. Tiếng nói của ông làm tôi đau đớn, vì tôi biết rằng ông không hề coi tôi như một vật báu của đời ông, không thể không chiêm giữ. Nhưng nếu tôi muốn tôi tin ông sẽ lấy tôi. Nhưng lấy như thế để làm gì? Không phải chúng tôi lấy nhau mà là giải quyết một vấn đề. Vấn đề đó là gì? Là muốn được nhìn thẳng vào lương tâm mình mà không hổ thẹn sao?

Bỗng nhiên tôi nhìn lên mái tóc khô của ông và vẻ già nua thoáng hiện trên mặt ông và thấy hết sức cảm động. Tôi biết ông thành thật với tôi. Hay ít ra thứ đó cũng là một cố gắng thành thật một cố gắng tốt. Tôi vẫn tin rằng thành thật là một điều khó khăn, thiếu cố gắng và thiện chí không thể thành thật được. Nên tôi nói ông tôi ít giao thiệp, có ít kinh nghiệm trong việc này, nhưng mỗi lần ở gần ông tôi thấy tôi rất dễ cư xử. Suốt buổi chiều ông không tìm cách hôn tôi nữa. Ông dẫn tôi đến các khu rừng rất đẹp có nhiều hoa lạ và lan trắng. Ông bảo khi về Sài-gòn rồi tôi có thể rủ bà bạn hoặc ra đây chơi một mình. Tôi bảo ông đừng nhắc đến việc trở về Sài-gòn nữa. Chiều bắt đầu nhạt và khói núi bốc lên, gió reo trên các ngọn thông, rừng mờ hơi sương và rét. Chúng tôi trở về nhà, hai bàn tay tôi lạnh giá, trên áo còn thơm mùi hoa. Căn nhà mờ trong bóng

tôi. Hai chiếc ghế và mặt bàn bỏ không đã đầy lá. Tôi chạy vào nằm luông xuống chiếc ghế vải. Chiếc ghế đu đưa và làn vải mềm ôm sát lấy lưng. Đêm đen dưới lớp ngói mái hiên. Bóng tối ru tôi vào đời sống thật của mình, tôi nhớ đến chiếc bao lơn ở nhà, nhớ tới ông tôi và bà cô, ông chú. Ông khách rủ đi ăn và chúng tôi khiêng vác vào trong nhà. Nhà tôi om. Ông khách nói, mình đi luôn chứ ? Nhưng khi tôi bước lại gần ông, ông bỗng nắm lấy vai tôi kéo lại gần ông. Ông ôm chặt tôi vào lòng và cúi hôn trên môi tôi. Mùi nhựa thông, phấn hoa, thuốc lá trên tay và trên mặt ông làm tôi ngây ngất. Tôi run sợ, nhưng muốn biết bao được ông âu yếm như thế. Bóng tối đã che đậy cho mọi sự giả dối, và chúng tôi đã trở thành những người tình thực sự. Chúng tôi bỏ bữa cơm chiều.

Ba ngày sau, ông khách trở về Sài-gòn. Bà bạn và tôi mời ông ăn một bữa cơm như đã dự định.

Bà bạn tiếp cái ăn và rót rượu cho ông. Sự bí mật giữa tôi và ông khách không biết bà có biết không, nhưng bà thản nhiên, đúng hơn bà cười nói và cư xử rất tự nhiên. Riêng tôi ngồi với họ mà thấy mà thấy tự chính mình mới là kẻ gây ra tội lỗi. Nếu tôi dừng sa vào cuộc, cuộc tình của họ sẽ như trăm ngàn cuộc tình khác. Có tôi vào, nó chia ba và trở thành xấu, thành tội. Lúc ông khách ra về tôi tránh không đưa tiễn ông, tôi đứng trong cửa sổ chỗ giường bà bạn nhìn ông qua làn kính. Bà bạn trở vào nhìn tôi mỉm cười, nhưng rồi bà như nghi ngờ điều gì, mặt bà chợt tư lự. Chúng tôi lo dọn dẹp bữa ăn, sau đó ai về giường người ấy. Bà bạn mời tôi hút thuốc, trở trở dậy đi lại phía giường bà lấy thuốc hút. Khói thuốc cay và đắng xốc lên mũi và làm tê đầu lưỡi.

Tôi cười bảo:

- Có ngon lành gì đâu mà bao nhiêu người nghiện thế.

Bà nhìn tôi cười bao dung nói:

- Vậy đừng tập làm gì.

Bà nói và bảo tôi bắc ghế lại gần bà ngồi và nếu thích thì hát cho bà nghe với. Tôi lấy ghế và đàn lại, dù cay bỏng miệng tôi cũng nhất định không chịu bỏ thuốc đi. Tôi hát cho bà nghe ít câu trong bản nhạc “Ngày Đó Chúng Mình” của Phạm Duy. Bà nằm yên lặng mở mắt mơ màng nhìn lên trần. Khói thuốc thơm vẽ trên mặt bà những đường mỏng mềm mại. Em hát cho anh, cho em, cho cuộc tình không tên của chúng ta: “Ngày đó có em ra khỏi đời rồi, và đem theo trăng sao chết cuối trời u tối... Ngày có kêu gọi hồn người, trùng dương ời có sót sa cũng hoài mà thôi...”

Nghe tôi hát xong bà bảo:

- Em phải tìm cách chữa cái mặt mới được.

Tôi nói:

- Để tôi có thể trở thành một người vợ đẹp để sao?

Bà tiếp:

- Chúng ta đều là những kẻ tàn tật cả. Nhưng... như thế để đỡ bi thảm đi.

Đây là lần thứ nhất tôi nghe người ngoài đề cập đến vết thương của mình mà không thấy đau sót hay buồn. Vì đó là một ước muốn tốt, thật, của bà đối với tôi chăng? Hay niềm đau ấy đã trải qua quá nhiều cơn và ngày tháng, nên đã trở thành trai cứng?

Tôi nói với bà, thực ra có lắm lúc tôi cũng không biết có phải ước muốn thứ nhất trong đời tôi là chữa khỏi bệnh chăng? Bà bảo, ôi nghĩ thế thì biết thế nào mà lường, cảm thấy cần làm gì thì hãy cứ làm đã chứ. Tôi nói, lắm lúc tôi thấy bà thật là lãng mạn lúc lại thấy bà thật thực tế. Bà bảo bà ít để ý đến sự phân tách về mình. Vì nếu cứ quanh quẩn với việc dò la mình thì đến phát điên. Nhưng bà cũng tin lãng mạn chỉ là nhận xét của tôi, chứ bà tự thấy bà không phải thế. Tôi hỏi thế cuộc tình của bà với ông khách không mang một chút tính lãng mạn nào sao? Bà cười đáp, nếu nói như cô thì ai cũng lãng mạn hết. Tôi nói, tôi tin đó là vật báu của đời người nó làm cho chúng ta trở nên dễ thương và đẹp trước mặt người khác. Bà ngồi cao lên dựa lưng vào thành giường, duỗi thẳng hai chân dưới lằn chăn mỏng nói, có lẽ sự cần thiết đó đối với mỗi người khác nhau chăng? Tôi không biết tôi đã có nhìn người khác qua con mắt lãng mạn không? Bà tiếp, nhưng nếu sống như em mọi quyết định đều quan trọng cả. Tôi nói, nếu quyết định đó liên quan đến mình. Bà bảo, như thế có khi lại có nghĩa ngược lại, không có gì quan trọng đối với em nữa. Lời nói của bà làm tôi sững sờ. Nếu việc gì em cũng cho là quan trọng thì có gì quan trọng nữa đâu, bà tiếp. Tôi bật cười trước lối giảng giải của bà. Buổi trưa giống những buổi trưa khác lọt vào phòng những tiếng động nhỏ của các cành cây và lá va chạm, tiếng máy nổ ở xa. Một cảm tưởng thân yêu chột nẩy ra trong lòng tôi đối với bà, cùng một lúc tôi cũng nhớ lại hình ảnh bà ở trong khu rừng với ông khách? Treo cây đàn lên chiếc đinh trên tường, tôi nói với bà bạn những lời xua đuổi những ám ảnh bức bối. Bà rủ tôi buổi chiều nếu muốn thì đi chơi với bà xem bà đánh bài. Tôi nhận lời. Bà nói, cô sẽ học được đủ mọi tật xấu. Tôi nói đùa với bà, tôi chỉ còn thiếu có những tật xấu thôi, để trở thành hoàn toàn. Tôi cũng hỏi bà thích đánh bài lắm sao? Bà chắc lười làm bộ điệu lắc đầu bảo, không nên hỏi một người nào câu hỏi ấy. Nhưng theo bà, đánh bài là một đam mê thích thú. Nói quá ra, nó biểu hiện một tinh thần độc lập và ưa chuộng tự do. Bởi không lúc nào người ta cảm thấy tự do và toàn quyền bằng khi quyết định cây bài. Và bà thêm vào sau hết, nhưng đầu sao thì đó cũng là một biểu hiệu tai hại. Tôi hỏi, bà lục ở đâu ra những lý lẽ kỳ cục đó? Bà cười đáp, ở trong sự hư thân và những ngày sống một mình. Bà nói và nhìn xuống hai bàn tay mình đang úp trên bụng. Hơi thở của bà phập phồng đưa tấm chăn và hai bàn tay lên cao, xuống thấp.

Tôi hỏi, bà có yêu ông khách không? Bà cười bảo, sao cô cứ băn khoăn về chuyện đó. Ông ấy cũng là người đáng yêu đấy chứ? Lối trả lời không trả lời của bà làm tôi ngượng. Bà tiếp, đối với tôi tình yêu có thể đến trước hay sau cuộc gặp gỡ giữa hai người cũng được. Tôi nói, tôi đã cố gắng nhưng không thể nào có được một quan niệm sống chắc chắn như bà. Bà vẫn cười, bộ cô tưởng tôi nói như thế có nghĩa là những

khuôn số, nếu mọi việc rơi vào trường hợp sẽ có những giải đáp nhất định à? Tôi cũng cười bảo, tôi đang ngớ ngẩn. Chiều tôi đi theo bà xem đánh bài và mặc dầu cố để ý tôi cũng vẫn không phân biệt được vài cái khung với các chữ. Vì không biết chơi, nên ngồi một lúc tôi chán bỏ về nhà nằm đọc sách. Nhưng sách cũng không đọc được. Căn nhà trống trải, tôi thấy buồn, đứng dậy đi lại trong nhà, tới phía cửa sổ, ngó ra con đường ông khách đã đi qua. Ở ngoài đó bây giờ là buổi chiều. Trời xám và những cây thông đen thẫm vẽ vào triền núi những cảnh lay động. Tôi mở toang cửa sổ và nghe tiếng chim sáo kêu rất lớn lọt vào phòng.

Hà Ly Mạc

Nỗi đau

Sáng nay tôi gọi tên tôi
Mà nghe sao lạ như người không quen
Thì ra mình đã quên mình
Hỏi ai còn nhớ chuyện nghìn năm xưa
Ngày hôm qua khác bây giờ
Cô dâu chung thủy hẹn chờ kiếp sau
Nghe chuông điện thoại mà đau
Bài thơ em đọc nát nhàu hồn tôi
Từ nay đã mất em rồi
Tôi làm cánh hạc giữa trời gọi sương
Bay về với đỉnh cô đơn
Trả em lại vũng hoa vàng, Thu ơi

Nguyễn Mạnh An Dân

Mẹ

Xin chúc mừng những ai hạnh phúc còn Mẹ
Xin chia sẻ với những ai không may đã mất Mẹ
Con đã viết cả ngàn bài thơ
Nhưng chưa bao giờ dám viết một lời về Mẹ
Bối chữ nghĩa, vốn tâm thường, nhỏ bé
Nói sao cùng tình Mẹ bao la
Mẹ quên tuổi thanh xuân, quên an hưởng tuổi già
Mẹ tự quên mình ngày con chào đời tiếng khóc
Mẹ không có vui riêng, không soi gương, chải tóc
Mẹ chỉ cười khi thấy con vui
Mẹ sẽ đau khi con trái gió trở trời
Mẹ thức trắng đêm khi con ầm đầu mất ngủ
Mẹ đại đẳng khoa ngày con thi đỗ
Mẹ hân hoan khi con đưa bạn gái đến chơi nhà

Một buổi vắng con như nhiều tháng nặng nề
Mẹ chỉ vui khi có con mình bên cạnh
Ngày con rời trường gian lao đời lính
Tóc hót ba phân, Mẹ cũng dâng Phật tóc mình
Con ăn nhà bàn bữa kịp bữa không
Mẹ cũng hai lần tương cà dưa muối
Con ứng chiến đêm lưng đeo dốc núi
Thức cùng con bên tượng Phật Mẹ quì
Tin tức giao tranh Hậu Nghĩa, Củ Chi
Mẹ theo bước con mỗi ngày trên báo
Nước mắt Mẹ hoen từng câu, từng chữ
Mỗi địa danh đều có chân con Mẹ đi qua
Nhận thư con, Mẹ gượng cười trong một phút ngui ngoa
Rồi lại lo âu bởi giao tranh còn sau thư con viết
Tàn cuộc rất buồn nhưng Mẹ đâu cần biết
Đón con về Mẹ được mấy ngày vui
Mẹ ôm chặt con sờ mặt, nắn đầu
Mẹ cảm ơn trời cho con mình lành lặn
Con vào tù Mẹ hóa điên hóa dại
Nhiều tháng dài mẹ như sống trong mê
Khổ nhục của con như chính Mẹ chịu ê chề
Con thiếu đói, Mẹ như không ăn nhiều kiếp
Nhận thư con, Mẹ hồi sinh, bòn chôn, cuốn quít
Đến thăm con Mẹ vượt ngàn cây số đường xa
Mẹ ồm mồn gầy rũ hai vai
Giỏ quà to - rất nhiều - hơn Mẹ
Mẹ đã đi bằng trái tim, không phải đi bằng đôi chân nhỏ bé
Một giờ được thăm, vẫn một giờ mà qua rất lẹ
Mẹ cười luôn vì sợ con buồn
Nhiều năm con tù, Mẹ như ở cùng con
Con khổ nhục Mẹ không biết sao là vui thú
Ngày trở về con mỗi mồn, ủ rũ
Mẹ vỗ về con như ngày bé trong nôi
Món ăn ngày xưa con thích hay đòi.
Mẹ nhớ hết và muốn chính tay mình làm lấy
Một đời nuôi con Mẹ không mong ngày nương cậy
Một đời thọ ơn con chưa một phút báo đền
Tha lỗi cho con, Khanh tướng dẫu làm nên

Con cũng đời thừa khi đã xa rời Mẹ.

Đàm Trung Pháp

***Đình bao nhiêu ngói,
thương mình bấy nhiêu
(Ví von trong thi ca)***

Tài liệu giáo khoa tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh phân biệt hai phương cách ví von trong ngôn ngữ. Cách thứ nhất là sự ví von gián tiếp giữa hai yếu tố qua môi giới của các chữ hoặc nhóm chữ dùng để so sánh như like, as, than, seem, similar to. Cách ví von gián tiếp này được mệnh danh là simile (ví von). Cách thứ hai so sánh trực tiếp, không cần môi giới chi cả, mang tên là metaphor (ẩn dụ). Theo các định nghĩa này, câu thơ dưới đây của Robert Burns là một ví von:

O my love's like a red, red rose!

Ôi, người yêu tôi như một bông hồng thật đỏ!

Trong khi đó, hai câu thơ sau đây của Sir Walter Raleigh là một ẩn dụ:

But love is a durable flame

In the mind ever burning.

Nhưng tình yêu là lửa lâu dài

Trong tâm tư luôn luôn bùng cháy.

Trong phạm vi nhỏ hẹp của bài này, tôi xin chia sẻ với quý bạn đọc một số mô thức để thể hiện ví von trong thi ca của vài ngôn ngữ khác nhau. Đề tài ẩn dụ sẽ được trình bày trong một bài viết khác.

Thông thường, sự ví von được coi như một lượng giá tương đương giữa yếu tố được đề cập đến (A) và yếu tố ví von (B), theo mô thức A ngang B. Nhưng cũng có những ví von dựa trên các mô thức A hơn B, A kém B, hoặc A hơn tất cả.

Mô thức căn bản A ngang B phổ cập nhất, như thấy trong câu ca dao lục bát “Nhớ ai bồi hồi bồi hồi / Như đứng đồng lửa, như ngồi đồng than” mà trong đó câu lục là yếu tố A và câu bát là yếu tố B với hai ví von.

Lý Bạch mở đầu bài “Xuân Tứ” bằng cách ví von màu cỏ yên khi mùa xuân về như tơ xanh:

Yên thảo như bích ti.

Cỏ yên như tơ xanh.

Trong bài thơ vẽ lên một mùa xuân điểm lệ đang dừng gót trên một mặt hồ tại đất Hàng Châu, Bạch Cư Dị mở đầu bằng cách so sánh mùa xuân với một bức tranh:

Hồ thượng xuân lai tự họa đồ.

Xuân về trên hồ tựa bức tranh.

Heinrich Heine ví von nét yêu kiều của một bông hoa biếc nói với một bông hoa thật như thế này:

Du bist wie eine Blume

So hold und schoen und rein.

Em trông như một đóa hoa

Ôi bao duyên dáng, mặn mà, băng trinh.

Nữ nhạc sĩ Consuelo Velázquez, tác giả bài ca “Bésame mucho” nóng bỏng, đã mạnh bạo đề nghị người bạn trai hãy hôn nàng như thể đêm nay là lần cuối cùng họ hôn nhau trong đời:

Bésame, bésame mucho

como si fuera esta noche la última vez!

Hãy hôn em, hôn em cho đắm đuối

như thể tối nay đêm cuối cuộc đời!

Một William Wordsworth đang chán chường thể sự đã ví von sự lãng du cô đơn của mình như một áng mây trời:

I wandered lonely as a cloud

That floats on high o'er vales and hills.

Lang thang cô độc như một áng mây trời

Ta lơ lững trên núi đồi cùng thung lũng.

Trên đường đi thăm mộ người con gái yêu thương mới qua đời trong một tai nạn thảm khốc, một Victor Hugo cô đơn, buồn tủi chẳng để ý chi đến ngoại cảnh. Như thăm thì nói chuyện với con dưới mộ, thi hào đã ví từ nay ngày đối với mình sẽ như đêm tối:

Je marcherai, les yeux fixés sur mes pensées,

Sans rien voir au dehors, sans entendre aucun bruit,

Seul, inconnu, le dos courbé, les mains croisées,

Triste, et le jour pour moi sera comme la nuit.

Cha sẽ đi, mắt tập trung vào suy nghĩ,

Không nhìn quanh, chẳng nghe ngóng điều chi,

Cô đơn, lạc lõng, lưng cúi, đôi tay khoanh chặt,

Sầu bi, ngày với cha sẽ như đêm tối mất thôi.

Để mô tả tiếng đàn Thúy Kiều gảy cho Kim Trọng nghe sau khi nàng đã cùng chàng thề nguyện, Nguyễn Du giáng xuống một chuỗi ví von đặc địa :

Trong như tiếng hạc bay qua,

Đục như tiếng suối mới sa nửa vời,

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,

Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.

Để giới thiệu một giai nhân chẳng phải là người trong cõi chúng ta, Đinh Hùng sử dụng một lúc hai ví von tráng lệ cho “Kỳ Nữ”:

Em rực rỡ như muôn ngàn hoa sớm,

Em đến đây như đến tự thiên đường.

Mô thức A ngang B cũng có thể được thể hiện một cách tân kỳ hơn. Chẳng hạn trong

tiếng Việt, nếu A có trạng từ chỉ số lượng “bao nhiêu” thì B có trạng từ chỉ số lượng tương đương “bấy nhiêu” đáp lại, như trong câu ví von dễ thương của một tình yêu nơi thôn quê thuở trước làm âm lòng người nghe không ít:

Qua đình ngả nón trông đình,

Đình bao nhiêu ngói, thương mình bấy nhiêu!

Mô thức A hơn B được thấy rõ rệt khi William Shakespeare so sánh sự yếu đuối của mình với một giọt lệ đàn bà:

I am weaker than a woman's tear.

Tôi yếu đuối hơn một giọt lệ đàn bà.

Một khách tình si nói tiếng Pháp có thể sử dụng cả hai mô thức A hơn B và A kém B để thú nhận điều mỗi ngày gặp người yêu là chàng càng yêu nàng hơn, hơn hôm qua nhưng lại kém ngày mai:

Chaque jour je te vois et je t'aime davantage,

beaucoup plus qu'hier mais bien moins que demain.

Càng gặp em anh càng yêu hơn nữa,

hơn qua nhiều nhưng kém hẳn ngày mai.

Vị thế “độc tôn” trong mô thức ví von A hơn tất cả đã được William Wordsworth sử dụng để đề cao vẻ đẹp của một kiều nữ bí mật: Nàng như một bông đồng thảo bên cạnh tảng đá rêu phong, ít người nhìn thấy. Nhưng nàng đẹp lắm, này nhé:

A violet by a mossy stone

half-hidden from the eye

fair as a star, when only one

is shining in the sky.

Bông đồng thảo kê bên tảng đá

nửa khuất che cả mắt thế gian

đẹp như sao, khi chỉ một vì

long lạnh sáng trên trời cao thẳm.

Một lối ví von nữa, có tính cách lan rộng (Homeric simile), được căn cứ vào mô thức A ngang B nhưng rồi chỉ B được phát triển thêm chi tiết. Nguyên Sa đã sử dụng lối ví von này để so sánh đôi mắt của người tình với một vì sao vô cùng đặc biệt:

Tôi muốn ví mắt em như một vì sao

chưa có ở trên trời

một vì sao ngủ muộn hơn sao hôm

dậy sớm hơn sao mai

mà lòng tôi vẫn nhìn

chưa bao giờ chớp mắt

như em vẫn nhìn

nụ cười của em

trong mắt tôi!

Ngoài những lỗi ví von hiền lành vừa kể còn có những lỗi ví von táo bạo hơn trong thi ca. Trong những ví von loại này, B là yếu tố táo bạo gây ra những ấn tượng khó quên cho người đọc, như trong hai thí dụ dưới đây.

Trong một bài thơ lạnh lùng đến rợn người, Keith Douglas đã nói lên cái chết thảm thê của một thiết giáp binh người Đức trong thế chiến thứ hai qua một ví von táo bạo. Trong chiếc chiến xa đã bị phá hủy, người ta tìm thấy tấm hình của người yêu anh ấy. Bên dưới chữ ký trên tấm hình tặng anh, nàng còn nắn nót viết thêm chữ “Vergissmeinnicht” (tên một loài hoa trong tiếng Đức có nghĩa đen là “đừng quên em nhé”) để nhắc nhở người lính trẻ ấy hãy nhớ nàng mãi mãi. Nhưng đây là sự thực phũ phàng:

But she would weep to see today
how in his skin the swart flies move;
the dust upon the paper eye,
and the burst stomach like a cave.

Nhưng nàng sẽ khóc ngất hôm nay khi thấy
bầy ruồi đen bâu kín da chàng;
bụi phủ đầy trên con mắt giấy,
còn dạ dày banh như một cái hang.

Bài viết ngừng tại đây với một chuỗi ví von tân kỳ táo bạo, nhưng cũng dễ thương làm sao của Nguyên Sa:

Hôm nay Nga buồn như một con chó ốm
như con mèo ngái ngủ trên tay anh
đôi mắt cá uơn như sắp sửa se mình
để anh giận sao chả là nước biển!

Tài liệu tham khảo

Cuddon, J.A. (1991). *A dictionary of literary terms and literary theory*. Oxford, England: Basil Blackwell Ltd.

Felleman, H. (1936). *The best loved poems of the American people*. New York: Doubleday.

Flores, A. (1998). *Spanish poetry*. Mineola, NY: Dover Publications.

Mathieu, G., & Stern, G. (1987). *Introduction to German poetry*. New York: Dover Publications.

Nguyên Sa (2000). *Thơ Nguyên Sa toàn tập*. Irvine, CA : Đời.

Pompidou, G. (1961). *Anthologie de la poésie française*. Paris : Librairie Hachette.

Trần Trọng San (1993). *Thơ Đường*. Scarborough, Canada: Bắc Đẩu.

Nguyễn Đức Nhơn

Như Một Giấc Mơ

Anh đã lập gia đình khác sao còn bảo lãnh em qua làm gì. Anh không còn cách nào khác để lựa chọn. Nói xong, người đàn ông vớt mẩu thuốc còn đang cháy dở xuống cái rãnh nước chảy dọc theo lối đi, nhưng chưa đầy một phút, ông lại bật lửa đốt điều khác, những điều thuốc vô tội vạ lần lượt bị vớt xuống cái rãnh, trôi lơ lửng theo dòng nước, không biết sẽ tấp vào đâu. Người đàn bà đầu cúi thấp. Bước chân quờ quạng. Đôi tay bầu chặt vào chiếc túi xách giống như con kiến bầu vào một cành khô giữa dòng nước xoáy. Mặt trời ngã xuống như một thân cây tróc gốc. Vạn vật trở mình thành thân bước vào đêm. Người đàn bà nói qua hơi thở, anh Lượng làm ơn chở em về. Được. Ngày mai anh sẽ đến thăm Linh.

Linh mở cửa bước vào căn chung cư, đi thẳng vào phòng nằm vật ra khóc tức tưởi. Từ lúc đón Linh ở phi trường về căn chung cư này, hôm nay Lượng mới thổ lộ sự tình cho Linh biết. Phản ứng của nàng là những giọt nước mắt không ngớt trào ra. Nàng cảm thấy lạc lõng bơ vơ ở cái xứ xa quê nhà gần nửa vòng trái đất này.

Anh Lượng, có việc gì mà mấy tuần nay anh làm như kẻ mất hồn vậy. Có gì đâu, anh chỉ bức mình vì công việc độ này cứ gặp trở ngại hoài. Vậy mà em cứ tưởng anh có việc gì quan trọng đang giấu em. Trang à! Sao em giàu tưởng tượng dữ vậy. Thôi anh đi tắm, chút nữa anh có chút việc phải đi làm. Em ăn cơm trước đi. Dạ được. Chờ Lượng đi rồi, Trang vào phòng nằm nghĩ ngợi lung tung. Trang không tin lời giải thích của Lượng. Giác quan nhạy cảm của người đàn bà báo cho nàng biết chắc chắn có một việc vì đó Lượng đang giấu mình. Trang đoán già đoán non đủ thứ chuyện, nhưng cái hình ảnh Lượng đang âu yếm với một người đàn bà nào đó vẫn cứ chập chờn lần quần trong đầu.

Lượng cho xe chạy lòng vòng một hồi rồi tấp vào một quán cà phê nằm ở cạnh bờ hồ JP. Trời cuối thu, cảnh vật ở đây đượm một màu buồn tẻ thê lương. Ánh chiều tà xuyên qua cành lá chiếu vào khung cửa kính phía trước tạo thành những vệt lốm đốm, chập chới như một chùm pháo bông. Cô gái chạy bàn khá xinh bước đến hỏi chú uống cà phê gì? Lượng nói cà phê đen, bỏ ít đường.

Lượng vừa nhâm nhi cà phê vừa hồi tưởng những ngày sống bơ vơ buồn chán trên cái xứ cách quê nhà xa lắc xa lơ này hồi năm 1975. Lượng vốn là một Sĩ quan Không quân ngành cơ khí, phục vụ tại phi trường Tân Sơn Nhất. Với vốn liếng sẵn có, Lượng được thu nhận vào làm cho một hãng máy bay. Tại đây Lượng quen với Trang, một nữ thư ký vốn cũng là người di tản hồi 75. Hai người quen nhau được vài năm thì tình yêu nảy nở và trở thành một cặp vợ chồng rất hạnh phúc trên cái xứ tạm dung này. Như mọi người di tản khác, Lượng không nghĩ là sẽ có ngày gặp lại Linh. Cho đến một hôm Lượng biết được tin tức nàng qua một người vượt biên thuật lại. Thì ra Linh cùng gia đình bị đưa đi kinh tế mới, vì vậy mà suốt hai năm trời Lượng cố gắng liên lạc với Linh đều không có kết quả. Tuy đã lập gia đình khác, nhưng Lượng lúc nào cũng nhớ đến Linh. Kỷ niệm của một cặp vợ chồng son trẻ luôn là hồi ức không thể vơi đi trong tâm

hòn chàng, nên khi biết được chỗ ở của Linh, Lượng liền tìm cách liên lạc và lập hồ sơ bảo lãnh nàng qua Mỹ.

Ly cà phê thứ 3 đã cạn. Cái gạt tàn cũng đầy ắp những đầu lọc màu nâu nhạt. Thành phố đã lên đèn từ lâu. Lượng trở về với một nỗi lo âu phiền muộn dâng ngập trong lòng. Trang vẫn còn chờ Lượng ở phòng khách. Nàng ân cần hỏi sao hôm nay anh về muộn vậy? Ủ, anh có chút việc nên phải về trễ. Vậy à! Thôi anh đi tắm rồi ra ăn cơm. Không cần đâu. Anh làm trễ thấy đói nên đã ăn mì gói ở văn phòng rồi. Lượng tắm xong liền vào phòng nằm vật ra ngủ thiếp. Trang kéo mền đắp cho chồng rồi ra phòng khách ngồi lau nước mắt...

Giấy xét nghiệm đã có kết quả. Lượng không tin vào tai mình. Nhưng đây là sự thật. Bác sĩ đã xác định như vậy. Để trấn an Lượng, Bác sĩ Joe nói thêm, anh đừng quá bi quan. Cũng may là phát hiện kịp thời. Cái bướu mới ở giai đoạn đầu. Khả năng di căn rất thấp. Tôi khuyên anh nên nhập viện vài hôm để tiện việc lập quy trình chữa trị. Hai ngày sau Lượng nhập viện. Cặp mắt Trang đỏ hoe vì khóc suốt ngày. Nàng đến thăm Lượng thường xuyên. Vào một chiều thu ảm đạm, ngọn gió thu lay động những chiếc lá màu vàng nhạt trên mấy nhánh cây xào xạc buồn hiu... Lượng ngồi trên chiếc ghế băng phía trước bệnh viện hướng về cổng ra vào. Bất chợt Lượng thấy Linh với dáng điệu mệt mỏi lững thững từ cổng đi vào. Lượng đứng bật dậy cùng lúc Linh cũng vừa nhận ra chàng. Lượng hỏi dồn dập đủ thứ khiến Linh không biết phải trả lời thế nào. Cuối cùng Lượng lấy lại bình tĩnh hỏi ai nói cho em biết là anh đang ở đây? Linh trả lời, hồi sáng có một người đàn bà đến nói với em, anh đang điều trị ở bệnh viện này và khuyên em nên vào thăm anh. Em có hỏi bà là ai nhưng bà ta không trả lời và vội vã bỏ đi ngay. Em cũng không nhận được mặt mũi bà ấy vì đôi kính đen và mái tóc che khuất một phần khuôn mặt. Lượng nghe xong ngẫm nghĩ một chút rồi nói nho nhỏ như chỉ để mình nghe, chắc là Trang rồi. Linh hỏi Trang nào vậy anh? À! không lẽ là chị Trang? Mà sao chị ấy biết em? Vì quá đỗi ngạc nhiên nên Linh quên mất mục đích nàng đến đây là để thăm hỏi bệnh tình của chồng. Sau một vài phút bàng hoàng, Linh lấy lại bình tĩnh hỏi tình trạng sức khỏe anh thế nào? Bị bệnh gì vậy? Lượng suy nghĩ một hồi rồi nói thật cho Linh biết về căn bệnh của mình. Nghe xong Linh ôm chặt Lượng khóc nức nở. Lượng vuốt tóc Linh nói khẽ, không sao đâu. Bệnh mới ở giai đoạn đầu có thể trị dứt được. Em yên tâm. Linh nói anh phải cố gắng chữa trị. Em sẽ đến thăm anh thường. Nghe Linh nói “em sẽ đến thăm anh thường” Lượng giật mình, nhưng lại nghĩ “đến nước này, còn giấu giếm làm gì”, thôi cứ mặc chuyện gì đến cứ đến. Về phần Linh, nàng đã quyết tâm thường xuyên đến chăm sóc an ủi cho chồng dù có chuyện gì xảy ra cũng mặc. Hết giờ thăm bệnh, Linh ra về với nỗi đau buồn xé nát tâm can. Linh cúi thấp đầu thất thểu lê từng bước ra bãi đậu xe. Thành phố đã lên đèn. Ngoài đường tấp nập xe cộ ngược xuôi. Linh lái xe còn yếu lại thêm tâm thần bất loạn, nên vượt đèn đỏ lúc nào không hay. Cũng may không xảy ra tai nạn. Chạy được một đoạn ngắn, bỗng có

tiếng còi hú của cảnh sát phía sau. Linh quẹo vào bãi đậu xe của một tiệm ăn. Người cảnh sát đến hỏi bảo hiểm và bằng lái, Linh đứng ngó người vì không biết cảnh sát hỏi gì. Vừa lúc đó, một người đàn bà trạc tuổi trung niên bước đến nói chuyện gì đó với cảnh sát rồi bảo Linh đưa bảo hiểm và bằng lái. Người cảnh sát biên giấy phạt rồi bỏ đi. Người đàn bà nói, chị Linh, em muốn nói chuyện với chị một chút được không? Linh chưa kịp trả lời thì bà ta nắm tay nàng dắt vào tiệm ăn. Linh như một cái máy bước theo người đàn bà vào ngồi ở một góc kín đáo trong tiệm. Bây giờ Linh mới lấy lại bình tĩnh hỏi, xin lỗi chị là ai vậy? Người đàn bà với đôi mắt thật buồn nói em là Trang. Em cũng từ bệnh viện về. Thấy cảnh sát stop chị nên theo vào đây xem có giúp được gì không. Chị Linh à, việc anh Lượng bảo lãnh chị qua đây em đã biết từ lâu nhưng không dám nói ra vì sợ hai người khó xử. Linh chết điếng trong lòng, không biết phải nói gì trong trường hợp gay cấn này. Trang nói tiếp, chị yên lòng, em biết được nỗi khổ tâm của chị. Em cũng là đàn bà. Em cũng đau khổ như chị nhưng em không hề trách cứ chị. Em là người đến sau mà. Nhất là hiện giờ anh Lượng gặp phải căn bệnh hiểm nghèo, chúng ta còn lòng dạ nào làm những việc khiến cho anh ấy thêm đau khổ phải không chị? Linh ngồi chết trân, không nói được lời nào. Linh vốn là một người được sinh ra và lớn lên ở một vùng nông thôn hiền hòa nên tính tình nhút nhát, ít khi tranh chấp với đời. Thình thoảng Linh ngược nhìn Trang với hai gò má đầm đìa nước mắt. Trang nói chị Linh đừng buồn, em xem chị như một người chị ruột và sẽ lo lắng cho chị về sau này. Thôi được, chúng ta về. Nói xong Trang dìu Linh đứng dậy, đến quầy trả tiền hai ly cam vắt rồi cùng nhau ra về. Linh nói cảm ơn chị rồi lên xe. Trang vừa quay lưng đi thì những giọt nước mắt tuôn ra không cách nào ngăn lại được. Thành phố vẫn thản nhiên trôi theo nhịp sống thường ngày của nó...

Bệnh tình của Lượng thuyên giảm rất nhiều sau một thời gian điều trị. Bác sĩ nói khả năng trị dứt hẳn căn bệnh rất cao. Lượng tin tưởng và phấn chấn trở lại. Chàng thường cùng Trang tản bộ vào những ngày đẹp trời. Một hôm Trang nói, anh Lượng à, em muốn hướng dẫn cho chị Linh công việc kinh doanh của mình để chị ấy giúp anh điều hành công việc. Anh cần nghỉ ngơi nhiều để căn bệnh mau chóng bình phục. Có một chuyện này em muốn xin anh, không biết anh có đồng ý không? Lượng nhìn chăm chăm vào mặt Trang hỏi sao hôm nay em kỳ cục vậy? Có gì mà kỳ cục. Việc em sắp nói với anh là niềm mơ ước của em từ lâu và bây giờ là lúc em muốn thực hiện nó. Anh ủng hộ em chứ? Mà chuyện gì vậy? Em muốn lập một quỹ từ thiện do em điều hành. Trời đất! Em nói gì vậy Trang? Thực đó anh. Em nghĩ là anh không từ chối em đâu, phải không? Lượng ngồi thừ người ra một hồi rồi với một giọng buồn buồn nói, Trang à, em biết anh không bao giờ từ chối em bất cứ một điều gì. Anh sẵn sàng ủng hộ em. Nhưng hình như em đang tính toán một điều gì đó mà nguyên nhân là sự hiện diện của Linh trong cuộc sống của chúng mình phải không? Anh Lượng đừng hiểu lầm mà đánh giá

thấp con người em. Em đã từng nói với anh là em xem chị Linh như một người chị ruột cơ mà. Lượng nói, thôi được em cứ làm việc mà em muốn. Anh thấy chúng ta cũng nên làm một điều gì đó để giúp những người thiếu may mắn. Trang nói cảm ơn anh rồi cùng Lượng trở về nhà.

--o0o--

Thời gian trôi mau. Linh đã đủ khả năng điều hành công việc và cũng từ đó Trang ít khi ở nhà. Nàng thường về Việt Nam tham gia vào các công tác từ thiện. Ngoài ra Trang cũng dành nhiều thì giờ đi du lịch dài hạn và đây là liều thuốc hữu hiệu nhất, làm vui đi phần nào nỗi buồn mà nàng đã âm thầm chịu đựng. Thấy Trang ít khi ở nhà, Lượng đề nghị Linh dọn về ở chung. Linh một mực từ chối. Nàng nói em không thể làm như vậy. Dù anh nghĩ thế nào đi nữa, em vẫn thấy mình có lỗi rất nhiều với chị Trang. Em chỉ coi em như một cái bóng của vợ chồng anh, một cái bóng đúng nghĩa của nó. Chị Trang đối xử với em khác với người thường. Những gì mà chị ấy làm đã vượt ra ngoài sức tưởng tượng của em. Em quyết không làm bất cứ một điều gì gây thêm tổn thương cho chị. Em xem chị ấy như một thiên thần, một vị ân nhân đã cứu em ra khỏi vùng nước xoáy. Chắc anh cũng thấy được, chị Trang đang thả nổi cuộc sống của mình là vì sự hiện hữu của em, một mũi tên vô tình cắm sâu vào con tim của chị. Thực ra đây không phải là một trường hợp cá biệt gì. Sau 75 vô số người cũng lâm vào hoàn cảnh như anh nhưng họ vẫn một mực chờ đợi và cuối cùng họ được đoàn tụ với gia đình mà không gây ra bất cứ một tổn thương nào cho ai. Lượng cúi đầu ngồi nghe Linh nói giống như một tín đồ ngoan đạo đang lắng nghe những lời rao giảng thánh kinh. Linh ngừng nói. Sự im lặng tạo nên một bầu không khí nặng nề bao trùm căn chung cư. Sau một vài phút căng thẳng trôi qua. Lượng ngồi bật ngửa ra lưng ghế nói, Linh à! Em nói cũng đúng nhưng hoàn cảnh mỗi người đều khác nhau. Suốt hai năm trời anh cố liên lạc với em nhưng hoàn toàn vô vọng. Làm sao biết được những gì có thể xảy ra với em. Anh thoát được, nhưng em vẫn còn nằm trong vùng lửa đạn. Rồi những ngày sau đó thì sao? Anh không xem thường em, nhưng cũng có rất nhiều trường hợp... Nói đến đây Lượng biết mình lỡ lời nên khựng lại. Linh nhìn chăm chăm vào mặt Lượng rồi thở dài nói, thôi bỏ đi, nhắc lại chỉ thêm buồn. Lượng cố giải thích, Linh à! Anh không phủ nhận là anh có lỗi. Anh chỉ xin em tha thứ và cả Trang nữa. Có lẽ vì vậy mà ông trời trừng phạt anh nên cả em và Trang đều không cho anh một đứa con nào. Lại một lần nữa, Linh kinh ngạc nhìn Lượng trân trân. Lượng nói nhanh xin lỗi em, anh lỡ lời...

Lượng ra về với cảm giác tội lỗi vì đã gây đau khổ cho hai người đàn bà vô tội. Chàng muốn ghé vào một quán nhậu nào đó uống cho thật say để quên đi những dằn vặt trong lòng, nhưng Lượng không thể làm vậy vì căn bệnh của chàng đang trong thời kỳ điều trị, không thể khinh xuất được. Về đến nhà, Lượng nằm vật ra giường cố dỗ giấc ngủ... thì điện thoại bật reo. Chàng nhắc ống nghe. Trang hả? Em đang ở đâu vậy?

Anh đến phi trường đón em được không? Lượng mừng hóm, nói được... được anh sẽ đến ngay. Ngày hôm sau Trang đến thăm và tặng rất nhiều quà cho Linh. Linh cảm động nói cảm ơn liền miệng. Linh hỏi chị Trang về ở luôn hay còn đi đâu nữa? Trang trả lời, đi chứ. Chị Linh cũng biết làm việc từ thiện phải tốn rất nhiều thời gian. Hai người chuyện vãn với nhau rất thân mật, tuyệt nhiên không hề đá động đến hoàn cảnh trái ngang mà cả hai người còn đang chịu đựng. Thăm Linh xong Trang ghé thăm một vài người bạn khác. Suốt một tuần ở Mỹ, Trang chạy tới chạy lui nhiều cơ quan tư nhân và nhà nước để giải quyết một số vấn đề liên quan đến công trình xây dựng trại cô nhi mà nàng đang thực hiện lỡ dở ở Việt Nam. Quỹ từ thiện Lượng dành cho Trang đầu tư vào các dịch vụ ở Việt Nam để kiếm tiền lời cho công việc từ thiện, đang gặp một vài trục trặc khiến cho công trình xây dựng này phải đình hoãn vô thời hạn. Trang rất lo lắng và trở về Mỹ để tìm cách xoay sở. Trang tuyệt nhiên không nói việc này cho Lượng và Linh nghe vì không muốn làm phiền đến họ. Với nỗ lực của mình, Trang đã thu hoạch một số kết quả đáng kể và quyết định trở về Việt Nam sớm để tái tục công trình đang dở dang. Trên đường ra phi trường Linh nhường ghế trước cho Trang. Lượng hỏi chừng nào em về? Trang trả lời còn tùy thuộc vào công việc anh à. Có lẽ lâu lắm mới về được. Lượng buồn xo không nói thêm một lời nào. Linh và Trang cũng ngồi yên nhìn ra bên ngoài. Cuộc chia tay khá vui lòng.

Về Việt Nam, Trang dồn hết tâm sức vào công việc từ thiện nên sự đi lại giữa Mỹ và Việt Nam ngày càng thưa dần. Thời gian trôi mau. Mái tóc của bà đã ngả màu sương. Nỗi buồn trong quá khứ cũng vơi dần theo năm tháng. Bà lấy công việc làm vui, tiếp tục theo đuổi lý tưởng của mình...

---o0o---

Này bà, lấy giùm tôi cái áo khoác. Bà Linh hỏi ông đi đâu vậy? Đi dạo một chút không được sao? Nhớ về sớm ăn cơm. Được rồi, cứ làm nhảm hoài. Ông Lượng với tay lấy cây gậy rồi mở cửa bước ra ngoài. Cơn gió chiều thổi ngược mái tóc ông về phía sau, để lộ ra cái trán hói chỉ còn lưa thưa những sợi tóc, trắng nhiều hơn đen. Đời người giống như một giấc mơ. Thoáng đó mà đã đến ngày gần đất xa trời... Ông Lượng nhìn lên những tán cây trồng dọc theo hai bên đường. Từng chiếc lá màu vàng nhạt theo nhau rơi xuống nằm tro vơ trên đám cỏ xanh...

Hoàng Xuân Sơn

Sờ sờ

núi đồi
chìm xuống vai. lưng
từ trắng khuya mọc
chiếc sừng non tơ
thừa em. buổi sáng lò dò

bữa trưa trầy trật
đâm lo buổi chiều
sợ mình. cùng với hoang liêu
là hai nhập một
mang điều trớ trăn
sợ đêm hôm
đứng giữa lằn
bóng đêm ma mị
và nhăng nhít
đời

Nguyễn Lương Vỹ

Tam Kỳ

Sông ơi, em chảy bao giờ?
Nước mùa sấm lục, bến bờ về xa
Ta cầm viên sỏi phôi pha
Ném lên ngày rộng vòng hoa tím chiều
Chiên Đàn lá rụng hoang liêu
Hồn thơ đại nhớ cánh điều đứt dây
Ta mang xương máu lưu đầy
Làm thân đất khách ăn mày sương châu
Đêm cuồng những cánh buồm nâu
Ngày điên khóc hận bên cầu nước trôi
Dang tay đón nhịp luân hồi
Thấy trong ngất tạnh núi ngời vong thân
Sông ơi, em chảy trong ngàn
Khắc ghi những dấu mộ phần ban sơ
Người thân thiết giục sang bờ
Người xa lạ bỗng bây giờ mình thôi
Quán Rường miếu cũ bình vôi
Hồn tre trúc dựng trang đời Thu Đông...

Trần Văn Lệ

Một bài thơ cho năm mới

Tờ lịch cuối cùng được xé
Một ngày năm mới mở ra...
Tiếng cánh cửa kêu nhè nhẹ
Một bình minh ngọt ngào hoa!
Không ai gõ cửa nhà sớm
Chỉ đôi cánh bướm trong vườn

Bướm trắng, đỏ, vàng lốm đốm
Và hoa vàng, đỏ dễ thương!
Ước chi người bên hàng xóm
Đi ngang cho mình chào vui
Có thể “người ta” thức muộn?
Thì thôi... Chào hạt sương mai!
Năm mới khởi đầu như thế
(có hoa có bướm có mong)
Một bài thơ cho có lệ
Có gì... rồi cũng thành không!
Mười hai tháng dài sắp tới
Sang năm đọc lại thơ này
Biết đâu rồi mình tự hỏi:
“Ai Là Ai Thế Là Ai?”
Năm mới bài thơ mới nhất
Tự mình đo mặt thời gian
Bốn phương trời mình cứ chật
Bao la là mái tóc nàng...

Phan Tấn Hải

Kiểm mã hành

Nâng ly mời đã mềm môi
Còn tê tê lưỡi đã cười ra đi
Đường mai gió loạn sá gì
Tóc xanh đầu bạc an nguy cũng liều
Ta đi rừng núi xanh vàng trán
Thành phố phương nào mây vẫn bay
Dưới trăng cười hỏi ừ rồi máu
Có thơm mùi rượu của đêm nay
Nghiêng ly đổ rượu tràn tay
Say ngàn sóng dữ trả ngày trẻ thơ
Cười vang hỏi bạn say chưa
Ta say nghìn kiếp giữa bờ tử sinh
Rong chơi vào cuộc lâm gió bụi
Rượu thề pha máu đỏ vàng trắng
Nửa đêm ta gọi sơn hà dậy
Thần mã bay về hí vó trắng.

Phan Bá Thụy Dương

TRẦN VẤN LỆ:

Kẻ Ly Khách Với Những

Lời Thơ Mang Nặng Nỗi Hoài Tình.

Trong nhiều ngày liên tiếp - người bạn thâm niên cùng trường, cùng lớp với tôi 55 năm trước tại Trường Công Lập Phan Bội Châu, Phan Thiết khi chúng tôi vừa bước vào ngưỡng cửa trung học đã chuyển về Trang Thơ Cuối Tuần và Quán Bên Đường hơn 20 bài thơ mới với nhiều bút hiệu khác nhau mà anh đã xử dụng: Trần Văn Lệ (TVL), Trần Trung Tá, Lê Phụng An, Lê Nhiên Hạo...

Trước khi Luật Báo Chí ra đời năm 72, lúc tôi còn viết feuilleton và phụ trách vài trang VHNT, Văn Nghệ Quân Đội, anh Tường Linh [TL] đã trao cho tôi đọc mấy bài thơ của Trần Văn Lệ mà anh khen hay và cho biết người này gốc “xứ nước mắm, biển mặn” như tôi. Tôi hỏi anh TL có phải tác giả này là một bút hiệu khác của anh Thế Viên hay Kiều Thệ Thủy chẳng. Hoặc giả là của Tôn Thất Trâm [Thi Thi/Đài Nguyên Vu] vì trong lớp bấy giờ trong khi tôi, Trần Thiện Thanh, Lê Văn Nghệ, Lê Văn Trung, Bùi Minh Ngọc, Lê Bá Hùng chơi đàn guitar, thổi sáo, tiêu, hoặc hát cho ban nhạc của vợ chồng “nhạc sĩ mù”, trình diễn cuối tuần trong khu công viên chateau d’eau Phan thiết - giúp Ty Thanh Niên và gia đình Phật tử - thì vào năm đệ ngũ Tôn Thất Trâm và anh tôi là Phan Bá Thuận Hậu [Anh Thuận/Phóng Viên Kính Trắng] đã khởi sự “giở chứng” màn thơ “tán gái”. Thơ của hai me xừ oắt con “mắc dịch” này thì luôn chứa chan khổ lụy, ướm đắm tình sầu. Còn Bùi Thanh Minh, Bùi Nhật Huy, Nguyễn Thanh Liêm, Huỳnh Ngọc Hùng, Trần Thiện Trung, Phan Đồng Lý, Nguyễn Thượng Huyền, Huỳnh Tấn Thời, Tôn Thất Quý ... thì y như bày thú dữ luôn tìm cách vào sân banh nhà trường hay sân vận động Phan thành để phá phách, “đá cẳng” bạn bè. Trần Văn Lệ thì lúc nào cũng ngoan hiền và chỉ lặng lẽ theo dõi các cuộc vui.

Anh Tường Linh nói rằng anh không rõ, anh chỉ nghe anh Tô Kiều Ngân (TKN) - người thay thế cố thi sĩ Đinh Hùng chăm sóc chương trình thi ca Tao Đàn, nói như vậy khi giao bài để anh chọn, phổ biến. Hỏi thêm các anh Hoàng Trúc Ly, Nguyễn Thu Minh, Trần Tuấn Kiệt, Kiên Giang Hà Huy Hà, Hoài Thương, những người phụ trách việc tuyển chọn, giới thiệu thơ cho các báo lúc bấy giờ, thì họ cũng chẳng biết gì hơn. Bởi lúc đó Trần Văn Lệ đang ở Đà Lạt và tên anh tương đối còn hơi mới mẻ đối với giới văn nghệ, làm báo tại Sài Gòn.

Bạn học cũ bấy giờ lưu lạc khắp nơi. Kẻ vào quân ngũ, người về dạy lại trường xưa.

Hỏi thăm vài bạn đồng môn đang làm việc tại Sài Gòn thì cũng chẳng ai biết rằng anh học sinh chất phác, hiền hòa năm nào nay chẳng những đã làm thi sĩ mà còn dám gởi một tập bản thảo mỏng - bất hợp lệ - về dự thi giải sáng tác VHNT của tổng thống VNCH (Giải Văn Chương Toàn Quốc) để tranh tài với các “kiện tướng” đã có nhiều tác phẩm ấn hành như Trần Tuấn Kiệt, Trần Dạ Từ, Du Tử Lê...

Khi Luật Báo Chí ban hành năm 1972, tôi ngưng viết hẳn, nên thắc mắc trên cũng lắng chìm. Mãi đến năm 2005 sau hơn 5 năm tự cho phép mình về hưu, trôi nổi đó đây, ngao

du Âu Á, tôi “ngựa nghè” bỏ tiền ra hợp tác, cứu sống một tạp chí đang “ngắt ngư” theo lời đề nghị, kêu gọi của một số thân hữu cũ ở VN và hải ngoại mà Trần Văn Lệ thường xuyên gửi bài. Nhờ nguyên do này cùng sự xác nhận của Nguyễn Tân Dân, Bùi Thanh Minh tại San José và Bùi Nhật Huy ở Falls Church - VA, tôi mới nhận ra người mà tôi tìm hỏi hơn 34 năm trước là người bạn ít năng động ngày xưa của xóm vắng Xuân Phong. Tôi chỉ còn biết tự trách trí nhớ kém cỏi của mình. Vào lúc này tôi gặp chương môn Hà Thượng Nhân thì tiên sinh cho biết ông là người duy nhất trong ban giám khảo đề nghị hội đồng thông qua, hợp thức hóa đề tác phẩm nhỏ bé kia có thể được cứu xét, chấm điểm. Thiếu số phục tùng đa số, nên tập bản thảo của bạn tôi đã bị loại. Thấy uổng tiên sinh đã trao những bài thơ này lại cho anh em quen biết tùy nghi sử dụng. Trần Văn Lệ sang Mỹ theo diện H.O và hiện cư ngụ tại Los Angeles. Mỗi cuối tuần đều chạy về quận Cam để hội ngộ, nhàn đàm cùng bằng hữu. Tính tình Lệ vẫn trầm mặc, ít nói như thừa nào.

Cho tới nay, Trần Văn Lệ đã có hơn 30 thi phẩm ấn hành. Một số do anh xuất bản, một số do những người ái mộ thực hiện mà anh còn nhớ được:

BAY VỀ ĐÂU ĐÓ Ở QUÊ HƯƠNG ▪ HỒN TAN TRONG THƠ ▪ NẮNG RỚT VƯỜN XUÂN ▪ GỬI EM MỘT ĐÓA HOA HỒNG ▪ TA NHỚ NGƯỜI XA CÁCH NÚI SÔNG ▪ TRĂM NĂM ĐỂ LẠI ▪ NẾU BƯỚC CHÂN NGÀ CÓ MỎI ▪ TỪ LÚC ĐƯA EM VỀ LÀ BIẾT XA NGHÌN TRÙNG ▪ MAY MÀ CÓ EM ĐỜI CÒN DỄ THƯƠNG ▪ MẤY AI BIẾT MÌNH SỐNG ▪ MỘT THỜI TRONG TRANG THƠ ▪ NÓI THẦM VỚI THƠ ▪ ÁO DÀI EM TRẮNG BAY TRONG GIÓ NÓN LÁ BÀI THƠ CHUYỆN CỦA CHÀNG ▪ CON TRAO TRẢO BỜ AO BAY ĐI BUỒN LẮNG LẮNG ▪ HÌNH NHƯ TỪ TRONG CHIÊM BAO ▪ CHIỀU BÊN SÔNG ĐÚNG TRÔNG LÀN KHÓI...

Tháng vừa rồi anh lại cho ra đời thêm một ấn phẩm thi ca mới: Trưa Buồn Bát Ngát Con Sông do họa sĩ Dương Ngọc Sum tại Westminster vẽ bìa.

Thơ Trần Văn Lệ, vì thường viết liên tục nên có nhiều bài mới nhìn qua, người không rành chia nhịp, ngắt câu, có thể ngỡ anh làm thơ biền ngẫu, văn xuôi (poem en prose). Thí dụ một số bài tiêu biểu tôi giới thiệu dưới đây: Tùy Bút: Ngũ Ngôn, Đói Lòng Ăn Nửa Chén Cơm: Lục Bát, Mãi Mãi Sông Hương Nước Một Dòng: Thất Ngôn, Cúi Lậy Trời Cao, Gieo Gió: Bát Ngôn... thỉnh thoảng phá thể - chứ không phải hợp thể, một đôi câu thêm bớt chữ cho câu tròn ý hoặc để nhấn mạnh, truyền đạt nguồn cảm xúc.

■Tùy Bút

Mấy hôm nay thật buồn. Buổi mai chim không hót. Trời mùa đông rét ngọt. Và mưa. Mưa bay. Bay... Mùa đông trong vòng tay, nhìn, mà thương, thương quá. Không còn gì nói nữa, những gì muốn nói thêm, giống như sợi tóc mềm nằm ngoan trên vầng trán. Người ta thấy chút nắng rơi hồn nhiên trong thơ... Đó là một cơn mơ, kẻ không dài đến nỗi đưa người ta lạc lối về một chỗ xa xăm.

Lắng nghe mưa nói thầm chuyện ngàn năm kim cổ. Tôi bỗng nghe nhớ hơi rượu nào rất xưa qua những bàn tay đưa ấm nồng mùi khói đàn. Thời chiến chinh lãng mạn, nhớ lắm những nụ cười, mi với tao đang ngồi biết đâu lát nằm xuống bên gốc tre, bờ ruộng, thì cũng là... thời gian!

Ôi ba mươi ba năm! Tôi ngồi nhìn mưa rụng. Âm vang từng tiếng súng, vòng tay ôm mùa đông. Mưa vương vương mênh mông trên cành cây không lá. Buổi mai không gì nữa, cả tiếng chim bình minh! Tôi thảng thốt thấy mình cô đơn bao giờ vậy? Cái rét hay lửa cháy đốt hết bình minh xanh? Những tàu chuối mong manh cuộn tròn dòng nước mắt. Ruột gan nào không thất hỡi Quê Hương xa xôi?

Hãy vỗ lên vai tôi hỡi những người khuất mặt! Tôi muốn mình đừng mất những tiếng chim ngày xưa, những buổi sáng không mưa, khu rừng thưa nắng rọi...

■Đói Lòng Ăn Nửa Chén Cơm Nhiều khi muốn nói, lại ngừng Bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông, nghĩa gì? Vẫn là một cái vòng xoay Vẫn là trời, đất, bên này, bên kia Nếu trời có một, không chia! Nếu đất muôn dặm, đường về là đâu? Này em, tay hãy kê đầu Nhắm con mắt lại, quên màu thời gian...

Thời gian, xanh, đỏ, tím, vàng... Bao nhiêu màu cũng trong làn khói sương! Có người từng hỏi Quê Hương Cũng con người đó đáp buồn...mây bay! Từng con chim hạc bỏ bầy Trời xanh, mây trắng chan đầy thơ thơ... Đó là chuyện của ngày xưa Đó là chuyện của bây giờ, giống nhau!

Nhiều khi chẳng nói câu nào Lạ thay lau lách bên rào cứ vang Em ơi buồn chẳng muộn màng Cái vui chớp mắt đã tàn lửa rơm! Đói lòng ăn nửa chén cơm Uống lưng bát nước rồi ôm bóng mình Chiến Tranh, sau đó Hòa Bình. Tóc mai mấy sợi, ta hình dung em! Một lần tôi ngược mặt lên Em ơi sông núi đang nguyên rũa ai?

■Mãi Mãi Sông Hương Nước Một Dòng

Vẫn chảy kia em, chảy chẳng dừng. Sông Hương là Huế, nhớ là thương. Tại sao anh chẳng là Vua nhĩ, khi nhớ khi thương núi Ngự nằm? Tại sao em lại là mây nhĩ bay mãi trên đầu anh Nước Non? Anh nhắm mắt mơ mình ở Huế nghe sông Hương khóc sóng leo bờ, nghe cau Vỹ Dạ rung rinh lá, nghe rất êm tai những tiếng hò. Ôi Huế Huế thương và Huế nhớ ngàn năm ly biệt được trời ơi! Máu anh có lúc rồi ngưng chảy, mừng nhé sông Hương nước một dòng, em có thành tro hay cát bụi thì mưa tháng Chạp còn rung rung...

Em à em ạ em ơi Huế, ai khiến lòng anh đắm đuối mình? Ai khiến gặp em tan buổi học, tóc thề vai áo, dáng xinh xinh...Hồi nao tiếng súng vang vang dội nát hết tình ai những khối tình, còn chỉ sông Hương là khối nhớ, còn nguyên núi Ngự nắng bình minh! Còn anh từng bước đi lầm lũi đạp giẫm lên từng vũng máu khô. Tổ Quốc mênh mông không một chỗ, sông Hương thương quá lại hai bờ! Em trên bờ Bắc qua Nam học, Đại Nội nằm trong nón lá tình. Tình tứ tình tang tình bất tận, tình bao la tới núi rừng xanh!

Hồi xưa hồi xưa hồi xa lắm, xa lắm bây giờ em ở đâu? Anh biết chứ em, lòng đất lạnh, tro tàn nhang tắt, cỏi Thiên Thu. Hồi ơi một dải sông Hương đó chảy mãi chảy hoài trong mắt anh! Muốn nói ghét em mà ghét được, tương tư không kể ngồi trên đình!

■Cúi Lậy Trời Cao

Buổi sáng. Buổi trưa. Buổi chiều. Buổi tối. Chưa buổi nào mình quên gọi nhau! Em cuối chân mây, anh đầu ngọn ba đào, nghe chút gió cũng muốn trào nước mắt! Bao nhiêu năm chỉ một lần xa cách mà thiên thu không lẽ đã an bài? Hẹn. Hẹn hoài, không thấy một ngày mai, chỉ thấy sáng, thấy trưa, thấy chiều, thấy tối...

Nhiều lúc nghĩ: Chắc thời gian lạc lối, nên tháng ngày là lịch gió bay bay...Lá mùa Xuân xanh biếc đậu trên cây. Lá mùa Thu vàng mơ rơi xuống đất. Mùa Hạ ơi, nắng hồng chi chát ngát? Mùa Đông à, mưa bão tại vì sao? Trái đất xoay, thời tiết đổi ào ào. Minh, hai đứa, cứ đầu non, cuối biển!

Có nhiều lúc tôi làm thơ tê điếng, như lúc này, tôi mới gọi tên ai. Những câu thơ, tôi viết nôi thành bài rồi tôi đốt thả ra ngoài muôn dặm. Thơ tôi đó...Không ai cầm, ai nắm. Chỉ em nhìn mây xám mỗi hoàng hôn. Tôi nhớ em từng ngõ ngách tâm hồn. Em nhớ tôi từng lối mòn đất nước...

Những con đường hai đứa từng chung bước, bây giờ rặng? Có đau gót chân em? Hãy xuống bên sông Hương và vả nước cho mềm, cho anh ướt những bài thơ mai mốt...Nếu tới lúc không còn ai thừa thốt, cúi lậy Trời xóa bỏ chữ Tang Thương! Con rất thèm nhìn lại nắng Quê Hương, nhưng lúc đó hai mắt mòn, con khép...

■Gieo Gió Tôi gieo gió sang nhà em buổi sáng, cả buổi trưa, buổi xế buổi chiều. Nếu gió trời làm cây cối ngã xiêu mà em lạ, bình yên như điều cao vút! Tôi gieo gió sang nhà em tối mực, gió nói gì em có nghe không? Em ở đâu, trong một góc căn phòng, hay đang đứng ở hành lang đón gió?

Nếu gió trời làm cho hoa, cho cỏ phải tiêu điều như buổi chợ vừa tan. Gió của tôi sao chẳng động lòng nàng? Tôi chờ đợi một tờ thư, không thấy! Tôi gieo gió sang nhà em Thứ Bảy. Chúa Nhật, em, vẫn đi lễ nhà thờ! Bão mô hề? Tôi gặt những câu thơ thời con nít, tôi làm cho em, làm lại!

Em đi nhà thờ, em làm người con gái, rất hiền ngoan, quý kia, ôm hai tay. Tôi, con trai, nên phải đứng bên này, tôi ôm gió, thả ở đây, Chúa phạt! Tôi gieo gió hay gieo buồn ngơ ngác? Yêu người ta chi vậy, gió lang thang? Gió hình như...không đến cửa nhà nàng? Tôi nghe lạnh như trong tâm bão!

Ôi gió ơi hãy bay giùm tà áo, hãy bay giùm chút tóc mai kia, vắn, dài, thương ngàn nỗi phân chia mà mãi mãi không lìa câu dẫu ái Ai bảo em được sinh làm con gái để tôi thề chề hết thấy giai nhân! Nếu em đừng tôi gặp một ngày Xuân, gió đâu đến nỗi nào thề thiết vậy! Tôi gieo gió sang nhà cho em thấy, em nhìn gì không thấy gió tôi bay?

Thơ anh nhẹ, rất nhẹ nhàng như hơi thở liên tục, như những sợi nắng chiều buông lơ lửng trên kẽ lá, cành sen, phảng phất màu sắc hoài niệm u ầu, hoài tình. Đó là những tiếng

lòng chân ái, và tha thiết, nồng nàn. Đó cũng là những dấu ấn kỷ niệm, những lời kể lể, tự sự ngọt ngào hoặc đôi khi bồn chột thân thiết với người yêu dấu hay bằng hữu cùng những hệ lụy, vắn nạn nhân sinh, thời thế... vương mang nỗi niềm hoài nhớ quê hương, tình yêu cũ.

Thơ Trần Văn Lệ cấu trúc chặt chẽ, âm vận chuẩn mực, êm đềm đầy nhạc tính và biết khéo léo tận dụng để lồng hay đặt “deep images” vào những chỗ đặc địa để làm nổi bật những hình ảnh vắn vương trong tâm tư anh. Lời thơ có lúc thánh thoát, chập chờn, róc rắt như tiếng hạ uy cầm, hay tiếng sáo chiều trên các cánh đồng mênh mông... có lúc trôi nổi, trầm buồn, nhàn nhã như những phím dương cầm được trình tấu bằng những ngón tay điêu luyện trong các thính đường âm cúng.

Dù được ký dưới bút hiệu nào, dù được trình bày dưới thể loại nào tựu trung những vắn thơ đó vẫn đồng qui, mang một tính chất dịu ngọt, êm đềm, vắn cùng một thi pháp vững vàng cùng các thi ngữ, thi ảnh phổ quát bình dị, gần gũi. Không có sự gọt dũa, sáng tạo trong ngôn ngữ thi ca nhưng dưới ngòi bút đầy tình của Lệ những hình ảnh thông thường kia như được tiếp hơi trở nên sinh động, đáng yêu và nên thơ. Và thơ của Trần Văn Lệ mãi mãi là của riêng Trần Văn Lệ: Chuyên biệt, lời cuốn, không bị ràng buộc hay chịu ảnh hưởng của bất cứ người làm thơ nào dù họ đi trước hay đang cùng đi trên con đường thi-ca-viên-mộng như anh.

Trong những cuộc điện đàm, gặp gỡ mới đây, con người trầm mặc, nhiều tư duy, dường như mang chút ít bất mãn thời thế ấy thường nhắc nhở với tôi về thời thiếu niên, về bằng hữu xưa, ngôi trường cũ... với giọng bùi ngùi, đầy xúc động, chân tình. Một trong những điện thư anh tâm sự: “Tôi làm thơ...vì không có công việc nào để làm dài hạn! Thơ trở thành hơi thở. Hết thơ...là chết.”

Trong số anh em thân thiết của tôi – những người đã từng viết vắn làm thơ trước 75 đến nay nhiều người sau khi định cư an vui cuộc sống mới đã gác bút. Một số ít thì chỉ sáng tác cầm chừng hay làm chủ nhật báo, tuần báo, tạp chí... Riêng Lệ, Trần Văn Lệ thì hầu như vẫn miệt mài làm thơ mỗi ngày. Quả đúng như lời anh đã tâm sự với tôi. Trần Văn Lệ vẫn yêu thơ vì thơ là linh hồn, là nhịp sống là hơi thở của anh. Ngày nào máu vẫn luân lưu trong tim, trong cơ thể, Trần Văn Lệ vẫn còn hăng say sáng tác, và con tâm sinh trưởng ở vùng ngoại ô Phan Thiết ấy vẫn còn tiếp tục nhả thơ cho đời và có thể để giải trừ giải tỏa phần nào niềm u hoài, khắc khoải trong anh.

Sử Mặc

thăng

không phải mây

nỏ phải tao

trên răng

đuối cù

đưa nào lây bầy

có vào. thì vào hử đây
đừng có thậm thụt
lóng rày. nọ kia
ở không đặng
thì đi dzìa
đừng có sớm tối
mộ/bia
lẳng nhăng
đừng dờ ông
đừng dờ thằng
mày-tao-chi-tớ cùng thằng
một lèo

đêm hôm ông mãnh

tù hù
ông ngồi tản mạn
trăng lu một mình
ậm... ừ
ông cứ làm thỉnh
hỏi gì thì hỏi
làm thỉnh
gật... gù
(hết trăng lu tới điện lù)

Nguyễn Minh Triết

SỰ TÍCH TIÊN RỒNG VÀ VÒNG THÁI CỰC

Kinh Dịch đã được phổ biến rộng rãi và ngày nay hầu hết mọi người đều thừa nhận đó là một sản phẩm văn hóa của Hán tộc. Sự xác nhận với đầy rẫy chứng cứ trong sách vở khiến khó có ai có thể phủ nhận được. Công việc dẫn chứng để phủ nhận Kinh Dịch không phải của Hán tộc là một việc đội đá vá trời. Chúng tôi không có khả năng cũng như không dám làm công việc vĩ đại ấy mà chỉ nêu dưới đây một vài điểm tương đồng thân thuộc một cách kỳ lạ giữa sự tích Tiên Rồng của Việt tộc với Kinh Dịch mà tượng trưng là Thái Cực Đồ của Hán tộc mà thôi.

Một quan niệm căn bản của Kinh Dịch là thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng và biểu tượng rất được phổ biến của Kinh Dịch là Thái cực đồ. Thái Cực đồ nằm gọn trong một vòng tròn, gồm hai nửa đối xứng ôm trọn lấy nhau, tượng trưng cho Âm (màu đen) và Dương (màu trắng). Vòng tròn được gọi là Vòng thái cực, hai phần trắng đen là hai yếu tố Âm Dương. Trong mỗi phần đối xứng lại có một chấm tròn màu đối lập nằm trong đó. Biểu tượng Thái cực đồ nói lên vũ trụ quan của Kinh Dịch là mọi sự vật trong thái cực tức vũ trụ đều do hai yếu tố Âm Dương chi phối và cấu thành. Trong

mỗi một tổng thể (hình tròn) luôn tồn tại hai mặt đối lập Âm và Dương, hai mặt đó tương hỗ với nhau, bù đắp nhau thành một thể hoàn thiện. Không một tổng thể, cá thể nào có thể tách biệt hoàn toàn hai mặt đó. Và luôn luôn trong Âm có Dương, trong Dương có Âm, cũng như trong phần màu trắng có chấm màu đen, và ngược lại.

Đồng thời, chúng ta ai cũng biết đến sự tích Tiên Rồng là hai vật tổ kép tượng trưng cho nguồn gốc của dân Lạc Việt tức thủy tổ của dân Việt ngày nay. Theo chuyện tích này thì dân Lạc Việt khởi nguồn từ sự kết hợp của hai giống Tiên và Rồng. Rồng Lạc Long Quân đã kết duyên cùng Tiên Âu Cơ và do sự kết hợp này mà mẹ Tiên Âu Cơ đã sinh ra một bọc chứa một trăm trứng nở được một trăm người con trai. Cha Rồng, mẹ Tiên sống với nhau một thời gian thì cha Rồng nhớ nguồn cội của mình là Thủy cung nên chia con ra làm hai, 50 con theo cha xuống biển, 50 con ở lại với mẹ Tiên trên non. Trước khi chia tay cha Rồng hẹn mẹ Tiên mỗi năm gặp nhau ở cánh đồng Tương hoặc ‘khi cần cứ gọi thì ta về ngay’.

Sự tích Tiên Rồng mới nghe có vẻ huyền thoại khó tin nhưng nếu nghiên cứu tường tận ta sẽ tìm thấy rất nhiều ẩn ý mà tiền nhân muốn nhắn nhủ và lưu truyền lại cho hậu thế về nguồn gốc và triết lý của dân tộc Lạc Việt. Có thể cuộc hôn nhân của Tiên Âu Cơ và Rồng Lạc Long Quân cũng bình thường như các cuộc hôn nhân khác, nhưng có lẽ vì muốn câu chuyện được hấp dẫn cho dễ lưu truyền từ đời này sang đời khác mà tổ tiên ta đã huyền thoại hoá chuyện tình Âu Cơ và Lạc Long Quân chăng?

Tiên và Rồng là hai biểu tượng không có thật. Tiên là hình ảnh của con người đã thánh hóa, siêu thoát, tượng trưng cho sự thanh nhã, khoan ái, trường tồn. Rồng theo quan điểm phương đông là rắn thăng hoa biểu trưng cho oai dũng, cho sức mạnh, tính nhẫn nại và tài năng biến hóa vô cùng. Trong khi các chủng tộc khác thường chỉ có một vật tổ, chủng tộc Lạc Việt có hai vật tổ cùng lúc là Tiên và Rồng tức có đủ cả hai yếu tố âm và dương. Tiên là giống cái thuộc âm, Rồng là giống đực thuộc dương. Cuộc hôn nhân của Tiên và Rồng là sự kết hợp sinh động của nét thanh nhã hiền hòa với sức mạnh và tài năng thiên biến vạn hóa. Sự kết hợp đó đã tạo nên giống giống Việt, một giống dân vừa xinh đẹp, dịu hiền, vừa hùng dũng, cương quyết, vừa tình vừa lý, vừa linh động vừa thường hằng, vừa vật thể vừa siêu phàm, một tổng hợp của cả sức mạnh vật chất lẫn tinh thần khả dĩ đẩy lui được các đoàn quân xâm lăng cũng như khắc phục được mọi khó khăn của hoàn cảnh. Và đó chính là thông điệp mà tiền nhân muốn trao gởi lại cho hậu thế để biết tự hào về đặc tính của dân tộc Lạc Việt.

Trước tiên, một bọc trăm con tượng trưng cho hình ảnh một nhóm người sống quây quần thành một cộng đồng hay xã hội. Trăm trứng trong cùng một bọc cũng chuyên chở ý nghĩa là dân Việt có chung một nguồn gốc và bọc nở ra trăm con là tổ tiên muốn nhắc nhở mọi người dân Việt phải nhớ tới nguồn gốc mà thương yêu đùm bọc nhau. Thêm vào đó, vì cùng sinh ra đồng thời, đồng lúc nên tất cả đều bình đẳng, đều là anh em, đồng thời cũng hàm ý là con người từ khởi thủy đã sống trong cộng đồng và đã có

tinh thần xã hội rồi. Một cách tổng quát sự tích Tiên Rồng dạy cho mọi người dân Việt phải biết yêu thương đùm bọc nhau trong tình anh em ruột thịt, trong nghĩa đồng bào. Chánh trong ý nghĩa này mà tiếng Việt mới có chữ ‘đồng bào’ để chỉ người dân trong cùng một nước.

Mặt khác chữ ‘trăm trứng’ không chỉ có nghĩa thuần 100 trong ý nghĩa số học. Trăm ở đây còn có nghĩa là ‘nhiều’ như trong câu: ta còn trăm việc phải làm, hoặc cũng có nghĩa là ‘tất cả’ như trong các từ ngữ trăm họ, trăm hoa đua nở. Với ý nghĩa này, tổ tiên Lạc Việt qua sự tích “bọc trăm trứng” đã dạy chúng ta là không chỉ giống giồng Tiên Rồng mà tất cả con người đều cùng một nguồn gốc sinh ra và tất cả các giống dân trên trái đất này đều bình đẳng và phải thân thương nhau trong tình ruột thịt.

Bọc trăm trứng cũng nói lên sự kết hợp âm dương. Cha là đực hay dương, mẹ là cái hay âm, cha mẹ tức âm dương kết hợp đã sinh ra bọc 100 con. Nếu xem bọc tượng trưng cho vũ trụ thì từ lâu ông cha ta đã có một quan niệm khá rõ ràng về vũ trụ. Trăm con được chia làm hai, 50 theo mẹ 50 theo cha, đó là tổ tiên với óc sáng tạo độc đáo đã cụ thể hóa hai ý niệm âm dương vốn trừu tượng không thể thấy bằng mắt sờ bằng tay được. Cái bọc chỉ toàn thể vũ trụ được cấu tạo bởi hai yếu tố âm dương cân bằng nhau. Hình ảnh mẹ Tiên tượng trưng cho âm và cha Rồng tượng trưng cho dương để nói lên nguyên lý âm dương kết hợp và vận hành trong vũ trụ. Hai yếu tố âm dương hiện diện trong mọi vật thể từ nhỏ nhất đến lớn nhất, hai yếu tố này tuy khác nhau nhưng quyện xoắn lấy nhau, tương giao, tương hợp để tạo thành vũ trụ và muôn loài.

Như vậy ta thấy sự tích Tiên Rồng của giống Lạc Việt đã nói lên một cách dễ hiểu và trọn vẹn những điều trong Kinh Dịch diễn tả một cách trừu tượng là: ‘Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng’ (Hệ Từ XI). Cái bọc trong sự tích Tiên Rồng là cách nói dễ hiểu để chỉ vòng thái cực; bọc chia làm hai gồm 50 và 50 chính là ý niệm lưỡng nghi của Kinh Dịch. Nhưng tánh chất độc đáo trong sự tích Tiên Rồng là cho con người và vạn vật đều do hai yếu tố âm dương kết hợp. Ý niệm này cũng tìm thấy trong Kinh Dịch qua câu: ‘nhất âm nhất dương chi vị đạo’ (Hệ Từ V) tức Đạo của trời đất và vũ trụ là phải có âm dương. Nhưng hai yếu tố âm dương trong Kinh Dịch hoàn toàn trừu tượng, thuộc phần suy luận của lý trí, trong khi đó hai yếu tố âm dương trong sự tích Tiên Rồng được diễn tả bằng hai con người sống động và hiện thực là mẹ Tiên Âu Cơ và cha Rồng Lạc Long.

Vấn đề chia con ra làm 50 theo Mẹ và 50 theo cha khiến nhiều người không chịu tìm hiểu tường tận đã vội kết luận rằng bản chất của dân Việt là chia rẽ. Thực ra, hành động Mẹ Âu Cơ dẫn 50 con lên núi nói lên nguyên lý mẹ tức mẹ làm chủ trong văn hóa Lạc Việt. Dẫn con lên núi là ý niệm đi lên cao, đi đến chỗ triệt cùng, triệt để tức là tìm về với minh triết, đi đến chỗ phân cực triệt thượng. Cha Lạc Long dẫn 50 con xuống biển là một sự việc đối nghịch lại với sự dẫn con lên núi nhưng có cùng một mục tiêu là tìm đến sự triệt để mà ở đây là triệt hạ. Triệt thượng thì lên đến cùng cực của siêu thực, triệt

hạ thì xuống thấp nhứt đến hiện tượng tức là vật chất hay việc làm ăn sinh sống hằng ngày. Khi đạt đến cùng cực thì mọi sự hội thông đúng như châm ngôn của Lý Thái Cực là: “nhất lý minh, vạn lý thông”. Hai hành động lên non, xuống biển nói lên sự phân cực để tiến hóa là một ý niệm hoàn toàn khoa học. Chia nhưng không chia, mà chỉ đi về hai phía để làm nổi rõ sự cách biệt thôi. Sự chia tay này còn biểu thị cho cơ cấu của vạn vật trong trời đất đâu đâu cũng phải phân cực như vậy. Cha Rồng đã nói rõ là mỗi năm gặp nhau ở cánh đồng Tương hoặc khi ‘gọi thì ta về’ đã nói rõ sự kết hợp giữa Tiên và Rồng dù kẻ lên núi, người xuống biển vẫn còn tồn tại, vẫn là một. Điều này cũng nói lên lưỡng nhất tính trong văn hóa của Việt tộc: hai mà một, một mà hai:

Tình đôi ta tuy hai mà một

Đời chúng mình tuy một mà hai.

Dẫn con lên núi và xuống biển còn nói lên ý niệm núi vượn cao, biển nằm dài, hai hình ảnh ngang dọc chỉ ý niệm trời đất, đồng thời cũng cốt để diễn đạt quan niệm phân cực. Mẹ lên non đứng thẳng chỉ non nhân, cha xuống biển nằm ngang chỉ nước trí. Mẹ non nhân, Cha nước trí, nước non phối hợp hài hòa cho quốc gia vững mạnh, dân tộc trường tồn.

Sự tích Tiên Rồng cũng thể hiện rõ rệt quan niệm về Đạo của Việt tộc. Đạo bao gồm ba yếu tố là âm, dương và hóa tức âm dương hòa hợp tạo nên Đạo. Bình thường người ta chỉ thấy có âm và dương: âm tán dương tụ. Muốn trở thành Đạo âm dương phải kết tụ, giao hòa. Tán tụ là hai luật căn bản của vạn vật trong vũ trụ vì tán tụ là hai mối liên hệ ràng buộc vạn vật với nhau một cách mật thiết. Nói cách khác là vạn vật phải giao hòa để tạo thành nhất thể như Kinh Dịch có ghi nhận là ‘vạn vật nhất thể’. Để nói lên cùng một ý niệm sự tích Tiên Rồng chỉ cần dùng hình ảnh bọc mẹ trăm con rất đơn giản và dễ hiểu.

Ngoài ra, trống đồng Đông Sơn là những cổ vật không ai chối cãi là di sản văn hóa của Việt tộc cũng đã ghi khắc lại trên mặt trống những tư tưởng về vũ trụ quan tương tự trong sự tích Tiên Rồng. Mặt trống tròn chánh là cái bọc được nhắc đến trong sự tích Tiên Rồng tương đương với ý niệm vòng thái cực của Kinh Dịch. Mặt trống vẽ toàn các hình tượng người và vật có mang lông chim nói lên ý niệm Tiên và sự kiện 50 con theo Mẹ lên núi. Tang trống thì vẽ hình 6 thuyền rồng đi trên nước hàm ý 50 con theo Cha xuống biển. Mặt trống cũng được chia ra làm hai với một nửa có các hình tượng số chẵn như nóc nhà 2 chim, đoàn 6 người, chim 4 cặp, và một nửa có các hình tượng số lẻ như nóc nhà 1 chim, đoàn 7 người, chim 3 cặp. Sự phân chia này trùng hợp với điều trong Kinh Dịch gọi là Thái cực sinh lưỡng nghi. Vòng ngoài cùng của mặt trống với 36 con chim là tượng trưng cho 4 hoa hướng dương 9 cánh nói lên ý niệm lưỡng nghi sinh tứ tượng của Kinh Dịch.

Một ý niệm khác của Kinh Dịch là tam tài Thiên Địa Nhân cũng được diễn tả trên trống

đồng Đông sơn của Việt tộc. Ngay giữa mặt trống là hình mặt trời rõ nét, đó chính là yếu tố Thiên. Kế đến là hai vòng vẽ hình người múa hát, tượng trưng cho yếu tố Nhân. Hai vòng ngoài cùng vẽ hình chim thú tượng trưng cho đất, chính là yếu tố Địa vậy. Tang trống cũng diễn tả ý niệm tam tài bằng ba phần: phần trên chỉ trời, phần thân trống chỉ người và phần chân trống chỉ đất.

Ngoài ra, nhìn vào mặt trống ta cũng thấy thấp thoáng hình bóng của ngũ hành là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa và Thổ. Như trên vừa nói hai vòng ngoài cùng của mặt trống có hình chim thú, kế đến là hai vòng hình người, trong cùng ở ngay giữa là vòng mặt trời biểu thị cho hành Thổ trung cung, cộng tất cả các vòng lại ta có con số 5 của ngũ hành với hành Thổ ở giữa và bốn hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa ở bốn phương đông, tây, nam, bắc. Tóm lại, sự tích Tiên Rồng đã được thể hiện trên trống đồng Đông Sơn. Và qua trống đồng Đông Sơn ta thấy hình người và chim muông cùng hợp ca múa hát trong cảnh thái hòa hạnh phúc giữa trời, đất và người. Nếu minh triết là nghệ thuật tối cao sắp đặt cuộc sống sao cho mọi người đạt được hạnh phúc, thì triết lý của Việt tộc được gói ghém trong sự tích Tiên Rồng và biểu hiện qua trống đồng Đông sơn đã nói lên được tánh cách ưu việt đó là hội nhập được hai thái cực cùng tốt là âm với dương, có với không, chẵn với lẻ, vuông với tròn, vật chất và tinh thần một cách trọn vẹn và hài hòa.

Những tánh cách ưu việt đó đem đối chiếu với Kinh Dịch nói chung và thái cực đồ nói riêng ta thấy có nhiều điều trùng hợp. Qua các điều dẫn chứng vừa trình bày, ta có thể ghi nhận là sự tích Tiên Rồng và Thái cực đồ của Kinh Dịch là hai ấn bản của cùng một tư tưởng triết học, Tiên Rồng của Việt tộc có tánh cách bình dân dễ hiểu, Kinh Dịch của Hán tộc có tánh cách bác học khó hiểu. Cả hai cùng nêu cao một vũ trụ quan lưỡng nhất tính và quan niệm âm dương vẫn được nền triết học thế giới thừa nhận là hai yếu tố đặc thù của nền triết học Đông phương. Điều sau cùng độc đáo tưởng cần phải ghi nhận là sự tích Tiên Rồng đã có từ hơn năm ngàn năm trong khi Kinh Dịch chỉ mới biết đến khoảng hai ngàn năm trăm năm mà thôi.

Tài liệu tham khảo:

Kim Định -- Thái Bình Minh Triết, Thời Điểm xuất bản, 1997.

Đào Văn Dương, et. al. -- Tinh Hoa Tư Tưởng Việt, Tủ Sách Việt Thường xuất bản, 1997.

Nam Thiên -- Kinh Việt, Hoa Tiên Rồng xuất bản, 1993.

Như Phong

Vô thường

Giữa cõi nhân sinh đất với trời
ta bà ở trọ một lần thôi
tham sân võ mộng đau lòng khóc
ngộ được trả vay ngần mặt cười

hoa cỏ nở tàn xong một kiếp
cuội đá âm thầm tuế nguyệt phơi
lạc cánh chim di hoài cổ quận
tha hương hoài niệm chốn thổ nơi
mưa nắng đi về ta với ta
ngày tháng trôi nhanh tóc sương pha
cũng bởi tham sân nên chuốc khổ
buông thương danh lợi được an hòa
Bành Tô tám trăm năm tuổi thọ
Thạch Sùng đêm vắng tiếc của kho
rời ra cũng thành người thiên cổ
sinh tại Liên Hoa mới đúng là...

Lâm Thúy

Đóa Hồng Vu Lan

Vẫn biết đời như huyền mộng
Thế nào mẹ cũng ra đi
Mà mong mẹ còn vui sống
Mỗi năm đón đợi con về
Sống đời tha hương lữ thứ
Vọng hoài một hương trời quê
Có mẹ nâng niu gìn giữ
Một góc thiên đường bên kia
Vu Lan, lên chùa lễ Phật
Cầu mẹ trường thọ, sinh tồn
Đóa hồng vô hương hữu sắc
Mà sao bát ngát trong hồn...
Con giữ màu hoa thắm đỏ
Tạ ơn trời Phật nhiệm màu
Cứ sợ một ngày nào đó
Đổi thành hoa trắng thương đau
Đóa hồng còn nguyên sắc thắm
Đời con đã trắng hoa tang
Mẹ đã về miền xa vắng
Hồn con cay đắng ngập tràn!
Đóa hồng chỉ là kỷ niệm
Nhắc khoảng đời vui qua rồi
Kể từ nay và vĩnh viễn
Con cài hoa trắng, mẹ ơi!

Nguyễn Xuân Thiệp

Những cánh diều

Ấu thời ở quê nhà ngày xưa, cậu con trai nào không chơi diều, thả diều. Và có thể nói trong lòng mỗi gã đàn ông trung niên đều có kỷ niệm về những con diều giấy. A, những cánh diều bay lượn trên bầu trời là hình ảnh của tuổi thơ bình yên, trong sáng, hạnh phúc. Và Nguyễn đã gấp lại những cánh diều ấy trên bãi biển Galveston vào một buổi sáng sắp vào thu. Phải nói là lòng gã đàn ông tóc trắng này tràn ngập niềm vui và sự ngạc nhiên. Ở Mỹ ngày nay trẻ con cũng chơi thả diều sao? Tìm hiểu, Nguyễn được biết: Có hai gia đình Việt Nam với vợ chồng con cái cùng đi tắm biển Galveston sáng hôm ấy. Chắc hẳn hai ông bố hồi nhỏ cũng mê thả diều nên muốn các con mình biết niềm vui trong sáng của ấu thời. Và họ đã làm hai con diều thật đẹp, màu cánh sen pha nâu và biếc, như màu của một chiếc chăn thêu. Một trong hai ông bố có tên là Hải, ngày xưa từng thả diều trên cánh đồng làng Lại Thế, Phú Vang, là nơi quê nhà của Nguyễn. Từ những cánh diều trên bãi biển Galveston và những cánh diều trên cánh đồng Lại Thế ngày xưa, Nguyễn liên tưởng đến những cánh diều ở thành phố Kabul trong cuốn *The Kite Runner* (Kẻ Săn Diều), tự truyện của nhà văn Khaled Hosseini, xuất bản cách đây năm sáu năm, nổi tiếng và trở thành bestseller trên văn đàn nước Mỹ. Truyện đã được hãng Paramount dựng thành phim cùng tên. Nhân vật chính của *The Kite Runner* là cậu bé Amir, và bên cạnh có Hassan và những cánh diều lúc hiện lúc biến.

Tháng Mười hai năm 2001, ở San Francisco

Vào truyện, Amir đang đi bộ dọc theo bờ hồ Spreckels Lake của công viên Golden Gate Park. Lúc bảy giờ anh đã xa đất nước Afghanistan được hai mươi năm và hiện đang ở San Francisco nơi anh xem là quê nhà. Amir vừa nhận được một cú điện thoại của người bạn xưa Rahim Khan từ Pakistan gọi tới. Bàng hoàng, ngạc nhiên, Amir tưởng chừng như quá khứ đang nói với mình. Ngược mắt nhìn lên cao, anh trông thấy hai cánh diều màu đỏ đang lượn bay trên đầu những ngọn cây. Trí tưởng Amir bay về ngôi nhà xưa ở Kabul năm Amir mới 12 tuổi. Ở đó có Baba cha anh, Ali người quản gia giúp việc và con trai là Hassan, bạn của Amir. Ngoài ra còn có thêm ông bạn của gia đình Rahim Khan, như đã nói ở trên. Và tuổi thơ vui đùa nghịch ngợm và thành phố đầy yêu và những cánh diều.

Tháng Mười hai năm 1975, ở Kabul

Buổi ấu thời đó, Amir được đi học còn Hassan thì không. Hassan và cha là Ali ở căn nhà phụ đằng sau, cậu có nhiệm vụ dọn bữa ăn sáng và ủi áo quần cho Amir. Nhưng hai đứa chơi thân với nhau, như ruột thịt, đã cùng nhau khắc tên trên gốc cây lựu già sau nhà. Nhất là Hassan, cậu tận tình, tội nghiệp hy sinh cho Amir. Hai đứa thường cùng nhau đi xem chiếu bóng trong thành phố và bày ra nhiều trò chơi: trèo cây, bắn nả, hái những trái lựu đỏ, thả diều. Nhất là thả diều, đúng ra phải gọi là chơi diều (kite fighting). Trò chơi này ở Afghanistan không giống với trò chơi thả diều ở Việt Nam.

Thả diều, chơi diều ở đây thường vào mùa đông, lúc tuyết rơi phủ trắng mái nhà thành phố. Cho nên, với trẻ con mùa đông đến là niềm vui lên khơi. “Mùa đông,” xin hãy nghe Amir kể. “Điều tôi thường làm vào ngày đầu tiên tuyết rơi mỗi năm là bước ra khỏi nhà thật sớm, hai tay ôm vòng lấy ngực cho bớt rét. Chung quanh tôi, cái driveway và chiếc xe của cha tôi, những bức tường, hàng cây, mái nhà, những ngọn đồi phủ tuyết trắng dày tới một foot. Tôi mỉm cười. Bầu trời thì trong xanh không cùng, tuyết trắng tới lóa mắt. Tôi cho cả một bùm tuyết vào mồm, lắng nghe sự im lặng trùm lên cảnh vật chỉ bị phá vỡ bởi tiếng kêu của những chú quạ đen. Chân trần, tôi cứ thế bước trên các bậc thềm trước nhà, cất tiếng gọi Hassan ra xem...” Mùa đông đúng là mùa yêu thích của mọi trẻ em ở Kabul, ít ra là cũng với những đứa cha chúng có thể mua cho một chiếc lò sưởi nhỏ. Lý do thật giản dị: Mùa đông tuyết rơi băng phủ trường đóng cửa, trẻ con được ở nhà đọc sách hoặc chơi đùa bên lò sưởi. Với Amir, mùa đông có cái thú được chơi bài dài dài với Hassan trong hơi ấm của chiếc lò sưởi cha mua cho. Rồi được cùng nhau đi xem phim Nga vào những sáng thứ ba ở rạp Cinema Park, rồi lại còn được ăn món quarma với cơm sau một buổi sáng tận tâm tận lực đập thẳng người tuyết.

Và tất nhiên, được chơi diều. Chơi diều. Săn diều.

Những cánh diều ở Kabul - thân diều vẽ màu sắc sỡ, dây được nhúng vào nhựa đường đặc quánh, trộn lẫn với keo và miếng chai giăng lên cây phơi khô cho cứng và sắc. Mùa đông năm 1975, Amir và Hassan cùng tham dự cuộc thi (tournament) chơi diều ở Kabul. Amir kể: “Cứ tới mùa đông, các quận hạt của thành phố Kabul cùng nhau tổ chức cuộc thi chơi diều. Ngày hội chơi diều đúng là một hội vui trong mùa băng giá. Tôi thức suốt trong đêm trước ngày trọng đại. Tôi thường nằm lăn qua lăn lại, hai tay tạo ra hình thù những con vật trên tường, có khi ngồi im lặng trên balcon trong bóng tối với chiếc chăn quấn quanh mình. Tôi có cảm tưởng mình như một người lính cố đồ giấc ngủ trong chiến hào vào đêm trước ngày có trận đánh lớn. Ở Kabul, cuộc chơi chơi diều cũng giống như một cuộc chiến vậy.”

Xin các bạn cùng Nguyễn tưởng tượng: Có tới mấy chục con diều bay lượn trên bầu trời và cả thành phố kéo nhau ra xem, reo hò dậy đất. Đám trẻ cho diều bay tung tăng trên trời, cố diều khiển con diều lao xuống, vờn quanh, phóng vọt lên, sao cho sợi dây cắt đứt dây diều của đối thủ. Hai bàn tay của Amir và Hassan chảy máu ròng ròng. Lần lượt các con diều bị chém rụng chỉ còn diều của Amir và một con diều màu xanh đối thủ rượt đuổi nhau trên bầu trời chiều. Kết cuộc, diều của Amir thắng, và Hassan chạy đuổi theo để bắt con diều màu xanh kia. Và trong lúc cố bảo vệ con diều để mang về cho bạn, Hassan bị lũ trẻ đường phố vây khốn và hành hạ nhưng Amir đã nhẫn tâm không tiếp cứu.

The Kite Runner đã đưa Nguyễn về lại thời thơ ấu, với những trò chơi giống như đôi bạn nhỏ Amir và Hassan. Trèo cây, bắn ná, hái trái, lội sông, bẻ trộm bắp... Nhớ những buổi đi xem xi nê với thằng bạn cùng lớp ở rạp TânTân đường Trần Hưng Đạo thành

phố Huế. Nhớ những trận banh trên thửa ruộng trước trường Thế Dạ tới tới mịt mịt về bị ăn đòn. Nhớ những chiều thả diều trên cánh đồng làng Lại Thế, mơ chiếc diều có đủ dây để có thể bay lên cao đựng tới mặt trăng! Nhớ những cơn mưa đông và nắng hè trên dãy bâng và mái tranh thôn ỏ. The Kite Runner cũng nhắc Nguyễn nhớ tới những đứa bạn nhỏ da khét nắng, tóc húi cua, bây giờ không biết chúng đi đâu về đâu...

Đọc The Kite Runner, nhìn những cánh diều bay trên thành phố Kabul, Nguyễn cũng không khỏi xót xa nghĩ tới Sài Gòn thân yêu. Đã có một thời, đứng ở một góc đường nào đó, ở sân nhà thờ Tân Định hay trên bến Bạch Đằng, hoặc giả ở chỗ vào sân bay Tân Sơn Nhất, ngược mắt lên trời khi gió lên, ta thấy những cánh diều bay lơ lửng. Những cánh diều này không bị ai hạ và cũng không bị ai săn đuổi. Đây, chúng ta hãy theo những bước chân lang thang trên hè phố của Bình Nguyên Lộc để nhìn những cánh diều lượn bay trên bầu trời thành phố Sài Gòn những ngày nào.

“Sung sướng lớn của kẻ đứng đường mà đã quá mỗi chân là dừng bước lại, vào buổi chiều ở bờ sông hay trên hè phố để ngắm diều. Không ai ngờ rằng giữa một thành phố chật như nêm là Sài Gòn này mà qua mùa nực, chiều nào cũng hằng trăm con diều giấy bay lượn trên không trung. Diều giấy có sự sống hẳn hoi. Khi diều đã lên cao vút trên kia rồi thì không còn phân biệt được hình thù và màu sắc của nó nữa. Tuy nhiên người ta vẫn nhận diện được từng con một, không con nào giống con nào. Mỗi con diều có cá tính riêng của nó. Có con diều trầm lặng, lang thang, thông thả như người khách nhàn du, dạo mát buổi chiều. Có con diều hung hăng, lồng lộn như ngựa chứng. Có con diều lẳng xẵng như một anh chàng nóng tánh, ngồi đứng không yên chỗ. Có con diều không biết nhớ đất hay sao mà cứ thỉnh thoảng chúi mũi toan đâm đầu xuống, nhưng rồi lại trèo trở lên ngay vì có lẽ nó biết kiếp diều là phải ở trên đó cho tròn sứ mạng diều.”

Khi bộ đội Cộng Sản tiến vào Sài Gòn coi như cuộc đời mỗi người chúng ta đã hết. Với Taliban, nước Afghanistan thời tuổi trẻ của Amir cũng đã chết. Mọi cái đều đã chết, kể cả sự tử tế của con người - như lời thuật trong The Kite Runner. Chết chóc ngay trong đời sống của mọi người. Ở Kabul, và cả Sài Gòn của chúng ta, nỗi sợ hãi có mặt cùng khắp, trên phố xá, trong các quán chợ, dưới từng mái nhà. Đêm đêm, chỉ lo có tiếng người gõ cửa. Nỗi lo sợ và tuyệt vọng khiến người ta bỏ thành phố ra đi. Ôi thôi, chết trên rừng trên biển hoặc sống trong những trại tị nạn ở Pakistan (hay ở Malaysia?) - và, đôi khi chết còn may mắn hơn sống. Người lê lét kiếm ăn khắp cùng đường phố, trong số những người này có kẻ có trình độ đại học, hoặc từng là giáo sư trung học, nhà văn và cả triết gia.

Amir trở về Kabul như một cuộc hành trình hy sinh và cứu chuộc (redemption), cố tìm cho được cậu bé Sohrab con của Hassan. Nơi đây, trong những ngày bi kịch, đã có lúc Hassan mơ những giấc mơ thật đẹp. “Tôi mơ thấy những đóa hoa lawla nở lại trên những con đường của Kabul, nhạc rahab trỗi lên tung bừng rộn rã trong các quán trà (samovar houses) và những cánh diều bay rợp trời thành phố”. Trong khi mơ như thế,

Hassan chờ đợi người bạn thơ ấu trở về - điều không bao giờ Hassan có được. Và dòng đời đã cuốn trôi bao nhiêu phận người: Baba, Ali, Hassan, Rahim Khan... Phước hạnh thay, ở hồi kết cuộc, Amir cùng Sohrab - con trai của Hassan - và vợ là Soraya tìm lại được hạnh phúc trong một buổi chiều trên cánh đồng ở Fremont, nước Mỹ. Amir chạy theo con diều, nhưng làm sao trở lại ngày xưa với Hassan..."

Bạn ơi, làm sao trở lại ngày xưa, với những cánh diều trên cánh đồng làng Lại Thế, với hương hoa nhài hoa sứ và những chiều lá rơi, lá rơi trên vỉa hè đường phố Sài Gòn.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh

HERMIT AND THE EMPTINESS

Poem by Minh Duc Trieu Tam Anh

Translated by Diễm Nghi

Contemplating amid the emptiness of mountain valley

I suddenly noticed, evening hurriedly
chased after the cloud.

Time heavily fell on silent rock,
with presence-completely lost in space.

I boarded solitude to find tears
in fragile death.

Fireflies have become blind,
leaving the stars
with no one to watch?

An hermit life, an old crab leaving its cave,
high up on a mountain-still afraid of rising tide.

Shirtful dusts- I got exhausted of brushing off.

A reclusive life entailed much annoyances.

A hermit life, a bird on mountain peak,
chanted under new sunlight, amid smog.

It bled by the poet 's melancholic soul,
which sparked like fire in the twilight.

I wandered at night under lone moon
Willow trees shivered in rainy dews.

All my life, I denied fame,
to lead a quiet path
since the beginning.

Boundlessness is now just a breath
with timeless smiles around here

My life as a hermit, an old crab leaving its cave,
transformed into grasses at the Western hill.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh (Thiền sư Giác Đức)

Đạo sĩ và hư vô

Ta ngồi mãi giữa hư vô lòng núi
bỗng thấy chiều hót hải đuôi theo mây
khôì thời gian rơi vào triền đá lặng
hiện tại nào mất hút ở đầu cây
đời đạo sĩ, con còng già bỏ tổ
lên non cao còn sợ nước triều lên
bụi đầy áo, phủi hoài tay cũng mỏi
có nhiều khi ản dật cũng ưu phiền
ta ghé bên đìu hiu tìm hạt lệ
rơi quanh mình với nổi chết xanh xao
hoa đóm bay đã vô tri trông mắt
còn bầu trời ai hái những vì sao!
đời đạo sĩ, con chim trên đỉnh núi
ngợi ca ngày nắng mới, giữa mù sương
chim rướm máu bởi hôn thơ u khoát
rớt xuống trần như lửa cháy tà dương
ta bước xuống, đêm, và vàng trắng lạnh
khóm lau già run rẩy nước sương mưa
trộn thân thể ta chới từ vinh hạnh
theo con đường lặng lẽ tự ngàn xưa
chừ vô biên chỉ còn là hơi thở
và nụ cười bất diệt ở quanh đây
đời đạo sĩ, con còng già bỏ tổ
hóa thân làm lau cỏ ở đồi tây!

Minh Đức Triều Tâm Ảnh

Translated by Diễm Nghi

Đặng Tiễn

Roman Jakobson và thi pháp

Trong thập niên 1970 danh từ thi pháp (poétique) trở thành thông dụng, thi pháp học dần dần trở thành một khoa học phổ biến, dính liền với ngành ngữ học, trong một khung cảnh học thuật rộng lớn hơn, là khoa ký hiệu học.

Thi pháp học không chỉ nghiên cứu về bộ môn thi ca như nhiều người tưởng, mà nhắm đối tượng lớn hơn: Tính cách thẩm mỹ của ngôn ngữ. Ngôn ngữ có nhiều chức năng, chủ yếu là thông tin, nhưng còn một chức năng đặc biệt, ít được lưu tâm, là chức năng thẩm mỹ, bàng bạc trong mọi hình thức diễn ngôn, lời nói ngày thường, lời ăn tiếng nói của nhân dân, ngôn ngữ bập bẹ của trẻ con. Nhưng chức năng thẩm mỹ cô đúc và

phong phú nhất là trong ngôn ngữ thi ca.

Do đó, thơ trở thành khu điền giả, địa hạt thí nghiệm, thực tập cho khoa thi pháp, truy lùng tận gốc rễ chức năng thẩm mỹ của ngôn ngữ. Nói để nói cái gì với ai, là chức năng thông tin. Nói để nói một lời nói đẹp, là chức năng thẩm mỹ. Chức năng thẩm mỹ nằm chồng lên chức năng thông tin để tăng mức hấp dẫn, sức thuyết phục cho thông tin; nhưng tự thân nó tính thẩm mỹ, tính thi pháp, là một chức năng độc lập.

Một ví dụ, cũng là cách ví von:

Trúc xinh trúc mọc đầu đình

Em xinh em đứng một mình cũng xinh.

Thơ được sử dụng như một phòng thí nghiệm của nhiều khoa học khác: ngôn ngữ học, ký hiệu học, dân tộc học. Cho nên được ưu đãi trong các công trình nghiên cứu, chứ không phải vì thi ca quan trọng hơn các hình thức diễn ngôn khác.

Nói một cách quá đáng, cho dễ hiểu, thì thơ là con chuột bạch cho nhiều bộ môn khoa học nhân văn hiện đại và đương đại.

Người đi tiên phong, có những đóng góp phong phú và quyết định cho tư trào này là nhà ngữ học Roman Jakobson, 1896 -1982, gốc Nga định cư ở Mỹ và phạm vi hoạt động vòng quanh thế giới. Từ 1915, ông đã tích cực đóng góp vào trường phái hình thức Nga, và một trong vài ba lãnh tụ Câu Lạc Bộ Ngôn Ngữ Học Praha: nhóm này, tại hội nghị Ngôn ngữ học Quốc tế họp tại Den Haag, Hà Lan, 1928 đã đặt những viên đá đầu tiên cho nền ngữ học cấu trúc (Linguistique Structurale) từng bước tiến bộ về sau, bước sang nhiều lãnh vực khoa học và dần dà ngày một ngày hai trong nửa thế kỷ, sẽ chiếm địa vị quan trọng - nếu không phải là độc tôn, trong sinh hoạt nghiên cứu khoa học nhân văn trên toàn cầu.

Đã có nhiều quan niệm, định nghĩa về thơ. Những quan niệm thay đổi tùy nền văn hóa, văn minh, thời đại, xã hội, giai cấp, trình độ, hoàn cảnh, tâm lý cá nhân. Thậm chí một cá nhân, người làm thơ hay người nghiên cứu, tùy lúc cũng có những định nghĩa khác nhau. Tranh luận chỉ hao hơi và mất ngày giờ.

Nhưng giới nghiên cứu thế giới hiện nay dường như đồng thuận với quan niệm Roman Jakobson đã phát biểu từ năm 1919:

“Cách đặt đối tượng vào ngôn từ, vào khối từ ngữ: tôi gọi đó là thời điểm duy nhất và thiết yếu của thơ, đừng không những vào lối kết hợp chữ nghĩa mà còn đừng vào cái vỏ của ngôn từ. Sự liên hợp tự động giữa ngữ âm và ngữ nghĩa (le sens et le sens) nhanh chóng hơn thường lệ (1919: bài Thơ Mới tại Nga).

1933, trong bài Thơ là gì, ông định nghĩa rõ hơn bằng cách so sánh chức năng thi pháp qua nhiều hình thức diễn ngôn, qua nhiều sinh hoạt và tác giả khác nhau. Roman Jakobson là nhà Bác học thâm sâu, còn là một nhà sư phạm tài ba: điều khó đến đâu, cũng có cách làm người ta hiểu được.

Ông bắt đầu: muốn biết thơ là gì, thì phải đối lập nó với cái không phải là thơ - chuyện

không đơn giản. Rồi nhắc lại: “Quan niệm về thơ là bất định, thay đổi với thời gian, nhưng chức năng thơ, hay thi tính là một yếu tố khu biệt, không thể máy móc ước lượng vào những thành tố khác. Phải cô lập nó để thấy đặc tính. Nói chung thi tính cũng chỉ làm thành phần cho một cấu trúc phức tạp, nhưng thành phần có khả năng biến thể các thành tố khác để tạo nên một tổng thể chung (...) khi thi tính, chức năng thi ca chiếm vị thế chủ đạo trong một tác phẩm văn chương, thì ta gọi là thơ”. Ông ví von: dầu, không phải là món ăn riêng nhưng nhiệm vụ của dầu sắc bén đến độ con cá chiên... không còn là cá (!)

Roman Jakobson lý giải chính xác:

“Thi tính phát hiện cách nào? một từ được cảm nhận như một từ, chứ không phải cái thay thế cho sự vật được gọi tên, hay một bùng vỡ cảm xúc. Rằng là: từ pháp và cú pháp, ý nghĩa, ngoại hình và nội hình của chúng không phải là những chỉ dấu dừng đọng của thực tại, mà chúng có trọng lượng riêng và giá trị nội tại”.

Tóm lại, thơ là một ngôn ngữ tự lấy mình làm đối tượng.

Chức năng thơ, trong ngôn ngữ, là tạo giá trị thẩm mỹ cho lời nói thường, để tăng mức độ thuyết phục cho thông tin hay biểu cảm.

Còn về mặt xã hội, chức năng thơ, hay tác phẩm thi ca là gì?

“Thi phẩm, giữa toàn thể giá trị xã hội, không chủ đạo, cũng không lấn áp được những giá trị khác, nhưng vẫn là nguồn tổ chức cơ bản của ý thức hệ luôn luôn có định hướng. Thơ gìn giữ chúng ta chống lại tính máy móc, sự han rỉ hăm dọa tâm hồn. Tình yêu và thù hận, nổi loạn và hòa giải, đức tin và phủ nhận”.

(Nguyên văn tiếng Tiệp, dịch theo bản tiếng Pháp của Marguerite Derrida)

Chức năng thơ không phải là thủ thuật của thi nhân. Thi tính do thiên tính, trẻ con tập nói đã biết sử dụng. Lời ăn tiếng nói của dân quê nhiều màu sắc độc đáo, nước nào cũng vậy. Về cuối đời, năm 1970 Roman Jakobson chứng minh điều này qua văn học dân gian Nga, Ba Lan: tục ngữ, cao dao, câu đố.

“Văn học dân gian cung cấp cho ta ví dụ hùng hồn về những cơ cấu ngôn ngữ mang nội dung phong phú và hiệu lực sắc bén, hoàn toàn độc lập với lý luận trừu tượng”.

Công trình nghiên cứu Roman Jakobson bao trùm nhiều lĩnh vực, ngôn ngữ nhiều nước, là nguồn kiến thức cho giới nghiên cứu nhiều dân tộc khác nhau trên thế giới.

---o0o---

Đóng góp lớn lao nhất của Roman Jakobson trong lý luận về thi pháp là đã thuyết minh tương quan giữa ngữ âm và ngữ nghĩa, giữa từ và nghĩa, phản biện lý thuyết lừng danh của F.de Saussure trong Giáo trình ngữ học đại cương (1913), kinh điển của khoa ngữ học hiện đại: tương quan giữa ngữ âm (cái biểu hiện) và nghĩa (cái được biểu hiện) là vô đoán. Nôm na là không có liên hệ.

Ngược lại trong loạt Sáu bài giảng về âm và nghĩa 1942-1943 Roman Jakobson đã chứng minh rằng có quan hệ giữa âm và nghĩa, chứ không phải là vô đoán. Đây là tranh

luận về lý thuyết về ngôn ngữ giữa giới chuyên gia, nhưng với người đọc trung bình cũng quan trọng.

Vì nếu Saussure nói đúng: không có tương quan giữa âm và nghĩa, thì... thì sẽ không có thơ! Hoặc giả ngôn ngữ thơ sẽ nghèo nàn lắm, lý luận về thi ca sẽ khốn cùng. Thơ sẽ là lỗi minh họa vắn vè, một trò tiêu khiển phù phiếm.

Cuốn Vấn đề thi pháp của Roman Jakobson xuất bản năm 1973, là sách kinh điển cho giới lý luận. Còn Sáu Bài Giảng, là những ghi chép làm nền cho giáo trình, cho nên mãi đến năm 1976 tác giả mới công bố, nên ít người biết và tham khảo. Nhưng đây là sách cơ bản.

Roman Jakobson bắt đầu khảo sát âm vị (phonème), liên hệ với hình vị trong mỗi hệ thống ngôn ngữ để đi đến kết luận rằng không có một “nghĩa tự tại và độc lập: cái nghĩa nào đó luôn luôn gắn liền với một ký hiệu”. “Trong ngôn ngữ không có ý nào không lời, hoặc lời nào không ý”(Từ chính xác là cái biểu hiện và cái được biểu hiện. Tôi dịch thoát cho nhẹ nhàng và dễ hiểu). Roman Jakobson lặp lại ý của Benveniste phản bác Saussure “giữa cái biểu hiện và cái được biểu hiện, tương quan không võ đoán, nó thiết yếu” (Acta Linguistica, tập I, 1939) - Về sau, nhà dân tộc học Claude Levi- Strauss sẽ hưởng ứng quan niệm này và đẩy lý luận xa hơn.

Tóm lại tương quan giữa âm và nghĩa không phải là phát hiện của Roman Jakobson nhưng ông là người giải minh rành rọt lại là tác giả của hàng ngàn trang lý thuyết về thơ, cho nên quan điểm của ông có giá trị cơ bản.

Trong phần kết luận Sáu bài giảng ông còn nhắc lại một lần nữa, ý kiến đã phát biểu từ 1919: “trong ngôn ngữ thi ca ký hiệu tự bản thân nó đã hoàn tất một giá trị độc lập”.

Roman Jakobson trước hết là một chuyên gia ngữ học với kiến thức vừa bao la vừa sâu sắc, ông mở biên giới ngữ học vào các lãnh vực văn chương, nghệ thuật và các nền khoa học khác.

Riêng lãnh vực thi ca được ông đặc biệt quan tâm và nghiên cứu vì lý do kỹ thuật ngữ học, và cũng vì sở thích riêng. Nhờ đó, giới nghiên cứu, hay khách yêu thơ được thừa hưởng một phương pháp lý luận những kiến thức chuyên môn vô giá. Ngoài ra, còn học được nơi ông niềm liêm chính từ tốn và cần mẫn với khoa học niềm tin yêu và tận tụy với con người, với loài người, trong thân phận làm người.

Roman Jakobson bên trên khoa học là một tâm thế, một tư cách.

Song An Châu

Đêm thâu

Nhiều đêm

thức suốt canh thâu

Nghe xa tiếng hạc

lòng sầu vô biên.

Tiếng mưa

vừa đỏ ngoài hiên
Sao nghe lạnh giá
từ miền xa xăm.
Lay thân
thay đổi chỗ nằm
Mà sao như thể
bao năm... xa vời.
Lần tay
tính lại tuổi đời
Tóc xanh đã bạc
đời trôi về chiều
Giờ tôi
như thể cánh diều.
Vời trông quê mẹ
buồn hiu xứ người.
Bao năm xa xứ người ơi!
Đứt từng đoạn ruột, rã rời tim gan.

Trần Bang Thạch

NGƯỜI NGẬM TẮM SUỐT NGÀY

Không biết có nên gọi ông Lê là người ngậm tắm suốt ngày hay suốt đời. Thật sự thì quỹ thời gian của ông Lê gần cạn, cho nên ông có ngậm tắm suốt ngày, suốt tháng hay suốt đời không phải là điều cần quan tâm. Cái mà có người muốn biết là tại sao lúc nào gặp ông Lê là thấy cây tắm xĩa răng trên miệng, như là vật bất ly thân. Ăn xong buổi trưa, ông phóng cây tắm nằm giữa đôi môi thì có thể hiểu được; chớ cái việc sáng sớm uống xong một tách cà phê rồi điểm tâm bằng một que tắm thì ít thấy trên đời. Có người còn tỏ vẻ thắc mắc là sao ít nghe ông Lê nói chuyện. Câu hỏi lảng vảng: Đã thấy cây tắm lúc nào cũng nằm chình ịch giữa hai hàm răng thì bắt ông phải nói bằng hai cái lỗ mũi à?

Tôi thì chẳng có một thắc mắc gì về cái mục ngậm tắm này của ông. Ông Lê lúc nhỏ còn có biệt danh là Lê Cầm vì cái tánh ít nói, lớn lên lúc đi học ở Sài Gòn còn thêm tên Lê Cận vì đôi mục kính dày như cục đường thốt nốt lúc nào cũng ngự trên đôi mắt. Chúng tôi là đôi bạn nhỏ ở Ba Chúc, Xà Tón thuộc vùng Bảy Núi, nơi được coi là đất Phật. Hầu hết gia đình ở vùng Xà Tón, sau còn gọi là Tri Tôn, theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa nên người ta có đời sống như người cư sĩ, ít nói, ít bon chen, thuần hậu, chất phác, ăn mặc áo quần kín đáo màu nâu hay đen, đàn ông bới tóc như đàn bà, nhưng cái búi tóc thì nhỏ hơn. Người ta nói tóc tai cũng là của cha mẹ, không được phí phạm. Thời còn nhỏ khi chưa biết đọc, chúng tôi đã thuộc nằm lòng câu thơ của Đức Phật Thầy Tây An: “Loài cầm thú còn hay biết ỏ, huống chi người nữ bỏ Tứ Ân”. Thuộc thì

đứa trẻ nhỏ nào trong làng cũng thuộc, nhưng 4 cái Ân hầu như bọn trẻ chỉ biết có 1 là Ân Tổ Tiên, Cha Mẹ; còn 3 cái Ân khác như Ân Đất Nước, Ân Tam Bảo và Ân Đồng Bào Nhân Loại, mà kẻ xuất gia gọi là Ân Đàn Na Thí Chủ thì lớn lên chúng tôi mới hiểu. Thời niên thiếu của ông Lê và tôi thì đa số thanh niên không còn bới tóc, nhưng đời sống vẫn còn ít nhiều khép kín. Có những người già lão cả đời chưa thấy cái đồng hồ trước nhà chợ Sài Gòn. Có lẽ vì Xà Tón, Ba Chúc nằm lọt thõm giữa một bên là các dãy Liên Hoa Sơn, Ngọa Long Sơn và Thiên Cẩm Sơn hùng vĩ, ngăn che phần nào sự tiếp xúc của người Ba Chúc với các vùng lân cận, và một bên là cánh rừng bát ngát tiếp giáp với nước láng giềng Campuchia. Chên giữa những dãy núi là rừng gỗ quý, gỗ tạp, cỏ tranh và cây thối lốt. Con đường liên tỉnh từ Châu Đốc đi Rạch Giá, Hà Tiên qua ngã Tri Tôn đã không sử dụng được từ khoảng đầu thập niên sáu mươi, một phần vì đường thấp, hay ngập lụt nên lồi lõm, khúc khuỷa, một phần vì có những đoạn đường thường bị đắp mô, phá cầu, cắt đường; cho nên những sinh hoạt ồ ạt của nền văn minh thị tứ cũng chậm tới vùng Lương Phi, Châu Lang, Ba Chúc... Đến những tháng ngày sau tháng Tư 75 thì vùng Xà Tón, đặc biệt là xã Ba Chúc có nhiều biến động làm thay đổi nếp sống an bản đạo hạnh của cư dân. Gia đình ai cũng có người đi tù vì mang tội nguy quân nguy quyền, có người vượt biên rồi mất tích. Nhiều gia đình có người thân từ Bắc hay từ vùng sâu trở về tạo nên những tranh chấp về chánh kiến, về đất đai, tài sản, có khi chồng vợ dờ khóc dờ cười sau mấy mươi năm ly biệt. Ở một nơi mà ai cũng thương nhau từ trong nhà ra ngõ, đến đầu làng cuối xóm, đã mấy trăm năm nay, bỗng nhiên sau một cuộc thương hải biến vi tang điền, người trong gia đình cũng tranh chấp nhau, thì Ba Chúc đã biến dạng quá nhiều. Biến cố lớn nhất là cuộc tấn công của Khờ Me Đỏ Pôn Pốt năm 78 sát hại cả ngàn đồng bào Ba Chúc. Cả gia đình của ông Lê 9 người gồm cha mẹ và các anh chị em đã cùng chết thảm bên trong chùa Phi Lai. Trong tù ông Lê có nghe tin, chỉ biết từ xa, từ bên trong vòng rào kẽm gai, mà ngóng về. Ông đã uất ức khóc đến chảy máu mắt. Ở tù trở về năm 82, già trung niên thất thế sa cơ, thất điền bát đảo và thất chí Trần Văn Lê như người mất trí. Ông vốn là người ít nói, nay ông càng âm thầm lặng lẽ hơn; nếu có mở miệng thì hình như ông chỉ nói với những bóng hình khuất mặt. Trước khi ông Lê cùng gia đình vượt biên bằng đường bộ qua ngã Cam Bốt giữa năm 83, tôi có gặp ông nhiều lần. Mãi đến đầu năm 94 khi tôi theo diện HO sang Mỹ tôi mới gặp lại ông. Ông vẫn ít nói như hồi nào.

“Tất cả là ác mộng. Là ác mộng, ông à”

“Tôi tưởng cả chục năm qua ông đã quên hết chuyện cũ”

“Có những chuyện muốn quên thì càng thêm nhớ”

“Thì cũng cố mà quên hết. Như một đoạn đời đã trôi qua”

“Ừ, một đoạn đời dù thảm khốc cách mấy thì cũng phải trôi qua; nhưng vẫn còn đó cả ngàn chiếc sọ người và còn đó bàn tay nhỏ vậy máu vẫn bám dính trên chun tường chùa Phi Lai quê mình”.

“Nhớ làm chi những chuyện ấy cho thêm mệt. Cuộc sống quá đổi chóng mặt nơi đây chưa đủ làm ông ngất ngư sao?”

“Trái lại ông ạ. Rồi thì ông cũng sẽ như tôi. Muốn không nhớ cũng không được. Tôi vẫn nghe đâu đó quanh đây tiếng đọc kinh râm rì của má tôi nơi bàn thông thiên trước sân mỗi buổi tối. Bên tai tôi vẫn có tiếng chó hoang tru đêm trên sườn núi Cẩm. Nhớ những ngày gạo sây, lương khô. Nhớ người bạn tù bỏ xác ngoài vòng kẽm gai trại Hàm Tân. Không ai nhắc mà sao cứ nhớ hoài một đất nước đã bỏ lại!”

“Ông làm tôi nhớ chuyện xưa. Ngày xưa Việt Vương Câu Tiễn phải nằm gai, nếm mật, phải nếm phân kẻ thù, và phải nhờ thuộc tướng nhắc nhở hàng ngày để không quên cái hận vong quốc”.

“Bây giờ thì ông đã thông rồi đó. Sự ra đi tức tưởi hôm nay chính là lời nhắc nhở hùng hồn nhứt trong lòng mỗi người ở đây đó ông à”.

Trên mặt bàn nhỏ đặt phía sau nhà ông Lê đã đầy những lon bia không. Hôm ấy, lần đầu tiên gặp lại người bạn cũ sau nhiều năm, ông Lê đã nói nhiều hơn trước. Và ông chỉ nói nhiều đêm hôm ấy. Tôi thấy ông Lê đã không say vì bia rượu mà ông chệnh choáng vì chất men của một quá khứ nào nùng. Rõ ràng một người mang tâm trạng của con chim quốc tha hương thì khó mà an vui cùng thiên hạ. Từ đó ông Lê càng ít nói hơn.

Sau đó tôi gặp ông Lê hàng ngày tại sở làm khi tôi được ông giới thiệu vào làm cùng công ty với ông. Nhờ đó tôi biết thêm nhiều điều đã khiến ông Lê suốt ngày ngậm tằm, ít nói.

Ông Lê suốt ngày ngậm tằm. Điều này thì ai cũng đã thấy từ lâu. Nhiều người cũng không hơi đâu mà để ý hay tỏ vẻ thắc mắc. Làm việc với ông vài tháng là tôi biết rõ lý do ngậm tằm của người bạn mình. Chỗ chúng tôi làm là một hãng sản xuất và chế biến hàng trăm sản phẩm hóa chất dùng cho ngành nông nghiệp cung cấp cho nội địa và cho cả những nước khác. Công ty tọa lạc trên gần trăm mẫu đất nằm dọc Hải Cảng Houston. Trên bờ là cả trăm bồn chứa to cao như tòa nhà nhiều tầng, là hàng trăm toa xe lửa và xe vận tải 18 bánh vận chuyển hàng hóa tới lui hàng ngày. Dưới bên sông lúc nào cũng có ít nhứt một chiếc tàu hàng to như dãy building trên mặt nước, đèn đuốc sáng choang, thủy thủ và người bốc dỡ hàng lên xuống tấp nập. Máy móc thì chỗ này, chỗ nọ ầm ì chạy suốt ngày đêm. Những người thợ chúng tôi mỗi người làm một chỗ, có chỗ nặng nề làm hai người, làm bằng tay chân với búa kềm bù loong mỡ lét và bằng sự hiểu biết của mình, không cần thiết phải nói với nhau; khi rất cần thì liên lạc bằng điện thoại nội bộ. Là công nhân của hãng này từ hơn 20 năm nay, mỗi ngày 8 tiếng, có khi 12, hay 16 tiếng, có lúc ban ngày, có lúc ban đêm, làm bạn với những bồn chứa im lìm, những toa xe lửa lăm lè, những dàn máy ồn ào... có lẽ là một trong những nguyên nhân đã khiến ông Lê trở nên ít nói. Nói làm sao được với những khối sắt vô hồn vô tri này!

Về sau tôi thật là thích thú khi khám phá thêm một nguyên do khiến người bạn tôi ngậm

tắm suốt ngày. Đó là việc cây tắm nhỏ xíu nằm thường trực trên môi bạn tôi chính là cái mộc che hữu hiệu để ông Lê không phải nghe hay phải nói nhiều với những xếp và những đồng nghiệp, cộng chung đến gần 30 người. Đó là những lúc đầu giờ, cuối giờ, hay lúc nghỉ giải lao và giờ ăn trưa tại phòng nghỉ công nhân, hay những khi gặp nhau tại trạm làm việc. Số là những người cai của chúng tôi từ Mỹ đen, Mỹ trắng, đến Mỹ hay cả cai Việt Nam đa số là khó thương. Thật ra thì có ông cai nào mà dễ thương bao giờ, phải không? Còn các đồng nghiệp thì mỗi người mỗi vẻ, không vẻ nào giống vẻ nào và không vẻ nào là đáng cho mình lê la, chuyện trò thân mật. Đó là ý nghĩ của ông bạn tôi. Tình cờ một hôm ông Lê đã tâm sự với tôi về chuyện này. Có lẽ bạn tôi vợ đứa cả nắm; nhưng nhìn kỹ vấn đề thì tôi thấy bạn tôi cũng có lý phần nào. Điểm chung của gần 30 người ở đây là thuộc thành phần cổ xanh “blue collar”, chánh gốc lao động nên cử chỉ, tánh tình hay lời ăn tiếng nói cũng rất ư là bình dân lao động; câu nói thường có thói quen chen vào những tiếng tục tằn. Cũng lắm khi ông Lê tình cờ đi ngang nghe nhóm này căn nhắc nhóm nọ, nghe người này nói chuyện người kia... Ông bạn Lê của tôi gốc người đất Phật Ba Chúc nói năng mềm mỏng, làm thầy giáo trước khi nhập ngũ, nên những tiếng chửi tục ít khi nào ông muốn nó lọt vào tai mình. Góp vào những câu chuyện thầy lay như vậy thì đời nào ông muốn. Cho nên ông cứ ngậm cây tắm ngồi ở một góc phòng, hay đi về một lối khác. Người ta cũng nghĩ vì ông có cây tắm trong miệng nên không muốn tham gia chuyện vãng với họ chớ không phải vì “unfriendly”. Trong sở cũng có chục người Việt, vài ba người có trình độ học vấn và hiểu biết cao. Những người này cũng ít khi nghe ông Lê thân mật trò chuyện. Điều này lúc đầu tôi cũng lấy làm thắc mắc. Nhưng nghe kỹ lại thì một lần nữa ông bạn Lê của tôi có lý. Một đồng nghiệp đã từng theo học ban Triết Đông với bạn tôi ở Văn Khoa thường giảng rất thông suốt về Đạo Phật, Đạo Cao Đài, Đạo Hòa Hảo, về các Đảng, về luật Nhân Quả, về Tu Thiền, vv... Anh nói say mê như một nhà đạo học, nhưng nếu thử đối chiếu lời nói với tánh khí của anh trong lúc làm việc với nhau hàng ngày thì sao thấy có điều không ổn. Bạn tôi thuật là một lần nghe anh hiền triết nói về Phật, về tu, về Niết Bàn, bạn tôi cũng lắng nghe, nhưng cuối cùng bạn tôi phải rút cây tắm ra khỏi miệng, nói:

“Làm được một phần ngàn những lẽ Đạo anh nói chắc không phải dễ. Tui thì chỉ dám học lồm bồm ba chữ Đạo Làm Người. Học hoài mà gần hết đời vẫn chưa thuộc nửa chữ!”.

Còn một đồng nghiệp Việt Nam khác thì thường nói về chống cái này, tẩy chay cái nọ, về lập thuyết, lập đảng, lập phong trào, vv... Có lẽ những năm đầu bạn tôi còn cho một ít vào lỗ tai, nhưng hơn hai mươi năm nay cứ nghe hoài một điệp khúc thì lỗ tai bằng sáp cũng phải thấy mệt. Một anh bạn khác cứ đọc xong mục Thư Sài Gòn trên các báo với những chuyện như bia ôm ôm bi, bóng đá đá bóng là ồm ồm kể lại, nghe như nghe chuyện dài xe cán chó. Ông bạn khác thì luôn khoe là vừa có bà hai nhí ở Thủ Thừa

nhân chuyển về quê hương năm ngoái:

“Tui nói tui 64 mà Bà hai nhí đâu có tin, nó cứ nói là tui xạo: Em biết anh mới có 46 hè. Còn xuân lắm. Em biết anh có vợ mà hồng hieu sao em vẫn thương anh quá chừng chừng. Cung ơi là cung!!!”

Những chuyện như vậy thì bạn tôi không muốn nghe và không muốn góp lời là phải. Cho nên tại sở làm bạn tôi chủ yếu dùng cây tăm để ngậm tăm cả ngày. Vừa được việc, vừa không bị mang tiếng làm cao. Bạn tôi khôn thật!

Vậy còn ở nhà thì sao? Thì vẫn như vậy. Ngậm tăm cả ngày. Bạn tôi đã cắt nghĩa ngọn ngành cho tôi nghe về chuyện lạ khó tin nhưng có thật này. Khó tin vì ở, ăn, ngủ... chung nhà mà vợ chồng, con cái ít nói với nhau thì chẳng lẽ ai cũng chuyện trò với cái bàn, cái ghế sao? Số là như vậy: Bạn tôi vốn ít nói, còn bà vợ thì sang đây học được cái bằng kế toán hai năm, làm việc bàn giấy ở một công ty nhiên liệu lớn, là một “white collar” nên có vẻ làm cao với người chồng lao động chân tay của mình, nên nói năng đã nhiều lại không được mềm mỏng, và hay gắt gỏng với chồng. Bà tự do mua sắm hay tự ý gởi tiền bạc về cha mẹ anh em bên nhà. Ông Lê có góp ý đôi lần; mỗi lần như vậy thì sóng thêm to, gió thêm lớn trong nhà. Từ ngày ông Lê có cây tăm trong miệng thì sóng lặng, gió êm. Nhà cửa thoát nhìn như một tổ ấm, nhìn lâu thì thấy tổ ong!!! Tương tự như chuyện hai thằng con. Con cái làm chuyện này chuyện nọ ông Lê thấy không được, bèn góp mấy lời. Đứa nào cũng nói: “Con lớn rồi, ba khỏi phải lo!”. Ông Lê nhớ lúc ông đã là một đại đội trưởng mà ba má ông còn lo lắng và dặn dò ông từ chuyện nhỏ, như đừng quên đem theo chai dầu Nhị Thiên Đường lúc đi hành quân, đến chuyện lớn là nên đối xử tử tế với dân, với nước. Nhút nhút ông đều nghe theo và vô cùng cảm ơn cha mẹ. Ông nói năm thằng lớn xong trung học, ông muốn nó học ngành thuốc, nó nói gọn hơ:

“Sao người Việt Nam nào cũng muốn con cái làm bác sĩ, dược sĩ, luật sư! Con không thích mấy cái này!”.

Nó không thích làm bác sĩ nhưng bây giờ dù không thích nó vẫn phải vác đơn đi xin việc; không phải ngành Quản Trị Thương Mại như đã học thì làm người bán hàng ở Gallery Furniture “you save money”; làm được vài tháng lại vác đơn xin việc chỗ khác sau khi ăn hết tiền thất nghiệp. Còn thằng em thì theo bạn bè nhuộm hai ba màu tóc, lại còn dựng đứng như rễ tre. Má thì cứ áp dụng chặt chẽ phương án 3 không mà dạy dỗ con cái: không nghe, không thấy, không biết. Nhưng ông già Xà Tón thì nhịn không được, bèn có mấy tiếng la rầy nhẹ nhàng. Thằng con bỏ đi nửa ngày rồi trở về nhà với cái đầu trọc! Ông già mà nói thêm vài tiếng nữa không biết cái da đầu của nó còn không.

Từ nhà ra ngõ, không còn chỗ nào là chỗ của ông bạn tôi. Thật là thương cho ông, cây quất bị bứng từ nước Yên sang trồng bên nước Tần.

Có lẽ ông bạn tôi cũng không thích suốt ngày phải ngâm tắm đâu, nhưng dầu sao cây tắm cũng là vật thiết thân, là người đồng hành của ông bây giờ.

Cái khổ là thằng tôi đây. Chẳng lẽ tôi lại bắt chước bạn mà tìm tắm để ngâm suốt ngày?

Lưu Nguyễn Từ Thúc

Houston tháng mười hai

Tháng mười hai mây sâu giăng ảm đạm
Trời Houston bỗng tuyết giá bay về
Hồn lạnh cảm nghe gió buồn lê thê
Bếp sưởi nhỏ không khiến lòng đủ ấm.
Tháng mười hai ta ngồi đây gặm nhấm
Nỗi cô liêu chìm ta xuống trứng buồn
Tuyết ngoài trời phủ kín cả hồn đơn
Trong thinh lặng tiếng chim buồn vọng lại.
Tháng mười hai những bóng hình trẻ dại
Bềnh bồng bay giữa quên lãng tháng ngày
Hồn phiêu bạc vào mịt mù nhân ảnh
Chốn trời xa hờ hững cánh chim bay.
Tháng mười hai ta lạc vào phố ảo
Gởi niềm riêng đến những chốn vô bờ
Rời vô vọng lịm hồn bên bến đợi
Và ngâm ngùi nỗi nhớ giữa trang thơ.

Dương Quân

Một ngàn năm

Một ngàn năm! Em hẹn anh
Một ngàn năm ấy bao tình, hờ em?
Ngàn năm thấp nén hương nguyên
Bao lần hóa kiếp giữ nguyên lời thề.
Ngàn năm một giấc ngủ mê
Mấy vòng nhứt nguyệt đi, về nắng mưa.
Ngàn năm đã đủ hay chưa
Trăm luân mấy cõi cho vừa giấc say?
Ngàn năm bể nhớ voi đầy
Đường trần đã lỡ kiếp này mất nhau.
Ngàn năm hình phạt thấm đau
Mà như con nước qua cầu chảy xuôi
Ngàn năm mấy đợt làm người
Hay cây cỏ mục, ngâm ngùi rong rêu.

Ngàn năm gỗ đá tiêu điều
Khói sương tan hợp trăm chiều ngồn ngang
Ngàn năm hưng thịnh, phai tàn
Lại ngàn năm khác muôn màng tiếp theo.
Oì! Người say đắm ta yêu
Ngàn năm miễn được một chiều có em.

Trần Hoài Thư

Đời đầy chuyện ngạc nhiên

Mùa hạ, thường thường vào giờ ăn trưa, ông Nguyễn vẫn quen lái xe ra bờ kênh, cách hăng khoảng một dặm đường. Trưa nay, ông cũng có thói quen như thế. Ông khóa cửa phòng làm việc. Rồi xuống thang máy. Ngoài kia nắng tháng bảy nhìn đến lóa mắt. Những bụi hoa huệ trắng, hoa hồng đỏ khoe sắc. Hàng cây trên bãi đậu xe đứng im bất động. Ông rồ máy. Và mở lại một bản nhạc yêu thích. Xe lăn bánh trên đường. Tiếng hát cũng lăn theo chở ông về một cõi nào của dĩ vãng. Nơi đó là quê nhà. Nơi đó là tình tự. Nơi đó là tuổi trẻ của ông.

Ông tìm lại chỗ ngồi cũ bên giòng kênh đào. Ông tự dành cho mình một niềm vui thầm kín. Trên đầu là chim chóc hót vui. Dưới kia, là một mặt nước êm đềm. Và bóng mát tỏa xuống cùng với một vài mảng nắng đậu trên bàn. Và gió mát cũng hây hây thổi. Những đóa hoa hôm qua còn nụ bây giờ đã hé nở. Búp hoa vàng đại bên cạnh những đóa dâm bụt vươn lên trên mặt nước. Ông chậm rãi sửa soạn bữa ăn. Vẫn là những món ăn quen, quá quen. Nhưng hôm nay, đặc biệt vợ ông còn dúi thêm một bịch nho tươi. Tự nhiên ông nói thầm: “Cám ơn má nó.”

Buổi trưa chói chang trên con đường nhựa chạy dọc theo kênh đào. Người ta chỉ thấy bóng một chàng thanh niên Á Châu đang thả bộ cùng với dòng xe cộ dập dìu. Lối dành cho khách bộ hành quá hẹp nên mỗi khi xe chạy qua là cậu phải ép sát vào trong gờ những lùm bụi rậm ven kênh. Ông đoán cậu là người rất xa lạ với vùng này. Cứ nhìn cách cậu lê bước chân mệt nhọc thì biết. Nếu quen thuộc, không ai lại khờ dại phải lội bộ cả một con đường dài đến hai dặm không có một trạm xe bus dừng như thế.

Nhưng ông không cần bận tâm. Mặc thiên hạ làm gì thì làm. Ông đang cố tận hưởng những giây phút êm đềm của một buổi trưa hè. Hãy bỏ qua một buổi sáng liên hồi chuông điện thoại. Hãy bỏ qua những tiếng đồng hồ như thể phát sốt hay những ưu tư về một tương lai không chắc chắn khi thấy giá cổ phần của công ty mỗi ngày mỗi sụt xuống đến mức thê thảm. Đời là của riêng mình. Niềm vui này đâu phải tìm ở đâu xa. Ông muốn nằm ngay trên băng ghế để nhắm mắt một lát. Thiên nhiên cây cối vây phủ, những đám mây trắng thấy thấp thoáng qua kẽ lá, và nghe đâu đây tiếng dội ầm ầm của thác nước khi chảy xuống đập. Ông thích thú nhìn đám vịt con lông vàng mượt đang bơi theo mẹ ở giữa giòng. Ông lắng nghe tiếng chim nào đó đang hót như khuyến dụ cô bạn mái.

Ông bỗng chú ý đến một chùm bông súng đang nở e ấp giữa mặt nước. Kỳ lạ. Ở xứ Mỹ này, lại có bông súng sao? Bông đâm bụt chưa hết ngần ngợ bây giờ lại bông súng đại. Thì ra thiên nhiên ở bất cứ nơi nào cũng giống nhau. Quê hương xa cách ngàn trùng bỗng nhiên thu hẹp vào trong một đám bông lạc loài giữa con kênh xứ người. Những búp bông màu hồng nhạt nở trên cọng thon thon vươn lên từ đám lá phủ một khoảng nhỏ giữa mặt nước đầy bèo. Có bông nở rộ. Có bông vẫn còn e ấp búp. Những cánh mềm mại nằm hứng lấy mây trời giữa màu xanh trong của nước và màu xanh đậm của bèo lục bình. Ông ngạc nhiên không biết chúng có mặt từ lúc nào. Chúng có lẽ cũng như ông, tự nhiên trôi dạt đến một phương trời lạ lẫm. Nào ai biết đôi khi chỉ cần một bụi chuối con, hay nghe lại tiếng gà gáy vào sáng sớm, hay thấy lại nụ bông súng lạc loài, là cả một tiếng gọi kỳ bí nhưng òa vỡ cả con tim mình. Ông nhớ lại một lần trong năm đầu tiên ở Mỹ, hai vợ chồng ông đang chạy xe trong một khu lạ. Khi qua một ngôi nhà bên đường thấy bụi chuối bên hè. Chuối con nép bên chuối mẹ. Không hiểu sao, ông phải dừng xe lại. Vợ ông mở cửa xe, bước về phía bụi chuối và khóc đến nỗi người đàn bà Mỹ phải ra hỏi và ngỡ ý tặng bụi chuối con.

Giờ đây, lại thêm một lần quê hương trở lại. Có phải là buổi sáng nước rút và buổi chiều nước dâng mà một vùng bông súng đã trang điểm cỗi đầm lầy. Loài bông hoa đồng nội. Loài bông ít ai nhắc đến. Nhưng là loài bông tỏa ra lòng từ tâm bốn cõi. Mùi hăng hắc của phèn chua lẫn mùi ngậy ngậy của cọng súng hay chất ngọt dịu thanh thanh của cánh bông mềm. Khi ông đói khát, ông đã ngắt cọng súng để lót lòng. Khi ông bắt được con cá rô cá sặt trong vũng bom đào, ông lội ra đầm tìm bông, tìm cọng súng mang về nấu canh, kho mặn. Có khi bè cả bè tràm trở về trại từ rừng, ông lội giữa vùng bông súng. Bông không tỏa hương thơm như bông sen, nhưng bông mềm như môi người đàn bà, mịn như da thịt của người thiếu phụ trẻ, để ông phải áp bông vào môi vào miệng mình. Có khi ông lội vào sâu trong rừng, ông thấy cả một vùng mênh mông súng và súng. Lá súng phủ ngập đầm không thấy đâu là mặt nước. Và trên vùng lá xanh che mặt là những búp bông vươn cao, vươn cao như cả một vườn tiên cảnh không ai biết đến. Ôi, những thân súng thon dài, mềm mại, giữ gìn những chiếc lá xanh kỳ lạ không gai sắc, không nham nhở, mà ngược lại như lụa là, thỉnh thoảng là chỗ tựa của con ếch, con nhái, để từ đó bông hoa nở rộ hồng cả một vùng. Có khi trong buổi hoàng hôn, màu lá đã trở nên thâm tối, còn lại là một rừng bông màu hồng nhạt, hay màu trắng bạch, không lay động. Trong khi ven đầm là vùng cỏ tranh vàng như kim loại. Lúc ấy, trên bầu trời quá đổi hiu quạnh, những cánh chim chiều chậm rãi bay qua, và thỉnh thoảng nghe vọng lại từ đâu đó tiếng bìm bịp kêu rờ rạc.

Cám ơn đời đã cho ông còn có con tim mà rung động trước cảnh đẹp, để ông nương tựa mà sống. Và cám ơn một loài hoa đầm lầy hoang dã. Chúng cho ông suy nghĩ về triết lý nhân sinh. Rằng càng trong tăm tối, càng thấy nở lên màu nhiệm những bông hoa quý. Như trong cõi đói rách lầm than, miếng đường chia nhau. Vị ngọt sẽ phải lịm hoài đầu

lười. Hay ông điều thuốc lào chuyền nhau. Khói thuốc sẽ phải ngậy ngát cả đời. Hay như người học trò đưa lưng gánh dùm bó trầm cho vị thầy cũ của mình trong trại tù cải tạo. Tình nghĩa thầy trò đến đó là cùng, làm sao có thể tìm được ở chợ đời. Hay như viên thuốc hiếm quý mà người bạn tù biếu tặng. Và cả một người con gái áo vá vai, khăn sọc vắn che cả mặt vì sợ nắng, nhưng ông cũng có thể nhận ra đôi mắt đẹp và hiền khi nàng chống chiếc xuồng cũ trên giòng Kênh Một. Đôi mắt ấy phản ánh nỗi xót xa khi thấy ông khốn khổ bẻ cả bẻ trầm to lớn ngược giòng. Tại sao em lại xót thương tôi, dúm cho tôi vất cơm và miếng thịt quý giá vô cùng. Tôi thấy lòng em qua đôi mắt ấy rồi. Ràn rụa. Đỏ hoe. Em nói nhanh: “Ông nhận dùm em đi. Mau lên. Xem chừng họ thấy...” Rồi nàng chống xuồng đi giữa vùng hoa súng đỏ và trắng. Hai vai áo vá lóp. Ông nhìn theo tự dưng nước mắt như chảy. Bóng ấy càng lúc càng mất dần. Nhưng rõ ràng cái bóng ấy sẽ không bao giờ mất trong tâm trí ông.

Và giờ đây ở xứ Mỹ này ông nhớ đến một bóng hình xưa. Ông ngắt một búp bông chưa nở trọn vẹn bên bờ và dịu dàng áp vào miệng như hôn lên một hình bóng yêu dấu cũ.

---o0o---

Giữa lúc ông chìm đắm trong hoài niệm thì bỗng nhiên có tiếng nói ở đằng sau làm ông phải giật mình quay lại. Người bộ hành Á Châu hỏi thăm đường bằng tiếng Anh:

“Thưa ông, lối nào đến đại học X?”

Ông Nguyễn nhú vàng trán, cố suy nghĩ. Nhưng ông biết rất khó để mà chỉ dẫn đường đi:

“Xa lắm. ít nhất là ba bốn dặm nữa. Phải tìm exit 10 vào xa lộ, qua cầu rồi tìm exit 11... Cậu không có xe à?” Ông trả lời, dĩ nhiên bằng tiếng Anh.

“Tôi không có xe. Tôi mới đến đây hôm qua”

“Cậu đến từ đâu?”

“Từ Việt Nam”

Bây giờ ông Nguyễn mới buột miệng reo, bằng chính ngôn ngữ mẹ đẻ:

“Thế à? Tôi cũng là người Việt Nam”

Rõ ràng ông không thể tự chế được nỗi vui mừng đến độ phải bật lên thành tiếng. Thì ra tình đồng hương đồng bào là một thứ tình đã trứ sẵn trong tim trong máu huyết của loài người. Hình như cái lưỡi của con người chỉ quen mỗi một thứ tiếng. Dù là giọng Bắc của cậu và giọng Nam của ông.

Ông sốt sắng:

“Nếu cậu thích, tôi sẵn sàng chở cậu đến đấy. Xa lắm, đi bộ không nổi đâu”.

“Cảm ơn bác. Cháu nghĩ cháu thật may mắn được gặp bác”.

“Cậu không có ai quen ở đây sao?”

“Dạ không”.

Sau đó chàng thanh niên giải thích thêm:

“Cháu mới từ Buffalo đến ngày hôm qua”

“Bạn là sinh viên du học ?”

“Dạ phải”.

Qua những lời trao đổi, ông biết một phần nào về người bạn trẻ mà ông gặp giữa đường. Cậu được một đại học địa phương tại đây cấp cho một học bổng. Như mọi sinh viên Việt Nam du học khác, cậu phải trải qua một khóa huấn luyện ngắn hạn để làm quen hơn về đời sống xứ Mỹ tại trung tâm ở Buffalo, New York trước khi thật sự vào trường tại tiểu bang này. Giấy tờ ghi rõ đường đi nước bước, nhưng khi đến phi trường thì chẳng có một ai đón giùm. Cậu đành phải trả một số tiền lớn để thuê chiếc tắc xi về khu đại học. Tới nơi, đại học đóng cửa nghỉ hè. Cậu bơ vơ không còn biết ai để cầu cứu đành thuê tắc xi đi tìm khách sạn. Tên tắc xi bỏ cậu xuống một khách sạn cách trường khoảng ba dặm. Hắn nói, nơi này gần trường lắm. Quả thật hắn cũng nói đúng. Tuy nhiên gần campus của trường chứ không phải gần khu hành chánh hay sinh viên vụ. Cậu mới hiểu về những cái máy chém tiền không thương xót. “Cả đêm cháu ngủ không được... Cháu không dám gọi tắc xi. Tắc xi chém tiền hết chỗ nói...”

Hoàn cảnh của người sinh viên du học đã làm ông xúc động. Ông không cần thắc mắc về nguồn gốc lai lịch của người mà ông gặp gỡ giữa đường. Ông nhớ lại sáng nay một người quen vừa từ Việt Nam trở lại Mỹ, nói về những chuyện bực mình trong đó có chuyện anh chàng hướng dẫn trẻ tuổi thay vì hướng dẫn du lịch lại hướng dẫn chính trị. Không biết cậu này có thuộc thành phần này không. Đối với ông bây giờ là một người Việt Nam đang gặp hoạn nạn. Đang gặp bơ vơ. Tình người và tình đồng bào đã khiến ông không thể làm ngơ. Ông mang cậu về nhà. Vợ ông gọi điện thoại đến người quen để tìm giúp chỗ cư ngụ. Một người bạn làm việc chung giới thiệu một chỗ gần trường. Và ngay chiều hôm ấy, vợ chồng ông tự dưng trở thành kẻ bảo trợ. Cậu không có gì hết, nên ông bà phải giúp đỡ mọi thứ. Từ bàn ghế đến giường gối. Tặng cậu một thùng mì Đại Hàn. Thêm cái tủ lạnh nhỏ. Rồi chất tất cả lên xe, mở đèn emergency mà chạy... Thấy hai bên nhà treo đầy cờ Mỹ, cậu hỏi:

- Thưa bác, hôm nay lễ hay sao mà có treo cờ?
- Lễ Độc Lập đó cháu. Vợ ông mau mắn trả lời.
- Bộ chính quyền bắt dân phải treo cờ hay sao?
- Không. Ai muốn treo thì treo. Chẳng ai bắt ai hết.

---o0o---

Lâu lắm, dễ chừng gần một năm, ông không nhận được tin tức gì của cậu sinh viên ấy. Có lẽ vì việc học hành quá bận rộn, hay cũng có lẽ vì cậu đã làm mất số điện thoại của ông. Ông cũng vậy. Chẳng hề thắc mắc hay bận tâm. Đời sống xứ Mỹ quá bận rộn. Càng ngày công việc càng đè đầu ngáp cổ. Nhóm của ông sáu người giờ chỉ còn hai. Nhưng đến một hôm ông trở về nhà, thấy một bình bông sùng ai để trước cửa. Có phong bì lá thư kèm theo. Lá thư viết như sau:

“Thưa hai bác. Hôm nay có một người bạn có xe nên cháu nhờ anh bạn chở giùm đến

thăm hai bác. Rất tiếc hai bác không có ở nhà. Cháu xin gửi bác trai chậu hoa súng. Cháu biết là bác thích hoa này nên cháu nhờ người thân mang giùm từ Việt Nam qua. Mong bác trai nhận...”

Vợ ông hỏi ông: “Sao mà thằng Bình lại biết ông thích bông súng?”

Ông trả lời: “Thì bà hỏi nó đi”.

Ông giấu chuyện ông hôn lên cánh hoa. Cánh hoa của một người yêu dấu cũ.

Trần Văn Lương

Lỡ gọi thu về

Dạo:

Trách ai lỡ gọi thu về,

Lê thê sắc lá, não nề tiếng đêm.

Lỡ gọi thu về

Rừng quen nếp cũ gọi thu về,

Rặng lá say màu đứng ủ ê.

Khói rách não nề ôm gió muộn,

Nắng già luộm thuộm quét đường quê.

Bóng vạc lê thê ngược bước chiều,

Nát lòng bỏ lại mái nhà xiêu.

Cổ quận tiêu điều, cây đổi gốc,

Trần trọc đêm mơ một bóng điều.

Dập dìu đất lạ ánh sao rơi,

Tóc trắng lơ ngơ chặng cuối đời.

Léch théch lưng đồi, trăng lấm bụi,

Sương ngàn lủi thủi bám ngày rơi.

Đóm lửa trên môi tắt vội vàng,

Nỗi buồn biệt xứ mãi menh mang.

Lang thang gót giẫm màu hoa rụng,

Tiếc nuôi chi chằng cũng lỡ làng.

Kiến vàng mất tổ lụy mo cau,

Quay quắt chia nhau một mảnh sầu.

Ngắm lá thay màu, tìm quận thất,

Đêm dài siết chặt khối buồn nâu.

Phượng đỏ năm nao đã nhạt dần,

Đất người, hoa tím lót mềm chân.

Ngại ngần kỷ niệm tìm nơi ẩn,

Một trận Ngâu xưa tạnh mấy lần.

Âm thầm cánh nhạn trốn ra khơi,

Tùng chuối hoàng hôn vắng tiếng cười.

Chim chết theo người, ai có biết,
Trên bờ ly biệt máu còn tươi.
Dăm bóng ma trôi nổi vật vờ,
Lời kinh đưa tiễn trôi vu vơ.
Nắm mồ đắp vội chờ nhang khói,
Le lói trong mây đốm nguyệt mờ.
Thần thờ thao thức đợi chiêm bao,
Chấn gôi nhả nheo cất tiếng gào.
Mộng ước nồn nao chèn giấc ngủ,
Đêm dài lệ đỏ, mắt xanh xao.
Quạ lẻ cây cao cất tiếng sầu,
Nghẹn ngào lá đáp lại từng câu.
Nhịp cầu sớm gãy ngày chia cách,
Lữ khách trăm năm lỡ chuyến tàu.
Dàu dàu cỏ dại ngóng sương sa,
Hiu hắt thôn khuya một tiếng gà.
Côi cút trắng tà soi giếng cạn,
Chim trời thiếu bạn ngại đường xa.
Biển động, hồn ma cũ nhấp nhô,
Ngậm ngùi quê mẹ biết nơi mô.
Thân cô, thể bạc, thôi đành mặc,
Dằng dặc bao năm chẳng nắm mồ.
Cây khô trần trụi đứng ê chề,
Nhìn xác lá vàng, tỉnh giấc mê.
Đêm tối râm rì câu sấm hối,
Ăn năn trót lỡ gọi thu về.

Phạm Ngọc

Đợi mùa

Ta vẫn đợi mùa thu như những ngày xưa cũ
buổi tan trường lặng lẽ bước theo em
khi loài ve tắt nắng đã ngủ quên
... và hoa cúc nở vàng bên lối cỏ
bao nhiêu năm hoa vàng theo nỗi nhớ
cái thuở nào em cứ đứng dừng ta
rồi một lần em bỗng bỏ đi xa
ta ngỡ ngần giữa mùa thu bất chợt
như cánh chim vô tình em mất hút
ta quay về trần trở tháng ngày qua

màu thời gian ẩn tích cũng phai pha
ta trôi nổi bên đời thân quán trọ
bước chông chênh dấn lòng thôi nức nở
biết xa rồi nào có giữ được nhau
như cơn gió trái mùa sao quá vội
em chẳng đợi mùa này ta vẫn đợi mùa sau...

Song Thy

Đôi mắt

“Đôi Mắt” em cả bầu trời thu gọn
Có bóng trăng, giọt nắng bình minh
Có biển lòng dậy sóng hương tình
Cả vũ trụ em gom trong đáy mắt
Khẽ đọc tiếng lòng em chôn chặt
Lau giùm em nước mắt canh đời
Cười với anh bằng khước mắt có đuôi
Anh cảm thấy chơi vơi bay bổng
Đôi mắt em cả bầu trời mơ mộng
Cả màu Thu nhuộm lá vàng Thu
Chút hư không nhòa nhạt sương mù
Trong giếng mắt hồ Thu trong vắt
Thương em với hương lòng ngây ngất
Đắm hồn mơ đôi mắt ngây thơ
Suối mắt kia ru mộng trong giấc mơ
Anh nắn nét vần thơ yêu “Đôi Mắt”...

Đoàn Thạch Ngọc

Nhớ Y Uyên

rừng chồi im phăng phắc
ta một bóng xiêu xiêu
vai trần chân bám đất
nặng một gánh đìu hiu
kéo kệt trên đường mòn
ngõ về xa hun hút
bóng của buổi chiều tà
đuổi theo ta bén gót
ngang qua đời nora
ngậm ngùi bao ký ức
một sáng nào năm xưa
anh già từ chiến cuộc

một dặm đường anh qua
bỏ sau lưng một kiếp
chiều nay ngồi trên đồi
ta nghe buồn da diết
tựa lưng gốc cây già
ngủ vùi trong mộng寐
chợt bóng anh hiện về
cùng ta ngồi uống rượu
ta cựa mình ngơ ngác
nhìn quang gánh hững hờ
con dốc dài trở giấc
thở khói chiều lừa thừa
ta lặng lẽ lên đường
mấy mùa phơi râu tóc
nhuộm trắng cả mái đầu
trong nỗi buồn se sắt
Ta ngó về phương xa
Từ một nơi vô định
Con chim trời bay qua
Ta rùng mình ớn lạnh.

Phan Các Chiêu Hằng

NGẠM NGÙI

THƯƠNG NHAU

Tôi thương Đoàn từ năm mười bảy tuổi. Thương “da diết não nề”, thương kiểu “trời sâu đất thăm”, thương như thể sẽ thương hoài hoài cho đến ngày “sông cạn, đá mòn, thịt nát, xương tan”. Đó là theo lời diễn tả của lũ bạn bè nghịch ngợm quái quỷ, những đứa thích dùng toàn chữ nghĩa đao to búa lớn, tượng thanh, tượng hình. Còn Đoàn thương tôi được bao nhiêu, chắc chỉ có Đoàn và... trời biết. Đoàn chăm chút chiều chuộng tôi, ân cần lo lắng cho tôi, nhưng không có vẻ... quỳ lụy theo đuổi như hình ảnh tôi vẫn tưởng tượng trong đầu mình về những mối tình của tuổi học trò. Phải là “chàng qua chiều ấy, qua chiều khác. Đêm mãi băng quơ những dấu giày” mới thật đúng như cảnh tôi vẽ vờ trong mộng. Tôi đem chuyện hai đứa ra tâm sự với chị Kiều, chị cười chê tôi con nít:

- Quỳnh ơi, ai biểu mày thương làm chi dân lính tráng phong trần. Họ là người... lớn. Thì giờ đâu mà cong lưng ngồi chép thơ mực xanh mực tím để tán tỉnh mày hay lê lét qua lại trước cửa nhà mình cho tới mòn gót giày cao su, lỏng lẻo xương đầu gối... Mà làm sao Đoàn quỳ lụy theo đuổi mày cho được? Người ta chỉ mới nhìn mày, chớp mắt cười một cái là trái tim mày đánh lô tô đùng đùng, là tối đó mày đã hì hục ngồi làm cả

chục bài thơ tình lâm ly bi đát. Đúng là đồ con nít!

Tôi thắc mắc hỏi “cố vấn”:

- Vậy tại sao anh ấy chọn em, đã biết em còn là con nít?

Chị Kiều bấu môi, lắc đầu nhìn tôi thương hại:

- Nói nghe sao quê một cục! Miệng mày còn hôi sữa mà cũng bày đặt nói chuyện yêu đương. Đã nói tình yêu là “sự gặp gỡ của hai tâm hồn”. Nó đẹp đẽ, sâu xa, lãng mạn như vậy đó. Đâu phải chuyện mua bán mà lựa chọn. Vậy chớ tại sao mày lại thương Đoàn?

Tôi ngó người ra. Bài học vỡ lòng về chuyện tình yêu của chị Kiều làm tôi thờ ơ, suy nghĩ. Tôi chưa bao giờ tự hỏi tại sao mình thương Đoàn. Cũng như chưa bao giờ nghĩ đến chuyện mổ xẻ phân tích tình cảm của mình dành cho Đoàn. Hình như theo lời ông Duyên Anh tả trong cuốn Tuổi Mười Ba mà tôi đọc mấy năm về trước, thì lúc mình “yêu”, cái gì trong cơ thể mình cũng... run run, tê tê. Trái tim tê tê. Hai lỗ tai tê tê. Hai bàn tay tê tê... Tôi không biết tứ chi và lục phủ ngũ tạng của tôi đã run hay tê đến độ nào, chỉ biết một điều chắc chắn nhất là tâm hồn của tôi không còn bình yên thư thái như xưa nữa, từ ngày tôi gặp Đoàn. Từ lần đầu tôi nhìn thấy Đoàn giữa đám đông trong buổi tiệc ở nhà nhỏ bạn, nói theo kiểu văn chương lãng mạn trữ tình, tôi đã không còn nhìn thấy ai khác nữa chung quanh, ngoài chàng. Khi Đoàn cười, lòng tôi hân hoan yêu đời phơi phới. Khi Đoàn hát, trái tim tôi rung rung ướm mềm. Khi Đoàn nói chuyện, tâm hồn tôi lãng đãng trên mây. Tôi kể cho Vân nghe chuyện gặp gỡ tình cờ với Đoàn và những băng khuâng dao động không ngưng nghỉ trong lòng mình từ ngày hôm đó. Vân trố mắt nhìn tôi, kêu trời:

- Thôi rồi! Vậy là mày bị... cú đờ-phút rồi, em cưng ơi. Tao cứ tưởng chuyện này là do mấy thằng cha văn sĩ ba xạo đặt ra để bán tiểu thuyết ba xu diễm tình! Rồi bây giờ mày thấy... trong người nó ra làm sao? Có choáng váng nghẹt thở? Có sổ mũi, nhức đầu? Có nóng lạnh ho hen? Có bỏ ăn, mất ngủ?...

Vân cười lên hô hô, làm bộ đưa tay lên sờ trán tôi, rồi nắm cổ tay tôi nghiêm trang chắn mạch. Tôi đâm vào lưng nó thùm thụp:

- Khỉ ơi... Ở đó mà “cú đờ-phút” với “cú đờ... đần”. Tao “động” cho mày một cái bẻ mặt bây giờ. Tao đang nói chuyện đàng hoàng mà mày làm như tao đi chân bệnh, hốt thuốc...

Vân ngưng cười, thờ người:

- Thiệt tình là tao không có kinh nghiệm về ba cái vụ này! Tao chưa gặp anh chàng nào mà làm cho tao xây xẩm mặt mày, bủn rủn tứ chi như kiểu mày với ông Đoàn hết. Chỉ có một lần hồi năm lớp tám, tao thấy hơi thích thích người bạn của thằng anh bà con...

Tôi chưa nghe nó kể chuyện này bao giờ, nên nôn nao hỏi tới:

- Tao đâu biết mầy kín miệng dữ vậy. Rồi chuyện gì xảy ra?

- Có khi gì đâu! Thằng cha gởi thơ cho tao, nói muốn làm quen, tao trả lời thơ, nói ừ.

Hai đứa không dám gặp tận mặt nhau vì tao sợ má tao biết được là bị đòn quần đít, chỉ dám nhờ thằng anh bà con tao làm chim bồ câu đưa thư qua lại. Thằng cà chớn này tính năm chục đồng một cái thư. Nên tao phải chọn một trong hai, để dành tiền ăn hàng hay mua chuộc thư tình...

Tôi cười khúc khích:

- Trời đất ơi... Mỗi tình của mày sao vừa lãng xẹt vô duyên, vừa tầm thường thô bỉ hết chỗ nói. Hóa ra với mày, chè đậu đỏ bánh lọt, chè bắp, chè khoai, cóc dầm cam thảo, xí muội ô mai... đều thơm tho, nặng ký hơn tình yêu?

Vân chu môi, cãi:

- Tại “mối tình” của tụi tao đâu có lâm ly lai láng lòng lưu luyến như của mày. Tại trái tim tao chưa có thấy thờ thần, thiết tha, thút thít, thương thâm thằng cha nọ như mày với ông Đoàn nào đó...

Tôi đâu có “thương thâm” Đoàn bao giờ. Chuyện tôi thương Đoàn, ai cũng biết. Tôi nắn nót viết tên chàng và tên mình quán quít lồng vào nhau một cách rất âu yếm trên bất cứ mảnh giấy trống nào mà tôi vớ được. Lãng nhăng chi chút, bôi bôi xóa xóa. Tôi giấu hình của Đoàn vào trong góc quyển tập, mỗi ngày lôi ra ngắm nghía mộng mơ. Tôi cặm cụi làm thơ cho chàng, chép đầy trong tập vở học trò kẻ hàng màu xanh lơ nhàn nhật, rồi vẽ hoa tím hoa đỏ, lá xanh lá vàng, chim se sẻ, chim sơn ca rồi rít... Những bài thơ học trò non nớt, thật ngây ngô vụng về với lời lẽ bóng bẩy trau chuốt một cách làm dáng, đầy mùi tuổi ngọc, tuổi hoa sức nức... Những bài thơ ngọt ngào thiết tha gọi tên Đoàn ơi hỡi, ông bạn lớn dễ thương, người bạn già cao ngạo, này bạn râu ria đáng ghét của em...

Đoàn không đón đưa tôi lúc tan trường những khi được về phép ghé qua thị xã đôi ngày. Chàng đến thẳng nhà tôi, thăm viếng ba má tôi, ân cần chào hỏi từ anh Vĩ, anh Khanh, chị Kiều, chị Yến cho đến con chó Kiki, con mèo Tina. Rồi mới đến tôi. Má tôi khen:

- Người Bắc thiệt khéo dạy con. Đầy đủ phép tắc lễ nghi...

Sau lưng má, tôi than thở với chàng:

- Sao anh cứ tới nhà làm chi. Không đón em lúc tan trường rồi đưa em ra quán cà phê “Đỡ Buồn” ngồi nghe nhạc tình có phải nên thơ hơn hay không?..

Tôi hạnh diện được làm “người tình nhỏ” của Đoàn nên cứ vừa năn nỉ mè nheo với chàng, vừa vái trời cho một ngày đẹp trời nào đó chàng sẽ động lòng mà đến đón tôi tận cổng trường trong bộ đồ treillis oai hùng ngạo nghễ. Với dáng dấp già dặn phong trần. Với miệng cười dịu dàng bao dung. Với mắt nhìn ngọt ngào mà tinh quái. Đoàn nhìn thấu suốt qua tim đen của tôi, nhưng vẫn cười cười làm tỉnh, trêu chọc tôi:

- Ba má em đâu có cấm anh đến nhà. Tại sao anh lại phải đến cổng trường em đứng xếp hàng chung với mấy tên thư sinh mặt trắng bóc như sữa bột, rồi lén lút ba má dẫn em đi long nhong ngoài đường, ngoài phố? Lỡ gặp quân cảnh, anh lại bị đưa ra tòa án quân sự

về tội... dụ dỗ con nít!.. Mà em đòi tới quán cà phê làm gì? Em chỉ biết ăn thạch đậu xanh với kem ba màu!

Rồi chàng dịu dàng xoa đầu tôi:

- Em ham làm người lớn chi vậy, nhỏ ơi... Đời còn dài mà! Phải cố gắng hưởng thụ thỏa thuê những hồn nhiên của ngày hôm nay. Mai một có muốn quay về tìm cũng không thấy nữa đâu. Khi em già và thông minh như... anh, em sẽ thấy lời anh nói là chí lý.

Đoàn cũng không bao giờ nói với tôi ba chữ “bùa chú” mà tôi vẫn đọc trong tiểu thuyết, “anh yêu em”. Thay vào đó, chàng luôn chấm dứt mỗi lá thư gửi về từ nơi đóng quân, chốn rừng sâu nước độc trên cao nguyên mù sương ở giữa ngã ba biên giới, bằng câu vẫn làm tim tôi đập rộn ràng rồi nhịp, “Bé ơi, đừng bao giờ quên anh...” Biết tôi thương màu tím, Đoàn cũng chịu khó dùng mực tím để đóng khung những lá thư gửi về từ địa chỉ KBC. Biết tôi mê hát hò, mỗi lần về thăm Đoàn hay rủ tôi ra ngồi trên cầu ván ngoài bến sông đằng sau nhà, vừa khảy đàn vừa hát cho tôi nghe. “Trong chiều dần im hơi, người ngồi thương nhớ bao ngày vui. Một ngày xưa cũ, đời còn đương tơ là ngày hai đứa chúng ta còn thơ...”

Anh Vĩ ngó anh Khanh, rùn vai, làm ra vẻ sợ hãi:

- Kinh khủng thiệt! Đúng là Chúa đày đọa “người chiến sĩ anh hùng”! Thương con nhỏ tào lao này làm chi cho cực khổ cái thân... già!

Anh Khanh cười cười:

- Ủ, kể cũng tội nghiệp đó chứ! Khi không đi lựa cô út nhà mình làm chi không biết nữa. Chúa nhong nhéo! Cục cưng của ba. Cục vàng của má. Cục... lênh bênh của tụi mình...

Nhưng tôi thì thấy trời công bằng làm sao. Bởi vì khi thương Đoàn, tôi không có được ai dành mang dùm tập vở hàng ngày đến trường mà lũ bạn cùng lớp khoe khoang vẽ vời, như “người tình học trò” của tụi nó, không có cảnh ngập ngừng lén lút trao thư buổi tan học khi “chàng” lẻo đẻo đạp xe theo, không biết che nghiêng vành nón lá ra về thẹn thùng e ấp với ai đứng chờ bên cổng trường. Đoàn đã qua tuổi làm thư sinh trời gà không chặt, không còn dằng dấp nho nhã hiền lành. Khuôn mặt chàng sạm nắng, nâu hồng. Đoàn biết uống bia đắng không hề say và đốt lá phổi mình bằng những điều thuốc lá khét nồng, cháy đỏ liên tục trên môi. Chàng vội vã đến và hấp tấp đi. Đời sống của Đoàn phải đối diện hàng ngày với bom đạn, chiến tranh, chết chóc, nên chàng luôn có vẻ cố gắng bằng mọi cách để chở che bảo vệ cái thế giới nhỏ bé bình yên mà hàng ngày tôi vẫn sống, “để cho em hưởng trọn tuổi hồn nhiên...”, Đoàn vẫn nói với tôi như thế, một cách vô cùng thiết tha. Còn tôi, như người ta hay nói một cách ví von, là cái đứa vẫn còn “ăn chưa no, lo chưa tới”... Thư Đoàn viết về từ núi rừng xa xôi: “Bé ạ, hôm nay là ngày giỗ tròn năm của người bạn thân nhất của anh, chết trận năm rồi. Thật đau, thật buồn, và rất đổi xót xa...” Thư tôi gửi cho chàng trên giấy tập học trò: “Bạn râu ria của em. Em đang trong thời gian học thi lục cá nguyệt với bài vở ngập đầu.

Nhiều đêm em phải thức khuya học bài, mà chỉ ngồi đó, thần thờ ao ước được nghe tiếng nói trầm ấm quen thuộc của bạn xa...”

---o0o---

Biết bao lần tôi tự hỏi nếu không có ngày ba mươi tháng tư oan nghiệt, không biết cuộc đời tôi và Đoàn có quật quít buộc ràng với nhau mãi mãi hay không. Làm sao mà biết được. Có rất nhiều chữ “nếu” khi nói đến khúc quanh nghiệt ngã oan khiên này. Bao nhiêu là nghịch cảnh không làm sao nói hết. Tôi chỉ cần nhìn quanh đám bạn bè thân thiết của mình, và ngay cả trong gia đình mình, là thấy không biết bao nhiêu chuyện đời tang thương để tôi có thể bắt đầu mỗi câu chuyện bằng chữ “nếu” hay “tỉ như”...

Đầu tháng ba, khi những buổi học đã trĩu nặng bồn chồn hoang mang, với bao nhiêu dự tính cẩn thận về một tương lai đang náo nức chờ đợi bị lung lay tận cội nguồn gốc rễ, tôi được tin gia đình Đoàn mất liên lạc với chàng. Tôi bỏ ngang buổi học, bỏ trường lớp, tất tả chạy đến nhà Đoàn hỏi thăm tin tức.

Khoảng sân trước nhà vẫn thế, như lần cuối tôi ghé qua khi Đoàn về phép. Hàng gạch tàu màu nâu non nằm thứ tự lớp lang, xen kẽ giữa màu xanh mượt rượt óng ả của những cụm rêu mịn màng như nhung bám quanh. Chậu hoa bìm bìm nằm bên hiên nhà phơi thân dưới cơn nắng trưa oi nồng, uể oải. Mấy lu nước mưa màu da bò để dọc theo hàng rào, bên khoảnh sân sẫm sấp nước, lập lòe trôi vài nhánh rong mềm. Con chó Tintin lông trắng chấm nâu nằm khoanh lim dim ngủ ở một góc sân, dưới tàn cây trứng cá râm mát. Một chút gió thổi hiu hiu. Vài cánh hoa màu trắng điểm phấn vàng lá tả rụng rơi. Mọi thứ đều mang nét quen thuộc, êm ả, bình thường như hôm qua, hôm kia. Không phải là hình ảnh của đời dời chao đảo, của biến cố tang thương. Tôi tưởng tượng như ở bất cứ giây phút nào, dáng dấp cao lớn ngang tàng của Đoàn sẽ lừng lững hiện ra trên thềm nhà, đôi mắt chàng nheo nheo trong khoảng nắng chói chang của mặt trời đứng bóng, miệng cười tươi tấn hỏi han:

- Sao nhỏ biết anh về?

Nhưng không có hình ảnh thân thương nào hiện ra. Không có tiếng nói trầm ấm ngọt ngào nào cất lên trong không gian yên tĩnh mỏi mòn của buổi trưa hôm đó. Chỉ có nỗi lạnh lẽo buốt giá chảy dài rờn rợn trên sống lưng tôi. Chỉ có khung cảnh vắng im quanh quẽ choáng ngợp như ngày ở cuối đời. Không một bóng ai về. Tôi rảo chân bước vào phòng khách, gặp ba Đoàn ngồi một góc thần thờ, gặp mẹ Đoàn ngơ ngác lạc thần, tay run rẩy lau nước mắt:

- Bác đâu biết gì hơn... Nghe người ta nói họ pháo kích dữ lắm vào nơi nó đóng quân, cháu ơi. Nghe nói chỗ góc phòng của nó trong trại lính bị trúng đạn pháo kích, sập tan hoang, mà không ai biết nó đâu. Đường xuống Ban Mê Thuộc bị cắt đứt. Có phi trường cũng kè như không, phi cơ nào mà dám đáp xuống...

Tôi ngồi sụp xuống một bên mẹ Đoàn, nhìn đôi mắt ngẩn ngơ vô hồn của bà ngó mông lung ra ngoài sân nắng. Bà nhìn mỗi mê như muốn kiếm tìm hình ảnh nào đó qua khung

cửa mở. Rồi đầu bà nghiêng nhẹ xuống với dáng vẻ trông ngóng đợi chờ. Như có lắng nghe một tiếng chân về. Tôi cầm lấy bàn tay gầy guộc của bà, mân mê những ngón tay cong cong, xương xẩu. Tôi nghĩ đến những ngón tay suông và dài của Đoàn vẫn lướt nhanh trên phím đàn những buổi chiều ngồi bên nhau cùng chờ hoàng hôn chập choạng tím về trên bến sông. Đầu chàng cúi xuống hững hờ. Triền mũi cao thẳng đứng kiêu hãnh. Môi cười thanh thoi hiền từ. Tiếng đàn trầm bổng réo rắc bay lướt trên mặt sông chiều. Tiếng đàn mênh mang đọng lại trên những chùm lá mỏng ướt sương. Tiếng đàn dặt dìu trở về bám siết lấy trái tim làm tôi chói với nghệt thờ. Trái tim chừng như ứa máu. Trái tim thôn thức không ngơi.

---oOo---

Gần cuối tháng tư, gia đình tôi lúc nào cũng xôn xao chộn rộn. Mọi người bàn ra tán vào. Đi hay ở. Mà nếu đi thì đi đâu bây giờ. Chị Yến nhắc nhở anh Khanh:

- Anh nhớ luôn giữ bình xăng đầy trong xe. Có gì thì mình chạy...
- Chạy đi đâu bây giờ? Đâu phải như hồi Tết Mậu Thân. Chạy vòng vòng trong thị xã cho tới hết xăng rồi về nhà?

Chị Yến ném cho anh Khanh một cái liếc mắt thật dài, rồi bực bội bỏ đi. Kể cũng khó mà cãi lại luận điệu làng nhàng của anh. Mấy đời tổ tiên bên nội của tôi đã sinh ra, lớn lên, và qua đời trong thành phố này. Gia đình còn có cả một khu đất làm nghĩa trang riêng với hàng rào sắt bao bọc uy nghi và hàng lớp mộ phần của ông sơ, bà xẩm... Anh chị em tôi có thể ghé vào bất cứ hiệu buôn nào trong thành phố mua đồ... chịu. Ngoại trừ những trường hợp bất đắc dĩ như vào quân đội hay xuất giá theo chồng..., không mấy ai nghĩ đến chuyện đi lập nghiệp ở nơi nào khác, dù chỉ là thành phố kế cận cách nửa tiếng đồng hồ đường chim bay. Nói gì đến chuyện khăn gói ra đi khơi khơi về phương trời vô định nào. Bậc trưởng thượng trong gia đình tôi có người cả đời sống loay hoay ở một nơi. Chưa hề thấy mảnh đất nào cao hơn mấy gò mả nhấp nhô trong nghĩa trang, nói chi đến núi non hùng vĩ. Chưa hề đặt chân đến bãi biển cát vàng cát trắng nào, nói chi đến chuyện dấn thân ra giữa chốn đại dương bát ngát muôn trùng.

Mùa hè năm tôi học lớp bốn, cô tôi đã quyết định áp dụng câu “đi một ngày học một sàng khôn, tổ chức cuộc đi Vũng Tàu tắm biển cho tất cả các cháu còn đi học, từ mười tuổi trở lên. Tôi được chín tuổi rưỡi, khóc lóc sụt sùi tí tì. Cô tội nghiệp, xị xóa:

- Cho nó đi, nó thiếu nửa tuổi, nhưng nó... cao.

Vậy là tôi được thấy biển lần đầu tiên trong đời. Bốn ngày sau, về đến nhà với đầu tóc khét nắng, mặt mũi đen thui, làm da mồi cời tróc ra từng miếng lỗ chỗ trên vai, trên lưng. Ba tôi hỏi:

- Con thấy biển ra sao? Thích không?

Tôi trề môi chê bai, méc với ba:

- Biển cạn xèo! Mà nước gì ai đi bỏ muối trong đó mặn chát, ba ơi. Con bị mấy anh cho uống nước, sặc gần chết!

Tôi đã được thỏa mãn những tò mò về biển. Tưởng chỉ bấy nhiêu kinh nghiệm đó thôi. Cho đến ngày mấy anh em tôi lên đênh bảy ngày đêm trên biển, rồi trôi giạt đến trại tị nạn nằm sát bên bờ biển trên hòn đảo lạc loài chơ vơ giữa Thái Bình Dương. Biển không còn cạn xèo, mặn chát nữa. Biển trở thành nơi ôm giữ và gợi nhớ kỷ niệm. Có những buổi chiều tôi đi lang thang một mình trên bãi vắng, lâu lâu nhúng chân vào nước biển, rồi lắng nghe những lượn sóng vỗ về đập nhẹ lên bãi cát, ve vuốt đôi bàn chân trần. Rồi tôi tưởng tượng là cùng một triền sóng vừa được đẩy ra xa, biết đâu sẽ mang trở về bờ bãi phía bên kia đại dương mùi hương da thịt của kẻ da vàng thất lạc là tôi. Đó là những đêm mà khi trở về lều tôi cứ loay hoay trần trọc không dễ được giấc ngủ. Chỉ mở to mắt nhìn trùng trùng vào bóng đêm nhể nhại, lắng nghe tiếng sóng biển rì rào réo gọi. Sao không yên ngủ, biển ơi. Hay là biển cũng nhớ người như ta... Tôi hay kéo một ché áo bỏ vào miệng ngậm cứng để ngăn lại tiếng khóc. Những giọt nước mắt nóng hổi lạnh lẽo tuôn ra âm thầm. Những tiếng kêu đứt đoạn trôi vờ trong trí tưởng. Còn ai đó không. Mai này, biết sẽ còn ai đó không. Ba ơi. Má ơi. Đoàn ơi...

Ba má tôi không ra đi mà dự định tìm một chỗ lui về vườn, vì nội ngoại đều còn sống và không chịu rời bỏ đất đai nhà cửa ông bà để lại. Cái quyết định đã làm cho ba tôi sống mười năm lây lất trong đời tù tội, bao nhiêu phen suýt bỏ thân nơi rừng sâu nước độc. Mười năm má tôi một mình tảo tần ngược xuôi làm thân “con cò lặn lội bờ ao...” Có một lúc, tôi hờn trách mọi người về chuyện này. Ba má phải ở lại vì nội ngoại đã đành, nhưng tôi không hiểu nội ngoại tiếc chi mấy mảnh đất vô tri vô giác, nhà cửa cột kèo, mà làm cho tụi tôi phải xa cha mẹ. Sau này, khi lớn lên tôi mới hiểu được phần nào về sự ràng buộc giữa con người và quê cha đất tổ. Có vậy nên mới sinh ra những nghịch cảnh ở không được, đi không đành. Tôi biết nội ngoại không nghĩ đến giá trị vật chất của đất đai, nhà cửa, mà là những trói buộc níu kéo không tên gọi và không thể dứt lìa. Cây có cội, nước có nguồn. Người ta đã nói như thế. Nghe mà tôi bời ruột gan. Nhưng không thấy ai nói đến mình phải làm sao đây khi cây bị bứng lìa khỏi cội, khi nước làm đục vẩn cội nguồn. Tôi càng thấm thía hơn khi đến một lúc, tôi lại bắt đầu thấy dường như vật gì cũng có linh hồn. Nhất là những gì mang lại cho người ta cảm giác thân quen gần gũi với quá khứ của riêng mình. Tôi hiểu. Bởi vì qua bao nhiêu biến cố nghiệt oan, qua bao nhiêu khổ ải thăng trầm, tôi vẫn chắt chiu gìn giữ và mang theo những tờ thư đóng khung bằng mực tím của Đoàn ngày nào. Qua bao thời gian miệt mài và giữa khoảng không gian vô tận, có những bài hát vẫn trở về thôi thúc trong chiêm bao, vẫn là nỗi ám ảnh đón đau không rời, vẫn làm trái tim tôi ghen ngào ứa lệ. “Lời thề bên nhau. Tình nồng đậm thâu. Cả một trời sao làm tròn duyên nhau. Người từ phương nao trở về cho ta hết u sầu...”

---o0o---

Ba hôm trước ngày cưới, chị Yến bay về từ Georgia để tiếp tay với chị Kiều, giúp tôi

chuẩn bị mọi thứ. Mà thật ra cũng không có gì để chuẩn bị. Hai bên cha mẹ đều không có ở đây. Thuận và tôi đã đồng ý chỉ làm một lễ cưới nho nhỏ cho có lễ nghi, gọi là. Buổi chiều đón chị Yến từ phi trường về, cơm nước xong, ba chị em kéo ghế ra ngồi ngoài sân sau hóng gió, nhắc chuyện đời xưa. Tôi yêu khí hậu nơi đây. Dù ban ngày trời có nóng nực oi ả đến đâu, buổi chiều cũng tương đối dễ chịu, thường có chút gió biển mát mẻ thổi vào. Mùa đông thì hay có sương mù trên những dãy đồi núi chập chùng bao quanh. Tôi tưởng tượng chắc phải giống như thành phố Đà Lạt ở quê nhà, mặc dù tôi chưa hề đặt chân đến đó bao giờ. Đối với con bé như tôi, sinh ra và lớn lên nơi miền lục tỉnh với đồng ruộng cò bay thẳng cánh, với sông ngòi lau lách hiền hòa vây quanh, hình ảnh nên thơ nhất trong trí tưởng tượng của tôi luôn luôn vẫn là Đà Lạt. Có lẽ, một phần vì Đoàn hay kể cho tôi nghe những mẫu chuyện vụn vặt về thành phố đó. “Chỉ nửa giờ bay từ Gia Nghĩa”, Đoàn kể, “anh có thể ngồi nhâm nhi cà phê với bạn bè ở cà phê Tùng bên bờ hồ Xuân Hương, thả rong lên chợ Hòa Bình, ngắm nhà thủy tạ trong sương mù lãng đãng, và... nhớ em. Thế nào rồi anh cũng đưa em lên đó một lần. Cố chờ anh, nghe nhỏ...” “Hình như tôi vẫn bám víu vào lời hứa đó. Ai đó một lần đã nói với tôi rằng những lời hứa dù nhỏ nhất đến đâu, đôi khi lại là cứu cánh trong những hoàn cảnh tuyệt vọng khôn cùng. Một lời hứa đôi khi làm người ta cố sống để làm cho trọn. Một lời hứa đôi khi đủ cho người ta bám víu vào đó mà tiếp tục lê chân bước tới. Tôi không biết có phải vì lời hẹn hò nửa vời của Đoàn ngày nào hay không, mà sau khi ghé chân qua thành phố này trong một buổi sáng sương mù giăng mờ thung lũng, tôi đã quyết định ở lại. Có một đôi lần, đứng dưới những gốc thông trên triền đồi xanh cỏ đại nhìn trời đất mù sương vây quanh, tôi không khỏi cảm lòng, ghen ngào rơi nước mắt tưởng nhớ đến chàng và một Đà Lạt trong ước mơ ngày nào của hai đứa.

Quanh quẩn một hồi, câu chuyện cũng quanh trở về Đoàn. Lâu lắm rồi hai chị tôi không dám nhắc đến tên chàng trước mặt tôi. Chị Yến ở xa, tin tức qua lại càng thưa thớt hơn. Chị dịu dàng hỏi tôi:

- Như vậy là em hoàn toàn không biết Đoàn sống chết ra sao?

Tôi lắc đầu, nhìn những hàng mây trắng lướt thướt giăng ngang trời:

- Gia đình Đoàn cũng biệt tăm từ ba mươi tháng tư, theo như người ta kể lại. Em nghĩ chắc họ đều vượt biên như mình. Ngoài những người gần gũi nhất như ba mẹ của Đoàn, em đâu biết họ hàng gần xa ở nơi khác mà dò hỏi tin tức.

Tôi nhớ đêm nằm co người trên sàn tàu trong lần vượt biên. Biển đêm đen như mực. Nhìn xuống nước là không thấy gì ngoài lớp bọt sóng miên man xô ập vào thân tàu, bắn lên tung tóe những chùm hoa nước màu trắng đục chập chờn. Tôi đã ngược mắt nhìn lên bầu trời cao thăm thẳm. Những vì sao lấp lánh xa xôi. Làm sao có thể tin rằng những điểm sáng lấp lánh trên kia mà tôi đang nhìn thấy đã tắt im từ trăm năm cũ. Có mà không. Hay không mà có. Gió thổi miệt mài không ngưng qua hai vai ướt lạnh. Tôi co rút trong làn áo mỏng, xót xa thêm hơi ấm từ cánh tay quen thuộc của Đoàn quàng

nhẹ trên vai như ngày nào. Vòng tay anh chặt chiu ân cần. Hơi thở ấm nồng nàn vương trên tóc. Tôi muốn tin rằng Đoàn vẫn còn sống sót, vẫn lang thang đâu đó trong rừng già cao nguyên. Anh đang thất thủ bước thấp bước cao trên đất đỏ, trên đá xanh. Anh đang mòn mỏi lê thân qua những suối cạn, những lối mòn. Anh lạnh lẽo đói khát. Anh hồn phách vật vờ. Có đau ốm bệnh hoạn cũng được. Có thương tích tàn phế cũng đành. Nhưng Đoàn ơi, miễn sao anh vẫn sống trên cõi đời này, là còn có thể dưỡng nuôi niềm hi vọng sẽ nhìn thấy lại nhau một ngày nào... Đoàn ơi, miễn sao... Tôi ngược nhìn trăng sao của phương tôi trên biển. Tôi nghĩ đến trăng sao của chàng ở miền rừng núi mịt mù hoang sơ nào trên quê hương vừa bỏ lại sau lưng. Biết đâu chàng cũng đang ngược mắt nhìn trời cao vọi vọi để thả hồn đến phương tôi. Vậy mà sao vẫn khó quá đổi. Khó mà tưởng tượng đôi chúng ta vẫn cùng chung nhau một bầu trời, phải không, ví dụ như anh vẫn còn sống...

---o0o---

Buổi tối, ba chị em trùm mền, nằm dài ra thăm chuyện trò đến khuya lơ khuya lắc, cho đến khi tôi hết thềm nói. Đầu óc tôi tỉnh táo, nhưng thể xác tôi mệt nhoài như tử vì những chuyện phải làm trong tháng vừa qua. Tôi ao ước phải chi mình mệt nhoài kiệt lực cho đến độ không còn gì để nghĩ suy, có lẽ đỡ nhức óc hơn. Tôi lao đầu vô bao nhiêu chuyện làm, tự tay lo hết những thứ cần thiết và không cần thiết. Từ thiệp cưới, nhẫn cưới, nhà hàng, nhà thờ, áo quần, trăm thứ linh kinh... Thuận thắc mắc:

- Sao em nói chỉ làm qua loa. Mà anh thấy em bày biện là bao nhiêu thứ...

Không biết trả lời Thuận ra sao, chẳng lẽ nói em làm để khỏi suy nghĩ vấn vợ, tôi đành cười trừ:

- Thì dù sao đời con gái chỉ có một lần mà anh.

Thuận đành nhún vai:

- Tùy em. Anh chỉ sợ em mệt, lại đổ thừa...

Tôi nằm im trong bóng tối, nhìn vệt sáng của ngọn đèn đường xuyên qua hai tấm màn cửa kéo lại không đủ kín chầy dài uốn éo trên mặt thảm. Một lúc, có lẽ tưởng tôi đã ngủ, chị Yến thì thầm:

- Kiều ngủ chưa?

Giọng chị Kiều tăng hăng nhỏ:

- Chưa...

- Em thấy chuyện của Thuận với Quỳnh ra sao?

Hình như chị Kiều thở dài thật nhẹ:

- Nó đâu có nói gì với em. Thuận theo đuổi nó cũng khá lâu rồi, mà nó cứ lửng lửng lơ lơ, coi như bạn. Rồi tự nhiên hai tháng trước nó tuyên bố là nhận lời cầu hôn của Thuận. Thuận cũng hiền lành chăm chỉ, nhưng em không nghĩ là nó thương anh chàng đủ để tiến tới hôn nhân...

Chị Yến chặc lưỡi:

- Chắc cũng là duyên số thôi! Em thấy chị lấy được người mình thương, mà rồi cũng hạnh phúc chi đâu? Nhiều khi cũng muốn làm cách mạng giải phóng cuộc đời, rồi nhìn lại mấy đứa con, không nữa...

- Nhưng cái điệu của con Quỳnh..., nó tinh tuông quá làm em lại thấy lo lo. Chị nhớ không, xưa nay cái gì nó cũng tâm sự kể lể với em. Lần này, việc động trời như vậy mà nó im ơ, không nói không rằng. Chị không biết tính nó bằng em đâu. Đứt tay, nó la làng chói lói. Đồ ruột, nó cắn răng khóc một mình.

Tôi muốn xoay người lại, ôm chị Kiều, và khóc ngất trong lòng chị như ngày tháng ba năm nào lúc từ nhà Đoàn thất thểu trở về. Lúc đó như vết đứt tay, vì tôi chỉ nghĩ là Đoàn mất tích ít lâu. Khi bỏ nước ra đi, tôi vẫn nuôi dưỡng niềm tin rằng Đoàn chỉ mất tích. Rồi một hai năm qua, mù khơi tăm dấu. Rồi ba bốn năm qua, tôi tê liệt với ý nghĩ xâu xé nếu còn sống sót, còn thương em, anh đã tìm về... Giờ này là bảy năm. Vết đứt tay qua loa đã hóa thành cảnh ruột đổ thắm sâu tự bao giờ. Nên tôi hết khóc, mà chỉ nghe nổi chết dần dà gặm nhấm từng phiến hồn xanh xao còn lại.

---o0o---

Lúc ở phòng mạch bác sĩ ra, mặt mày Thuận lộ rõ nét hân hoan. Thuận quên nhanh chóng những giây phút chờ đợi mệt mỏi đầy chán nản trước đó. Gần bốn mươi lăm phút đồng hồ, tôi ngồi đọc lướt qua hết tờ báo này đến tờ báo nọ. Thuận hết bước ra ngoài đi tới lui trong hành lang, đến ngồi xuống bên tôi ngó kim đồng hồ treo trên tường chậm rãi xoay vòng. Giờ thì Thuận cười hớn hở lúc mở cửa xe cho tôi leo vào:

- Anh phải bắt đầu tập hầu hạ em...

Tôi cười nhẹ, kéo dây đeo an toàn choàng qua người:

- Ủ, tập cho quen...

Thuận mở máy xe, quay qua nhìn tôi dò hỏi:

- Nghe tin có thai em không mừng hả?

- Mừng chứ. Em chỉ không ngạc nhiên vì em đã thấy triệu chứng khác lạ.

Thuận đặt nhẹ tay lên triền bụng còn phẳng lì của tôi, giọng xôn xao:

- Vài tháng nữa thôi, em sẽ đi đứng như chú vịt bầu. Em sẽ là bà bầu xinh nhất thế giới...

- Và anh là ông chồng nịnh đầm nhất thế giới?

Thuận cười dòn dã, quẹo ra khỏi bãi đậu xe. Tôi đưa tay nhìn đồng hồ:

- Còn sớm, hay là anh ghé qua khu chợ Việt Nam mua cho em vài trái xoài...

- Anh bắt đầu nhìn thấy viễn ảnh tương lai rồi! Bà bầu nhõng nhẽo nhất thế giới...

Qua khúc quanh, Thuận rẽ sang trái, chạy thẳng xuống khu phố nhiều hàng quán Việt Nam. Chiều thứ sáu, gặp hôm trời đẹp, thiên hạ tủa ra đường đi lại xôn xao. Tôi lại thấy chóng mặt. Thuận nhìn tôi lo lắng:

- Hay là để anh chạy vào mua nhanh nhanh... Em cứ ngồi đây chờ.

Tôi nhìn Thuận cười cảm ơn. Thuận tắt xe lại bên lề đường, mở cửa, băng ngang qua con lộ lớn rồi khuất sau hai cánh cửa kiếng dán đầy giấy quảng cáo xanh đỏ của tiệm bán thực phẩm. Bên cạnh tiệm bán thực phẩm là nhà sách. Tôi vẫn hay ghé qua đó vài tuần một lần, ôm về một chồng sách vở lung tung lang tang để đọc vào những đêm khó ngủ. Thuận không thích theo tôi những lúc tôi đi mua sách báo, bảo tôi đến nhà sách để... in dấu tay, mất thì giờ lao động quý báu trong đời sống vội vã hàng ngày của Thuận. Tôi có tật đi tới lui, ngắm nghía, mân mê từng quyển sách một trước khi chọn mua. Thuận cần nhắc:

- Em mua sách, chứ có phải chọn dâu kén rể gì sao...

Dường như có dáng dấp thật quen vừa bước ra khỏi cửa nhà sách. Tôi giật mình, rướn người nhìn theo. Người đàn ông có dáng cao dong dỏng, đôi vai rộng, tướng đi thông thả, khoan thai. Đi bên cạnh là người đàn bà khoãng trên dưới ba mươi, tóc ngắn, quần áo tươm tất hợp thời trang. Không lẽ nào... Tôi dụi mắt mình lần nữa. Hụt hơi. Chối với. Mười năm rồi tôi không nhìn thấy một dáng dấp nào quen thuộc như thế. Có phải Đoàn đó không. Có phải anh đó không. Chẳng lẽ...

Thuận mở cửa xe, dúi vào tay tôi bọc ni lông màu xanh nhạt:

- Xoài không được tươi lắm, anh chỉ mua vài trái cho em ăn đỡ thèm.

Tôi ậm ừ trong cuống họng. Tôi chết lún trên bãi cát khô. Thuận bẻ tay lái, cho xe lướt xuôi theo dòng đường tấp nập, vụt ngang qua người đàn ông và người đàn bà lúc nãy, rồi ngừng lại ở ngã tư đèn đỏ. Không kềm hãm được, tôi ngoái đầu nhìn trở lại. Vừa đúng lúc người đàn ông xoay mặt ngoảnh nhìn ra đường. Trời ơi, Đoàn... Tiếng kêu chắc phải lớn lắm vì âm vọng muốn làm trái tim tôi bung vỡ tung ra khỏi lồng ngực, mà sao không một ai nghe thấy. Thuận vẫn chăm chú nhìn thẳng về phía trước. Tôi chìm hẳn lao đao. Phải là Đoàn rồi. Làm sao tôi có thể lầm lẫn được khuôn mặt dấu yêu quen thuộc mà tôi đã trăm ngàn lần nhìn thấy trong chiêm bao. Rồi đôi mắt Đoàn rời bỏ đám đông, chợt dừng lại trên khuôn mặt tôi. Tia nhìn xoáy hút vào nhau không rời. Mắt mở lớn hoang mang. Mắt mở lớn sững sờ. Tôi không nghe được tiếng gọi thảng thốt thoát ra từ đôi môi chàng ở phía bên kia cửa kiếng, nhưng tôi biết Đoàn đã gọi tên tôi. Tôi chắc chắn như thế. Vì biết bao nhiêu lần, từ một đời qua hút dẫu, hai cánh môi ấm áp thân tình đó đã thì thào âu yếm gọi tên tôi. Như Quỳnh, Như Quỳnh ơi...

Đèn bật đổi qua màu xanh. Xe tiếp tục bình thản êm ái lướt trôi đi trên mặt đường thẳng tắp. Vậy mà tôi bỗng nhìn thấy cuộc đời mình như vừa chơi với tuột hẳn xuống những ghềnh thác cheo leo, những hầm chông sâu thẳm, trôi đi mê mải. “Cuộc tình duyên cũ, dù thời gian qua, mà lòng thương nhớ vẫn chưa hoen mờ. Chiều buồn không đâu, ngậm ngùi thương nhau...” Tiếng hát nào vừa cất lên bay cao theo nắng, tiếng hát nào vừa đắm đuối chìm xuống trong mưa, mà từ nay tôi đã biết, rồi đời đời sẽ còn vang vọng mãi không yên nguôi trong trí nhớ...

Cái Trọng Ty

Sóng nước luân hồi

như một lần tôi qua cầu độ nhật
dưới sông sâu nước chảy luân hồi
chỉ thấy tôi trôi
cùng mây về với biển
nghe xôn xao màu da thịt trắng ngần
dưới làn áo mỏng
thở phập phồng hai hạt lựu
ửng sắc hồng chuẩn choáng hơi men
giọt cát thời gian tình trẻ hẹn
sóng nước vô hồi
chẳng thấy biển về đâu
khúc dạo đầu bên kia cầu phở độ
mưa hạc vàng thăm thâu những đời xa
nắng bãi cát lải
phẳng phiu hồn dương liễu
chảy miên man trời mạn ngược biên thù
ngồi lại bên đường
hơi chiều chạng vạng
thấy trong gương
màu ảo sắc đảo điên
thấy đời qua
lá thời gian vàng vôi
lá bay nghiêng
màu hót hải vườn thu

Yên Sơn

MỘT THOÁNG HƯƠNG XƯA

*Ta ngồi chép lại pho tình cũ
Gọi trái tim đau nhỏ mực buồn*

Yên Sơn

Thư hấn nhận được trong một buổi chiều tháng 12/77, sau một ngày làm việc mệt nhọc. Hấn vô cùng sung sướng khi thoáng thấy phong bì có viền xanh đỏ chung quanh trên tay anh Khang, người bạn cho hấn thuê phòng, hấn biết chắc đó là thư đến từ Việt Nam. Hấn gần như giật lấy lá thư. Anh Khang nheo mắt cười nói với hấn: “Thư của bà bác nào đó mà làm gì dữ vậy?” Nhìn địa chỉ người gửi, thấy tên mẹ của Thu Dung, hấn càng hồi hộp hơn! Hấn nhủ thầm “Thu Dung ơi! Hơn một năm rồi không có tin tức nào của em”! Hấn không kịp thay quần áo, chưa cởi cả giày, hấn cẩn thận mở thư ra đọc... Vừa đọc hàng chữ đầu: “Tuấn thương mến, Bác viết thư này báo tin cho con rõ là con

gái của Bác, Thu Dung, đã lập gia đình rồi!” , mắt hắn đã như hoa lên, trước mặt tối sầm lại! Hắn vội vào phòng riêng đóng cửa, buông mình trên giường, căng mắt đọc lại từng dòng, từng chữ!

Sàigòn, ngày... tháng... năm...

Tuấn thương mến,

Bác viết thư này báo tin cho con rõ là con gái của Bác, Thu Dung, đã lập gia đình rồi. Dù lập gia đình với người không yêu mà chỉ là một ân nhân cứu mạng. Cậu ấy là một bác sĩ, thuộc chế độ cũ, làm việc tại bệnh viện Chợ Rẫy, đã cứu giúp Thu Dung sau một tai nạn xe cộ tưởng đã nguy hiểm đến tính mạng.

Bác biết gần một năm dài chắc cháu lo lắng lắm vì không thấy thư hồi âm của Thu Dung sau cái thư đầu tiên nó gửi cho cháu. Bác nghĩ là cháu phải lo lắng lắm, mong đợi ghê lắm! Bác đã rất vui mừng khi được tin cháu còn sống, nhưng vô cùng hoảng hốt khi biết Thu Dung liên lạc với cháu. Sau lần đó, Bác đã dặn ông phát thư, vốn là người quen biết trong xóm, chỉ đưa thư của cháu tận tay Bác, vì Bác sợ lọt vào tay chồng của nó sẽ làm tan vỡ gia đình. Bác đã nhận đầy đủ thư của cháu gửi về, dù địa chỉ đã thay đổi. Thu Dung cũng nhiều lần gắng hỏi Bác có nhận được thư từ gì của cháu gửi về không, Bác đành lòng nói dối nó! Bác xin lỗi đã đọc hết thư của cháu, những lời lẽ thống thiết, chân tình đối với Thu Dung làm Bác rất nhiều lần rơi nước mắt! Bác không dám đưa thư cháu gửi cho Thu Dung chỉ vì muốn bảo vệ hạnh phúc gia đình của nó. Bác cũng không biết ăn nói với cháu ra sao nên không trả lời.

Tuấn ơi! Cháu tha lỗi cho Bác vì đã nuôi hy vọng cho cháu cả năm nay. Cháu thông cảm cho sự khổ tâm của Bác, cháu nhé? Tuấn ơi! Ngoài bốn phận làm Mẹ muốn bảo vệ tương lai, hạnh phúc cho con, Bác cũng rất yêu mến cháu nên Bác nghĩ rằng thật là không công bằng cho cháu nếu cứ để cháu nuôi hy vọng mà lỡ làng cả tương lai, sự nghiệp của cháu. Thế nên Bác cũng không thể giữ yên lặng hoài, tội nghiệp cho cháu!

Viết đến đây lòng của Bác vô cùng thương cảm, không cầm nổi nước mắt! Cầu xin Chúa ban phước lành cho cháu và hai cậu em. Cháu cũng nên nghĩ đến tương lai, nên lập gia đình và cứ xem như Thu Dung đã chết! Vĩnh biệt cháu!

Bác Đoàn

---o0o---

Hắn bàng hoàng, đau đớn đến nghẹt thở! Hết nằm, tới ngồi, đi đi lại lại quanh phòng, đọc tới đọc lui nhiều lần như muốn lật tung những dòng chữ khắc nghiệt để tìm kiếm những điều khả dĩ cho hắn niềm tin là bà Cụ đã viết cho hắn những điều không thật. Bức thư đã nhàu nát, suy tính đến quẩn trí mà có tìm thấy chút hy vọng nào đâu! Càng suy nghĩ càng thấy vô vọng vì hắn biết bà Cụ rất mực thương yêu con, quý mến hắn. Hắn ngã sấp lên nệm, lấy chiếc gối phủ kín đầu, để mặc cho những đau thương dày xéo! Thế là bao nhiêu hy vọng, bao nhiêu đợi chờ đều tan biến! Hắn dấu mình trong phòng bỏ cả buổi cơm tối khiến anh chị Khang rất lấy làm lo lắng, lâu lâu lại hỏi thăm

cho hấn méo mó cười, nói dối là mình không đói bụng!

Hấn nằm miên man suy nghĩ. Có suy nghĩ gì khác hơn ngoài hình bóng của Thu Dung và thời gian bên nhau trong những ngày xưa cũ! Mà có xưa cũ gì cho cam?! Chỉ mới đây, hơn hai năm mà sao vời vợi mơ hồ! Nụ cười tươi thắm, ánh mắt dịu hiền như đang thấp thoáng mong manh; tiếng nói hồn nhiên tuổi học trò như còn văng vẳng bên tai nhưng sao bỗng nhiên nghe chừng xa lạ! Phải! Xa lạ rồi! Xa lạ vĩnh viễn như nguồn nước cạn sau cơn địa chấn kinh hoàng! Bây giờ em đã làm vợ người ta! Anh và em mỗi bên bờ đại dương có bao lần mây che núi chắn! Những lời hẹn ước cũng tan như bọt nước biển khơi; cơn bão lốc đã đưa em về bên lạ để riêng anh ngơ ngẩn cuối trời! Ngã rẽ cuộc đời dù em đã chọn lựa trong đón đau và nhiều nước mắt nhưng cũng đã kết thúc mối tình đầm thắm đôi ta! Anh thông cảm với em đã không thể thổ lộ khi viết lá thư duy nhất cho anh năm rồi, vì anh tự đặt anh vào hoàn cảnh của em chắc anh cũng không có đủ can đảm nói lên sự thật!

Không nhận được thư em, anh đã nghĩ có lẽ em đã rất bàng hoàng khi biết anh còn sống, em đã rất đau lòng cho hoàn cảnh chúng ta, có lẽ em đã sống qua một thời gian xáo trộn nhất trong đời. Anh cũng nghĩ tại hoàn cảnh nghiệt ngã của đất nước mình, đâu có ai biết ai còn ai mất sau cuộc bể dâu, nên anh thấy thương em nhiều hơn hờn trách, cho dù con tim anh đang rướm máu! Không, anh không buồn trách gì em, chỉ thương cho anh với bao nhiêu hoài vọng! Chỉ thương cho em trước phong ba bão táp của cuộc đời!

Những suy tư triền miên làm hấn cay mắt, chập chờn đi vào giấc ngủ muộn phiền với bao nhiêu mộng mị! Trong mơ hấn thấy đã vượt tay nàng khi nhảy lên phi cơ vội vã rời thành phố đầy những tiếng bom đạn khắp nơi. Hấn tính nhảy xuống trở lại nhưng bị trượt chân, đập mặt xuống sàn tàu khi máy bay cất cánh. Dường như có bàn tay ai đó lôi lưng hấn lại, khi hấn cố nhào người ra ngoài cửa nhìn cánh tay vẫy gọi trong tuyệt vọng của Thu Dung càng lúc càng nhỏ dần, ở một khoảng trống đầy sương mù nhưng lồ lộ tụi nóm cối đang chĩa nhiều họng súng về hướng phi cơ, giữa một cánh đồng bạt ngàn lau sậy...

---o0o---

Đang mơ mơ màng màng bỗng hấn nghe tiếng gõ cửa dồn dập, rồi tiếng anh Khang nói lớn:

- Tuấn ơi dậy đi! Sắp tới giờ lên phi trường đón người tỵ nạn rồi nè!

Hấn không hiểu tại sao anh Khang lại biết hấn cần đón người hôm nay, nhưng hấn cũng ngồi bật dậy, chạy vào phòng rửa mặt, xong vội vã ra đi. Chị Khang kịp lúc dúi vào tay hấn mấy cái bánh sandwich trét bơ đậu phộng biếu hấn ăn cho đỡ đói.

Cũng như những lần trước đón người tỵ nạn, hấn đến phi trường San Francisco sớm hơn cả tiếng đồng hồ. Những chuyến bay có đưa người tỵ nạn vào nội địa Hoa Kỳ thường đến rất khuya và thường không đúng giờ. Lên đến phi trường, hấn xem chuyến

bay qua màn ảnh mới biết sẽ đến trễ cả tiếng đồng hồ. Dù phi trường lúc nào cũng đông đúc người tới kẻ đi, nhưng càng về khuya càng thấy thời gian như càng chậm lại. Hấn uống hết mấy ly café rồi mà vẫn bị cơn buồn ngủ đè nặng lên mi mắt. Hấn cố nuốt mấy miếng sandwich nhưng sao đắng ngắt đành vất bỏ đi!

Hấn đã tình nguyện làm bán thời gian với Hội Thiện Nguyện USCC (United States Catholic Charity) này từ đầu năm nay, 1977, khi mấy anh em hấn mới chân ướt chân ráo dọn về đây từ vùng nắng cháy San Antonio. Làm ở đây với hy vọng tìm biết được tin tức gia đình, bè bạn. Vì lẽ đó, chuyên đón người Việt tỵ nạn nào hấn cũng là người đầu tiên tình nguyện. Lại nữa, hấn cũng rất lấy làm sung sướng làm người hướng dẫn cho những gia đình mới tới mà không nề lao nhọc. Cũng có rất nhiều lần hấn cùng rơi lệ sung sướng với người mới tới, khi họ biết chắc gia đình họ đã thật sự đặt chân an toàn xuống vùng đất hứa.

Cuối cùng, chuyến bay cũng vào bến đậu! Hấn đứng bật dậy đưa cao tấm bảng có hàng chữ Trần Phi Thọ khi thấy hành khách bắt đầu xuất hiện ở cổng ra. Tấm bảng hấn vừa vẽ vội vã trên một bìa giấy cứng hấn lượm được trong thùng rác khi nãy.

Hấn nóng ruột ngóng cổ đợi chờ, hết người này tới người khác vẫn chưa thấy bóng dáng một người Việt Nam. Hấn bỗng nghiệm ra một điều là hầu hết những người tỵ nạn, luôn là người cuối cùng rời khỏi phi cơ? Theo kinh nghiệm của hấn, ngồi sau đuôi bao giờ cũng mệt hơn nhiều trong những lần phi cơ chuyển hướng hoặc đổi cao độ. Hấn tự nghĩ có thể đó là giao kèo giữa hãng hàng không và Cao Ủy Tỵ Nạn chăng? Hành khách tỵ nạn chắc phải là ưu tiên sau cùng cho đầy chuyến bay!

Gia đình hấn đón lại là những người rời máy bay sau cùng trong một chuyến tàu có cả mấy trăm hành khách. Cặp vợ chồng rất trẻ dắt đứa con gái nhỏ đi chấp chững vừa ra khỏi cổng, mắt đảo đảo tìm kiếm đầy vẻ lo âu. Hấn vội bước tới:

- Thưa chắc đây là gia đình anh Nguyễn Phi Thọ?

- Dạ xin chào anh, chúng tôi là Nguyễn Phi Thọ tới từ trại Songkla! – người chồng mừng rỡ.

- Chào anh chị! Tôi là Tuấn, nhân viên của hội USCC, đặc trách đón gia đình anh chị về nơi tạm trú! Anh chị yên tâm, mọi chuyện sẽ đâu vào đó!

Hấn bắt tay người chồng thật chặt như cố tình chuyển cho anh sự an tâm. Hấn xoay qua, cúi mình một chút, chào cô vợ. Hấn khựng người khi bắt gặp đôi mắt ngó hấn đắm đắm! Chỉ một thoáng thôi, rất vội vã, rồi bối rối ngó xuống đất, nói lí nhí một điều gì đó nghe không rõ. Hấn bế đứa con gái nhỏ trên tay, tính đưa mọi người ra xe về lại Oakland. Nhưng dường như có cái gì thúc giục, hấn lại xoay qua ngó người đàn bà. Hấn lại bắt gặp đôi mắt quen thuộc đang vừa đi vừa nhìn hấn trân trối và cánh tay đưa lên đầu gỡ kẹp cho mớ tóc dài phủ bành bồng xuống đôi bờ vai nhỏ. Hấn thảng thốt gọi lớn:

- Thu Dung!

- Anh Tuấn!

Thu Dung nước mắt ràn rụa, buông xách tay xuống đất. Hấn trao tay đưa con gái nhỏ cho Thọ rồi quay qua Thu Dung, hai người ôm nhau chặt cứng trong khi hai cha con Thọ ngơ ngác đứng nhìn. Hấn run lên vì sung sướng, quên cả hiện tại. Phi trường bỗng nhiên im vắng lạ lùng, chỉ nghe tiếng tim đập liên hồi như muốn thoát ra khỏi lồng ngực. Giọng Thu Dung sưng đầy nước mắt, thương cảm gọi tên hấn liên hồi. Hấn cũng không cảm nổi nước mắt với bao nhiêu xúc cảm nghẹn ngào.

Hấn bồi hồi đặt môi hôn lên vùng tóc rối, ân cần hỏi:

- Anh mới nhận thư của Má em hồi chiều, nói rằng em đang có chồng Bác sĩ, làm việc tại bệnh viện Chợ Rẫy mà sao gặp lại nơi đây?

- Dạ anh Thọ là Bác sĩ chồng em đây, tụi em vượt biên qua tới Thái Lan hồi đầu năm nay.

Thu Dung xoay về hướng Thọ, tay vẫn ôm chầm lấy hấn. Rất ngỡ ngàng, hấn buông lỏng hai tay, nhẹ nhàng gỡ tay Thu Dung, nhìn Thọ với cảm giác tội lỗi:

- Xin lỗi anh Thọ nha! Gặp lại Thu Dung tôi mừng quá quên cả ý tứ!

Dường như ánh mắt Thọ thoáng một chút khó chịu:

- Không sao anh, tôi hiểu! Chuyện rất dài, khi nào có dịp chúng tôi sẽ kể anh nghe.

- Thôi chúng ta ra xe, tôi đưa gia đình anh chị về nơi tạm trú.

Vợ chồng Thọ và đứa con gái ngồi cả phía sau. Rất im lặng! Hấn muốn gọi chuyện nhưng sao cũng ngại ngùng sau mấy lần hỏi chỉ để nghe câu trả lời ngắn gọn gần như cụt ngắn. Dù vậy, hấn cũng được biết rằng, một bệnh nhân của Thọ vốn là cán bộ cao cấp của quân đội Bắc Việt, đã móc nối và tổ chức vượt biên cùng với gia đình Thọ. Chuyến đi rất may mắn, sông sẽ đến Thái Lan. Ở trong trại không đầy 6 tháng, gia đình Thọ được Hội USCC bảo lãnh đi Hoa Kỳ.

Xa lộ về khuya đường vắng. Từng ngọn đèn đường chiếu màu xám xịt trong sương đêm dày đặc. Hình dạng chiếc cầu Bay Bridge cũng mờ mờ ảo ảo, ẩn hiện trong sương. Hấn run mình vì thấm lạnh, vội vàng quay cửa kính lên và bật máy sưởi. Sự im lặng làm cho hấn thấy ngột ngạt khó chịu. Hấn nhìn vào kính chiếu hậu thấy hai người đang dán mắt vào cửa kính nhìn ra ngoài.

- Mình đang qua cầu Bay Bridge, chiếc cầu nối liền San Francisco với Oakland. Cầu này dài hạng nhì ở trong vùng. Cầu dài nhất là cầu San Mateo, nằm ở phía Nam, dài khoảng 12 dặm, sát mặt nước, cách đây không xa lắm; và cây cầu nổi tiếng nhất vẫn là cầu treo Golden Gate, bên phía Tây Bắc thành phố. Nếu không có sương mờ, mình có thể nhìn thấy rất rõ từ Oakland.

- Rồi đời sống trong những ngày tới của chúng tôi ra sao anh Tuấn ? – Thọ hỏi với vẻ âu lo.

- Anh chị đừng lo. Dù thế nào cũng không thể tệ như ở trại tỵ nạn, và chắc chắn tốt hơn cả trăm lần so với Việt Nam bây giờ. Chuyện tương lai thì từ từ tính. Chuyện trước mắt

là Hội USCC đã nhờ tôi thuê cho gia đình anh chị một căn chung cư hai phòng ngủ, đầy đủ tiện nghi. Tiền đã trả trước ba tháng. Ngày mai tôi đưa anh chị vào văn phòng làm giấy tờ. Họ sẽ cấp cho mỗi đầu người ba trăm đồng, một lần một, để chi dụng. Người ta hy vọng sau ba tháng anh chị sẽ có thể tự lập. Tôi sẽ tận lòng hướng dẫn cho anh chị như đã từng giúp đỡ người khác. Mong anh chị yên tâm.

- Chúng tôi thật may mắn gặp được anh! Cảm ơn Thượng đế và xin cảm ơn anh trước!

Thọ mau mắn nói. Hấn cố tình gọi chuyện với Thu Dung:

- Cháu Thảo được bao nhiêu tuổi rồi Thu Dung?

Thời gian ngưng đọng lại để nghe câu trả lời. Hấn lại liếc vào kính chiếu hậu thấy Thu Dung cúi đầu xuống thấp, kéo vạt áo lau vội nước mắt. Tiếng Thọ đỡ lời vợ: “Dạ sắp hai tuổi!” Câu trả lời làm hấn ngỡ ngàng tự hỏi: “mới lập gia đình hơn một năm mà sao đã có con gần hai tuổi?” Nghĩ như vậy nhưng hấn không tiện mở lời.

Những giọt nước mắt của Thu Dung làm hấn xốn xang trong lòng. Hấn băng khuâng nhớ về khung trời cũ, kỷ niệm xưa. Cũng những giọt nước mắt sục sùi đã rơi thánh thót trong buổi chiều ở vườn cây ăn trái Lái Thiêu, khi hấn nói với nàng nếu một mai hấn không còn hiện hữu, ở lần gặp gỡ sau cùng! Nàng đã khóc vui, thốt câu: “em sẽ phải sống ra sao nếu không có anh”.

Hấn trầm nghĩ: “Thu Dung ơi, anh mừng cho em vì bây giờ em đã biết sống ra sao khi bên em đã có một người đàn ông khác”. Phải, với nàng, hấn kể như đã chết! Hấn đã không chết tan xác cùng với con tàu trên vùng trời quê hương đất nước, như hấn đã chuẩn bị, mà chết trong đời sống của nàng, chết trong sự chia lìa bất chợt!

Bỗng nghe tiếng kèn inh ỏi, hai vệt đèn sáng chói, rọi thẳng vào mắt làm hấn không nhìn rõ phía trước nhưng biết chắc xe hấn đang trước đầu một xe khác ngược chiều. Tiếng thắng bánh xe kêu rít trên mặt nhựa làm đầu óc hấn tê cứng. Theo phản ứng tự nhiên, chân hấn đạp mạnh lên thắng, lách nhanh tay lái qua bên phải, nghe tiếng va mạnh vào thành cầu, rồi chiếc xe lao thẳng xuống khoảng không gian đen ngòm bên dưới. Hấn cảm thấy nhẹ lâng lâng trong trạng thái chơi vơi chơi vơi. Hấn nghe hai tiếng thét hãi hùng bên tai quện lẫn vào tiếng hét kinh hoàng của chính hấn. Trong phút giây vô vọng đó, hấn bỗng nhiên thấy bình tĩnh dị thường, vội buông tay lái, xoay người ra phía sau cố nắm bàn tay Thu Dung đang chơi vơi đưa về phía hấn, nhưng có lẽ sức rơi của chiếc xe quá nhanh khiến hấn không tài nào nắm được!

Hấn mở choàng mắt ra thấy anh chị Khang đứng trước khung cửa mở toang. Hấn tự và vô mặt mình để biết mình quả thật còn sống. Bây giờ hấn mới nhận ra rằng mình đang nằm dài trên sàn, tay nắm bức thư nhàu nát, cả người ướt đẫm mồ hôi! Hấn bỗng bật ngồi dậy mừng rỡ như điên trước hai cặp mắt kinh ngạc của anh chị Khang. Anh Khang ôm hai vai hấn lắc mạnh:

- Chú Tuấn, chú Tuấn! Chú có sao không, chú đừng làm tôi sợ đó nha!

- Dạ thưa không sao ạ! Tuấn vừa trải qua cơn ác mộng hãi hùng!

Hắn mỉm cười và là đứng dậy ngồi ở mép giường. Anh Khang buông hắn ra, thở phào. Chị Khang nhẹ nhàng lên tiếng:

- Trời đất! Cái chú này ngủ mơ thấy gì mà la hét um trời, khiến anh Khang phải tông cửa xông vào vì tưởng chú... Hay là lại thấy Việt Cộng rượt đuổi như anh Khang vẫn bị?

- Dạ không, Tuấn thấy sắp bị “head-on” với một chiếc xe chạy ngược chiều trên cầu Bay Bridge, rồi lao thẳng xuống biển đen ngòm!

- Cầu Bay Bridge có từng đi qua, từng đi về riêng biệt làm sao head-on cho được?

- Chắc cha tài xế say rượu chạy lộn đường!

- Đường như chú còn trong mơ!?

- Ừ nhỉ!!!

Hắn mỉm cười tỏn tẽn, với chiếc khăn vắt trên đầu tủ, lau mồ hôi nhễ nhại và nói:

- Thôi anh chị đi ngủ lại đi, Tuấn xin lỗi! Chắc khuya lắm rồi phải không ạ!

- Khoảng 4 giờ sáng rồi! Tôi nay chú vẫn chưa ăn. Chú có đói không chị đi nấu cho chú tô mì gói? – Chị Khang ái ngại hỏi.

- Dạ cảm ơn chị, Tuấn vẫn không đói! Anh chị đi nghỉ đi, mai còn đi làm sớm!

---o0o---

Hắn tắt đèn nằm vật xuống nệm, vắt tay lên trán, suy nghĩ về giấc mơ như thật vừa qua mà cũng cảm thấy lòng dạ bùi ngùi. Hắn lại bật đèn mở thư ra đọc tiếp dù đã thuộc nằm lòng! Hắn thì thầm trong bóng tối: “Thu Dung ơi, em đã vượt khỏi tầm tay anh ở cuộc sống bon chen này; mỗi chúng ta đã thực sự bước vào ngã rẽ. Em đã quay lưng bước đi, chỉ riêng anh đứng lại trông theo với nhiều nuối tiếc! Anh cầu xin đấng thiêng liêng ban cho em thật nhiều hạnh phúc và may mắn trong đời! Anh biết chắc, rất khó để anh có thể quên được hình bóng của em. Anh cũng chưa biết anh sẽ bắt đầu từ đâu trong cuộc sống tha hương khắc nghiệt này, sau những hoài mong diệu vợi!”

Hắn cố dỗ giấc ngủ trở lại nhưng không thể nào chợp mắt được. Tiếng kim đồng hồ gõ từng nhịp giữa đêm thanh vắng nghe rõ mồn một làm hắn sốt ruột vô cùng. Hắn ngồi dậy lấy bút viết vội những trào dâng trong tâm khảm:

Ta ngồi chép lại pho tình cũ

Gọi trái tim đau nhỏ mực buồn

Sầu đọng chân mây trời viễn xứ

Vo tròn hoài niệm góc quê hương

Miền Du Đà Lạt

Mưa sầu La Seine

Mưa buồn trên bến sông Seine lạnh

Thao thức ngàn sao thương nhớ nhau

Lệ nào còn đọng sầu bên gối

Ôi ! chút tình xưa trở lại đau

Mưa sâu bên ấy ướt đôi vai
Hỏi áo em choàng có được cài
Áo lạnh ngày xưa còn đủ ấm
Hay đã rơi tả dưới sương mai
Xin gửi tặng em ngọn lửa hồng
Ấm tình thiếu nữ buổi chiều Đông
Em ơi Đông có mang hơi lạnh
Nhóm chút lửa hồng ủ giấc nồng
Ngày mai, ừ nhỉ trời thơm nắng
Thơm áo em choàng, chẳng ướt vai
Thơm má hồng xinh, đôi mắt biếc
Thơm bờ tóc rối kết hoa mai
Thôi nhé! em ơi, chớ gánh sầu
Chỉ mình ta giữ một niềm đau
Chúc em hạnh phúc trong ngày mới
Vui kỷ niệm xưa ta có nhau ...

Trường Thy

Ảnh Hưởng của Văn Hóa Việt Tộc

1.

Mỗi dân tộc đều có niềm tự hào riêng của mình. Là con dân của một nước dù trí thức hay bình dân, niềm tự hào ấy không thể xóa bỏ, lại càng không nên và không thể chối bỏ trừ khi muốn mang lên mình cái “án vong bản” mà thôi.

Suốt chiều dài lịch sử của hơn bốn ngàn năm văn hiến, trong đó ngôn ngữ và văn hóa đóng vai trò trọng yếu vì nó là “căn cước” của chúng ta; để mất “căn cước” này là để mất quê hương, mất gốc.

- cây có gốc
- nhà có nền có nóc
- sông lạch và suối có nguồn
- máu da ngôn ngữ là hồn nhân gian

Ngôn ngữ và văn hóa không những là phần quan trọng nhất của một quốc gia, mà còn là biểu thị đặc trưng của dân tộc.

Việt Nam ta đã có một dĩ vãng lâu dài bị các triều đình phong kiến Bắc phương xâm lăng đặt nền đô hộ nhiều lần, kéo dài hàng chục thế kỷ. Họ đã mang sang nền văn hóa tạo nên ảnh hưởng lớn lao trong sinh hoạt quần chúng. Từ đó làm cho nhiều người có ý nghĩ là văn hóa Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu rộng và nặng nề của văn hóa Trung Hoa.

Theo nhà sử học kiêm triết gia Kim Định, cũng như nhiều nhà nghiên cứu khoa học, Nhân chủng Học và Xã Hội Học thì ngược lại, văn hóa Trung Hoa chịu ảnh hưởng của văn hóa lưu dân Bách Việt. Từ thế kỷ IV trước công nguyên, người Đông Nam Á gọi là

Bách Việt sống khắp duyên hải Đông Á. Trong số đó người Lạc Việt có chừng 15 đến 20 % nhưng lại giữ vai trò chủ chốt, lãnh đạo về xã hội và ngôn ngữ.

Đặc điểm nổi bật là số dân này sống hồn nhiên, thích ca múa thoải mái. Cuộc sống thực tiễn luyện ái tự nhiên là đặc điểm của văn hóa Việt tộc. Điều này đã hiển hiện trong sinh hoạt lễ, hội, nhất là hội xuân. Trai gái làng này hát đối với trai gái làng kia, vừa hát giao tình vừa được dịp quen biết nhau.

2.

Tìm về văn hóa Việt tộc không thể bỏ qua Kinh Thi, một tuyển tập những bài dân ca và ca dao tuyệt vời vào thế kỷ thứ VI trước công nguyên trên lưu vực Hoàng Hà và Dương Tử. Đây là tác phẩm văn học cổ điển có tầm ảnh hưởng sâu rộng trên đời sống tinh thần của Đông phương. Phải chăng vì thế mà Khổng Tử đã lên tiếng “Bất học Thi vô dĩ ngôn” (Không học Kinh Thi biết gì mà nói). Trong Kinh Thi đã ghi nhận: khi bất bình người Miêu Việt nổi dậy; vua Thuấn sai ông Quỷ dùng ca múa để dụ yên. Từ đó các vua thời cổ Trung quốc dựa vào lời ca từ thôn dã mà luận biết nguyện vọng, tâm tư của dân để dễ trị vì.

Những lời ca, khúc hát này cũng từ đó được thu thập vô tàng thư nhà vua. Những thư tịch này trong cung vua nhà Chu, theo Tư Mã Thiên thì ban đầu có tới khoảng 3000 bài. Khổng Tử bỏ bớt đi, san định thành Kinh Thi.

Nếu trong cuộc sống thực, Hán nho và Tống nho hỗ trợ cho vương triều phong kiến xóa bỏ văn hóa Việt tộc, thì trên phương diện ngôn ngữ họ đã ăn cắp tác quyền những bài dân ca và ca dao của đại chúng Việt, cung hiến cho vua chúa.

Theo tinh thần triết học thì triết gia hàng đầu Tây phương, Heidegger đã cho rằng “chỉ có thi ca mới đứng trên cùng bình diện với triết lý.” Với Đông phương thì dấu chỉ triết Việt đã có truyền thống nằm trong thi ca theo dòng văn hóa lâu đời của dân tộc Việt.

Trở lại với Kinh Thi để làm rõ nét những dấu ấn cao quý của văn hóa Việt trong thi ca; khi san định Kinh Thi, Khổng Tử đã chọn lựa những áng ca dao và những khúc dân ca từ nông thôn, xóm vắng phương Nam Bách Việt cho phần mở đầu gọi là “Quốc Phong”. Toàn bộ Kinh Thi có chừng 300 bài, phần đầu này đã chiếm hết 160 bài và ngay bài đầu là bài “Quan Thu”:

- Quan quan thư cưu
- Tại Hà chi châu
- Yêu điệu thực nữ
- Quân tử hảo cầu
- Quan quan cái con thư cưu
- chim trống chim mái cùng nhau bãi ngoài

3.

- dịu dàng thực nữ như ai
- sánh cùng quân tử tốt đôi vợ chồng

đã cho ta thấy bài ca trên nói về một bãi cò trên sông với loài chim nước cặp đôi, quấn quýt nhau, cùng đôi trai gái tình tự, phản ánh nếp sống hồn nhiên của dân cư nền văn minh lúa nước. Hảo câu là từ mang nhiều nghĩa, Tản Đà dịch là “tốt đôi vợ chồng” e không đúng tinh thần câu ca. Theo Kim Định thì có bản La Tinh dịch là ‘giao cấu’ (copulary) và như vậy nói lên được quan hệ tính giao tự nhiên vốn chỉ có ở văn hóa sống thực của Lạc Việt nông nghiệp.

Một bài khác nữa cũng mang tính trữ tình và cũng là một kiện chứng cho dấu ấn Việt thi, đó là bài “Hán Quảng”

- Hán chi quảng hĩ
- Bất khả vị ti
- Giang chi vĩnh hĩ
- Bất khả phương ti
- Trên bờ sông Hán ai ơi
- có cô con gái khó ai mơ màng
- mệnh mong sông Hán sông Giang
- muốn sang chẳng được bè sang khó lòng

Sông Hán là chi lưu của sông Dương Tử, vùng đất Châu Kinh, Châu Dương, Châu Hoài, địa bàn sinh sống lâu đời của người Bách Việt. Từ đó cho thấy người Việt là tác giả của những câu ca này.

Hầu như ai cũng nhận thấy, qua học hỏi, qua sách vở, hoặc nghe nói lại, Khổng Tử là nhà giáo dục rất tâm lý nên để giáo huấn con người về đức ‘Nhân’, ông đã chủ trương mở đầu việc học bằng sự duy trì tình tự con người qua những bài ca, bài thơ. Nói về tình tự có lẽ không gì nồng nàn, đầm thắm bằng tình nam nữ. Phải chăng chính vì thế mà văn chương truyền khẩu của phần đông các dân tộc được sáng tác với mục đích ban đầu là để phục vụ tình yêu. Đó cũng là nguyên do mà Khổng Tử đã nâng thi ca lên làm Kinh Thi; trong đó ngay phần mở đầu như vừa nói trên đã có những áng ca dao chan chứa ý tình của gái trai đất Việt. Vẫn theo triết gia Kim Định thì Nho giáo nguyên thủy là Việt nho và Khổng Tử đã san định Việt.

4.

nho. Điều này khác với Hán nho lấy câu “Nam nữ thụ thụ bất thân”, đề cao lý trí hình pháp mà coi rẻ giá trị tình cảm của thi ca Việt tộc.

Giá trị ấy đã được minh chứng qua sự việc dùng Kinh Thi như khuôn vàng thước ngọc để đào luyện con người. Bởi đó là giá trị đích thực mà Khổng Tử đã nhận định được vì ngay từ lúc chưa có chữ viết, thêm vào đó lại bị áp đặt tư tưởng, thi ca truyền khẩu Việt tộc vẫn vượt qua mọi trở ngại để bất diệt trên văn đàn với kho tàng Ca Dao, Tục Ngữ. Nền thi ca cổ xưa này đã phát xuất từ lòng người, từ những trái tim nhân bản, tiềm tàng sức sống, gần gũi với thiên nhiên. Chính vì xuất xứ từ tim óc con người và truyền đạt cho nhau nghe rồi ghi nhớ nên:

- Trăm năm bia đá thì mòn
- Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ.

Điều đáng tiếc là gia tài văn học nước ta bị thất tán vì không có kế hoạch lưu trữ của triều đình. Do vậy sự tham khảo gặp khó khăn nếu như không tìm vào những tài liệu bằng Hán tự, chữ Nôm, hay Pháp ngữ.

Để một lần nữa xác định dấu ấn văn hóa Việt tộc đã ảnh hưởng trên văn hóa Trung Hoa, ta thấy mặc dù Hán nho trong việc biên tập, nhuận sắc, và chú giải, nội dung nhiều chỗ thay đổi và tác quyền bị tước đoạt, cũng không hoàn toàn xóa bỏ được dấu tích thi ca Việt và tinh thần triết lý Việt bàng bạc trong tập Kinh vì rất nhiều bài, ngoài ý tình mang màu sắc thôn quê Việt Nam, trong Kinh Thi nhiều câu vẫn giữ nguyên cấu trúc ngữ pháp Việt, điều mà chúng ta nên truyền đạt cho thế hệ tương lai để hãnh diện về nền văn hóa truyền thống của dân tộc Việt.

Xuân Bích

Một lần xa

Xa anh – em đã tự bao giờ
từ lúc em buồn trong giấc mơ
hay đã lâu rồi như bản tính
vô thường cuộc sống vốn không ngờ
ngu ngơ kỷ niệm lạc biên thù
vờ vĩnh man khai buồn biệt ly
để đón vu vơ chiều nhớ lạ
về ươm cho chín mùa tình si
cách xa từ độ nhớ ơ hờ
mê sảng chưa qua tầng bụi tro
đã nhú mầm đau trên luống tuổi
khu vườn chờ đợi trở bông mơ

lối về trăng khuyết bóng mờ sương
nhớ thuở ôm nghiêng sách cổng trường
áp úng trao nhau lời nói vụng
mơ màng như khúc dạo “mười thương”
đêm nay trăng vẫn ôm riêng trời
đêm đến mệnh mang trống trải đời
gió thổi không gian đầy lá úa
bâng khuâng hồn lảng dưới không lời

chiều nào bóng đổ trên thềm ga
đưa tiễn nhau môi mắt bạc hà

pha loăng hoàng hôn bằng tiếng hú
con tàu rời bến...một lần xa

Lê Thương

Mùa thu qua thi ca

Khí hậu ở Hoa Kỳ thay đổi rõ rệt trong vòng hơn một tháng nay, trời mưa nhiều cùng với những cơn gió lạnh lạnh bắt đầu thổi về báo hiệu thu sang. Lại một lần nữa mùa thu đang trở về với vạn vật. Lại một lần nữa người Việt ly hương nhìn cảnh mùa thu nơi xứ người mà lòng bồi hồi nhớ đến những mùa thu cũ nơi quê hương mình. Ở Hoa Kỳ, cây cối vào mùa thu thật vô cùng lộng lẫy. Khi mà những ngọn gió thu bắt đầu thổi về thì lá rừng cũng bắt đầu thay đổi màu sắc. Chỉ trong vòng vài ngày, hàng cây xanh bên đường bỗng đổi ra màu vàng óng ánh, rồi cả một khu công viên cũng vàng rực lên. Nhìn lên những vùng đồi núi bao la, trùng trùng điệp điệp cũng vàng lên một màu vàng rực rỡ... Cho đến khi mặt đất trải đầy lá vàng, cây cối trở cảnh khảnh khiu báo hiệu Nàng Thu cất bước ra đi nhường chỗ cho một mùa đông lạnh lẽo thê lương. Nhìn cảnh thu nơi xứ người mấy ai trong chúng ta chẳng thấy lòng nao nao nhớ đến những mùa thu cũ năm nào ở quê nhà. Mơ về những mùa thu dĩ vãng, ta chợt bắt gặp nỗi sầu riêng qua những thu khúc buồn nhất, tha thiết nhất.

Mùa Thu ở Việt Nam ta không rực rỡ như mùa Xuân, không gay gắt, oi bức như mùa Hạ, không tàn tạ ủ rũ như mùa Đông. Thu Việt Nam nhẹ nhàng, mơ hồ, mênh mông, bàng lảng. Cái se se lạnh của gió thu, cái trong vắt của nước thu, cái xào xạt của lá thu, cái huyền ảo của trăng thu, cái bàng lảng của trời thu như gieo vào lòng người biết bao nỗi buồn không tên nên đã làm tốn bao nhiêu giấy mực, chữ nghĩa của các văn nhân, thi sĩ. Người ta phong phú hóa đề tài mùa thu qua lá thu, trăng thu, mây thu, mưa thu, trời thu, ý thu, hồn thu, tình thu... Cho nên đa số các nhà thơ, người nào cũng có một ít vần thơ rên rĩ về mùa thu và những giọng rên rĩ của họ đã làm giàu thêm cho kho tàng văn hóa Việt Nam ta:

Mở đầu cho tác phẩm “Cung Oán Ngâm Khúc”, Ôn Như Nguyễn Gia Thiều đã dùng “gió vàng”, tức gió thu để báo hiệu thảm trạng cô đơn của nàng cung nữ không còn được nhà vua đoái tưởng. Một giai nhân sắc nước hương trời được nhà vua tuyển vào cung cấm những tưởng duyên may lại gặp vận rủi khiến cuộc đời nàng hoàn toàn bị vây phủ bởi thời gian chán ngán, não nề và không gian với gió vàng hiu hắt:

Trải vách quế gió vàng hiu hắt,

Mảnh vũ y lạnh ngắt như đồng.

Oán chi những khách tiêu phòng,

Mà xui phận bạc nằm trong má đào!

Khi ánh nắng gay gắt của mùa hè dịu lại, trên nền trời trong thoáng vài sợi mây nhẹ mờ hồ và gió se se lạnh là báo hiệu thu về. Thu Việt Nam về mơ màng, nhẹ nhàng như nàng thực nữ yếu điệu khiến lòng thi nhân cảm thấy băng khuâng, ngổ ngàng:

Chao ôi! Thu đã đến rồi sao?
Thu trước vừa qua mới độ nào!
Mới độ nào đây hoa rạn vỡ,
Nắng hồng choàng áp dãy bàng cao.

(Chế Lan Viên)

Hoặc nhìn lên nền trời, bỗng dừng bất gặp những áng mây lang thang lòng tự nhiên thấy buồn buồn nhớ lại buổi chia ly vào mùa thu năm nào mà lòng ngậm ngùi, nuối tiếc. Buổi chia ly năm ấy là cả một trời thu buồn trong cặp mắt giai nhân và trong trái tim thi sĩ:

Hôm nay có phải là thu?
Mây năm xưa đã phiêu du trở về.
Cảm vì em bước chân đi,
Nước nghiêng mắt ngọc lưu ly phớt buồn.

(Đinh Hùng)

Hay ngồi ở bên đò vào một chiều thu nhạt nắng, trông theo ngọn gió thổi qua rừng làm rơi rụng những chiếc lá mùa thu gợi cho viễn khách một nỗi buồn băng quơ. Bỗng đâu đây văng vẳng lời ca réo rắt nghe rụng rời cõi lòng ai, nhất là cõi lòng của viễn khách lỡ chuyến đò ngang vào một chiều thu:

Mùa thu đến chậm như chưa đến,
Lá vôi rơi theo gió vôi vàng.
Sương đã dâng lên chiều lắng xuống,
Bến đò đã tắt chuyến sang ngang.

(Nguyễn Bính)

Thu âm u, buồn ảm đạm! Những cây liễu đứng đìu hiu như những nàng cung nữ thời xa xưa. Chua xót chất chứa đầy trong tim, nước mắt đã khô cạn bờ mi mà thu cứ đứng đưng không biết lòng người đang mang một tâm sự nào nề:

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,
Tóc buồn buông xuống lệ hàng ngàn.
Đây mùa thu tới, mùa thu tới,
Vá áo mơ phai dệt lá vàng.

(Xuân Diệu)

Thu mênh mông khắp không gian, thu bàng lãng khắp núi rừng. Chỉ cần một cơn gió thoảng, một đám mây trôi, một chiều lá rụng với nắng vàng hiu hắt cũng đủ gieo vào lòng thi nhân nỗi buồn tỉ tê nào nề. Chúng ta hãy lắng nghe tiếng thở dài của nhà thơ vào một chiều thu:

Bỗng dưng buồn bã không gian,
Mây bay lững thấp giăng màn âm u.
Nai cao gót lẫn trong mù,

Xuống rừng nẻo thuộc nhìn thu mới về.
Sắc trời trôi nhạt dưới khe,
Chim bay, lá rụng cành nghe lạnh lùng.
Sầu thu lên vút song song,
Với cây hiu quạnh, với lòng quạnh hiu.
Non xanh ngây cả buổi chiều,
Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia.
(Huy Cận)

Còn trăng thu mờ ảo làm tăng nỗi cô đơn trong lòng chinh phụ:
Em không nghe mùa thu,
Dưới trăng mờ thồn thức?
Em không nghe rạo rức,
Hình ảnh kẻ chinh phu.
Trong lòng người cô phụ?
Em không nghe rừng thu,
Lá thu kêu xào xạc.
Con nai vàng ngơ ngác,
Đạp lê lá vàng khô?
(Lưu Trọng Lư)

Thu ở cảnh vật, thu ở thiên nhiên, thu ở ngoài trời nhưng thực ra thu đã ở trong lòng người. Cho nên lòng người cũng rung với gió, mơ theo trăng và vờ lẫn cùng mây:
Suối trời hôm ấy thê lương quá,
Tóc liễu bờm xồm, sóng vỗ hồ.
Mây rồi trên trời, cây rồi lá,
Giường cô thôn nữ gối chăn xô.
.....

Nơi tôi còn ít lá lòng,
Chiều nay rơi nốt vào trong lá rừng.
(Hồ Dzếnh)

Mây buồn giăng giăng khắp nẻo, trời thu u ám, ảm đạm phủ một màu tang thương.
Trong bốn mùa, chỉ có mùa thu mới mang lại cho thi nhân cái thú đau thương nên nhà thơ đã chọn mùa thu để đi thăm mộ người yêu:
Trời cuối thu rồi em ở đâu?
Nằm trong đất lạnh chắc em sầu.
Thu ơi đánh thức hồn ma dậy,
Tôi muốn vào thăm nấm mộ sâu.
(Đinh Hùng)

Cho đến hình ảnh trong bốn câu thơ dưới đây là cả một tâm sự. Mùa thu có gió thu sớm

thối nhẹ như cái nhẹ nhàng của cuộc gặp gỡ lần đầu tiên giữa em và tôi. Dù em chưa nói nhưng tôi đã hiểu thâm và hình như em đã thầm nói qua ánh mắt, qua cái nhìn. Cho nên tôi đi lang thang vào những phố không đèn tìm lại dư vị của hương thầm khi mới quen, xem lòng mình và ý người. Tình yêu đến nhẹ nhàng như thế và chỉ có thể đến ở một xứ sở mặn mà tình cảm là quê hương Việt Nam ta:

Từ già hoàng hôn trong mắt em,
Tôi đi tìm những phố không đèn.
Gió mùa thu sớm bao dư vị,
Của chút hương thầm khi mới quen.

(Đinh Hùng)

Rồi nhà thơ ngỡ ngác đi giữa mùa thu, nghe từng chiếc lá thu rơi mà tâm hồn bàng hoàng bắt gặp thương nhớ của mùa thu cũ. Mơ về mùa thu dĩ vãng, nhà thơ đưa ta về quá khứ lãng mạn với một trời sầu thương, oan khổ:

Gió đưa xác lá bên đường,
Thu sang nhuộm cả sầu thương một trời.
Sầu thương quyến lấy hồn tôi,
Đêm qua ngồi đọc thơ người xa xăm.

.....

Chuyện xưa hồ lãng quên rồi,
Bỗng đâu xem được thơ người vườn Thanh.
Bao nhiêu oan khổ vì tình,
Cớ sao giống hệt chuyện mình ngày xưa.
Phải chăng mình có nên ngờ,
Rằng người năm ấy bây giờ là đây?

(Nguyễn Bính)

Đêm thu, trăng thu mơ màng, gió thu lãng mạn. Gió trăng hòa hợp quyến luyến quyến lấy nhau, gió chùng như nín thở chờ vàng trăng lạc giữa trời thu. Gió còn ve vuốt ngàn hoa nội cỏ, gió lê thê trên hè phố phớt nhẹ lên mái tóc thề, gió leo qua cửa sổ sờ sờ sẫm gối chăn:

Bóng nguyệt leo song sờ sẫm gối,
Gió thu lọt cửa cọ màn chăn. Rồi gió khe khẽ lọt phòng the, gió nhè nhẹ hôn lên má người thiếu phụ đang say ngủ giữa đêm khuya khiến nàng giật mình tỉnh giấc, bẽn lẽn thẹn thùng thì thầm than:

Vô tình để gió hôn lên má,
Bẽn lẽn làm sao lúc nửa đêm.
Em sợ lang quân em biết được,
Nghĩ ngờ cho cái tiết trinh em.

(Hàn Mặc Tử)

Thu về với vạn vật, nhìn những chiếc lá thu từ hàng xóm bay sang khiến người thiếu phụ bỗng sợ thời gian, lo tuổi xuân qua mau mà quên lời hẹn ước cùng ai năm nào:

Trận gió thu phong rụng lá vàng,
Lá bay hàng xóm lá bay sang.
Vàng bay mấy lá năm già nữa,
Hờ hững ai xuôi thiếp phụ chàng.

(Tản Đà)

Trời thu bảng lảng, mây thu lang thang, trăng thu mơ màng, gió thu nhẹ nhàng sao nữa để duyên nàng dở dang, bẽ bàng?

Trời thu ảm đạm một màu,
Gió thu hiu hắt thêm sầu cô miên.
Trăng thu bóng ngả bên thềm,
Tình thu ai để duyên em bẽ bàng!

(Tương Phố)

Suối thơ của nữ sĩ nhẹ nhàng như suối mùa thu, đẹp như một cánh hồng trong vườn hoa văn học!

Kẻ phụ người yêu, kẻ duyên bẽ bàng. Bể ái ân ngàn trùng không tát cạn. Họ là ngừng kẻ đang lặn ngụp trong những lượn sóng tình mà tâm tư bầm dập, ngổn ngang. Ôi trần gian sao nhiều đau khổ. Vào đêm thu, bầu trời trong vắt, trăng sao vàng vạc, Chị Hằng đương lom khom dòm xuống trần gian nhiều khổ đau mà lòng nao nao, xao xuyến... bỗng có tiếng thở than chán ngán từ trần thế vọng về:

Cuối thu sen nát lòng dâu bể,
Ngày muộn chuông đau chuyện đá vàng.
Chán ngán ân tình sầu chất ngất,
Già theo nhân thế hận man man.

(Thanh Tâm)

Chưa hết! Cái oan khổ vì tình chưa hết! Đây, ta hãy lắng nghe cuộc tình của T.T.Kh. Cuộc tình của nữ sĩ cũng bắt nguồn từ một mùa thu qua bài thơ có cái tiêu đề ngộ ngợ: “Hai Sắc Hoa Ti-Gôn”. Nhưng đằng sau cái ngộ ngợ đó chất chứa cả một khối tình đầy những giọt lệ mùa thu:

Một mùa thu trước mỗi hoàng hôn,
Nhặt cánh hoa rơi chẳng thấy buồn.
Nhuộm ánh nắng tà qua mái tóc.
Tôi chờ người đến với yêu đương...

Rồi:

... Tôi nhớ lời người đã bảo tôi,
Một mùa thu trước rất xa xôi.
Đến nay tôi hiểu thì tôi đã,

Làm lỡ tình duyên cũ mất rồi.
Tôi sợ chiều thu phớt nắng mờ.
Chiều thu hoa đỏ rụng chiều thu,
Gió về lạnh lẽo chân mây vắng.
Người ấy bên sông đứng ngóng chờ.
Nếu biết rằng tôi đã có chồng,
Trời ơi! Người ấy có buồn không?
Có thâm nghĩ đến loài hoa vỡ,
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng?
Và:

... Anh ạ! Tháng ngày xa quá nhỉ,
Một mùa thu trước, một lòng đau...

Bởi vậy, tình, nhìn từ xa như là hạt kim cương lóng lánh với muôn màu sắc quyến rũ nhưng khi đến gần chỉ là những giọt nước mắt. Thế nhưng văn thi sĩ vốn là những kẻ đa sầu, đa cảm, đa tình, đa tứ lại cứ thích đi tìm những giọt nước mắt qua tình yêu, thích ca tụng tình yêu dang dở, thứ tình không còn giọt nước mắt để khóc hay tình đã giết chết con tim!

Tường Linh

Thông điệp

trên cuộc đi dài khổ hạnh thi ca
chàng lật sớ biên niên ngồi kiểm lại
nghe rõ nhịp của trái tim thời đại
quên soi gương tóc trắng tự bao giờ
còn trong chàng đứa trẻ “nhân chi sơ”
có thô thiển nhưng vô cùng chân chất
yêu cuộc đời bằng tình yêu duy nhất
không biết van xin cực lạc, thiên đường
Mất vốn hoa niên, đáng vị hồ trường
làm chú tiểu của chùa Thợ, hành đạo
góp công quả soạn bài kinh Thi giáo
nhận hình hài đa khổ kiếp nhân sinh
và cũng không che dấu thói đa tình
tình hạn hẹp sao đủ yêu vạn vật?
đâu chỉ mỗi mặt trời nuôi trái đất
còn có chữ Tâm kỳ vĩ sáng ngời
thông điệp tình phát mãi vẫn không vơi
chưa đắc đạo đã thấy mình thoát khổ
với cả loài người chung niềm hạnh ngộ

bài thơ xanh choàng trái đất thêm xanh
chàng lại đi cùng nhân loại đồng hành
nghìn năm trước, nghìn năm sau vẫn thế
hồn bút tĩnh giữa mọi tầm dâu bể
viên chân trời tóc trắng rồi theo mây

Trần Thiện Hiệp

Từ hạt sương

trong hạt sương có đất trời
trong mắt em có những lời yêu thương
ta trong cuộc lữ vô thường
thấy em kỳ diệu hạt sương rạng ngời
thấy em có cả biển khơi
có sông suối mát, có nơi tu hành
có hoa cỏ lạ rừng xanh
có muôn ẩn ngữ kết thành thơ bay
từ em góp cuộc sum vầy
đường ta nhật nguyệt tình say tang bồng
dầu bao thành bại, long đong
cảm ơn em vẫn chung lòng thấp cao
ngâm thơ ta giữa ba đào
nghe đời thấm những tự hào, chua cay
mắt em hồ nguyệt tình đầy
Cho ta soi bóng mỗi ngày phù du
tóc dù nhuộm sắc sương thu
nửa vòng thế kỷ... tình ru ngọt ngào
cầm tay, còn ấm thuở nào
ta còn say đắm. rượu đào mời em.

Tiểu Tử

Những Hình Ảnh Đẹp

Anh tôi nằm bệnh viện Saint Camille đã được mười bữa. Chiều hôm qua, ảnh gọi điện thoại về nhà, nói: “Thằng tây nằm chung phòng ra nhà thương rồi, ngày mai chủ nhật, mày vô đây anh em mình nói chuyện chơi”. Nghe giọng ảnh “có thần” nên tôi vui vẻ trả lời: “Dạ! Mai em vô. Vợ con em đi Mỹ, chớ không thì em cũng chờ tụi nó vô thăm anh”. Tôi nghe ảnh cười khịt: “Một mình mày cũng đủ cho tao vui rồi...”.

Phòng anh tôi là loại phòng hai giường ở lâu ba. Ông già người Pháp cỡ hơn tám mươi tuổi nằm chung phòng với anh tôi rất khó tánh. Ông không thích có nhiều ánh sáng vào phòng nên volet cửa sổ lúc nào cũng chỉ hé lên một chút thôi. Thấy ông quá già lại hay gắt gỏng nên mấy cô y tá cũng nhân nhượng, chỉ kéo volet lên cao trước giờ bác sĩ

trưởng đi thăm bệnh nhân, rồi lại hạ thấp xuống, sau đó! Mỗi lần tôi vào thăm anh tôi, mặc dầu chúng tôi nói chuyện nho nhỏ với nhau, ông cũng lẩn qua trở lại thở dài. Có khi còn lấy gối bịt lỗ tai nữa!

Anh tôi nói: “Tao chưa bao giờ nghe nó... tăng hăng với tao một tiếng!”.

Ông Tây đó xuất viện, chắc anh tôi nghe... nhẹ lắm nên mới vội vã gọi tôi vào chơi, để nói chuyện mà không cần giữ gìn ý tứ gì hết!

Hôm nay, volet cửa sổ được kéo lên hết nên để lộ trời cao lồng lộng và phòng đầy ánh sáng... Thấy tôi, anh tôi vui vẻ nói: “Mừng quá! Hôm rày, cứ làm thính, bức mình thấy mụ nội! Bữa nay, tụi mình nói chuyện tự do, cho nó đã!”.

Tôi nhìn anh tôi mà thấy thương: mới ngoài sáu mươi mà đã già xạm. Bao nhiêu năm tù đầy của VC đã ăn mòn cơ thể của anh đến nỗi từ khi anh qua Pháp sum họp với vợ chồng tôi, anh cứ bệnh lên bệnh xuống hoài. Cũng may là anh không có vợ con nên không có những cái lo của người có gánh nặng gia đình. Và cũng may là anh chỉ có một mình tôi là em đã có cuộc sống ổn định nên anh không phải cưu mang một đứa em nào khác.

Hai anh em tôi nói chuyện vui vẻ một lúc, bỗng anh tôi nhìn trời qua khuôn kiếng cửa sổ rồi nói: “Trời đẹp quá, Cu!”.

Tôi còn đang ngẩn ngơ không biết anh nói với ai thì anh cười khịt khịt: “Mày quên mày hồi nhỏ tên là Cu hả?”.

Tôi bật cười: cả một trời dĩ vãng bỗng hiện về rất rõ, với những hình ảnh thuở nhỏ ở nhà quê, có bà mẹ một mình trồng rau trồng cải nuôi hai thằng con, đứa lớn tên Hai đứa nhỏ tên Cu... Tôi nhìn anh tôi mà nghe rung rức ở trong lòng. Tôi “Dạ” như cái máy! Anh tôi nói: “Bác sĩ nói anh ra ngoài chút chút được”.

Tôi lại “Dạ” nhưng vẫn còn thấy tôi đang ở quê tôi, ở trong cái nhà tranh vách đất có giàn bầu vắt lên mái tranh che sàng nước nằm bên góc bếp... Tôi nói “Vậy hả anh” mà vẫn còn đứng trong vườn rau của mẹ với mấy cây mít cây ổi cây xoài, vẫn còn nhìn cái giếng có cây cần vọt để kéo nước và cái gàu đeo lưng lẳng ở đầu cây sào dài... Tôi chỉ giật mình dạ lớn khi nghe anh tôi gọi: “Cu! Ê ... Cu!”.

Anh nhìn tôi, mỉm cười: “Tao muốn mày đưa tao đi một vòng”.

Tôi “Dạ” rồi vội vã bước ra cửa. Anh ngạc nhiên: “Đi đâu vậy?”. Tôi trả lời: “Em đi lấy cái xe lăn!”.

Anh bật cười: “Không cần xe lăn xe liếc gì hết. Mày lại đây, tao chỉ cho”.

Anh tăng hăng mấy tiếng rồi nói tiếp: “Mày đỡ tao dậy cạnh giường. Đợ... Mày xây lưng lại thụt sát vô cạnh giường ở giữa hai chân tao nè. Đợ... Rồi mày rùn người xuống cho tao ôm cổ mày. Mẹ... Mày ăn thứ gì mà mày lớn con quá hông biết! Rồi! Tao ôm chắc rồi! Bây giờ, mày choàng hai tay ôm hai bắp vế của tao đây, vừa xóc nhẹ để lấy trớn vừa đứng lên. Đợ... Như vậy, người mình gọi là “cống”. Ở xứ này, tao chưa thấy ai cống ai hết. Có lẽ người ta không biết cống, mày à!”.

Tôi công anh tôi, nhẹ hều. Anh nói: “Hồi nhỏ, tao công mấy mòn lưng, mấy đâu có biết!”.

Một xúc động bỗng dâng tràn lên cổ, tôi vừa nuốt xuống vừa siết chặt hai chân anh tôi như muốn ôm lấy hết con người của anh để cảm ơn, cái con người đang nằm trên lưng tôi đây, cái người anh đã hy sinh suốt cuộc đời không chịu lập gia đình chỉ vì muốn nuôi thằng em ăn học cho đến nơi đến chốn! Anh đã công tôi trong thời tuổi nhỏ, về sau, anh vẫn tiếp tục công tôi - dù dưới hình thức khác - cho đến ngày tôi thành nhân ra đời. Biết bao giờ tôi công lại anh tôi suốt hai mươi mấy năm trời như vậy?

Chúng tôi ra hành lang. Gặp một cô y tá, cô ta vội nói: “Để tôi lấy cho ông một chiếc xe lăn!”.

Tôi lắc đầu: “Khỏi cần! Cảm ơn cô! Anh tôi muốn tôi công như vậy”.

Cô ta mỉm cười bỏ đi, vừa đi vừa nhìn lại, vẻ ngạc nhiên. Anh tôi nói: “Mấy thấy không? Ở xứ này, người ta không biết công là gì!”.

Thật vậy, đi dài dài theo hành lang, gặp ai cũng bị nhìn với một nụ cười như muốn nói “Làm gì ngộ vậy há!” Tiếng của anh tôi vẫn đều đều nhỏ bên tai: “Hồi đó, năm mấy ba tuổi là năm mấy bệnh hoài nên mấy cứ nhè nhẹ nhè nhẹ đeo theo má đòi ẵm. Chiều nào má cũng nói “Hai! Mấy công thằng Cu đi hàng xóm cho má nấu cơm coi!” Vậy là dầu tao đang tưới rau tao cũng quăng đó, công mấy đi vòng vòng. Hồi đó, lúc nào mấy cũng ở trường, còn tao, dầu đã hơn mười tuổi, nhưng lúc nào cũng ở trần, chỉ khi nào đi học mới máng lên mình cái áo sơ-mi. Thành ra, khi công mấy tao thương ở cái chỗ là nghe con cu của mấy mềm mềm nằm gọn trên da lưng tao. Nhiều khi thương quá, tao xoay người lại hun mấy tro trát làm mấy nhột mấy cười đưa mấy cái răng non nhỏ như hạt gạo! Mấy coi! Vậy mà đã hơn năm mươi năm rồi chứ bộ!”.

Tôi im lặng nghe anh tôi kể mà trong đầu thấy như đang nhìn ngay trước mắt cảnh thằng anh công thằng em đi quanh quanh để người mẹ rảnh tay lo nấu bữa cơm chiều... Đẹp quá! Anh tôi lại nói: “Thiệt ra, tao đâu có công mấy đi đâu xa. Đi lòn lòn qua mấy liếp rau mấy bờ mía rồi qua lò bánh tráng của dì Sáu Lộc. Đứng xó rợ một chút là dì Sáu hay chị Hai Huê con của dì cho một cái bánh tráng nướng thơm phức”.

Ngừng một chút, anh tôi hỏi:

“Mấy còn nhớ chị Hai Huê không?”

Tôi đáp: “Dạ có. Hồi đó, chỉ ra sư phạm rồi dạy tụi em ở tiểu học”.

Anh tôi tăng hăng: “Ờ! Chỉ đó! Má khen chỉ lắm, nói: con nhỏ dễ thương, đi làm có lương mà chỉ sắm có hai cái áo dài, hồi nó thì nó nói nó để dành tiền cất một cái quán cho má nó ra bán bì bún ít cực hơn là xay bột tráng bánh”.

Đến đây thì tôi nhớ rõ cái quán của dì Sáu Lộc: Quán nhỏ nằm cạnh cây gõ trước lò bánh tráng. Bì bún ngon có tiếng. Có điều là dì Sáu không bán rượu để mà cũng không cho khách hàng mang rượu để đến quán! Dân nhậu phàn nàn thì dì Sáu nói: “Tôi ghét thứ đó lắm! Cũng tại ba cái đế đó mà ông nhà tôi ba ngừ té xuống bàu chết không ai

hay!”.

Cái quán đó về sau giao cho vợ chồng cô cháu gái của dì Sáu trong nom và được cất rộng ra thành tiệm cà phê, người ta gọi là tiệm “Cây Gõ”...

Ở cuối hành lang bệnh viện là khuôn kiếng rộng. Nhìn xuống dưới thấy nắng đầy... Cây cỏ được cắt xén sạch sẽ đẹp mắt. Tia nước tưới vườn tự động quét qua quét lại coi mát rượi. Anh tôi im lặng nhìn một lúc rồi nói: “Hồi đó, chiều nào đi học về, tao cũng phải đi tưới vườn rau. Mới có mười tuổi mà tao mạnh lắm! Cái gàu nước lớn như vậy mà tao xách chạy bon bon. Phải nói là nhờ có cây cần vọt tao mới kéo nổi cái gàu ra khỏi giếng, chớ nếu kéo bằng sợi dây dừa thì chắc tao chịu thua”.

Có lẽ sợ tôi quên nên anh tôi tả cây cần vọt. Tôi vẫn để ảnh nói vì tôi thấy ảnh đang sung sướng với những hình ảnh đẹp của quê hương, cái quê hương ngàn trùng xa cách... Tiếng của anh tôi vẫn đều đều bên tai: “Cần vọt là hai cây tre lớn bằng bắp chân đóng dính chắc vào nhau bằng những thanh ngang coi giống như một cái thang. Chân cái thang đó được chôn đứng cách giếng độ hai ba thước. Trên đầu có một cốt tròn xỏ qua hai thân tre. Bắp dính chắc trên cái cốt đó là một thân tre dài, đầu to là đầu nặng nằm đụng đất, đầu nhỏ chỉ lên trời coi giống như một đòn bẩy hay một cái đu nhún lên hạ xuống của trẻ con. Đó là cái cần. Trên đầu cần là một cây sào bằng tầm vông dài xuống gần miệng giếng, đầu dưới của sào có cái móc để móc cái gàu. Muốn lấy nước, người ta kéo cây sào thông gàu xuống giếng đợi gàu đầy nước là kéo gàu lên, cây cần làm đòn bẩy giúp cho người kéo nước không phải ráng sức. Hay quá!”

Tôi nói đầy đủ, cố ý để cho anh tôi nghĩ: “Dạ. Em còn nhớ cây cần vọt chớ! Hồi em lớn lên, em vẫn phụ anh tưới rau cho má, anh quên sao? Em còn nhớ hồi đó phần của em là lo tưới và chăm sóc giàn bầu của má”.

Ảnh cười khịt khịt: “Ờ... giàn bầu. Trái dài lòng thông, đi ngang phải cúi đầu để tránh...”

Rồi giọng của ảnh như vui lên: “Bầu luộc là món mà tụi mình ăn hằng ngày, mấy nhớ không? Bữa cơm nào cũng có bầu luộc, mè cá kho và một tô nước luộc bầu. Nước luộc bầu không có con tôm con tép gì hết, chỉ có chút muối, chút tiêu và mấy cọng hành... vậy mà tụi mình chia nhau húp ngon lành, hén Cu!”.

Tôi bồi hồi nhớ lại cảnh anh em tôi húp nước luộc bầu, nhưt là cái cử chỉ của anh tôi khi ảnh đưa tô sành mè miệng, xây chỗ miệng tô còn lạnh, nói: “Húp ở đây nè, Cu!”.

Cha ơi...! Sao mà nó đẹp!

Thấy gần trưa, tôi cũng anh tôi đi lần về phòng. Bỗng ảnh nói: “Ý! Má kêu kìa!”.

Rồi ảnh ghé đầu buông thõng hai tay! Tôi đang hốt hoảng chưa biết phải làm sao thì gặp ông bác sĩ trưởng trong thang máy bước ra. Tôi vội vã gọi: “Bác sĩ! Bác sĩ! Ông coi coi! Anh tôi bị gì rồi!”.

Bác sĩ rờ đầu rờ cổ anh tôi rồi lôi tôi chạy lại phòng trực y tá. Bác sĩ hướng vào trong nói “Cứu cấp”. Mấy cô y tá phóng ra đỡ anh tôi qua giường sắt có bánh xe rồi đẩy

nhANH về phòng, theo sau là xe dụng cụ thuốc men. Vào phòng, một cô y tá đẩy nhẹ tôi ra ngoài, nói: “Ông đừng vào. Cảm phiền đứng đợi ở đây.” Rồi đóng cửa lại. Tôi tỳ người vào tường, nhìn quanh bối rối: hành lang trống trơn bỗng như rộng mênh mông...

Một lúc lâu sau mấy cô y tá mở cửa đẩy giường đẩy xe ra, nói chuyện tỉnh bơ. Đi sau cùng là bác sĩ trưởng. Ông vỗ vai tôi, nói: “Không có gì hết! Chỉ bị xúc động mạnh thôi. Ông vào được rồi.”

Tôi nói “Cám ơn” rồi thở dài nhẹ nhẹ như vừa trút một gánh nặng. Nhìn thấy tôi bước vào, anh tôi mỉm cười, mắt ánh ngời sáng, nhưng anh vừa đưa tay ra dấu vừa nói: “Thôi! Mày về đi! Để tao ngủ một chút”.

Nói xong, anh nhắm mắt mà trên môi vẫn còn nguyên nụ cười. Tôi biết: anh đang đi vào giấc ngủ với những hình ảnh đẹp!

Tôi bước ra, đóng nhẹ cửa lại. Hành lang dài tung hút. Chắc cũng đến giờ cho bệnh nhân ăn nên phảng phất có mùi đồ ăn. Tôi bỗng nghe thềm vị ngọt của nước luộc bầu mà anh em tôi chia nhau húp năm chục năm về trước, bây giờ sao vẫn còn nhớ. Và lạ thật! Nước luộc bầu quá tầm thường như vậy mà sao cũng mang đầy mùi vị của quê hương?

Tôi nuốt nước miếng...

Kim Oanh

Một nửa đi tìm....

Có một thời con gái thường mơ mộng
Thoáng qua lòng bóng nắng dỗi theo sau
Chân bước mau... tìm vội thăm trao
Sợ... rất sợ... nắng vàng mau phai nhạt
Có một thời con gái thích tiếng đàn
Chiều tan trường ngang qua ngõ người ta
Tiếng ai hát êm đêm Mộng Dưới Hoa
Thiết tha tỏ... ta yêu em tiền kiếp...
Tù đạo đó ... em ngại mình lỡ dịp
Ghi dấu lòng ... bắt nhịp khúc hòa chung
Đàn so dây... cung bậc nổi tương phùng
Tù đạo đó.... em không là em nữa.
Một thời qua... nắng không đổ bóng trưa
Cũng là lúc hoàng hôn vừa chạm cửa
Đêm dần buông... trăng chờ vợ một nửa
Tìm trăng xưa... đợi một nửa riêng mình

Nguyễn Thị Thanh Dương

MẸ CHỒNG NÀNG DẤU.

Ông Hiếu nhìn đồng hồ sốt cả ruột gan, đã 7 giờ chiều mà bà Hiếu chưa về nhà để hai vợ chồng cùng ăn cơm. Từ nhà vợ chồng thằng con trai đến nhà mình chưa đầy 15 phút sao bà ấy đi lâu thế? mấy lần ông định cầm phone lên gọi, nhưng...vợ ông đã cấm!, chốc về bà lại mắng ông xối xả vì mỗi lần bà đến nhà con trai bà đều muốn tự do thoải mái, không bị ai cản trở, làm phiền, dù đó là ông Hiếu.

Con trai lấy vợ đã hơn 2 năm nay.

Đúng lúc ông đang bắn khoăn thì nghe từ ngoài sân tiếng xe thắng rít một tiếng ghê rợn, tiếp theo là tiếng cửa xe đóng “xầm” một tiếng thô bạo làm ông hết hồn.

Bà xông xộc đi vào nhà, mặt mày còn phùng phùng như ngọn lửa vừa phát lên trong gió:

- Con với cái !! mất dạy quá !!

Ông ngỡ ngàng:

- Có chuyện gì? Bà bình tĩnh nói tôi nghe...

- Con dâu của ông đây, nó vừa cãi tôi. Ai đời con dâu mà dám cãi lý với mẹ chồng không hở??

Bà Hiếu ôm ngực thở ra rồi nói tiếp:

- Nhưng chưa hết, thằng chồng nó đi làm về, bênh vợ cũng ...cãi tôi luôn.

Bà vừa tức vừa tủi gào khóc lên:

- Ôi ông Hiếu ơi là ông Hiếu, ông đẻ ra thằng con...bất hiếu thế hở?

Ông Hiếu hiểu ra, để im cho bà gào khóc vài phút cho nhẹ lòng, mới nói:

- Nghe bà nói làm như thằng Thảo là con trai riêng của tôi, và con vợ nó chẳng liên quan, dính líu gì đến bà. Vợ chồng nó xưa nay vẫn thương yêu bà, tuy bà chưa nói ra nhưng tôi đoán mò chắc không sai, bà cứ đến nhà nó làm tổng chỉ huy thì có ngày phải xảy ra chuyện bất đồng ý kiến thôi.

Bà Hiếu liền quệt nước mắt, phân bua:

- Tôi lo cho chúng nó, chỉ dạy chúng nó mà có tội à? Nhà có một thằng con trai duy nhất, nó lấy vợ ở riêng coi như...mất con. Tôi phải thường xuyên đến để lo cho con tôi chứ.

- Đây mới là sự ...vô duyên của bà. Ai lấy mất con trai của bà? Trai gái lớn lên phải lập gia đình, tung cánh chim ra lập tổ ấm riêng. Bà có muốn thằng con ...ế vợ, không có công ăn việc làm, ở nhà bám váy mẹ suốt đời không nào? Thế chuyện gì đã xảy ra??

- Thì cũng như mọi lần, tôi chỉ con dâu chuyện bếp núc. Hôm nay tôi chỉ nó cách kho cá, cho gừng vào cho át mùi tanh, từ bé đến giờ thằng Thảo quen ăn món cá kho gừng của tôi. Nhưng con Yến nhất định không nghe, nó bảo “Món cá kho này không cần gừng” và cuối cùng nó gắt gỏng với tôi: “mẹ xen vào chuyện nhà của con nhiều quá, từng tí một con không thể nào chịu nổi”. Thế là tôi mắng cho nó một trận., rồi thằng Thảo về tới, nghe xong chuyện chẳng bênh mẹ, người đã đứt ruột đẻ ra nó, lại bênh vợ, mà vợ thì suy ra chỉ là...người dung nước lã. Nó nói : “ Con xin mẹ đừng đến đây chỉ

bảo gì nữa, vợ con nấu nướng, ngon dở gì con cũng ăn được mà, kéo mẹ chồng nàng dâu mất lòng nhau thì con khổ tâm lắm”. Thật là bất công, ngày xưa, tôi nấu nướng động một tí là nó chê... Ôi giờ cao đất đầy ơi, con trai và con dâu chúng nó hòa nhau cãi tôi, coi tôi chẳng ra thể thống gì...

Ông Hiếu từ tốn:

- Tôi đã bảo bà nhiều lần mà bà đâu có nghe, vợ chồng nó chăm chút lo cho nhau, việc gì đến bà? Ai cũng có cuộc sống riêng, phải tôn trọng nhau. Khi con còn nhỏ là của mình, trong vòng tay mình, khi con trưởng thành lập gia đình thì chúng gần gũi với vợ, với chồng và con cái của nó, dù có yêu thương cha mẹ nhưng cũng không thể gần hơn. Cứ vài ba ngày bà lại mò đến nhà nó, giám thị và chỉ huy cả chuyện nấu nướng thì con dâu nào chịu cho nổi? nó chịu đựng bà hai năm nay là kiên nhẫn lắm rồi đấy. Bà lo cơm nước nhà nó, còn cơm nước nhà này ai lo? bà để mặc, chứ đảm đang gì. Chiều nay chúng ta lại ăn cơm với món canh cũ hôm qua hôm lại và nồi thịt kho trứng 3 ngày chưa hết chứ gì? tôi ngán quá trời rồi !!

Bà Hiếu ngừng khóc để bào chữa:

- Thịt kho trứng phải ...kho đi kho lại, quả trứng càng thấm nước thịt càng cứng càng ngon. Còn món canh hôm qua, đồ đi thì phí, hôm lại ăn chẳng chết ai. Nhà hàng nó toàn làm thế cả.

- Nhưng tôi có phải là khách hàng của bà đâu !

- Tôi thí dụ cho ông biết thôi, này nhè nhà hàng bán đủ thứ bún như bún riêu, bún ốc, bún mọc, bún bò Huế, bún măng vịt .. v.v..Thấy “xôm tụ” thế, nhưng họ không nấu mấy nồi nước lèo ấy mỗi ngày đâu, toàn là nước lèo nấu sẵn, có khi ế thiu ế chảy hàng tuần lễ, đem đông lạnh, khách ăn tới đâu thì hâm lại tới đó. Thế mà có người vẫn khen ngon. Còn tôi chỉ hâm canh cho ông... một hai ngày là cùng chứ mấy.

- Tóm lại món canh cũ hâm lại của bà vẫn có giá trị chứ gì? Về chuyện con dâu bà, con Yến dù gì cũng là đứa con gái của thời đại tân tiến, nó thừa biết cách nào ngon để nấu cho chồng, không cần đến những món gia truyền của bà. Mà tôi nói bà đừng giận hờn nhé, bà nấu ăn xưa nay có ngon lành gì đâu mà đòi chỉ dạy con dâu? Chẳng khác nào mấy bà mẹ xí xọn, nói tiếng Anh dở dở ương ương cứ hờ ra là nói chuyện tiếng Anh với con cái sinh đẻ hay lớn lên ở Mỹ, làm lây lan cả cái dở sang cho con chứ hay ho gì.

Bà Hiếu lại bào chữa:

- Không phải chỉ chuyện nấu nướng, thiếu gì chuyện nhà khác cần tôi chỉ bảo, giúp đỡ như hút bụi, lau nhà, giặt quần áo...

Ông ngắt lời:

- Cái chuyện giặt quần áo, có lần bà kể tôi quần áo xấy khô từ máy ra, bà giành quyền chính tay bà xếp quần áo cho thằng Thảo bà mới vừa ý, quyết chí không để vợ nó làm. Hay vụ thằng Thảo đau bao tử, vợ nó mua thuốc Bắc về thì bà dành phần sắc thuốc theo kiểu của bà để cho con trai bà uống. Làm sao con dâu không buồn lòng? con bà nhưng

là chồng của nó. Ngày xưa mẹ tôi có xông vào tranh dành với bà để chăm sóc thằng con trai của mẹ là tôi đâu? hở?

- Vì tôi ..biết lo hết mọi thứ rồi lấy đâu mà mẹ ông phải chỉ chỏ. Với lại tình mẹ thương con mỗi người thể hiện một cách.

Ông Hiếu vẫn nhỏ nhẹ:

- Vì tôi yêu thương bà nên chấp nhận mọi thứ hay dở của bà thì đúng hơn. Bây giờ con trai mình cũng thế, cứ để mặc chúng nó lo cho nhau bà lo cho tôi có phải là khỏe thân bà không? Đây, chiều nay bà bỏ đói tôi tới giờ này đã ăn uống gì đâu?

Bà hơi khựng lại, áy náy:

- Sao ông không ăn trước đi, đợi tôi về làm gì?

- Nhà có hai vợ chồng già ăn một thể cho vui, còn trước sau gì nữa...

- Ông đợi nhé, tôi dọn cơm ngay bây giờ, mười phút là xong ngay, những món này nhanh hỏa tốc, không thua gì fast food. Tôi cũng lo cho ông đâu vào đấy, đảm đang không thua kém gì ai.

Ông Hiếu thở dài:

- Thì toàn là món cũ hâm lại chứ tài hoa gì...

Đang bực mình bà Hiếu cũng phải đùa:

- Tôi là vợ ông, cũng là món cũ mềm, xài đi xài lại mấy chục năm chưa ngán thì nhằm nhò gì mấy món đồ ăn.

Bà Hiếu biết điều tắt tả vào bếp, đúng như bà nói, mười phút sau là bà đã bày cơm ra bàn, canh khổ qua nhồi thịt hâm lại, thịt kho trứng cũng...hâm lại, lần này là lần thứ ...mấy bà không nhớ nữa, hi vọng chiều nay hai vợ chồng sẽ thanh toán hết chỗ còn lại để mai đổi sang món khác. Chính bà cũng...ngán món thịt kho trứng trường kỳ này lắm rồi.

Trong bữa ăn bà vẫn còn day dứt, day nghiêng:

- Để xem chúng nó sẽ đối xử thế nào? Phen này một là còn con hai là tôi từ luôn..

---o0o---

Ngày Thảo yêu và muốn cưới Yến, bà Hiếu đã phản đối quyết liệt, chỉ vì bà cho là Yến không xứng với con trai bà, Yến làm nhân viên bán vé máy bay cho một cửa hàng du lịch của người Việt Nam, Thảo là kỹ sư.

Khi Thảo mới ra trường, trong đám bạn bè quen biết của vợ chồng bà Hiếu đã có vài nơi muốn làm suôi gia gả con gái, cô thì kỹ sư, cô là bác sĩ cắt kính mắt, cô là y tá học 4 năm ...toàn là những nơi ăn học tương xứng cả. Bà Hiếu hỏi ra thì Thảo nói có người yêu rồi và hớn hờ mang Yến về “khoe” là cô hiền, cô đẹp và ngoan ngoãn. Đến lúc bà hỏi nghề của Yến thì bà phản đối ngay.

Nhưng cuối cùng vì thương con bà Hiếu vẫn nuốt đắng nuốt cay làm đám cưới cho Thảo lấy Yến, và từ đó bà luôn mang một ác cảm với Yến.

Cưới nhau xong hai vợ chồng trẻ mua nhà ở riêng ngay, nhưng bà Hiếu không tha, cứ vài ngày bà lại đến nhà để xem xét con dâu, chỉ huy con dâu làm theo ý của bà.

Tâm lý người đời thường thế, nếu con dâu, con rể mà học giỏi, có bằng cấp cao hay con nhà danh giá giàu sang thì các bà mẹ chồng, mẹ vợ trân trọng quý hóa và nể dâu, nể rể lắm. Ngược lại thì các bà coi như dưới đẳng cấp với mình và coi thường họ.

Thứ bảy này không thấy vợ chồng Thảo mang con đến chơi nhà ông bà nội như thông lệ, càng làm bà Hiếu giận sôi gan, bà hết đứng lên lại ngồi xuống, đi ra cửa lại đi vào. Hình như bà chờ trông nghe tiếng xe hơi đậu ngoài sân, tiếng gõ cửa xôn xao và tiếng đứa cháu nội 1 tuổi bi bô vài tiếng ...

Ông Hiếu phải trấn an vợ:

- Bà không ngồi yên được à? chắc chúng nó đang bận?
- Bận gì cũng phải mang cháu nội đến thăm ông bà chứ, tuần nào cũng thế mà. Hừm, muốn giận thì tôi cho giận đến sang năm cũng không cần đâu nhé...
- Trước sau gì chúng nó cũng đến thôi. Bà ngồi xuống đây nói chuyện với tôi cho đỡ sốt ruột nào...

Bà Hiếu nghe lời ông ngồi xuống ghế.

- Nhân dịp này tôi muốn có vài ý kiến với bà, thằng Thảo đã lấy con Yến chúng nó thương yêu nhau thật tình là mình mừng rồi.
- Nhưng tôi vẫn ...ấm ức lắm, con người ta sao mà có phước thế, bác sĩ lấy bác sĩ, kỹ sư lấy kỹ sư hay bất cứ nghề nghiệp bằng cấp nào tương đương. Nhà mình vô phước, có thằng con ăn học đến nơi đến chốn, lấy vợ lại không một mảnh bằng trong tay, thế có tui hờn không?

Ông Hiếu không quên được niềm vui mừng và hãnh diện của vợ chồng ông trong ngày ra trường đại học của Thảo với hạng danh dự, trước khi ra trường Thảo đã được vài công ty nổi tiếng đến phỏng vấn và sẵn sàng nhận vào làm việc. Thật không bỏ công lao ông bà đã chăm chút lo cho con ăn học.

Thảo vừa học giỏi vừa đẹp trai, lại hiền và lễ phép nên bạn bè quen biết có con gái đều muốn làm sui gia thì làm sao bà Hiếu không tự hào về con trai mình.

- Duyên nợ cả bà ạ, chẳng lẽ tình yêu mà cũng tính toán bằng cấp thiệt hơn? Con Yến vì qua Mỹ muộn, vì hoàn cảnh gia đình phải đi làm nên không có cơ hội học lại thôi. Nhưng tôi thấy kiến thức nó khá lắm.

Bà Hiếu dấy nẩy lên:

- Ôi giờ ôi, có mang cái kiến thức ấy đi xin việc làm và đòi lương cao được không? hay chỉ làm một nhân viên quèn ngồi bán vé máy bay? ngày xưa tôi bán gà ở chợ An Đông, tôi biết mời chào và chèo kéo khách hàng phải mua gà của tôi bằng được dù là con gà sắp rù, sắp toi, thì việc bán vé máy bay với tôi cũng dễ ợt, có khi tôi còn bán đắt hàng hơn nó, chỉ tiếc là tôi... không biết xử dụng computer và không biết tiếng Anh. Thôi, ông đừng nói nữa làm tôi ngứa cả tai...

Ông Hiếu quay qua hỏi chuyện quá khứ :

- Ủ, thì thôi, ý tôi chỉ muốn nói con Yên cũng có bằng cấp, học xong đại học ở Việt Nam, nhờ có kiến thức nó mới làm được công việc bà cho là quèn ấy đấy. Nhưng ngày xưa bà bán gà sao lại chuyển qua bán vải vóc, quần áo ?

- Ông biết rồi còn hỏi chộc quê tôi...

- Bà bán gà kiểu đánh đá ấy thì dần dần mất khách, bán ế ảm phải chuyển sang bán cá cũng ở chợ An Đông chứ gì ?

Bà vẫn còn cay cú:

- Khách nó vẫn nhớ mặt tôi ông ạ, hàng cá cũng...ế luôn, nên cuối cùng tôi phải chuyển sang bán vải và quần áo cho thanh lịch tử tế, kéo cứ bị mang tiếng là dân hàng cá, hàng gà vịt chua ngoa. Mà tôi phải chuyển chợ luôn đấy, bỏ chợ An Đông, sang bán ở chợ Chuồng Bò Ngã Bảy, lạ chợ lạ khách mới buôn bán được.....

- Chuyện buôn bán kiểu chụp giật khách hàng như bà ở Việt Nam sang đến Mỹ phải thay đổi cho hợp thời, cũng như về tính cách của bà mẹ chồng thời buổi này thì bà lại càng nên thay đổi. Tôi cảm phục bà Thạch, bạn của chúng ta, gia đình con trai ở riêng, mang con đến nhờ bà nội trông cháu giùm mỗi ngày, bà đã rất tận tình, thậm chí bà kiên nhẫn với trò chơi xếp puzzle, cho đứa cháu vui lòng vì mỗi lần bà xếp xong đứa cháu liền thích thú xóa đi và bắt bà xếp lại, mỗi ngày mười mấy lượt đến nỗi bây giờ bà là tay xếp puzzle cừ khôi nhất nhà...

Bà Hiếu ngắt lời chồng, bổ sung thêm:

- Biết rồi, mỗi lần con cháu nội đến, bà hớn hờ bảo “Cháu nội bà đã “giá lâm” chứ gì.” ?

- Đúng thế, hay bà Lai con ở xa, thỉnh thoảng bà làm thịt chà bông thật ngon gọi cho con cho cháu, vì bà biết con dâu bận rộn chẳng có thì giờ làm món này. Các bà mẹ chồng lịch sự như thế thì con dâu nào chẳng quý?

Bà Hiếu xa xăm nét mặt:

- Ý ông nói tôi bất lịch sự với con dâu hử? hử? tôi đến tận nhà hầu chúng nó kia mà...

- Bà tranh giành với con dâu thì đúng hơn, hai người đàn bà đều muốn chăm sóc cho một người mà họ cùng yêu quý. Con Yên thật thà đấy, bà không nhớ chuyện bà Hoan à? ở chung với con dâu, bà Hoan khó tính khó nết chê cơm canh không ngon, cô con dâu sâu sắc lắm, hiểm hóc lắm, không bao giờ nổi giận, nhẹ nhàng và khiêm tốn nói với mẹ chồng: “ Vâng, mẹ nhận xét rất đúng, vậy mẹ nấu ăn giùm con cho vừa ý mẹ và vợ chồng con cùng thưởng thức tài cán của mẹ” Thế là trong lúc mẹ chồng hì hục làm bếp, cô con dâu ra ghế sofa ôm con nằm coi ti vi và ngủ mấy giấc.

Bà Hiếu lạnh lùng phản đối:

- Không phải bà mẹ chồng nào cũng lịch sự như các bà ông vừa kể đâu nhé. Sao ông không kể chuyện bà Lan ? chồng làm nhân viên kỹ thuật cho hãng máy bay lương thâm niên cao đến nỗi qua tuổi hưu rồi mà vẫn tham đi làm không chịu nghỉ. Thế mà có hai

thằng con trai, một bác sĩ, một dược sĩ đã lập gia đình ở riêng, mỗi tháng hai thằng con đều “phải” gởi tiền về biếu cha mẹ, vì bà Lan quan niệm rằng công lao cha mẹ nuôi con ăn học nên danh phận và làm ra tiền thì phải cho cha mẹ cùng hưởng, chứ ...bỗng dưng vợ nó chẳng có công cán gì mà được hưởng hết thì bất công quá. Tôi hỏi ông, cha mẹ khá giả mà lấy tiền của con trai như thế, con dâu sẽ nghĩ sao? Tôi còn hơn họ ở chỗ ấy đây...

Xong bà Hiếu ai oán:

- Mỗi nhà mỗi cảnh ông ơi...có thiếu gì các bà mẹ chồng phải khóc thầm. Bà Phước góa chồng từ lúc thằng con duy nhất lên 10, bà ở vậy nuôi con, qua Mỹ đi làm đủ nghề lao động kiếm tiền lo cho con ăn học. Con thành dược sĩ, lấy vợ cũng dược sĩ, xinh đẹp, bà vui mừng hả hê dốc hết tiền bạc cho con mua nhà và ở chung với vợ chồng nó những mong để suốt đời gần con gần cháu. Thế mà mẹ chồng nàng dâu xung đột, con dâu ra giá với chồng là “Hoặc anh chọn mẹ hoặc anh chọn vợ, chứ cô ta không thể ở chung với mẹ chồng”. Thằng con trời đánh này đã chọn...vợ, đưa mẹ đi thuê nhà diện low income do chính phủ trợ cấp, và bà Phước phải sống tằn tiện bằng những đồng tiền hưu trí hạn hẹp của mình.

Ông Hiếu xót xa:

- Con với cái ! có ăn học mà hành xử thế ư ?
- Thế đấy, thằng con đã giết mẹ nó không bằng dao bằng súng, đã chôn sống mẹ nó từng ngày, từng giờ.... Từ ngày ấy bà Phước sống mỗi mòn tiêu tụy, dù thằng con vẫn thỉnh thoảng lên vợ đến thăm mẹ, nhưng có nghĩa lý gì nữa....

Bà Hiếu ngậm ngùi tiếp:

- Còn bà Duyên đấy, ở gần nhà con trai, mỗi buổi chiều bà đến trường đón cháu nội đi học về, bà Duyên đưa 2 cháu về nhà chúng nó, tắm rửa và chơi với chúng cho đến khi bố mẹ nó đi làm về. Để cháu vui, bà Duyên dạy cháu vẽ hay cắt hoa giấy, hai con bé rất thích. Lần nào xong bà cháu cũng dọn dẹp những mẩu giấy dư thừa vứt vào thùng rác. Vậy mà một hôm con cháu thì thầm với bà nội :” Bà ơi, mai chúng ta không chơi cắt giấy, vẽ hình nữa nhé, mẹ cháu bảo bà đến chỉ làm bữa bộn nhà của mẹ”. Bà Duyên buồn lòng lắm, nhưng không trách cứ gì cô con dâu xanh xệ, vì bà thương cháu, phải nhịn dâu để vẫn được gần gũi cháu nội của mình...

Ông Hiếu vỗ lấy:

- Đấy, bà Duyên này mới là bà mẹ chồng lý tưởng, biết gìn giữ tình cảm giữa mẹ chồng nàng dâu và giữ gìn hạnh phúc cho con trai mình, không dồn con vào thế khó xử, không làm cho chiến tranh bùng nổ. Tại sao các bà bạn tuyệt vời thế mà không ảnh hưởng gì tới bà ..Hiếu nhà mình nhỉ?

Bà Hiếu lườm ông một cái:

- Bà Duyên hiền quá, gặp tay tôi thì cái thứ con dâu không biết điều kia phải tạ tội với tôi từ lâu rồi. Ai đón con, trông con cho nó? Chơi vui với con nó làm vương vãi tí giấy

vụn mà nó ăn nói thế à? Đã mấy lần tôi...xúi bà Duyên mắng cho con dâu một trận, rồi ra sao thì ra mà bà ấy nhất quyết không nghe tôi.

Tuy nói độc địa thế nhưng bà Hiếu đang nhớ con nhớ cháu, càng nghe ông nói bà càng thấm thía lòng. Bà biết mình cũng quá đáng khi bắt con dâu phải làm theo ý mình từng tí một, loại nước mắm, bột nêm nào nên dùng, loại gạo nào nên mua vừa rẻ vừa ngon, bà muốn Yến kho cá, rim thịt hay nấu canh phải theo kiểu của bà..v.v... Ngày xưa mẹ chồng bà chưa làm thế bao giờ, mẹ chồng hoàn toàn giao phó con trai cho vợ, cho tới ngày vợ chồng bà xuất cảnh đi Mỹ, bà mẹ chồng hiền lành ấy còn một lòng một dạ gói gắm, nhần nhủ con dâu: “ Sang Mỹ con chăm sóc chồng con và cháu nội giùm mẹ nhé. Mẹ cảm ơn con” Bà Hiếu đã yêu quý người mẹ chồng biết bao nhiêu vì bà được tin cậy và yêu thương. Vẫn biết thế mà chẳng hiểu sao bà Hiếu cứ để ý, canh chừng con dâu trong cuộc sống riêng của vợ chồng nó, có lẽ vì bà không ưa cô con dâu mà thôi.

Ông Hiếu lo ngại thật sự, gia náo thì đứt gãy, tình cảm giữa mẹ con và nàng dâu mẹ chồng sẽ bị sút mẻ. Ông bắt đầu trách thăm con trai và con dâu, dù bà Hiếu có lỗi, nhưng chúng là phận làm con không thể giận mẹ, làm cho to chuyện lên.

Ông vào phòng và bấm phone nhà thằng Thảo, phone reo mấy tiếng liên tục chẳng ai thèm bốc. Ông tự ái lắm bấm:

- Chúng mày quá lắm, bố mày đã xuống nước gọi phone mà cũng không thèm trả lời..

Rồi ông Hiếu cố nhịn tức, gọi phone nhà một lần nữa, ông vẫn hi vọng phone nhà, không chồng thì còn vợ, một trong hai đứa phải nghe, phải biết, vì nhà có caller ID...

Thế mà cũng như lần trước, phone reo inh ỏi liên tục vẫn không ai trả lời.

Ông bực mình thật sự, vừa bước ra ngoài là bà đã tóm ngay được bộ mặt bất thường của ông:

- Sao? Ông mới liên lạc với vợ chồng nó hở? chúng không chịu xuống nước đến nhà mình phải không?

Ông không còn cách nào để bảo vệ hay bênh vực cho vợ chồng Thảo nữa. Ông chán nản:

- Tôi gọi mà chúng chẳng bốc phone.

Bà mai mĩa:

- Đây, ông còn bênh vực thằng con trai bất hiếu nữa không? cả con dâu hiền ngoan có bằng cấp đại học ở Việt Nam của ông.

Bỗng ngoài sân có tiếng cửa xe hơi mở đóng và những bước chân đang lại gần cửa. Chuông cửa reo lên làm hai vợ chồng ông Hiếu vừa căng thẳng vừa rộn rã.

Ông vội vàng ra mở cửa và bao nhiêu nỗi bực tức đang đè nặng trong lòng ông bỗng tan biến ngay khi thấy vợ chồng Thảo đang tươi cười trước cửa:

- Con chào bố.

- Con chào mẹ.

Bà Hiếu cũng mừng rơn nhưng còn làm tỉnh xem tình thế. Yến bế thằng cu Tí đến bên

bà nội và rủ rỉ:

- Mẹ bé cháu này. Con xin mẹ tha lỗi cho, ngày hôm ấy con đang thực tập món cá kho học được trên internet, mà mẹ cứ bắt con nấu theo ý mẹ, nên con đành cãi lời mẹ..

Thảo tiếp lời cho vợ:

- Vâng, con biết món cá kho gừng của mẹ rất ngon, nhưng ngoài ra người ta còn có nhiều cách kho cá khác mà Yến muốn tập làm mẹ ạ. Yến muốn đổi món, đổi khẩu vị...

Bà Hiếu ngơ ngác vì con cháu đến, lại được nghe chính vợ chồng Thảo nói lời xin lỗi, bà quay ra thẳng cu Tí :

- Đưa nó đây cho mẹ. Ừ bây giờ mẹ hiểu rồi, có lẽ hôm ấy mẹ cũng cố chấp và nóng nảy quá...

Ông Hiếu trách nhẹ:

- Nhưng hôm nay các con đến trễ hơn thường lệ làm mẹ con mong từ sáng đến giờ...

Thảo đáp:

- Chúng con không bao giờ quên giờ giấc đến thăm bố mẹ ngày cuối tuần đâu, nhưng đi giữa đường xe bị chết máy, nhờ câu bình cũng không xong, thế là phải mang vào shop thay bình battery mới.

Ông Hiếu càng thanh thoi lòng và hoan hỉ . Thế mà lúc này ông đã nghĩ không tốt cho con. Như để chuộc lỗi, ông nựng má thẳng cháu nội đang trên tay bà nội:

- Cu Tí của ông xinh quá, dễ thương quá...

Rồi ông ghé tai bà nói nhỏ cho mình bà nghe:

- Được bỗng bé cháu và nựng nịu nó như thế này là đủ hạnh phúc rồi bà nhé? còn bao nhiêu thì giờ bà hãy dành mà lo cho tôi..

Bà âu yếm lườm ông:

- Gớm, đừng có mà vùi vĩnh tôi nhé, tôi sẽ không thay đổi đâu, vẫn cho ông ăn cơm kiểu hỏa tốc hâm đi hâm lại suốt đời.

Ông cười hiền hòa:

- Tôi hân hoan chấp nhận hết, miễn là bà đừng đến nhà con để xem xét và chỉ huy con dâu nữa, cho yên nhà yên cửa...

Cô con dâu đến bên mẹ chồng, dịu dàng:

- Mẹ ơi, con vẫn cần biết món cá kho gừng của mẹ. Hôm nào mẹ chỉ dạy cho con nhé? Vì ngoài những món con học hỏi trên net con cũng muốn được học hỏi thêm nơi mẹ nhiều thứ lắm.

Bà Hiếu hài lòng nhìn chồng xong dịu dàng như con dâu đã dịu dàng với bà:

- Ừ, khi nào con cần thì mẹ sẽ đến chỉ dạy con, còn từ giờ trở đi mẹ sẽ ở nhà chăm chút cho bố con, để ông ấy thui thui ở nhà hoài tội nghiệp!

NGUYỄN MẠNH TRINH

Hoài Khanh,

từ “Thân phận” đến “Lục bát”

Hoài Khanh là một thi sĩ nổi tiếng của hai mươi năm văn học miền Nam. Nhưng bên cạnh vóc dáng một thi sĩ, ông còn là một nhà khảo luận, một dịch giả, một nhà xuất bản có uy tín, một chủ bút tạp chí văn học có ảnh hưởng trong văn giới...

Hoài Khanh là bút hiệu, tên thật của ông là Võ Văn Quê, sinh ngày 3 tháng 6 năm 1933 tại phường Đức Nghĩa, huyện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận. Thuở nhỏ ông học chưa hết chương trình tiểu học thì trong nước có cuộc kháng chiến chống Pháp, ông và cùng một số bạn bè rời bỏ trường học vào chiến khu tham gia kháng chiến dù tuổi còn quá nhỏ.

Sau năm 1954, ông trở về Sài Gòn và làm nhiều nghề để tự mưu sinh. Ông tự học, trau dồi sinh ngữ, hầu hết kiến thức đều do trường đời chứ không phải trường học. Ông từng là chủ bút tạp chí văn học Giữ Thơm Quê Mẹ do nhà Lá Bối xuất bản. Ông cũng là người điều hành nhà xuất bản Ca Dao, một nhà xuất bản đã in được những tác phẩm có giá trị. Trước năm 1975, ông đã về mở một trại chăn nuôi ở Biên Hòa ven bờ sông Đồng Nai như một hành động ở ẩn xa lánh những phiền phức của đời sống ồn ào phức tạp ở Sài Gòn. Hiện giờ, ông vẫn còn sống đạm bạc ở cuộc đất cũ đó ở tuổi với tuổi già gần tám mươi... Sống một cuộc đời lam lũ nông dân cuộc đất trồng khoai như cái tên nói lái mà bạn bè thân tình với ông hay gọi. Hoài Khanh là Hành Khoai.

Tác phẩm đã xuất bản của ông về thi ca: Dâng Rừng 1957; Thân phận 1962; Lục Bát 1968; Gió Bắc; Trẻ Nhỏ Đóa Hồng và Dế 1970; Hương sắc Mong Manh 2006, (in ở hải ngoại).

Về truyện ngắn: Trí Nhớ Hoang Vu và Khói 1970. Về dịch thuật: Buông Xả Thanh Thản, dịch Martin Heidegger; Thế Giới Tính Dục, dịch Henry Miller; Đầu Mái Nhà Xưa, dịch Hermann Hesse; Quê Hương Tan Rã, dịch Chinua Achebe; Giáo Dục và Ý Nghĩa Cuộc Sống, dịch Krishnamurti; Nghệ Thuật Truyền Thống và Chân Lý, dịch Walter Kaufmann....

Mỗi một vị trí văn chương nghệ thuật của ông đều có nét khác biệt và đặc sắc riêng. Nhưng theo tôi thì chân dung một thi sĩ có lẽ thể hiện được căn cốt và sắc diện văn chương nhất của ông. Thơ của ông có khi là chung những nỗi niềm của thời đại Việt Nam chiến tranh, khi mà sự có mặt của hơn 500 ngàn lính Hoa kỳ hiện diện trong đất nước gây ra nhiều biến chuyển trong đời sống toàn dân. Như nhà văn Phạm Công Thiện đã viết, Hoài Khanh là một người thi sĩ cô đơn...

“Tôi muốn đuổi anh đi ngay, tôi muốn đuổi một hình ảnh hải hùng; Tôi muốn được thanh bình trong tâm hồn trong những tháng ngày này bởi vì đây là hình ảnh bi đát của Đời, của con người, của một kẻ bị đẩy giữa bãi đất hoang tàn của nghĩa địa trần gian. Nhìn nét mặt Hoài Khanh, tôi thấy sự Chết, tôi thấy Bệnh hoạn. Đau khổ. Quàn quại. Khắc khoải. Ray rứt. Xao xuyến. Hải hùng. Hoang liêu. Cô đơn; tôi thấy sự Chiến bại, sự thất vọng của con người. Nghe sự im lặng của Khanh tôi cảm thấy Thượng đế, tôi

cảm thấy Quỷ ma. Tôi cảm thấy Tiếng nói của một ngàn đêm, hai ngàn đêm, triệu ngàn đêm, tiếng nói của muôn triệu ngàn đêm vọng về hiu hiu trong lòng nhân thế...”

Đây là một đoạn trong bài đề tựa tập thơ Thân Phận “Nỗi cô đơn của Hoài Khanh” của Phạm Công Thiện. Hình như ông muốn nói đến con người thi sĩ suy tư về cuộc đời, với một chút tiềm ẩn nỗi niềm của người muốn phá phách bằng chữ nghĩa qua cái không gian thi ca bằng bạc song hành giữa mộng tưởng và thực tại. Thơ của Hoài Khanh tràn đầy suy tư về thân phận con người...

Khi nhắc đến tên tuổi thi sĩ Hoài Khanh, tôi nghĩ đến đoạn văn trong Thi Nhân Việt Nam của Nguyễn Tấn Long và Phan Canh “Khi nói đến Hoài Khanh hẳn có người đã nhớ ngay đó là một nhà thơ ôm cột đèn giữa phố mà ngỡ là đang ôm Em trong vòng tay” Rồi người ta lại liên tưởng đến những vần tâm tình mà thi nhân đã ghi lại cho quê hương:

“Tôi lớn lên ven bờ sông Cà Ty

Với giữa hai triền núi Cú và Tà Dôn

Lưu luyến nhìn biển cả gọi hồn đi tám hướng...”

Hình ảnh một chàng si tình ôm cột đèn để tưởng tượng đang ôm người tình sao mà gần gũi đời sống đến thế. Con phố đông đảo người qua lại mà chỉ có một chàng cô đơn. Và, quê hương bản quán chàng thi sĩ, với những địa danh quen thuộc của xứ Phan Thiết có ảnh hưởng gì không tới tâm tư của chàng...

Tôi nghĩ hình như thiên nhiên phong thủy cũng có ảnh hưởng nhiều đến tâm tư tình cảm con người. Ma Bình Thuận đã nổi danh trong ngôn ngữ Việt Nam vì cái không gian tạo dựng từ những túi hòn vong quốc của người dân Chiêm Thành tồn tại từ bao nhiêu đời và không khí của u uẩn của những nỗi niềm khó ngó bằng lời cứ ám ảnh mãi con người. Thơ của Hoài Khanh là thơ của những tháp Chàm cô độc trên những triền cát trắng xoải dài tới biển khơi. Thơ và người đã lớn lên từ những triền núi thăm sâu với tầm nhìn hướng vọng về biển cả xa xôi. Thơ và quê hương của ông hình như có những liên quan siêu hình mà người đọc thơ ông có thể mơ hồ cảm thấy.

Nhà Thơ Hoài Khanh là người chăm sóc bài vở cho tạp chí văn nghệ Giữ Thơm Quê Mẹ. Tạp chí này ra mắt số đầu tiên vào năm 1965 do nhà Lá Bối in và phát hành. Tạp chí có sự công tác của những cây bút lẫy lừng thời đó như Phạm Công Thiện, Nhất Hạnh, Nguyễn Hiến Lê, Hồ Hữu Tường, Vương Hồng Sển, Sơn Nam, Dương Nghiễm Mậu, Võ Hồng, Kim Tuấn... Chủ trương của tạp chí có khuynh hướng Phật giáo, đi trở lại về nguồn cội để chống lại ảnh hưởng của thời thế chiến tranh. Tuy có tuổi thọ khá ngắn ngủi nhưng cũng có ảnh hưởng văn chương ở thời kỳ đó và cả sau này. Nếu quan niệm rằng những tạp chí văn chương đã phản ánh nhanh nhất và chân xác nhất bộ mặt văn học hiện tại thì những nhà nghiên cứu văn học sử không thể nào bỏ qua sự nghiên cứu về tạp chí Giữ Thơm Quê Mẹ này. Nó như một phần biểu hiện tâm tư của một thời đại văn học đầy biến động lúc góp mặt trên trường văn trận bút...

Nhà thơ Hoài Khanh còn là người chủ trương nhà xuất bản Ca Dao đã in và giới thiệu được nhiều tác giả và tác phẩm có giá trị và nhiều ảnh hưởng đến văn học Việt Nam đã in được nhiều tập thơ, nhiều tập văn xuôi có giá trị. Riêng về bộ môn khảo luận, với chủ trương mở rộng cửa để đón nhận những tư tưởng mới với những cuốn dịch thuật về triết học, về Thiên học hoặc những tác giả thời danh trên thế giới, nhà xuất bản này được xem như là một cơ sở xuất bản có uy tín từ kỹ thuật in ấn đẹp, trình bày trang nhã, nội dung lại đứng đắn phong phú chọn lọc. Giới trí thức và nhất là lớp tuổi trẻ sinh viên học sinh là những thành phần độc giả chính yếu của nhà xuất bản và là tầng lớp đông đảo nhất của nền văn học miền nam suốt hai mươi năm.

Hoài Khanh cũng còn là một dịch giả đã chuyển ngữ nhiều tác phẩm chọn lọc từ văn chương của nhân loại. Không những là dịch giả mà còn là người giới thiệu những danh tác của văn chương nhân loại. Ông chọn lựa tác phẩm để dịch với sự thận trọng và thích thú của một người tìm được sự học hỏi trong công việc dịch thuật. Trước khi đi vào tác phẩm ông tìm hiểu về tác giả và phác họa lại những nét chính yếu để từ tác giả có thể tìm được những nét đặc thù của tác phẩm. Những bài giới thiệu ngắn nhưng cô đọng được viết như những phụ lục đã giúp cho người đọc dễ dàng thu nhận hơn những ý tưởng và thông điệp mà các nhà văn lớn của thế giới muốn diễn đạt. Những tác phẩm mà Hoài Khanh chọn lựa để dịch đều không phải là những cuốn sách của thị hiếu độc giả nhưng lại là nhu cầu bức thiết cho những người muốn tìm hiểu về văn chương thế giới.

Những tác phẩm mà ông đã giới thiệu và chuyển dịch sang Việt ngữ với danh sách khá dài. Như ông đã dịch “Krishnamurti cuộc đời & tư tưởng” từ nguyên tác của René Fouère. Như “Thế giới Tính Dục” từ nguyên tác của Henry Miller. Như “Quê Hương Tan Rã” dịch cùng với Nguyễn Hiến Lê từ nguyên bản của Chinua Achebe. Như “Buông xả thanh thần” dịch từ nguyên tác của Martin Heidegger. Như “Đâu mái Nhà Xưa”, “Đôi Bạn Chân Tình”, “Hành Trình sang phương Đông” từ nguyên tác của Hermann Hesse, “Tuổi trẻ và Cô đơn” từ nguyên tác của Rskine Caldwell, “Con đường thuốc lá” từ nguyên tác của William Sormeset Maugham, “Mozart cuộc đời và nghệ thuật” từ nguyên tác của Percy Young, “Tchaikovsky cuộc đời và nghệ thuật” của Percy Young, “Beethoven một phiến tài tình thiên cổ lụy” từ nguyên tác của JohnWilliam Navin Sullivan... ông còn là người dịch nhiều thi tuyển và giới thiệu nhiều chân dung thi sĩ từ thi ca trẻ đến thi ca Châu Phi. Tôi thích những bản dịch mà ngôn ngữ đượm nhiều chất thơ đã làm cho bản dịch gần gũi với nguyên tác hơn. Thí dụ cũng có nhiều người đã dịch Hermann Hesse. Nhưng ở bản dịch của Hoài Khanh tôi thấy được nét thơ mộng và lãng mạn của những vần thơ khiến sự cảm nhận khi đọc tăng thêm phần thú vị. Cũng như khi đọc những bài thơ dịch từ các thi sĩ nổi tiếng trên thế giới, tôi có cảm tưởng đi gần với những thông điệp mà thi sĩ muốn bày tỏ. Đó là những cảm nhận sơ sài của một người đọc và chưa phải là nhận định đúng mức. Tôi đọc những bản dịch của

Hoài Khanh và có cảm giác đang đi trên một con đường khá thú vị của thi ca mà tôi trân trọng và thực tình yêu mến...

Hai tập thơ đã làm cho Hoài Khanh nổi tiếng là Thân Phận và Lục Bát in vào những năm thập niên 70. Lúc ấy tôi đang ở tuổi 20 và cũng đã đọc thơ Hoài Khanh trên các tạp chí văn nghệ. Tôi khoái thơ lục bát của ông vì nó mang lại một phong vị thơ khác với những người viết trước và viết sau ông. Thơ của ông có một chỗ riêng. Những cuốn sách của nhà xuất bản Ca Dao thì lại làm tôi gần gũi với thi ca ông thêm nhiều hơn. Những cuốn sách nhỏ dày chỉ hơn 200 trang của những tác giả thời danh viết về văn chương về triết học ngắn nhưng hàm xúc đã làm tôi say mê và trong cái cảm giác háo hức đi tìm kiến thức để có một căn bản học thuật. Có những cuốn sách về Krisnamurti, về Hoelderlin, về Nietzsche, về thi ca, về thiên đã mở ra nhiều cánh cửa cho tôi bước vào. Tôi cũng rất thích những loạt bài đăng trên tạp chí Giữ Thơm Quê Mẹ về thi ca Phi Châu. Lúc đó, thi ca của một châu lục ấy đã lôi cuốn rất nhiều cho một câu học trò nhiều ngỡ ngàng với thi ca thế giới như tôi.

Về sau này, thời gian gần đây, tôi đọc lại Hoài Khanh với suy nghĩ khác. Cái cảm giác nao nức thời tuổi trẻ đã không còn khi đọc. Thay vào đó, là những cảm giác của người đã trải qua nhiều ngõ quanh trong cuộc đời và thấy ẩn tàng đâu đó trong ngôn ngữ trong hình tượng thi ảnh có một thế giới khác, lằng đằng, mù không. Thơ gợi lại suy tư. Thơ bỗng nhiên có khi là hình bóng gần cận khuôn dáng của mình. Những bài lục bát làm tôi nhớ lại một thời yêu thi ca và đọc thơ như là một cách để trường hành theo đoạn đường dài muôn dặm từ Nguyễn Du cho đến bây giờ. Đọc lại những bài như “Ngồi Lại Bên Cầu” hay “Nhớ Nguyễn Du”, từ những vần lục bát đến thơ tám chữ, tôi lại bồi ngùi và hồi nhớ lại một thời thanh xuân của mình. Bây giờ, đã qua tuổi sáu mươi, sao lòng mình vẫn còn rung động...

Thi sĩ Hoài Khanh còn sống tại Việt Nam, và đời sống tuổi già đạm bạc. Tôi chỉ nghe kể chuyện lại. Như nhà thơ Thành Tôn khi về Việt Nam có ghé thăm anh ở Biên Hòa có kể về nơi chốn mà anh đã về sống ẩn dật từ mấy chục năm qua. Như bức thư email mà thi sĩ Hoài Khanh gửi cho anh Phạm Văn Nhân đăng trên Thư Quán Bản Thảo với tâm tình của một bạn văn nghệ tâm sự với người cùng quê mà cũng đồng điệu của mình.

Tôi xin mượn lời một tác giả viết về Hoài Khanh, tác giả Thích Phước An:

“Dường như càng về già thì Hoài Khanh càng sống trọn vẹn hơn với cái “Vòm vô biên” ấy, cái “trong tinh thể bội phần chiêm bao” ấy. Đặc biệt là nơi ẩn dụ sông Hằng, dòng sông mà khi còn tại thế ít nhất một lần đức Phật đã dừng chân lại... Đọc đoạn kinh Đức Thế Tôn đi đến con sông Hằng, tôi nhớ đến bài Dấu Chân Từ Phụ của Hoài Khanh:

“cái gì hể mất là còn
hể không là có hể tròn là lặn
ngày xưa có một dấu chân
bước qua bãi cát sông Hằng nhẹ tênh”

Hôm đến Biên Hòa thăm Hoài Khanh khi ngồi nói chuyện trong phòng khách nhìn lên vách tôi thấy ông có treo hình của Đức Phật xa hơn chút nữa là hình của Martin Heidegger. Tôi nhìn hai tấm hình và tự nghĩ rằng chắc bây giờ ông không còn buồn vì những dòng sông kia vẫn chảy xa mù nữa đâu.

Và chẳng phải ông đã tìm lại được cội nguồn của một dòng sông rồi đó hay sao?”

Phần nhiều mọi người đều nhìn Hoài Khanh như một thi sĩ. Nhưng trên bộ môn văn, ông cũng có những đóng góp đáng kể. Ông viết văn với cố gắng trong phong thái dung dị gần cận đời thường nhưng lại chất chứa nhiều suy niệm ẩn tàng bên trong. Những nhân vật của ông hình như lần khuất những câu hỏi của vấn nạn cuộc đời trong hoàn cảnh của chiến tranh, của quá khứ và thực tại trộn lẫn. Đọc tập truyện ngắn của ông, thấy được một đời sống mà chiến tranh như bóng đen âm u đang bao trùm đất nước.

Đó là tập truyện “Trí nhớ hoang vu và Khói” của ông do nhà xuất bản Ca Dao in năm 1970. Tập sách mỏng chỉ hơn 100 trang gồm bốn truyện ngắn: Cho Lòng Thở Than, Thành Phố Đi Rồi, Thấp Một Ngọn Đèn và Trí Nhớ Hoang Vu và Khói. Không gian và thời gian của truyện cũng như các nhân vật truyện đều phảng phất ảnh hưởng của chiến tranh của những mầm mống bất an cho con người cho xã hội. Dù nhân vật đang ở đâu, nơi chốn nào, thành phố hay thôn quê, cũng có những ưu tư của thời thế, dù không trực tiếp nhưng bàng bạc. Có lẽ cái nhìn về thực tế đời sống quá bi quan như vậy nên ông đã rời bỏ đời sống xô bồ phức tạp ở Sài Gòn để về sống coi như ẩn dật ở Biên Hòa.

Theo cảm nhận của riêng tôi, hình như thơ văn của ông cũng đều có chung một vấn nạn và hành động viết như Roland Barthes định nghĩa là một “phong cách đề xuất câu trả lời rõ ràng rành mạch về cuộc đời” Đời sống có ngàn muôn câu hỏi nhưng viết văn hay làm thơ cũng chỉ có một mục đích suy tưởng về cuộc đời, về chính con người nghệ sĩ và chính cả xã hội đang sống. Thơ của ông như bảng lảng một không gian khác song hành với cuộc sống còn văn thì thực tế hơn trong cảm nhận của người cầm bút...

Tôi đọc bài thơ Ngồi Lại Bên Cầu của Hoài Khanh và tập truyện ngắn cùng tên của nhà văn Trần Phong Giao, thư ký tòa soạn tạp chí Văn và chủ trương nhà xuất bản Giao Điểm. Hình như Trần Phong Giao có một biệt nhãn nào đó với Hoài Khanh và đặc biệt lắm mới lấy nhan đề của một bài thơ Hoài Khanh làm nhan đề tập truyện ngắn của mình. Dù rằng trước đó với bút hiệu Phong Nhã trong mục điểm sách của nhật báo Tự Do ngày chủ nhật 24 tháng Năm 1962, Trần Phong Giao đã có nhận định khá nặng nề về tập thơ Thân Phận của Hoài Khanh.

Nhà văn họ Trần viết: “vẫn trong những câu lục bát thi điệu cổ hữu của dân tộc, tôi đã tìm thấy dấu vết thứ hai của existentialisme in hằn trên tâm hồn Hoài Khanh. Chịu ảnh hưởng sâu đậm của triết thuyết hiện sinh, Hoài Khanh đã nhìn đời một cách vô cùng lệch lạc. Một sa mạc mênh mông, một tinh cầu giá lạnh, một giòng sông bơ vơ, một nghĩa trang sâu thẳm đó là thế giới dưới mắt người thơ...

...Trong mấy năm gần đây chúng ta được nghe nhắc nhở nhiều tới triết thuyết hiện

sinh. Không phải hiện sinh của Heidegger hoặc Kierkegaard mà gần gũi hơn của Sartre và Camus. Và nói tới Sartre là chúng ta thường liên tưởng ngay tới vai trò triết gia vô thần của ông. Hoài Khanh chịu ảnh hưởng của Sartre rất nhiều. Phải chăng anh là một nhà thơ vô thần?

Trước hết chúng ta thấy Hoài Khanh nói nhiều tới Thượng Đế. Hai chữ Thượng Đế viết hoa song lại không xác định rõ là Jesus, là Mohamed, là Thích Ca Mâu Ni...”.

Riêng trong ý nghĩ của tôi nếu tìm dấu vết trực tiếp của Sartre trong tập thơ Thân Phận của Hoài Khanh thì không tìm thấy được rõ ràng. Còn ảnh hưởng gián tiếp thì tùy cảm quan của mỗi người. Theo bức thư của chính Hoài Khanh gửi nhà văn Phạm Văn Nhân cũng có nhắc đến Trần Phong Giao và chính ông Trần đã xác định với ông cũng chỉ là những ngộ nhận đã qua...

Tôi chỉ là một người đọc thơ và đi tìm những thích thú của thơ cho tôi. Thành ra, có rất nhiều chất chủ quan và nhiều cảm tính. Tôi thích thơ Hoài Khanh vì cái thể cách của thơ ông và cái không gian thơ chất chứa trong ngôn ngữ. Tôi mừng tượng thấy một vũ trụ khác, tôi phảng phất nhìn những hiện tượng có chút xa lạ với đời thường nhưng lại có gần cận kỳ lạ với tâm tưởng tôi. Những dòng sông, không còn là những dòng nước thực tại mà với tôi nó như những nguồn đời hoặc xuôi hay ngược đều có chung một nguồn cội. Nó nhắc nhở đến một dòng nhân sinh nhiều bến đỗ. Và con người, nhỏ bé biết bao trong thân phận của mình. Suy niệm về thượng đế, về con người, hay về chính cái Tôi của mình dẫn đến một câu hỏi khó trả lời mà Hoài Khanh đã giải đáp trong thi ca.

Đọc trong Thư Quán Bản Thảo có bức thư của thi sĩ Hoài Khanh nhắc về cô nữ sinh viên Văn Khoa Phạm Kim Thịnh. Ông đã viết và đề nghị với Thư Quán Bản Thảo đề cập đến trường hợp bức thư của cô Phạm Kim Thịnh và việc từ chối cuộc phỏng vấn của cô và không đi gặp mặt cô ta lần sau để khi hay tin sau biến cố 1975 cả gia đình cô dùng ghe vượt biển đã bị cướp giết chết khiến ông rất ân hận.

Chuyện cô Phạm Kim Thịnh xin phỏng vấn nhà thơ Hoài Khanh là vì trong học trình cử nhân chứng chỉ văn Chương Quốc Âm do giáo sư Thanh Lãng hướng dẫn có chương trình giúp các sinh viên đi thu thập tài liệu về các nhà văn nhà thơ Việt Nam hiện đại. Cô Thịnh gửi thư đến xin phép phỏng vấn với các câu hỏi đính kèm nhưng ông từ chối. Và sự việc ấy đã gây cho ông áy náy và ân hận cả một thời gian dài. Chính trong những lần thư từ bằng email hoặc điện thoại với các thân hữu ở cả Việt Nam và ở hải ngoại ông đều nhắc tới nỗi ân hận của mình.

Hoài Khanh được nhắc nhở nhiều trong những ghi nhận của văn học sử của hai mươi năm văn học miền Nam. Có nhiều cây bút phê bình văn học uy tín đã viết về vóc dáng thi sĩ này. Thí dụ như Bùi Giáng trong “Đi vào cõi thơ”. Như Trần Tuấn Kiệt trong “Thi ca Việt Nam hiện đại”. Như Nguyễn Tấn Long và Phan Canh trong “Thi Nhân Việt Nam”. Như Uyên Thao trong “Thơ Việt hiện đại”. Như Nguyễn Đình Tuyển trong

“Những nhà thơ hôm nay”. Như Cao Thế Dung trong “Văn học hiện đại: thi ca và thi nhân”... Nhiều nhiều lắm. Thành ra có dư luận cho rằng vì Hoài Khanh không ở trong phe nhóm văn nghệ nào trong sinh hoạt văn học thời kỳ đó nên chưa được chú ý đúng mức. Theo tôi, cả danh sách những tác phẩm phê bình văn học trên cùng với những bài khác trên các tạp chí văn học của Phạm Công Thiện, Tuệ Sỹ, Tam Ích... thì Hoài Khanh không phải là một vóc dáng thi ca mờ nhạt. Trái lại, đó là một vóc dáng thi ca được yêu mến của giới thưởng ngoạn và góp nhiều công trình vào sự nghiệp văn hóa của dân tộc. Nhà thơ Bùi Giáng viết trong “Đi vào cõi thơ” phác họa vài nét về chân dung thi sĩ:

“Từ Dâng Rừng tới Thân Phận, Hoài Khanh đi một bước riêng biệt choáng váng trong dòng lục bát của ông. Ông không bị ảnh hưởng nào gò bó. Ông chỉ chịu ảnh hưởng của trời, của gió, của sương, của dòng sông, bên quạnh quê hương.

Thỉnh thoảng cố nhiên ông bị vướng lụy trong bầu khí hậu văn nghệ của hiện tình đất nước chia năm xẻ bảy, ông gượng gạo viết vài bài khổ nhọc không có cách điệu bỗng bèn bắt tuyệt trầm hùng của ông. Nhưng đó là trường hợp hy hữu thôi. Riêng biệt những bài xuất thần bi ca của ông thì quả thật vô song bát ngát”

Nhà phê bình Đặng Tiến đã nhận định về tập thơ đầu tay Dâng Rừng như sau: “Hoài Khanh của Dâng Rừng là một chàng trai vui tươi hý hứng với những buổi mai hồng hện hò một hoàng hôn ngập nắng...”

Niềm vui dễ dãi ấy đã tìm đến những vần điệu cổ điển, cổ điển đến thành khuôn sáo. Đọc Dâng Rừng sẽ bắt gặp những lời những ý những cảm xúc những vần điệu tiền chế. Tâm hồn dễ dãi như vậy, kỹ thuật làm thơ khuôn sáo như vậy, thi phẩm đã không tạo cho Hoài Khanh một chỗ đứng nào cả”.

Nhưng Bùi Giáng thì viết ngược lại, viết trong kinh ngạc: “Anh chưa quá hai mươi tuổi anh làm những vần thơ mà Nguyễn Du, Nguyễn Khắc Hiếu tái sinh nghe được phải lạnh mình trước cái vĩ đại hồn nhiên của một tài hoa chưa ráo máu đầu. Cái vẻ ngây thơ thăm thẳm của lời thơ chỉ những thiên tài xuất chúng mới có được. Những “làm ơn che khuất”, những “ngọn xiêu gió thành, những” chỉ đau lòng lệ, những “tôi còn gì nữa là tôi”, những “rằng không dù cũng vâng lời thành không”, những “rung lòng dưới lối em đi”, những “lời kỹ nữ đã vỡ vì nước mắt”, những “gió bao lần từng trận nhớ thương đi”... chính chúng là dấu hiệu, là bằng chứng tuyệt đối của thiên tài.”

Tập thơ Thân Phận. Là thơ của một người cô đơn sống lạc lõng trong đời mang theo những vết hằn tâm thức luôn nhức buốt không thôi. Thân phận. Là những bài thơ của một người luôn suy niệm để trả lời một câu hỏi viết để làm gì và ta sống hôm nay cho ai và ta hiện hữu có điều gì ý nghĩa. Có thể Thân Phận là những bài thơ nối tiếp dòng thi ca đã có tự ngàn xưa. Viết về Thân Phận, một sinh viên ở Huế là Cao Quảng Văn đã viết: “ông tưởng tượng thế nào Niềm Vui của tôi khi đọc được Thân Phận? Một ngạc nhiên thích thú của một người vừa “đắc thân” sau nhiều năm tháng “vong thân” Tôi đã dẹp hết sách vở (mặc dù mai mốt vào thi) đốt đèn bạch lạp nhìn ra trắng sáng bên

ngoài, nghe tiếng rì rì, van vãi, giun dế và ngâm thơ cho một mình nghe, chỉ vì sợ người nghe thấy.

Mỗi bài thơ là một khúc tình ca đắm thắm, một bi ca nồng nàn là một giai âm thanh sắc. Trọn tập thơ, cả mấy chục bài cả mấy ngàn câu. Vì câu nào cũng ý vị đáo để cả. Tất một lời, Thân phận là một khúc bi ca dài đã làm cho thời gian ngắn lại”

Còn tập Lục Bát thì sao? Có gì đặc sắc như Thân Phận? Thơ lục bát của Hoài Khanh có khác biệt so với những người làm thơ trước, đồng thời hay sau. Thơ từ ca dao, từ Nguyễn Du đã thành âm điệu quen thuộc trên sáu dưới tám và người làm thơ sẽ rất dễ dàng bị vướng vào những khuôn sáo để thành nhàm chán. Trước Hoài Khanh, như Cung Trầm Tưởng, như Hoàng Anh Tuấn,... đồng thời như Viên Linh, Trần Đức Uyển, và sau như Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Trúc Ly,... mỗi người đều có những phong thái riêng để thành những sắc thái riêng biệt mỗi người mỗi vẻ mỗi khí hậu, mỗi thế giới riêng. Thế giới của Lục Bát Hoài Khanh theo Tuệ Sỹ là nơi chốn của tiếng ru đồng vọng về từ dòng truyền thống thi ca xa xưa và lời ru hời hắm hăm thiên thu của mẹ...

Tôi là người đọc và tôi tìm được nhiều bài sáu tám tôi thích và tôi cảm. Có những câu thơ gọi lại những nỗi niềm riêng về nơi chốn cũ về mối tình xưa:

“Chim bay tàn bóng sa mù
thôi sương ở lại đèn bù tuổi tôi
nằm đây lạnh suốt mặt trời
hoài thương quá khứ đã ngủi phiêu linh
phố xưa hồn đắm lệ mình
sông xưa triều đã lênh dênh mấy mùa...”

Trong tập Thân Phận, tôi thích bài Ngồi Lại Bên Cầu. Những câu thơ mà đã có rất nhiều người xưng tụng. Như Đặng Tiến, như Trần Tuấn Kiệt. Như Bùi Giáng. Như Nguyễn Tấn Long. Và đặc biệt như nhà văn Trần Phong Giao đã mượn hai câu thơ cuối để mở đầu cho tập truyện ngắn cùng tên Ngồi Lại Bên Cầu của mình:

“Rồi em lại ra đi như đã đến
dòng sông kia cứ vẫn chảy xa mù
ta ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng
nghe giữa hồn cây cỏ mọc hoang vu”

Thơ của ông cũng nói về chiến tranh trong một thời kỳ mà cường độ chém giết đã ở mức cao nhất. Hoài Khanh làm thơ về tình yêu. Về suy niệm thân phận con người. Về những ý thức siêu hình. Về một con người cô đơn bị quan. Về một khung trời thi ca mệnh mang của một kiếp người chịu thua mạng số. Và thơ của ông hình như lúc nào cũng ngấm ngấm những phá phách của một người tuy không muốn mà phải chiều theo sắp xếp của Thượng đế trên cao. Và, với chiến tranh, ông bơi đen tâm tư với nỗi buồn rầu bất lực. Thí dụ như bài thơ “Những chiều tiếng súng” trong tập Thân phận:

“Tay tôi bóp những chiều tà

với cồn phổ cũ với ga ven rừng
với ngày tháng ở sau lưng
yêu em lòng thấy vô cùng đớn đau
chung quanh còn có gì đâu
nghe âm tiếng súng đời sâu dưới mồ”

Hoài Khanh

Trông theo

bến sông này, bến sông này
trắng xưa lạnh xuống hàng cây gục đầu
người xưa chừ biết là đâu
này trắng gió cũ này câu già từ
lối đi vàng nhạt mùa thu
nghe lau lách động niềm u uất buồn
mắt người mang cả quê hương
lòng ta mang cả đoạn trường tháng năm
trắng chia niềm nhớ thì thầm
lệ chia niềm nhớ ướt đầm núi sông
lớn lên vì một tấm lòng
để bao nhiêu hận buộc vòng tơ sinh
bao nhiêu tuổi bấy nhiêu tình
bao nhiêu nguyện ước giận mình bấy nhiêu
nhưng thôi buồn đã ra nhiều
trong ta là mây vạn chiều rung rung
trong ta là núi là rừng
là trăm tiếng hát đã từng trên môi
tiền đưa thì tiền đưa rồi
nhớ thương thì nhớ thương rồi người ơi
vòng tay không chặt luân hồi
xa xưa nghe nặng bóng chiều luân lưu
người đi mang cả mùa thu
ta mang theo chút tạ từ héo hon
bãi sông này gió trắng còn
mênh mông vì cả nghe buồn lay bay
tưởng chừng như chặt bàn tay
ta ôm vũ trụ tròn đầy mà mơ
nhưng khi dạ biết tình cò
thì hai thứ tóc đã mờ giắc xưa
với trắng chia nhớ đôi bờ

với sông bên nọ chia giờ ra đi
người ơi còn lại những gì
mai sau nếu chút tình si cũng tàn

Tuấn Đình

Em đi trời đã vào thu

Em đi trời đã vào thu
Chòm mây vương vấn phiêu du cuối trời
Úa vàng chiếc lá thu rơi
Cho ai thương nhớ góc đời quạnh hiu
Em đi nắng sớm mưa chiều
Hàng cây lá rủ vương nhiều tiếc thương
Mù khơi bi lụy phố phường
Cho thêm sầu khổ dạ buồn vắn vơ
Em đi lòng rối tơ vò
Vườn bên bướm trắng lượn lơ vờn hoa
Dỗi hờn hoa hết mặn mà
Xa rồi hiền thực vườn nhà cô đơn
Em đi mắt trào lệ tuôn
Bờ tre bìm bịp giọng buồn đầu thôn
Trời chiều phủ bóng hoàng hôn
Vì ai đòi đoạn tơ vương u hoài
Em đi liễu rũ chương đài
Bờ mi sâu đọng lã dài giọt châu
Ven sông cá lượn chân cầu
Trời xanh in bóng sông sâu ráng vàng
Quê nhà nay lửa mai lần
Con chim bạc má gọi đàn rưng rưng
Lời yêu tình tự quê hương
Vần thơ lục bát nhớ thương đợi chờ

Th.Đoàn Thy Vân

DA MÀU MÁU ĐỎ KHÁC GÌ NHAU

Tôi thật tình không nhớ là đã trở thành gã lẻo mép từ lúc nào. Mặc dù chỉ mới đi làm công việc này gần năm nay. Tôi lạc đường vào thế giới nhộn nhịp không ngủ của Phi trường và trở thành gã lái xe Bus bắt đắc dĩ chuyên đưa đón hành khách từ bãi đậu xe đến phi trường và ngược lại đón khách về. Tất cả chỉ giới hạn trong một vòng tròn nhỏ đường kính chưa tới một dặm nhưng lại cực kỳ sôi nổi và lắm buồn vui thú vị.

Khi mới vào làm, ngay ngày đầu nhận việc tôi thực sự khổ sở vì bị bó cứng trong bộ đồng phục (uniform) mặt mày cứ như gã ngố. Tôi được hướng dẫn là trong bất kỳ tình

huống nào khách hàng cũng là chủ, khách hàng luôn luôn đúng và bản thân người lái xe phải luôn luôn biết nhận lỗi dù không có lỗi. Khách hàng chỉ A nói B cũng phải ok. Chỉ trắng nói đen cũng ok. Câu kinh nhật tụng là thường xuyên thăm hỏi sức khỏe khách hàng và lời cảm ơn không rời cửa miệng. Không những chỉ có thể mà còn phải biết ba hoa chích chòe, vận dụng mọi khả năng kể cả đôi tay trợ lực để hầu chuyện khách hàng và nhất là phải sẵn sàng khiêng vác hành lý của khách hàng thậm chí phải đành lấy túi xách từ trên tay khách hàng khó tính. Như vậy mới đạt hiệu quả về tài chánh. Không phải là chụp giựt nhưng là một cách đặt khách hàng vào tình thế phải cho tiền thưởng phục vụ (Tips) . Phải biết cho khách hàng thấy có bốn phần phải chi khoản này dù trong điều lệ của Công ty không hề ghi.

Vui buồn từ đó mà ra, những đồng tiền Tips nhỏ nhoi nhưng lại trở thành niềm vui lớn. Tôi vốn tính nhút nhát, ngại tiếp xúc với người lạ chưa kể là phải dùng tiếng bản địa (vì trình độ tiếng địa phương của tôi rất giới hạn) và lại càng không biết dùng tiếng lóng.

Ấy thế mà việc dạy việc, nghề dạy nghề, bây giờ tôi lại được tiếng là dễ thương (nice guy) Thường được khách hàng khen ngợi và cho Tips hậu hĩ, đâu có biết chỉ học được cái mảnh lẻo mép của gã đồng nghiệp da đen mà thôi. Cùng một lúc tôi có thể vừa khiêng hành lý, vừa ghi thẻ, vừa đấu hót chuyện mưa nắng ầu ơ ví dầu, dăm câu nói khôi hài hoặc giả khen ngợi khách hàng nào là xe đẹp, áo khoác đúng mốt, mọi điều thật dễ thương... Quý bà thì phải biết khen trang phục, giày vớ kiểu tóc... Quý ông thì khen đồng hồ cà vạt bộ suite thời trang... thật ra thì người Mỹ được mô tả là ăn mặc xấu nhất thế giới. Cứ thế thời gian qua nhanh tôi càng học thêm nhiều mảnh mung chiêu dụ khách, đôi khi còn tự sáng tạo (người mình vốn thông minh). Tôi tạm bằng lòng với nghề này theo năm tháng những tưởng mọi việc sẽ êm xuôi thế nhưng cũng có một ngày.

Khi tôi lái xe trở lại bãi đậu (parking lot) của Công ty, định ăn vội khúc bánh mì lót dạ, đã bốn giờ lái xe đưa đón khách không kịp thở. Sắp tới ngày lễ hội người đi kẻ lại khá tấp nập mà hôm nay lại chỉ có mình tôi. Lão bạn già đồng ca nghỉ ốm, thế là tôi ôm hết hai ca. Mới chiều xong ngum nước chưa kịp ăn thì có lệnh từ office gọi tôi xem lại trên xe có một khách hàng vừa đưa ra phi trường có thể để quên vé máy bay. Tôi xem lại thấy có và lập tức trở lại phi trường để giao vé cho khách. Thú thực đã ba năm qua, tôi làm việc như cỗ máy hết thank you, yes sir, đến yes madame liên tục và không hề nhớ mặt một ai vì thực sự có thì giờ đâu mà để ý. Người trực văn phòng cho biết người khách ấy là một phụ nữ mặc áo chemise caro cao bồi đang chờ mang vé lại. Tôi phóng xe khá nhanh sợ lỡ chuyến bay của khách thì sự phục vụ của mình sẽ không còn giá trị. Khi tôi đến cổng check-in hành khách còn đông lắm và xe tới lui rất chật vật. Tôi cố nhìn xem có ai đó chờ không, nhưng đã hơn ba phút đậu xe qui định mà không nhận ra ai. Đang lơ ngơ trước cửa xe tay cầm vé bất chợt một phụ nữ da màu mặc áo ca rô chạy đến thật nhanh ôm chầm lấy tôi như quen biết đã lâu, một cử chỉ hết sức thân thiện và

phổ thông ở đất nước này. Nhưng với tôi là một người Châu á thì lại là một biệt lệ. Cô ấy ôm cứng tôi má áp má và cảm ơn rồi rút, tôi chia vé ra và từ giã thì cô ấy dúi vào tay tôi mớ tiền lẻ. Lập tức tôi nhớ ra và từ chối vì đã nhận một lần hậu hĩ quá rồi, cô ấy cứ nhét vào tay tôi và biến vào đám đông. Chỉ có thể nhưng lòng tôi lại có chút gì xôn xao. Càng về khuya thì khách vắng lai thưa thớt dần, tôi có dịp nghỉ ngơi chốc lát, châm một ly cà phê, đốt một điếu thuốc, gác máy liên hợp và nhớ lại chuyện vừa qua. Vâng đó là một cô gái da màu nâu non, tóc cắt ngắn không quăn, gương mặt khá thanh tú, mũi cao mắt sáng điểm sắc xanh, đôi môi mọng nước màu mận chín. Thân hình nhỏ nhắn nhưng nẩy nở toàn vẹn, trang phục áo kẻ ca- rô, quần blue jean giày ống trông như những người cowboy tạo dáng trẻ trung sống động nhưng không kém phần lịch sự. So với những người da màu gốc Phi châu thường có đôi môi dày, bộ mông nở nang vun cao và tóc thì quăn tít sát vào da. Tôi đoán có lẽ đây là một người da màu gốc Nam mỹ hoặc đã lai nhiều đời. Điều làm tôi nhớ lại rõ ràng là vì đây là lần đầu tiên một cô gái da màu với hành lý là một va ly nhỏ gọn nhẹ không cần sự phụ giúp của tôi thế mà khi xuống xe đã đặt vào tay tôi một tờ mười mỹ kim. Đây là một biệt lệ vì dầu cho là hành khách thuộc bất kỳ quốc tịch nào khi có nhiều hành lý cồng kềnh mà tôi phải xách hộ cao lắm là cho được năm mỹ kim, thông thường tiền thưởng tôi nhận được chỉ là một hay hai mỹ kim mà thôi. Tuy nhiên khoản tiền phụ thu này vẫn là chút niềm vui cho cánh lái xe chúng tôi. Mới đầu tôi nghĩ cô ấy không có tiền lẻ nên cho luôn vì đang vội đi. Nhưng khi tôi trở lại đưa vé bỏ quên, cô ấy lại dúi vào tay tôi thêm một mớ tiền lẻ nữa. Vậy thì cứ như là có một chút cảm tình nào đó. Thật ra cái lối xã giao nghề nghiệp của chúng tôi là luôn luôn bắt chuyện với hành khách, nói về mưa nắng hỏi thăm này nọ chỉ là những câu nói đầu môi, trở thành một thói quen không thể thiếu ngược lại hành khách lại có chút thích thú cứ như là mình đang được phục vụ quan tâm tận tình. Hành khách ai cũng là ông và bà hết, ngược lại tôi cũng được nâng cấp là sir. Câu chuyện chỉ có thể và sau đôi ba ngày là tôi không còn nhớ đến nữa.

Ba tháng sau, khi tôi trở lại làm việc sau hai tuần nghỉ vacation, điều ngạc nhiên đầu tiên là cô thu ngân Emily tốt bụng tuy mặt mày không có mùa xuân, nhưng bộ ngực thì quả là vĩ đại, trình trọng đưa cho tôi một bì thư và nói;- là của bạn gái you mới gởi tuần trước. Tôi nhủ thăm lại trò quỷ quái gì đây. Bởi lẽ từ ngày vào làm ở đây tôi chẳng có một bạn gái nào cả. Làm bở hơi tai, hôm nào nghỉ là bia bọt với bạn bè thế là hết cha nó thì giờ. Thậm chí tóc dài thậm thượt mà cứ quên không cắt, may ra tỉa được tí râu. Thật ra tôi cũng đã một thời lãng mạng cứ mãi lụy tình về sau ngộ ra cứ ở một mình cho tiện. Khi cần xả đạn thì cứ ghé tiệm kim chi korea là xong, ăn bánh trả tiền là khỏe nhất. Dĩ nhiên đôi khi cũng thấy lẻ loi, nhất là những ngày lễ lạc, nhà nhà đoàn tụ, thì bản thân cứ đánh đu với mấy thùng bia, chạy theo quả bóng cà na mệt xiu, qua ngày đoạn tháng nào hay.

Khi nhận bì thư tôi cười cười ghẹo Emily :- bạn gái duy nhất của me là you chứ không

ai khác, cô ấy không cười nhưng trả lời dí dỏm:- chồng tao là võ sĩ đô vật đấy. Tôi phang liền;- đô vật kiểu mỹ là đánh võ dỏm, tao kung-fu thứ thiệt, hơn nữa tục ngữ xứ tao có câu :- có chồng thì mặc có chồng ta thương ta ẵm ta bồng ta chơi (dĩ nhiên là tôi dịch ra tiếng mỹ kiểu ba bữa) cô nàng cũng hiểu và lần này cười thật:- mày nhắm bồng tao nổi hay sao. Tôi rất ngán thân hình đồ sộ của cô nàng nhưng vẫn cố chống chế :- thử thì biết chứ gì. Cô nàng dường như cũng thích thích nhưng đã đến giờ làm còn cố nói thêm :- thôi đi làm đi bố, mà cái cô da đen ấy cũng có duyên lắm. Tôi ngó người-Thật sao và ra xe thử mở thư xem- Nét chữ đúng là kiểu mỹ của những người thuận tay trái cứ ngã rạp vào một bên như muốn chồng lên nhau.Trong bì thư là một cuống vé máy bay đã dùng rồi (của hãng southwest airline)

Một mẫu giấy nhỏ chỉ ghi vồn vẹn một dòng cảm ơn- và câu hỏi anh có nhớ tôi không, một địa chỉ lạ hoắc, một số phone và ký tên nguyên chữ là Janet Ericson. Tôi đang cố nhớ lại là ai, thì có phone của Emily gọi trên máy liên hợp nói cho biết đừng thắc mắc, thư đó là của cô cowgirl nhỏ lần trước để quên vé trên xe.

Vì tò mò sau nhiều lần gọi phone không được, tôi tìm đến chỗ ở của Janet. Hóa ra đó là một mobile home nằm phía sân sau của một quán giải khát dọc đường (Ice house) rất phổ biến ở vùng ngoại ô của các quận hạt, thường bày trí rất đơn giản, chỉ có quạt máy, không có máy lạnh, một hai bàn bi da lỗ, một quầy bán thức uống bàn ghế gỗ mộc, giàn máy hát đĩa cổ lỗ sĩ chuyên phát nhạc đồng quê, một tủ bia ướp lạnh thế là xong, nhưng lại là nơi gặp gỡ của giới Red neck hoặc giới blue colar (dân vùng nông trại và lao động).

Tôi đang lơ ngơ tìm nút bấm chuông thì cửa xịch mở, có tiếng reo vui như vừa gặp lại người thân. Janet ôm lấy tôi má kề má cả thân hình mát rượi. Tôi thấy như có điện chạy trong người, cái cảm giác ngán ngùi ấy đã đánh thức nỗi khát khao một thân thể trong tôi. Vừa thích thú vừa bối rối thậm chí không nói được lời nào.

Janet kéo tôi vào trong, phòng khách nhỏ xíu nhưng mát, gọn và sạch. Chỉ có một sofa, bàn nhỏ và một kệ sách. Trên kệ tôi thoát thấy một khung hình nhỏ, trong ảnh là một quân nhân trẻ mặc đồ trận màu cát sa mạc. Dường như hiểu ý, Janet buông tay tôi, đến tủ lạnh lấy nước.

Khi đã cùng ngồi vào chiếc sofa duy nhất, Janet mở đầu câu chuyện: -

Anh không ngạc nhiên chứ, tôi cười cầu tài, ngạc nhiên thì chưa hẳn nhưng tò mò thì có.- Janet cười hóm hỉnh :- Về việc gì, tấm hình hay là tôi? – cả hai.

Vậy thì em kể anh nghe câu chuyện khó tin này nhé: Mẹ em là người gốc Caribbean, Bố em là một người Pháp lai... Việt Nam. Em lại sinh tại xứ sở Hiệp Chúng Quốc này.

Bố Em là một Navy seal của Biệt Hải Việt Nam, thuộc toán bảo vệ yếu nhân. Mẹ em là nữ Thủy Quân Lục Chiến Mỹ, thuộc bộ phận Quân Y cùng làm việc tại Tòa Đại Sứ Mỹ ở Việt Nam trước năm 1975. Những ngày cuối cùng của cuộc chiến. Bố Mẹ em là một trong những người chứng kiến việc cuốn cờ sao sọc của nước Mỹ hùng mạnh và di tản

khỏi Việt Nam sau cùng. Mẹ em mang em theo trong... bụng. Còn tấm hình anh chàng Quân nhân kia là bạn trai của em vừa hy sinh ở chiến trường Trung Đông mà hôm trước em vội vã đi thăm đến nỗi quên cả vé máy bay. Anh thấy đấy, một hạnh ngộ tình cờ hay là một liên hệ vô hình của cội nguồn khiến em đã gặp được anh.

Ngay phút đầu tiên khi anh phải lo hành lý cho khách thì em lại cứ mãi... nhìn anh và ngỡ như là rất thân quen. Anh không để ý đâu nhưng em lại hết sức lưu ý. Cứ mang ý nghĩ là khi trở lại sẽ tìm anh. Đó chính là lý do hôm nay mình lại gặp nhau. Janet nhún vai rất Mỹ và buông lửng... anh nghĩ sao.

Quả thật tôi rất bất ngờ về câu chuyện, và bây giờ thì tôi hiểu tại sao Janet lại không có một chút Á Đông nào trên khuôn mặt duyên dáng kia. Tôi thoáng chút ngậm ngùi, Bỏ nàng cũng như tôi là một Quân nhân Việt Nam. Không thua trận mà lại phải tháo chạy ở giờ thứ hai mươi lăm sau cùng cuộc chiến.

Janet hồn nhiên vỗ nhẹ vào vai tôi: anh dùng chút gì nhé, tôi chưa kịp trả lời thì nàng đã dúm vào tay tôi một chai bia thật lạnh (cứ như là nàng đọc được ý nghĩ của tôi vì tôi có thói quen khi nghĩ ngợi điều gì thì thường là thêm một chút bia). Tôi mở nắp và tu một hơi thật ngọt, chất bia thấm lạnh vào bao tử ngầy ngật từng tế bào. Và không hiểu bằng cách nào, tôi ôm nàng cứng ngắt trong vòng tay thô ráp của mình. Phản ứng của nàng là ôm chặt lấy tôi và dường như đang chuyển cho tôi cái nóng hùng hực của những người dân biển caribbean. Nụ hôn dài, sâu hun hút và ngọt lịm men bia. Chiếc sofa không lớn mà lạ thay lại đủ chỗ cho hai người.

Không, chỉ một thôi, vì nàng đang nhún nhảy trên người tôi. Cái đam mê chất ngất tưởng chừng quên lãng lại dội mồ sống dậy, mạnh mẽ và hung hãn hơn bao giờ hết. Bầu vú săn cứng của nàng ép chặt lòng ngực tôi, màu da nâu non trở thành bánh mật, tôi lịm người vì những nụ hôn rất nặng biển xa. Thân thể bốc lửa của nàng như cát nóng và tôi như chú dã tràng không cần xe cát, cứ mãi lặn vào những góc ngách lạch khe tìm nơi trú nắng. Mồ hôi hai người như trộn lẫn vào nhau, những hơi thở gấp không còn là trống dục mà nhẹ nhàng như gió thoảng qua. Đôi tay nàng vuốt dọc sống lưng tôi thay lời âu yếm, đôi môi màu mận chín tham lam ôm lấy môi tôi như ngăn lại những lời không cần thiết. Tôi như trôi vào dòng sông chảy và thiếp dần đi không biết tự lúc nào.

Khi chợt tỉnh thì nắng chiều đã tắt, Janet thu người dưới đất gối đầu lên bụng tôi. Trông nàng như cô mèo con ngái ngủ, chỉ khác là mèo biển caribbean trong người luôn hùng hực lửa. Tôi thầm nghĩ cuộc chiến mới của tôi chỉ mới bắt đầu.

Janet ngược mắt nhìn tôi, màu mắt xanh như chứa cả biển trời.- Anh đang nghĩ xấu về em ư! Nghĩ xấu là thế nào-cái liếc mắt của anh vừa nói kia kìa. Tôi cười cười-em ạ, anh chưa hề hỏi về đời tư của em kia mà-em đã nói rồi đấy-không, đó chỉ là một chút tiểu sử.-Thế còn em-em có hỏi anh đâu. Thật ra hỏi hay không hỏi thì cũng thế thôi vì lời nói đôi khi không thật - Anh lại là gã lái xe lẻo mép em không biết sao.- Cánh lái xe đưa khách của các anh ai mà không lẻo mép. Nhưng anh có khác đấy-Khác ư-Vì anh là

lính như Bố em còn gìn giữ tác phong nên vẫn còn chân thật. Tôi nhủ thầm, tác chiến thì có đánh nhanh, nhưng e lần này khó mà rút mạnh.

Bất chợt nàng cúi vào hông tôi và rít qua kẽ răng-không được âm mưu gì đây nhé. Tôi lại hoãn binh, cười cười ra chiều khó nghĩ: anh đang âm mưu để... chiếm trọn đời em đây-Đó dám-Vậy mình thử thêm lần nữa nhé! Không có tiếng trả lời, nàng kéo tôi xuống đất và lặng lẽ vô tuyến.

Ngoài kia đêm đã lên đèn.

Ông Cụ vẫy tay chào tôi từ khoảng cách khá xa. Vòng tay ôm khá chặt từ một thân thể to cao nhưng ngồi trên chiếc xe lăn. Đây là cử chỉ thân thiện không thể thiếu trong giao tiếp của người bản xứ, mặc dù Ông Cụ là một người Pháp lai Việt. Ngược đôi mắt vẫn còn chút tinh anh.

Ông hỏi Tôi. Anh là cựu Quân Nhân, tôi trả lời: chưa giải ngũ sao gọi là “cựu” được. Ông cười lớn, hay lắm, hào khí, hào khí. Đó là sự thật ít ai dám nhìn nhận. Nhưng mà này, tôi ở cái nơi hẻo lánh đây dân số ít mà chẳng có người Việt nào. Muốn tìm đồng hương phải đi mất cả ngày lái xe, buồn lắm. Hôm nay Janet đưa anh về thăm nhà, tôi vui lắm – Chắc anh dùng được bia, chưa kịp trả lời thì Janet xuất hiện:- không nhiều đâu Bố ạ! Con e hơn chục cũng chưa đủ. Ông Cụ lại cười lớn, hào sảng hào sảng,- con đâu. cho Bố một châu như ý nhé. Có tiếng ho khê: Vừa ý thì có nhưng như ý thì không. Ông Cụ cụt hứng, Janet nhanh nhẩu, anh ạ! Mẹ em đây này. Bà Cụ cũng bước lại ôm choàng lấy tôi má áp má, tay nhẹ vỗ lưng và quay qua Janet-con sao mà khéo chọn vậy, e rằng lại thành cặp bài trùng với Bố con đây nhé. Cụ bà là một phụ nữ khá rắn rỏi, tuy thấp người nhưng lại có bề ngang. Mái tóc ngắn muối nhiều hơn tiêu. Nước da màu nâu non, gương mặt đã có khá nhiều nếp nhăn, nhưng vẫn còn giữ được đôi nét thanh tú. Janet đã thừa hưởng phần nào nhan sắc của bà.

Tôi lưu lại đây ba ngày và được cụ ông cho theo phong tục Á Đông là tôi ở phòng khách còn Janet thì ở với Mẹ. Cụ bảo với tôi: Mình là lính cũ, mà lính thì có quy củ của lính, hơn nữa mình là người Việt Nam thì phải theo phong tục Ông Bà. Khuất mặt thì cậu và Janet muốn sao cũng được. Nhưng về nhà thì vẫn có lệ nhà, tôi nhắc lại chúng ta là người Việt Nam. Cuộc chiến đưa đẩy chúng ta trôi dạt phương xa, nhưng ở đâu cũng phải có quê nhà bên cạnh, đó là phải giữ phong tục tập quán – Lời Mẹ tôi dạy từ hồi còn bé đây cậu ạ! Bố tôi là người Pháp đã mất khi tôi mới lên ba, gia sản tinh thần là do Mẹ tôi truyền lại. Nhớ nhé, ta học cái mới cái văn minh, nhưng không thể mất gốc, mai một có con nhớ dạy tiếng Việt cho chúng , như tôi vẫn bắt Janet nói tiếng Việt khi về nhà. Không hiểu khi gặp cậu nó nói tiếng gì?! Tôi nhủ thầm tội con chỉ hành động thôi đâu cần phải nói.

Tôi và Janet lên xe khi trời vừa hừng sáng, Ông Bà Cụ tiễn chúng tôi ra tận sân xe, những vòng tay ôm từ già, những dặn dò những hứa hẹn, và có cả giọt lệ già nua như hạt sương buổi sáng lung linh trong ánh bình minh vừa ló dạng từ dáng nằm của rặng

rocky mountain hùng vĩ.

Vui thay, vẫn còn chút gì quê Me Việt Nam.

Chúng tôi còn phải vượt 24 giờ lái xe để về chốn cũ, Janet nghiêng đầu vào vai tôi và nói khẽ:- anh à! Đối với em hạnh phúc chưa có nghĩa là phải có nơi ăn chốn ở, việc làm, truyền giống và yêu nhau. Em vẫn mơ một ngày được nhìn thấy Quê Cha, và sẽ quỳ dưới chân Mẹ anh bên ấy. Chỉ để thừa một điều là: Con cảm ơn Mẹ vô vàn đã ban cho con một người... lính cũ Việt Nam. Dường như vì luồng gió thoảng qua, kéo theo vài hạt cát.vừa rơi vào mắt gã lái xe lẻo mép ba hoa. Hay là giọt lệ ngậm ngùi của người lính lưu vong.

– Janet ơi! Anh xin hứa với em có mỗi một điều là bên đời em vĩnh viễn có anh. Giác mơ kia sẽ phải thành sự thật. Vì trong anh vẫn máu đỏ da vàng.

Tôi nhủ thầm như thế, khi Janet đang đi vào giấc ngủ yên bình.

Con đường thiên lý vẫn còn dài, như tình người yêu người sẽ không bao giờ biến mất. Và tình yêu không hề phân quốc tịch màu da. Yêu đời yêu người chính là chân lý thật.

VÔ TÌNH

Mẹ ra đi

Con sẽ về Việt Nam,
Đưa Mẹ ra nghĩa địa
Nỗi buồn lên thăm thía
Khi Mẹ lìa trần gian.!
Một “trăm linh một” tuổi..!
Mẹ đi - sao níu lại.?
Gia tài - Mẹ cho con
Tình thương và nhẫn nại
Ba chết - Mẹ lỡ duyên
Con tin – sự ảo huyền
Hai người nơi Chín Suối
Ba Mẹ lại hoàn duyên
Mẹ mất – quá đau lòng
Sắc sắc rồi - Không không
Tiếc thương cùng đau khổ
Vạn vật – hóa vô thường..!

Thái Bạch Vân

Xuân Hoài Niệm

(Gởi Trâm Hương Vi)

Xa cách muôn trùng... dệt ước mơ
Mùa xuân hoài niệm chẳng lu mờ.
Mai vàng hé nụ khoe duyên thắm

Nắng óng vòn sương cảnh như thơ.
Thuở ấy nghe lòng sao ấm áp
Giờ đây thấy dạ chột bơ vơ
Tết về... xứ lạ... thêm khao khát
Vườn cũ... quê xưa... mỗi đợi chờ ??

Hương Xuân Ngát

Ngày đi tháng lại mùa xuân đến ,
Vạn vật quanh ta phút chuyển màu.
Trải gấm vòm cao mây ngũ sắc ,
Phấn hương thơm ngát cả trời châu .

Nắng Lụa Bay

Rung rinh trước gió hoa đào nở ,
Nhún nhảy ngoài song nắng lụa bay .
Se sẻ khua cành trên khóm trúc ,
Tơ hồng đan võng giữa trời mây .

Phạm Tương Như

Tiệc chay tình ẩn dụ

Đường Tam Tạng thỉnh kinh miền Tây Trúc
Anh phàm phu chỉ muốn học yêu đương
Không bình bát đâu biết đường khát thực
Nếu nguyện cầu, mong sớm gặp người thương
Nhớ em lắm nên quên ăn mất ngủ
Thì làm sao học chay lạt tịnh tâm
Dù anh thích cơm tương rau, đậu hũ
Vẫn ước mong em cho nếm môi trần
Khi anh định tụng vài thời kinh Phật
Vắng bên tai lời em nói ngọt ngào
Hương tóc mây, môi hồng đào ướp mật
Linh hồn anh mới giao động làm sao!
Ai phóng sanh anh thả toàn mơ ước
Đúng ngộ rồi em ban phước liếc nhìn
Nên bố thí mắt nhưng nâu ướt rượt
Mây thiên đường đâu bằng mắt em xinh
Thấy hoa chẳng cười, quên thời Lục Tổ
Em mỉm môi anh đứng độ trắng rằm
Hoa và trăng khiến lòng anh thêm nhớ

Môi má gợi tình, ánh mắt xa xăm
Dáng em đẹp dịu dàng buông tóc xõa
Vạt áo dài, mây mê muội níu chân
Em bước đi trên đài gương nắng gió
Trời đất và anh, cây cỏ băng khuâng
Bỗng chiều nay em cho anh ước hẹn
Mời cơm chay anh chết đứng, ghen lời
Em bỏ thí trọn đời, tâm kinh điên!
Áo sa di, xuống tóc, mở chuông rồi!

Trần Thị Dã Quỳ

sân ga- bóng lạnh nhớ người

có bao giờ anh chợt nhớ về em
sân ga nhỏ chờ chuyến tàu ghé bến
trong nhưng nhúc giữa đêm dài nhưng nhớ
quất quay hồn tìm bờ bến bình yên....
không những nhớ mà cuồng điên vì nhớ
nhớ như chưa từng nhớ đến ngăn ngại
đêm không ngủ ngày quên ăn ruột thắt
chén rượu quen thành mật đắng tê môi
ngọn gió bắc thổi qua đời lạnh ngắt
vẫn không bằng rét nhúc buốt buồng tim
đã nửa đời mới nhìn ra chân lý
tình yêu người mạnh nhất thế gian.
có bao giờ anh chợt nhớ về em
câu hỏi lạ như chưa từng nghe hỏi
cứ dường như gió động nổi khát thèm
từ đường máu dồn hơi tim đã mỏi.
sân ga lạnh chập chờn ai say tỉnh
ngọn đèn vàng soi không hết đường ray
em hắt bóng bên thềm nghe gió hú
ngõ tiếng còi tàu xé nát đêm sâu.
đêm tĩnh lặng hồn đau như hoang thú
em nhớ anh – cây hỏi gió về đâu.

Luân Tâm

Mây hồng áo thơ

Ngọt ngào...
Hứng thơ hoa nắng chiều đông
Cổ cao gót nhỏ mây hồng áo thơ

Em đi hương áo ngấn ngơ
Dấu thương dấu nhớ lệ mờ tình thư
Em về câu chuyện đời xưa
Phượng hồng mây tím sao chưa hẹn hò
Cuối trời lặn đạn vòng vo
Câu thơ câu nhạc ồm ồm sao đành
Mắt xanh tóc xanh mộng xanh
Chung trường chung lớp đồ dành bướm hoa
Đôi đôi đứt bóng tình ca
Vượt biên hôn bóng quê nhà lửa thiêng
Tài hoa hàn sĩ sầu riêng
Người đi kẻ ở còn nguyên mộng đầu
Chất chiu chữ nghĩa thanh cao
Nâng niu hương áo thơm màu thủy chung
Một mai bình thủy tương phùng
Châu hoàn hợp phố tầm xuân quê nghèo
Mình về gió núi trăng đeo
Chăn tằm dệt vải ao bèo rong chơi
Nắng gió thoảng mưa mây trôi.... Ngọt ngào...

Trần Yên Thảo

Thơ Biên Tái

Mở:

Vào thời Tây Hán khoảng năm 206 trước Công Nguyên đã hình thành một tuyến đường cho các thương nhân vận chuyển hàng hóa từ Đông sang Tây và ngược lại mà người ta gọi là “Con đường tơ lụa”. Vì hành lang nối liền Đông Tây này là huyết mạch đem lại phần vinh cho Trung Nguyên và các Tiểu vương quốc vùng Tây Vực. Lãnh thổ rộng lớn Tây Vực trải dài từ Tân Cương đến vùng Tây Á Tế Á, tức khu vực có địa giới từ con đường Nam Bắc Thiên Sơn của Tân Cương, vượt núi Thông Lĩnh đổ về phía Đông và từ Đôn Hoàng (Cam Túc) đổ về phía Tây. Vì tranh chấp lãnh thổ và muốn độc chiếm con đường giao thương Đông Tây này nên đã xảy ra chinh chiến liên miên. Cảnh chiến tranh loạn lạc đã tạo nhiều cảm xúc cho các Nhà Thơ đời Đường sáng tác những bài thơ xuất sắc được lưu giữ đến ngày nay gọi là “Thơ Biên Tái”. Các Nhà Thơ còn xây dựng một trường phái riêng được gọi là “Phái Biên Tái” mà đứng đầu là Sầm Tham, Cao Thích, Vương Xương Linh, Lý Ích, Trần Đào v.v...

Chúng tôi sẽ lần lượt gửi đến độc giả tác phẩm của các nhà thơ này trên website:

<http://www.hoiquantramhuong.net>

Lý Ích:

Nhà thơ Lý Ích (một trong Đại Lịch thập tài tử) là người Lương Châu, sinh năm Thiên Bảo thứ 7 Đường Huyền Tông (CN 748). Năm Quảng Đức thứ 2 Đường Đại Tông (CN 764), ông 17 tuổi. Lúc đó Thổ Phồn công hãm Lương Châu, ông cùng gia đình lánh nạn đến Lạc Dương (nay thuộc tỉnh Hà Nam). Năm Đại Lịch 4 Đường Đại Tông (CN 769) ông đậu Tiến Sĩ. Lúc bấy giờ quân Thổ Phồn tràn xuống Trung Nguyên đánh phá khắp nơi, thậm chí kinh đô Trường An cũng bị chiếm đóng. Năm Đại Lịch thứ 9 (CN 774), Đại tướng Đường triều Quách Tử Nghi kiến nghị tiến hành đại quy mô quân sự đối phó quân Thổ Phồn. Lý Ích tòng quân gia nhập Mạc phủ Vị Đắc Tiết Độ Sứ Tàng Hy Nhượng. Ông đã đến Trường An theo đoàn quân Bác tiến, đi qua Ngũ Nguyên, Hạ Châu, vượt sa mạc Phá Nột Sa đến ba tòa Đông, Trung, Tây của Thụ Hàng thành. Trên đường hành quân, họ Lý đã viết nhiều bài thơ Biên Tái độc đáo được truyền tụng rất rộng, như bài “Tống Liêu Dương Sứ Hoàn Quân” được vẽ thành đồ họa. Bài “Dạ thương Thụ Hàng thành văn dịch” được soạn thành ca khúc. Những bài này sẽ đề cập sau, khi nói về những địa danh có liên quan đến con đường tơ lụa.

Khi Lý Ích đi qua Du Lâm thuộc khu vực Âm Sơn của hành lang Hà Tây, có viết bài thất tuyệt “Thính Hiểu Giác” mô tả tiếng còi sừng buồn thảm của buổi sớm nơi đây:

Âm:

Thính Hiểu Giác

Biên sương tạc dạ trụ Quan Du
Xuy Giác đương thành Hán Nguyệt cô
Vô hạn tái hồng phi bất bộ
Thu phong quyển nhập tiểu Thiên Vu

Dịch:

Nghe tiếng

còi sừng buổi sáng

Đêm qua sương phủ khắp Du Lâm
Còi sừng thành lặng bóng trăng tàn
Quan tái nhận hồng bay khó vượt
Lắng nghe Hồ khúc buồn xé gan

Trần Yên Thảo dịch

Nhà thơ Lý Ích khi qua ba tòa Đông, Trung, Tây Thụ Hàng thành thuộc khu vực Âm Sơn có viết một bài thất tuyệt “Dạ thương Thụ Hàng thành văn dịch, mô tả cảnh tượng về đêm nơi vùng biên tái này như sau:

Âm:

Dạ thương Thụ Hàng thành văn dịch

Hồi Nhạc phong tiền sa tự tuyết
Thụ Hàng thành ngoại nguyệt như sương
Bất tri hà xứ xuy lô quản

Nhất dạ chinh nhân tận vọng hương

Dịch:

Đêm lên thành Thụ Hàng nghe sáo

Cát trước non Hôi trông tựa tuyết

Trăng ngoài thành Thụ ngó như sương

Ai hay sáo thổi nơi nào nhỉ?

Đêm ấy người xa nhớ cố hương

Lê Nguyễn Lưu dịch

Cù Hòa Phong

Phong Tục Tập Quán

Thờ kính và cúng tế để nhớ ơn Tổ Tiên

Lời tòa soạn:

Tạp chí Trầm Hương số 6 phát hành vào dịp Tết Nhâm Thìn, BBT đăng bài “Phong tục tập quán

thờ kính và cúng tế để nhớ ơn Tổ Tiên”, mong góp một phần để quý Độc giả cần truy cứu.

BBT

Dẫn nhập

- Đã nhiều năm liền Cộng Đồng người Việt hải ngoại khắp nơi trên thế giới nói chung, riêng tại Thành Phố Houston hàng năm tổ chức tế lễ theo phong tục cổ truyền, bốn ngày lễ lớn: Giỗ Quốc Tổ Hùng Vương, Đản sinh Trần Hưng Đạo, Nhớ Ơn Hai Bà Trưng, Đặc biệt là Kỷ Niệm Chiến Thắng Đống Đa Lịch Sử Mừng Năm tháng Giêng năm Kỷ Dậu 1789 và Lễ Tế Vua Quang Trung hay còn gọi là Tết Đống Đa. Năm nay nhân gần đến ngày Tết, Kỷ Niệm Chiến Thắng Đống Đa, Hai Bà Trưng và Lễ Giỗ Đức Quốc Tổ Hùng Vương, theo yêu cầu ngày càng nhiều của giới trẻ muốn hiểu biết về các phong tục cổ truyền mang ý nghĩa cao cả và tốt đẹp, nên chúng tôi mạo muội viết khái quát qua hình thức thờ kính và lễ tế cổ truyền theo phong tục tập quán Việt mà Tổ Tiên Ông Bà đã gìn giữ và Tổ Chức hàng ngàn năm qua trên đất Tổ quê Cha. Đó là Lễ Tế, một phong tục, một truyền thống tốt đẹp cần phát huy và gìn giữ “Uống nước nhớ nguồn”

- Người Việt chúng ta rời Tổ Quốc ra đi và đến những đất nước tự do, tuy nhiên trong cuộc sống hàng ngày lúc nào cũng nhớ đến quê hương, và mỗi người trong chúng ta đều mong mỗi làm được gì cho quê Cha Đất Tổ.

Trước khi nói đến thờ kính và tế lễ tổ tiên, xin được nói qua về lịch sử Đức Quốc Tổ Hùng Vương người khai sáng dân tộc Việt đã hơn 4888 năm trước và tồn tại đến ngày nay.

Trước tiên xin quý vị hãy lắng đọng tâm tư trong vài giây phút để tìm về cội nguồn dân tộc Việt qua ngày Giỗ Tổ mà chúng ta thường gọi là Tế Tổ Vua Hùng Vương, và đã giữ được truyền thống hàng ngàn năm qua; Nghi lễ hàng năm được tổ chức vào ngày mừng

mười tháng ba (Âm Lịch).

Theo huyền thoại, yếu tố trường tồn của dân tộc Việt:

HUYỀN THOẠI CỦA VIỆT TỘC

Vào thời lập quốc, nước ta tên là nước Văn Lang, các Vua ta tên là Hùng Vương, họ Hồng Bàng, Quốc Tổ Hùng Vương theo truyền thuyết khai mở họ Hồng Bàng là Kinh Dương Lộc Tục con trai Vua Đế Minh (là cháu 3 đời của Vua Thần Nông) làm Vua nước Xích Quỷ (vào khoảng năm 2879 trước Tây Lịch) lấy con gái của Động Đình Quân là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm tức Vua Lạc Long Quân. Vua Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ sinh được 100 người con trai, Vua Lạc Long Quân nói với Âu Cơ:

“Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên ăn ở với nhau không hợp, nay được 100 con, nàng đem 50 đứa lên non, còn ta đem 50 đứa xuống biển Nam Hải”

Rồi phong cho người con trưởng làm Vua lấy tên nước là Văn Lang xưng là Hùng Vương, tức Quốc Tổ của dân tộc Việt Nam ta ngày nay. Họ Hồng Bàng làm Vua được 18 đời đóng đô ở Phong Châu (nay thuộc huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên Bắc Việt) đó là nơi xuất phát đầu tiên của các sắc dân đã kiến tạo ra người Việt Nam, thời ấy Vua Hùng chia nước ra làm 15 bộ và đặt ra phép trị nước lâu dài.

Thời kỳ sơ khai lập quốc chưa có chữ viết chỉ có truyền khẩu, nên sử sách ngày nay không còn ghi lại được nhiều về thời đại họ Hồng Bàng, tuy nhiên trong khoảng thời gian dài 2621 năm đó (từ 2879 TTL đến năm 257 TTL) còn lưu truyền nhiều truyền thuyết như Phù Đổng Thiên Vương, sự tích Trầu Cau, Sơn Tinh - Thủy Tinh, An Tiêm và quả dưa hấu, Bánh Dầy - Bánh Chung, Trương Chi - Mỵ Nương v.v...

Đến đời Hùng Vương thứ 18 (trị vì được 2621 năm) họ Hồng Bàng bị nhà Thục (Thục Phán) cướp ngôi (257 TTL) Thục Phán làm Vua lấy hiệu là An Dương Vương và đặt tên nước là Âu Lạc (tức Âu Cơ - Lạc Long Quân) vì nhớ công ơn đã dày công dựng nước “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ nguồn” và đồng thời lập đền thờ Đức Quốc Tổ Hùng Vương trên núi Ngũ Lĩnh vùng Cổ Tích, làng Hi Cương, huyện Sơn Vi, phủ Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ - Bắc Phần, và hàng năm Mừng Mười tháng Ba (tiết Thanh Minh) đích thân Nhà Vua, triều thần và cả dân chúng đến Tế Lễ, chiêm bái và cũng kể từ ấy ngày Giỗ Đức Quốc Tổ Hùng Vương được xếp vào bát nhất gọi là Quốc Tế (Quốc là Tổ Quốc, Tế là Tế Lễ nghĩa là Tổ Quốc Tế Lễ) và cùng hàng ngàn năm qua trải hội Đền Hùng được tổ chức từ mười ngày đến nửa tháng thật long trọng và vĩ đại.

I. THỜ KÍNH

“CHIM CÓ TỔ NGƯỜI CÓ TÔNG”

Mỗi người trong chúng ta đều do Cha Mẹ sinh ra, và phải có gia đình, và mỗi gia đình đều có dòng họ (gồm có Ông Bà Nội Ngoại, Cha Mẹ, Anh Em, Bác Chú, Cô Dì, Cậu Mợ, Bà Con...) và dòng họ nào cũng có Tổ Tiên (Tổ Tông) đã khai sáng dòng họ mình; Cũng như mỗi một nước (quốc gia) đều có tổ tiên đã dày công dựng nước và giữ nước

như nước Việt Nam ta là Kinh Dương Lộc Tục; Tổ tiên là những vị đã dày công khai sáng đất nước, khai sáng dòng họ và tồn tại đến ngày nay.

Ở thời đại mới, nhất là giới trẻ gốc Việt sống ở các nước phương tây, Âu Mỹ đã quên lãng việc thờ kính tổ tiên, kỵ chạp mà chỉ chú tâm vào việc ăn chơi, hoặc cũng còn chỉ nhớ kỷ niệm này sinh của mình; Thậm chí ngày sinh hoặc ngày tử của Cha Mẹ là người sinh ra mình, mang nặng đẻ đau chín tháng 10 ngày, nuôi nấng dạy dỗ cho đến khi khôn lớn mà còn quên thì làm gì còn biết đến Ông Bà Tổ Tiên là ai mà kính thờ nhan khói, có người khi Cha Mẹ còn sống đã lớn tuổi không còn làm được việc, sợ ở trong nhà gây bất tiện nên đem gửi vào viện dưỡng lão để rảnh rang tổ chức tiệc tùng nhảy nhót, hay ngày nghỉ rủ nhau đi nghỉ mát, chứ Cha Mẹ ở trong nhà vướng bận vì phải lo phục vụ, hoặc có một số rất ít học làm trí thức vung vít đi đâu cũng dạy đời, xem việc cúng tế Tổ Tiên Anh Hùng (chim có Tổ, người có Tông) là bốn phận làm người “Uống Nước Nhớ Nguồn” lại cho là lỗi thời, thường thuyết giáo: nên tổ chức nhảy đầm ăn chơi thì mới tập trung được giới trẻ, qui tụ được mọi người (câu nói này dành cho các bạn trẻ trả lời) v.v... và v.v...

Gẫm cho cùng, chúng ta rất may mắn được Cha Mẹ sinh ra trên cõi đời này, và trên một đất nước trọng nhân nghĩa, tuy Việt Nam là một đất nước nội chiến và ngoại xâm liên miên, nhưng luôn cố giữ gìn phong tục và truyền thống:

“Công Cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Một lòng thờ Mẹ kính Cha

Cho trọn chữ HIẾU mới là đạo con”

TỪ ĐƯỜNG VÀ BÀN THỜ TỔ TIÊN

Bàn Thờ 3 tầng và quang cảnh trước khi tế lễ tưởng niệm Vua Quang Trung

NHÀ TỪ ĐƯỜNG: Mỗi dòng họ đều có Tổ tiên và mỗi gia tộc đều có Từ Đường. Thường thì trong lúc cúng giỗ hay tụ họp nhìn vào thì có thể biết được dòng họ đó nghèo hay giàu, đông con cháu hay ít ỏi bởi lẽ giàu thì tổ chức rình rang, con cháu tụ họp đông thì dòng họ có phước...còn ngược lại thì... Nhà từ đường thường thì nhà của Trưởng Tộc phải khang trang rộng rãi vì đó là nơi thường hay tụ họp của họ hàng như cúng giỗ, hội họp, soạn gia phả, chạp mộ, tế hiệp... Người Trưởng tộc được thừa hưởng ruộng nương, hương hỏa và tài sản của người trước để lại, nếu có sinh ra lợi nhuận thì sung vào việc thờ cúng tông tộc.

BÀN THỜ TỔ TIÊN: Bàn thờ Tổ Tiên đại khái được trần thiết gồm có 3 bàn thờ riêng như sau:

Bàn thờ chính giữa: lớn hơn và cao hơn bàn thờ hai bên, gồm hai hoặc 3 tầng, tầng cao nhất thờ cao tổ là người sáng lập dòng họ tỷ như họ Trần hay họ Lê hay họ Nguyễn... tầng thứ hai là thờ vị Tổ đã khai sáng dòng họ trên vùng đất đang cư ngụ và tầng thấp là đặt bộ tam hay bộ ngũ (bộ tam gồm bài vị ở giữa hai bên là 2 cây đèn cây (đèn sáp) vì ở

các nước châu Á hay làm bằng sáp ong), bộ ngũ gồm ở giữa là một Đình bằng đồng hay thau trên nắp có con lân, lân là biểu tượng của nhà Vua mà cũng là biểu tượng cho sự may mắn an lành nên có tiệc tùng người ta hay múa lân) hai bên có hai đĩa hoa quả và ngoài cùng là 2 cây đèn cầy, ngoài ra còn có xôi chè hay gà vịt đã làm thành thức ăn....

Bàn thờ hai bên: cũng tương tự như bàn thờ giữa nhưng nhỏ hơn và chỉ có một tầng và cách trần thiết cũng tương tự, bàn thờ bên trái thờ người thân bên nội và bàn thờ bên phải thờ người thân bên ngoại...

THỜ KÍNH VÀ THIẾT LẬP GIA PHẢ (Phả Tộc hay Phả Hệ...)

Thờ Ông Bà không phải là tôn giáo mà là một truyền thống, một phong tục tập quán là một bản phân hiện thực của người hiện tại tôn kính và nhớ ơn đối với tiền nhân có thật 100/100 đã dày công sáng lập dòng họ hay dân tộc, bảo vệ và sinh tồn đến hôm nay. Còn tôn giáo là tin vào một đấng linh thiêng mà nhiệm vụ thường không nhìn thấy được.

Ngày xưa có dòng họ ông Tổ là vị khai hoang lập ấp những nơi hoang dã ăn ở lâu dần con cháu sinh sôi nảy nở nguyên làng, nguyên buôn, nguyên tộc nên trong họ lập ra tổ làng hay tổ đình xây dựng một ngôi đình lấy Họ đặt tên đình v.v... và trong đình cũng trần thiết như trong gia đình nhưng có thêm 2 cây long, có liễn, có đối có hoành phi hoặc có sắc Vua ban thưởng...

Có Tổ dòng họ sinh tiền làm Quan được Nhà Vua ban thới cho đất đai, nguyên vùng và con cháu qui tập cày cấy, khi qui tiên (qua đời) được cả họ lập Đình thờ hoặc được Vua sắc phong là thần, hàng năm đến tam kỳ thu tế, cả làng và dòng họ đến giết heo, mổ bò cúng lễ nhan khói linh đình, đãi đằng đến hai hay ba ngày nhiều khi còn thuê cả đoàn hát đến biểu diễn hai ba đêm, hoặc thuê làm cả cây pháo bông cao đến 5 hoặc 10 mét (khoảng từ 20 đến 40 ft) để đốt, pháo nổ hàng tiếng đồng hồ sáng rực cả khuông viên sân đình thật là “rạng rỡ muôn dân, vinh dự cho dòng tộc”. Ngoài việc thờ kính mỗi dòng họ còn có Gia Phả hay Tông Chi tộc họ của mình, cuốn Gia Phả nhằm ghi lại lịch sử khi sinh tiền của từng người con trai “Nhất NAM viết tử”, riêng con gái thì chỉ ghi một đời của người đó cùng người chồng không ghi con cái hoặc cháu chắt vì “Thập Nữ Viết Vô” và Gia Phả được lưu giữ từ đời này đến đời kia và cho hiện tại cũng như mãi mãi về sau. Lịch sử từng cá nhân trong dòng họ ghi rất chi tiết không bỏ sót một người nào gọi là GIA PHẢ; Hàng năm vào ngày Tế Hiệp của dòng tộc người trưởng tộc muốn mở cuốn gia phả để nhật tu, hoặc cá nhân nào muốn tìm hiểu đời nào thì phải lên nhan đèn khăn vái, xong trưởng tộc mới được mở gia phả và có người trong dòng họ đọc và tu sửa. Thường thì người nào viết chữ đẹp hay phụ trách, hoặc người nào tư chất xứng đáng được vinh dự cả họ cử phụ trách, bởi lẽ chữ viết để đời đâu thể nào người không ra gì lại được viết gia phả?!

Vậy mỗi người trong chúng ta ai cũng có Tổ Tiên, Ông Bà Nội Ngoại, Cha Mẹ, Anh

Chị Em...

“Cây có gốc mới nở cành xanh ngọn,
Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu.
Người ta nguồn gốc nhờ đâu?
Có Cha có Mẹ, rồi sau có mình”

Nên làm người phải luôn nhớ thờ kính Tổ Tiên, Cha Mẹ, hàng ngày nên đốt một nén nhang và dành vài phút để tưởng nhớ nếu Ông Bà Cha Mẹ đã mất và tận tâm phục vụ hàng ngày, cùng tỏ lòng hiếu thảo với Ông Bà Cha Mẹ khi còn sống và cùng luôn nhắc nhở con cái luôn giữ gìn gia cách.

II- TẾ LỄ CỔ TRUYỀN:

Hầu hết trong chúng ta ai cũng ít nhiều hiểu về cúng tế tuy nhiên lớp trẻ xa xứ chưa hiểu tại sao phải cúng tế nhất là Tế Đức Quốc Tổ Hùng Vương và các vị Đại Anh Hùng Dân tộc khác, như Hưng Đạo Đại Vương, Đại Đế Quang Trung, Hai Bà Trưng... Đó là trách nhiệm và thể hiện việc Thờ Kính Tổ Tiên của mỗi người trong Cộng đồng người Việt tha hương của chúng ta. Xin lược qua Lịch Sử trong ngày đăng quang của Vua Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã nói “Vật gốc ở Trời, Người gốc ở Tổ” , hoặc tục ngữ Việt có câu: “Chim Có Tổ, người có Tông, Cây có cội, nước có nguồn”, nên chúng ta là con cháu dù ở phương trời nào cũng kính nhớ Tổ Tiên bằng cách Thờ Kính và Tế Lễ là để tán tụng công đức, hạnh độ, giải bày tình nghĩa, tỏ lòng biết ơn và cầu xin sự phù hộ, giúp đỡ của tiền nhân với con cháu hiện tại .

Trong Lễ Tế Cổ Truyền có rất nhiều hình thức như:

Vua Chúa thì tế Trời Đất, để cầu xin phù hộ nước thịnh, dân cường.

Xuất trận thì Tướng sĩ tế cờ, cầu mong được chiến thắng vinh quang,

Đình Miếu thì tế thần linh, xin phù hộ mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt dân chúng yên bình.

Triều thần thì tế Quốc Tổ, Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Hai Bà Trưng và các Vị Thánh nhân, Anh Hùng... để tỏ lòng biết ơn và tôn kính.

Vợ chồng thì tế Ông Tơ Bà Nguyệt, xe tơ duyên thắm hạnh phúc trọn đời...

Những Phẩm Vật trong Lễ Tế theo phong tục Cổ Truyền gồm:

- TAM SINH (sinh vật sống) Trâu, Heo, Dê

- TAM BỬU (Hoa - Rượu - Trà)

- NGŨ HÀNH (Kim - Mộc - Thủy - Hỏa - Thổ)

1. Kim: 1 Thần Kiếm (Thần kiếm tượng trưng cho khai quốc)

2. Thủy: 1 chung nước mặn tượng trưng cho tình thương bao la chan hòa bể cả) 1 chung nước ngọt (tượng trưng nguồn gốc khai nguyên)

3. Mộc: - MAI tượng trưng cho Nam (con trai)

- LAN tượng trưng cho Nữ (con gái)

- CÚC tượng trưng cho con cháu nối dõi tông đường

- TRÚC tượng trưng cho Quân Tử, Anh Hùng, Hào Kiệt

(thỉnh thoảng người viết thấy trong phòng khách của một số gia đình người bạn ở Hoa Kỳ có treo tranh Tứ Quý: Mai - Lan - Cúc - Trúc bằng sơn mài hay cần xà cừ có nguồn gốc từ Việt Nam đem sang)

4. Hỏa: Đèn - Hương

5. Thổ: Lư Hương, Lư Trầm, Trầu, Cau biểu tượng cho sự gắn bó tình nghĩa keo sơn.

BÁNH DẦY: Hình tròn biểu tượng TRỜI - CHA (Thiên Viên)

BÁNH CHUNG: Hình vuông biểu tượng ĐẤT- MẸ (Địa phương)

Thành phần Ban Tế Lễ Cổ Truyền:

Một Chánh tế tượng trưng cho nhất phẩm triều thần mặc áo rộng đỏ mũ đỏ mang hia đỏ, hai hoặc nhiều phó tế tượng trưng chức quan nhị phẩm hoặc quan cận thân mặc áo rộng xanh mũ xanh mang hia xanh, hai người dâng tượng trưng cho quan văn võ tam phẩm triều đình mặc áo rộng xanh đội mũ xanh, lễ sinh không hạn chế nhưng phải đủ cặp tượng trưng các quan trong triều đình cũng mặc áo rộng xanh đội mũ xanh và một vị xướng tế tượng trưng cho quân sư nhà Vua hay thượng thư bộ lễ mặc áo đỏ đội mũ đỏ. Tất cả thành viên trong ban tế đều phải theo các hiệu lệnh của xướng tế mà thực thi các động tác như:

Bài ban (sửa soạn mũ áo chỉnh tề), Ban tề (Vào vị trí bắt đầu tế lễ), Khởi chinh cò (đánh chiêng trống), Nhạc sinh cử nhạc (Ban nhạc tấu nhạc tế), Cử soát tế vật (Kiểm soát lễ vật), Chánh tế viên, dự tế viên tịnh nghệ quán tẩy sở (Chánh tế và phó tế rửa tay trước khi hành lễ), Phó tế viên tựu vị (Phó tế vào vị trí), Chánh tế viên tựu vị (Chánh tế vào vị trí) Nghệ đọc Chúc Vị (Phần đọc văn tế) Nghệ hương án tiền (đến phần dâng hương trước bàn thờ) Thượng hương (Dâng hương), Phủ phục (quỳ xuống lạy), Hưng (đứng dậy), Bình thân phục vị (Về vị trí hành lễ), Bái (vái, lạy), Hành sơ hiến lễ (dâng lễ vật như rượu), Chúc tửu (Rót rượu), Hiến tửu (Dâng rượu), Tiễn tước (xong nhiệm vụ) Âm phước (uống rượu lộc) Hóa Chúc (đốt tờ chúc)... , Lễ tất (Kết thúc buổi lễ).

Sau khi Tế Lễ xong người xướng tế mời tất cả quý vị cao niên, nhân sĩ và đồng bào lên bái lễ trước bàn thờ Tế Lễ.

Vậy Lễ Tế Đức Quốc Tổ Hùng Vương và các vị Đại Anh Hùng Dân tộc với mục đích để tưởng nhớ công ơn lập quốc, giữ nước, sinh tồn tôn tộc. Nói chung Cúng - Tế là một phong tục, một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt, vậy mọi người Việt trong chúng ta nhắc nhở nhau duy trì, giữ gìn, phát huy qua phương tiện truyền thông, truyền hình, báo chí, internet và tổ chức thực hiện ngày cúng hoặc tế lễ hàng năm, ngoài ra còn giải thích, hướng dẫn giới trẻ kế thừa cùng góp phần vì đó là trách nhiệm và bổn phận làm người con dân gốc Việt - Lạc Hồng.

Cù Hòa Phong